

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH  
NHIỀU TÁC GIẢ

**KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC**

**VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM, ĐƯỜNG LỐI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU  
TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM  
VÀO GIẢNG DẠY, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

---

CHÀO MỪNG 35 NĂM NGÀY THÀNH LẬP KHOA GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ (1986 - 2021)

---

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC VINH



## MỤC LỤC

<b>NGUYỄN THÁI SƠN</b> _____	Báo cáo đề dẫn hội thảo khoa học.....	7
<b>NGUYỄN THÁI SƠN - NGUYỄN HỮU LỢI</b> _____	Tầm nhìn, khát vọng và ý chí phát triển đất nước trong thời kỳ mới .....	13
<b>TRẦN QUỐC KHÁNH</b> _____	Những điểm mới về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển con người trong các Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII .....	23
<b>ĐINH THẾ ĐỊNH</b> _____	Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được bổ sung, phát triển và cụ thể hóa trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng.....	27
<b>ĐINH TRUNG THÀNH - PHẠM THỊ THÚY HỒNG</b> _____	Vận dụng quan điểm Đại hội XIII của Đảng về chuyển đổi số nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy ở các trường đại học .....	39
<b>BÙI VĂN DŨNG - PHẠM XUÂN DINH</b> _____	Định hướng tiếp cận các điểm mới trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng và vận dụng vào giảng dạy, nghiên cứu khoa học hiện nay .....	49
<b>TRẦN VIẾT QUANG - NGUYỄN THỊ DIỆP</b> _____	Vận dụng những điểm mới trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng về thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ trong giảng dạy nội dung: công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam .....	55
<b>VŨ THỊ PHƯƠNG LÊ</b> _____	Vận dụng, quán triệt các quan điểm chỉ đạo của Đại hội Đảng XIII vào giảng dạy các môn lý luận chính trị .....	62
<b>NGUYỄN THỊ MỸ HƯƠNG - NGUYỄN VIẾT SƠN</b> _____	Vận dụng những điểm mới trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng về đường lối đối ngoại và hội nhập quốc tế vào giảng dạy chuyên đề: hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.....	69
<b>TRẦN CAO NGUYÊN</b> _____	Cách mạng tháng Tám năm 1945 giá trị lan tỏa quốc tế và ý nghĩa đối với việc khơi dậy khát vọng phát triển đất nước theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.....	76
<b>BÙI THỊ CẦN - NGUYỄN THẾ HÒA</b> _____	Quán triệt xây dựng đảng về đạo đức theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng .....	83
<b>NGUYỄN VĂN THÀNH</b> _____	Vận dụng một số nội dung của Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng vào giảng dạy môn Kinh tế chính trị ..	94
<b>NGUYỄN THỊ HẢI YẾN</b> _____	Một số điểm nhấn nổi bật về chính sách đối ngoại trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam.....	101
<b>ĐINH NGỌC THẮNG</b> _____	Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác phổ biến và giáo dục pháp luật trong tình hình hiện nay .....	108

<b>PHẠM THỊ BÌNH</b> _____	Vai trò của giảng viên trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên hiện nay.....	125
<b>NGUYỄN THẾ HOÀN</b> _____	Vận dụng quan điểm xây dựng đất nước trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng vào thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương .....	131
<b>THÁI DOÁN VIỆT</b> _____	Chủ đề Đại hội XIII của Đảng - Những thành tố chứa đựng tư duy phát triển và định hướng lớn trong thời kỳ mới của đất nước ta.....	140
<b>NGUYỄN VĂN SANG</b> _____	Nghiên cứu, cập nhật quan điểm “Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc” trong Văn kiện Đại hội XIII vào giảng dạy triết học Mác - Lênin hiện nay .....	148
<b>BÙI THỊ HẢO</b> _____	Vận dụng chủ trương “quản lý phát triển xã hội bền vững; đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội” trong Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng vào giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh .....	156
<b>ĐOÀN MINH DUỆ - TRẦN THỊ NGÀ</b> _____	Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn đảng và hệ thống chính trị .....	169
<b>TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG THẢO</b> _____	Một số vấn đề triết học trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng.....	178
<b>NGUYỄN LƯƠNG BẰNG</b> _____	Triết lý trong Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam.....	186
<b>PHAN VĂN TUẤN</b> _____	Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và những vấn đề đặt ra trong giảng dạy lý luận chính trị ở Việt Nam hiện nay .....	193
<b>NGUYỄN THỊ KIM OANH</b> _____	Vận dụng sáng tạo các phương pháp dạy học tích cực trong giảng dạy lý luận chính trị tại trường Chính trị Nghệ An hiện nay .....	203
<b>NGUYỄN THỊ KIM THỊ</b> _____	Những điểm mới trong Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng cần quán triệt, vận dụng vào công tác nghiên cứu, giảng dạy bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh .....	207
<b>PHAN HUY CHÍNH</b> _____	Chủ nghĩa nhân văn Mácxít mối liên hệ mật thiết giữa nguyên tắc kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và những giá trị chung của nhân loại được tiếp thu trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII .....	215
<b>NGUYỄN KHÁNH LY - NGUYỄN THỊ KIM DUNG</b> _____	Tăng cường tính thực tiễn trong giảng dạy môn Triết học Mác - Lênin theo Công văn số 3056/BGDĐT-GDDH của Bộ Giáo dục và Đào tạo .....	219
<b>PHAN THỊ NHUẬN</b> _____	Hợp tác Việt - Nga trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.....	230
<b>LÊ THỊ NAM AN</b> _____	Đổi mới dạy và học các môn lý luận chính trị ở trường Đại học Vinh đáp ứng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng .....	236
<b>NGUYỄN THỊ LỆ HÀ - ĐOÀN THỊ HỒNG LAM</b> _____	Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh vận dụng quan điểm mới của Nghị quyết Đại hội XIII trong công tác tư tưởng.....	242
<b>TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG THẢO</b> _____	Nâng cao hiệu quả đào tạo trực tuyến tại trường Đại học Vinh theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng .....	249

<b>NGUYỄN TRUNG</b> _____	Sử dụng hiệu quả phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Giáo dục công dân cho học sinh các trường phổ thông hiện nay.....	256
<b>NGUYỄN VĂN THIÊN</b> _____	Tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới.....	263
<b>HOÀNG THỊ NGÀ</b> _____	Sử dụng phương pháp dạy học hợp tác nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh môn giáo dục kinh tế và pháp luật.....	270
<b>DƯƠNG VĂN MẠNH - TRẦN THỊ THANH HÀ</b> _____	Vận dụng quan điểm, đường lối Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng vào công tác phát triển Đảng viên đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số .....	279
<b>DƯƠNG THỊ MAI HOA - TRẦN THỊ HẠNH</b> _____	Phân tích những nội dung mới của Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng trong quá trình giảng dạy học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam .....	289
<b>NGÔ BÁ KHIÊM</b> _____	Nâng cao chất lượng học tập môn Lý luận chính trị theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng từ thực tiễn trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh .....	296
<b>NGUYỄN VĂN TRUNG</b> _____	Một số nội dung cơ bản của Đại hội XIII trong giảng dạy học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cho sinh viên.....	307
<b>THÁI BÌNH DƯƠNG - ĐOÀN THỊ HỒNG LAM</b> _____	Nhiệm vụ của giảng viên trong vận dụng quan điểm Đại hội lần thứ XIII của Đảng vào giảng dạy Tư tưởng Hồ Chí Minh cho sinh viên trường Đại học Vinh.....	315
<b>LÊ THỊ THU HÀ - TRẦN THỊ ÁI ĐỨC</b> _____	Sử dụng một số kỹ thuật dạy học tích cực trong môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông .....	319
<b>LÊ THỊ HƯƠNG QUÊ</b> _____	Tăng cường nâng cao giáo dục chính trị, tư tưởng cho sinh viên thông qua các môn lý luận chính trị.....	326
<b>NGÔ VĂN THANH</b> _____	Ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.....	333
<b>NGUYỄN THỊ KIM CHI</b> _____	Sử dụng phương pháp dạy học giải quyết vấn đề nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh môn giáo dục công dân.....	341
<b>NGUYỄN ĐỨC TÀI</b> _____	Các đột phá chiến lược trong Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng .....	347
<b>NGUYỄN THỊ KIM THỊ</b> _____	Xây dựng bài tập phát triển năng lực trong dạy học môn giáo dục kinh tế và pháp luật .....	354
<b>NGUYỄN THỊ LÊ VINH</b> _____	Vận dụng những dự báo tình hình thế giới của Đảng Cộng sản Việt Nam trong Đại hội XIII vào giảng dạy học phần Quan hệ chính trị quốc tế cho sinh viên chuyên ngành Chính trị học .....	360
<b>NGUYỄN VĂN ĐIỀU</b> _____	Vận dụng nội dung bài viết của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” vào nghiên cứu, giảng dạy lý luận chính trị .....	364
<b>NGUYỄN VĂN ĐẠI</b> _____	Tư duy về đào tạo cử nhân luật thực trạng và tiếp tục đổi mới từ thực tiễn trường Đại học Vinh.....	373

<b>VÕ VĂN CẨM - NGUYỄN THỊ THƯƠNG</b> _____	Nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng vào giảng dạy môn Giáo dục chính trị trình độ cao đẳng, trung cấp giáo dục nghề nghiệp .....	381
<b>NGUYỄN HOÀI SANH - ĐƯỜNG THẾ ANH</b> _____	Giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục tư tưởng chính trị cho sinh viên.....	387
<b>NGUYỄN LINH PHONG</b> _____	Vận dụng những điểm mới trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 của Đảng vào giảng dạy các môn lý luận chính trị tại trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh .....	394
<b>NGUYỄN HỒ THANH</b> _____	Quán triệt quan điểm Đại hội lần thứ XIII của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế.....	403
<b>NGUYỄN THỊ KIÊN</b> _____	Đề môn học chính trị trở nên hấp dẫn .....	415
<b>PHẠM THỊ LAN HƯƠNG</b> _____	Quán triệt Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng vào giảng dạy phần chủ nghĩa duy vật lịch sử trong môn Triết học Mác - Lênin.....	420
<b>NGUYỄN VĂN TÀI</b> _____	Đại hội XIII của Đảng với việc đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực miền núi, vùng dân tộc thiểu số .....	427
<b>NGUYỄN THỊ BÍCH HẰNG</b> _____	Một vài suy nghĩ về đổi mới phương pháp dạy và học môn Triết học cho sinh viên trong bối cảnh hiện nay .....	435
<b>HOÀNG THỊ ANH</b> _____	Xác định mục tiêu kế hoạch bài dạy môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật.....	442
<b>NGUYỄN ĐÌNH THẮNG</b> _____	Nhận thức và tư duy mới về quốc phòng an ninh, bảo vệ tổ quốc trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và vận dụng vào nâng cao chất lượng giáo dục quốc phòng, an ninh ở trường Đại học Vinh giai đoạn hiện nay .....	456
<b>LÊ THỊ THẨM</b> _____	Đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Đạo đức ở bậc tiểu học đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông 2018.....	466
<b>NGUYỄN CÔNG AN</b> _____	Vận dụng kiến thức xây dựng nhà nước pháp quyền Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại Đại hội XIII của Đảng trong công tác giảng dạy .....	475
<b>LÊ THỊ LAN ANH</b> _____	Một số điểm mới nổi bật trong các Văn kiện Đại hội XIII của Đảng.....	485
<b>NGUYỄN THỦY TIÊN</b> _____	Ảnh hưởng cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến việc tạo ra giá trị cốt lõi cho công dân học tập đáp ứng nhu cầu phát triển xã hội hiện nay .....	497
<b>NGUYỄN THỊ HÀ TÂN</b> _____	Huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh đưa Nghị quyết Đại hội Đảng vào cuộc sống.....	504

## DANH SÁCH BAN TỔ CHỨC

**Hội thảo khoa học “Vận dụng quan điểm, đường lối Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng vào giảng dạy, nghiên cứu khoa học ở Trường Đại học Vinh”**

TT	Họ và tên	Đơn vị	Trách nhiệm
1	PGS.TS. Nguyễn Thái Sơn	Khoa Giáo dục Chính trị Trường Sư phạm	Trưởng ban
2	TS. Trần Cao Nguyên	Khoa Giáo dục Chính trị Trường Sư phạm	Phó Trưởng ban
3	TS. Bùi Thị Cần	Khoa Giáo dục Chính trị Trường Sư phạm	Phó Trưởng ban
4	TS. Nguyễn Văn Sang	Khoa Giáo dục Chính trị Trường Sư phạm	Ủy viên
5	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa Giáo dục Chính trị Trường Sư phạm	Ủy viên
6	ThS. Nguyễn Thị Mỹ Hương	Khoa Giáo dục Chính trị Trường Sư phạm	Ủy viên
7	ThS. Hoàng Thị Nga	Khoa Giáo dục Chính trị Trường Sư phạm	Ủy viên
8	ThS. Nguyễn Thị Diệp	Khoa Giáo dục Chính trị Trường Sư phạm	Ủy viên
9	ThS. Lê Thị Nam An	Khoa Giáo dục Chính trị Trường Sư phạm	Ủy viên
10	ThS. Phan Huy Chính	Khoa Giáo dục Chính trị Trường Sư phạm	Ủy viên

*(Danh sách gồm 10 thành viên)*

## DANH SÁCH BAN CHƯƠNG TRÌNH

Hội thảo khoa học “Vận dụng quan điểm, đường lối Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng vào giảng dạy, nghiên cứu khoa học ở Trường Đại học Vinh”

TT	Họ và tên	Đơn vị	Trách nhiệm
1	PGS.TS. Nguyễn Thái Sơn	Khoa Giáo dục Chính trị Trường Sư phạm	Trưởng ban
2	TS. Trần Cao Nguyên	Khoa Giáo dục Chính trị Trường Sư phạm	Phó Trưởng ban
3	TS. Bùi Thị Cần	Khoa Giáo dục Chính trị Trường Sư phạm	Phó Trưởng ban
4	TS. Nguyễn Văn Sang	Khoa Giáo dục Chính trị Trường Sư phạm	Ủy viên
5	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa Giáo dục Chính trị Trường Sư phạm	Ủy viên
6	ThS. Nguyễn Thị Mỹ Hương	Khoa Giáo dục Chính trị Trường Sư phạm	Ủy viên
7	ThS. Hoàng Thị Nga	Khoa Giáo dục Chính trị Trường Sư phạm	Ủy viên
8	ThS. Nguyễn Thị Diệp	Khoa Giáo dục Chính trị Trường Sư phạm	Ủy viên
9	ThS. Lê Thị Nam An	Khoa Giáo dục Chính trị Trường Sư phạm	Ủy viên
10	ThS. Phan Huy Chính	Khoa Giáo dục Chính trị Trường Sư phạm	Ủy viên
11	ThS. Dương Thị Mai Hoa	Khoa Giáo dục Chính trị Trường Sư phạm	Ủy viên

(Danh sách gồm 11 thành viên)



## DANH SÁCH BAN THƯ KÝ

Hội thảo khoa học “Vận dụng quan điểm, đường lối Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng vào giảng dạy, nghiên cứu khoa học ở Trường Đại học Vinh”

TT	Họ và tên	Đơn vị	Trách nhiệm
1	TS. Trần Cao Nguyên	Khoa Giáo dục Chính trị Trường Sư phạm	Trưởng ban
2	ThS. Dương Thị Mai Hoa	Khoa Giáo dục Chính trị Trường Sư phạm	Phó Trưởng ban
3	ThS. Nguyễn Thị Kim Thi	Khoa Giáo dục Chính trị Trường Sư phạm	Ủy viên
4	ThS. Nguyễn Thị Kim Chi	Khoa Giáo dục Chính trị Trường Sư phạm	Ủy viên
5	ThS. Phan Huy Chính	Khoa Giáo dục Chính trị Trường Sư phạm	Ủy viên
6	ThS. Lê Thị Nam An	Khoa Giáo dục Chính trị Trường Sư phạm	Ủy viên

*(Danh sách gồm 11 thành viên)*

## BAN BIÊN SOẠN

### **Trưởng Ban**

PGS.TS. NGUYỄN THÁI SƠN  
*Trưởng khoa Giáo dục Chính trị*

### **Phó trưởng Ban**

TS. TRẦN CAO NGUYỄN

### **Thư ký**

TS. BÙI THỊ CẦN  
ThS. NGUYỄN THỊ DIỆP  
ThS. NGUYỄN THỊ MỸ HƯƠNG  
ThS. HOÀNG THỊ NGA  
TS. NGUYỄN VĂN SANG  
ThS. NGUYỄN THỊ KIM THỊ  
TS. NGUYỄN THỊ HẢI YẾN

# BÁO CÁO ĐỀ DẪN HỘI THẢO KHOA HỌC

**PGS.TS. Nguyễn Thái Sơn<sup>[1]</sup>**

*Kính thưa quý vị đại biểu! Các vị khách quý!*

*Kính thưa toàn thể các thầy, cô giáo, các bạn học viên, sinh viên Khoa GDCT!*

Chào mừng sự thành công của Đại hội Đại biểu lần thứ XIII của Đảng, chào mừng 35 năm ngày thành lập Khoa Giáo dục Chính trị (1986 - 2021) và hướng tới Ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11-2021; được sự cho phép của Đảng ủy, BGH Trường Đại học Vinh, Trường Sư phạm thuộc trường Đại học Vinh, hôm nay khoa GDCT long trọng tổ chức Hội thảo **“Vận dụng quan điểm, đường lối Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam vào giảng dạy, nghiên cứu khoa học”**.

Thay mặt đơn vị tổ chức, tôi xin được gửi tới quý vị đại biểu, các thầy, cô giáo, học viên cao học và các bạn sinh viên lời chào nồng nhiệt, chúc toàn thể quý vị sức khỏe, hạnh phúc!

*Kính thưa quý vị đại biểu, các thầy cô giáo, các bạn học viên, sinh viên thân mến!*

Một dân tộc muốn đứng trên đỉnh cao của thời đại, dân tộc đó phải có khát vọng và ý chí vươn lên mãnh liệt. Một đất nước muốn trở nên hùng mạnh, trường tồn, đất nước đó phải được lãnh đạo bởi những cá nhân ưu tú và tập thể tiến bộ. Thật may mắn cho chúng ta, trong những thập niên đầu của thế kỷ 21, chúng ta đã hội đủ những điều kiện cần để đưa đất nước, đưa dân tộc vươn lên một tầm cao mới. Điều đó đã được chứng minh và khẳng định bằng những kết quả rực rỡ, bằng những thành công ngoài mong đợi của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam.

---

1 Trưởng khoa Giáo dục Chính trị - Trường Đại học Vinh

Sự thành công và những kết quả của Đại hội XIII được thể hiện cụ thể bằng những văn kiện được thông qua tại Đại hội. Đây chính là sự kết tinh trí tuệ, ý chí, nguyện vọng của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta, là sự tổng kết sâu sắc lý luận và thực tiễn sau 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020. Các văn kiện Đại hội đã khẳng định quan điểm, đường lối đổi mới, có giá trị định hướng và chỉ đạo sâu sắc toàn bộ các hoạt động của Đảng, Nhà nước để phát triển đất nước nhanh, bền vững trong giai đoạn mới, thể hiện rõ nét tầm nhìn, khát vọng, ý chí xây dựng đất nước của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta trong thế kỷ 21.

Với chủ đề: “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”, chúng ta có thể khẳng định rằng Đại hội XIII có trọng trách vinh quang và sứ mệnh lịch sử to lớn, đây là đại hội định hướng cho tương lai của cả dân tộc. Đại hội không chỉ xác định mục tiêu, nhiệm vụ cho giai đoạn 2021 - 2025 mà còn chỉ ra những mục tiêu, nhiệm vụ cho cả một chặng đường dài phía trước, phấn đấu đưa nước ta trở thành nước phát triển, thu nhập cao năm 2045. Có thể khẳng định chắc chắn rằng đây là Đại hội có tầm vóc lịch sử và ý nghĩa lớn lao. Chúng ta có thể gọi đây là Đại hội của niềm tin và hy vọng, Đại hội của ý Đảng - lòng Dân, Đại hội của tầm nhìn, khát vọng và ý chí xây dựng, phát triển đất nước trong thời kỳ mới.

*Kính thưa quý vị đại biểu, các thầy cô giáo, các bạn học viên, sinh viên thân mến!*

Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định: “Tiếp tục đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, trọng tâm là hiện đại hóa giáo dục, nâng cao chất lượng đào tạo để đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế sâu, rộng”. Bối cảnh quốc tế và sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước hiện nay vừa tạo thời cơ lớn, vừa đặt ra những thách thức không nhỏ cho nền giáo dục nước nhà. Bối cảnh đó đặt ra yêu cầu cần đổi mới một cách căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng phát triển năng lực người học, lấy người học làm trung tâm.

Trong quá trình đổi mới, cần kế thừa, phát huy những thành tựu, phát triển những nhân tố mới, tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của thế giới; kiên quyết chấn chỉnh những nhận thức, việc làm lệch lạc. Đổi mới phải bảo đảm tính

hệ thống, tầm nhìn dài hạn, phù hợp với từng loại đối tượng và cấp học; các giải pháp phải đồng bộ, khả thi, có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình, bước đi phù hợp”.

Chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục hiện nay là việc làm hết sức cần thiết, đúng đắn, đang được chú trọng. Do đó, việc giảng dạy, học tập các môn *Lý luận chính trị, khoa học Mác - Lê nin* ở các trường đại học, cao đẳng cũng không nằm ngoài xu thế chung. Có thể khẳng định rằng việc giảng dạy, học tập các môn *Lý luận chính trị, khoa học Mác - Lê nin* hiện nay có vai trò, tầm quan trọng to lớn, không chỉ đặt ra yêu cầu trang bị cho sinh viên về mặt kiến thức mà còn góp phần hình thành, bồi dưỡng cho họ thế giới quan và phương pháp luận khoa học, định hướng suy nghĩ, hành động và hoàn thiện nhân cách; giúp họ có năng lực định hướng, giải quyết các vấn đề trong hoạt động thực tiễn, xác định niềm tin vững chắc vào mục tiêu lí tưởng, vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và Nhà nước ta, có lối sống tích cực, có hoài bão, ý chí vươn lên để trở thành người có ích cho xã hội. Chính vì vậy, Hội thảo khoa học của khoa GDCT lần này ý nghĩa thiết thực cả về mặt lý luận và thực tiễn. Việc vận dụng quan điểm, chủ trương, đường lối của Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng vào giảng dạy, nghiên cứu khoa học, đặc biệt là trong lĩnh vực nghiên cứu, giảng dạy các môn Lý luận Chính trị tại trường Đại học Vinh có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sự tồn tại, phát triển của khoa GDCT.

*Kính thưa quý vị đại biểu, các thầy cô giáo, các bạn học viên, sinh viên thân mến!*

Ngày 28 tháng 9 năm 1985, Bộ Giáo dục đã ký Quyết định số 1117/QĐ-BGD về việc thành lập khoa Giáo dục Chính trị thuộc Trường Đại học Sư phạm Vinh. Tháng 10 năm 1986, Trường Đại học Sư phạm Vinh giao nhiệm vụ đào tạo khóa học đầu tiên chuyên ngành đào tạo giáo viên Giáo dục Công dân năm học 1986-1987 cho khoa Giáo dục Chính trị.

Từ bộ môn Mác-Lênin đến khoa Giáo dục Chính trị vững mạnh hôm nay là kết quả phấn đấu bền bỉ, liên tục, sáng tạo và đầy bản lĩnh của các thế hệ lãnh đạo, thầy cô giáo, cán bộ, học viên, sinh viên của Khoa trong suốt 35 năm qua.

35 năm qua là một hành trình đầy gian khó nhưng cũng thật tự hào của các thế hệ Thầy, Trò khoa Giáo dục Chính trị. Mỗi bước đi của Khoa gắn với quá trình phát triển của nhà trường, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực cho đất nước.

Trong số ba trường đại học thuộc trường Đại học Vinh hiện nay thì có hai trường được thành lập với đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên cốt cán ban đầu được hình thành từ khoa Giáo dục Chính trị, đó là: Trường Kinh tế và Trường Khoa học Xã hội & Nhân văn.

Để tồn tại và phát triển trong bối cảnh đất nước chuyển sang nền kinh tế thị trường, có thể nói, *bước ngoặt lần thứ nhất* của trường Đại học Vinh là năm 1990,

chuyển từ một trường đại học đơn ngành sang đa ngành, khoa Giáo dục Chính trị cũng đã nhanh chóng bắt kịp sự chuyển động đó của Nhà trường. Cụ thể: bên cạnh ngành truyền thống là Sư phạm GDCT, Khoa còn lần lượt đào tạo các mã ngành: Cử nhân Chính trị - Luật (năm 2005); Thạc sỹ Lý luận và Phương pháp dạy học GDCT (năm 2006); Cử nhân Chính trị học (năm 2011); Thạc sỹ Chính trị học (năm 2012) và Tiến sỹ Chính trị học (năm 2016).

Về chất lượng đội ngũ, hiện nay hầu hết giảng viên của Khoa là Tiến sỹ và Thạc sỹ - Nghiên cứu sinh, trong đó có 7 giảng viên đã được phong PGS.

Về công tác nghiên cứu khoa học, trong 35 năm qua, hơn 40 giáo trình được xuất bản; hơn 350 bài báo được đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước; hơn 30 đề tài NCKH cấp Bộ và cấp Tỉnh đã được thực hiện; Sinh viên của Khoa cũng đã được Bộ GD&ĐT trao tặng 2 giải Nhì, 1 giải Ba, 6 giải Khuyến khích về NCKH.

Trong suốt 35 năm qua, hàng nghìn học viên, sinh viên của Khoa sau khi ra trường đã đáp ứng nhu cầu nhân lực trong nước và nước bạn Lào trên nhiều lĩnh vực. Các thế hệ học viên, sinh viên của Khoa đã nỗ lực không ngừng, gặt hái được nhiều thành công, trở thành cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh, huyện; cán bộ quản lý các trường đại học, cao đẳng, trường Chính trị; nhà giáo ưu tú; sỹ quan quân đội; quản lý các doanh nghiệp kinh tế tư nhân ... Nhờ đó, truyền thống của Khoa thêm rạng rỡ!

Về Khen thưởng bậc cao: Khoa đã đạt 3 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 4 Bằng khen của Chủ tịch UBND Tỉnh; 4 Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Sự thành công của Khoa trong 35 năm qua là kết quả của sự lãnh đạo, định hướng đúng đắn, sát sao của Nhà trường; sự hợp tác chặt chẽ của các địa phương và các cơ sở đào tạo trên cả nước; sự nỗ lực bền bỉ và sáng tạo không ngừng của các thế hệ Thầy và Trò. Thay mặt tất cả những cán bộ, giảng viên, các học viên, sinh viên đang học tập, công tác tại khoa GDCT, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn những cống hiến, hy sinh, những nỗ lực đóng góp không ngừng nghỉ của các thế hệ thầy trò khoa GDCT để tạo lập được những thành tích vẻ vang đó. Xin được tri ân vì tất cả!

*Kính thưa quý vị đại biểu, các thầy cô giáo, các bạn học viên, sinh viên thân mến!*

Hiện nay, trường Đại học Vinh nằm trong top 10 trường có cơ sở vật chất hiện đại; 1 trong 8 trung tâm đào tạo, bồi dưỡng sư phạm và quản lý giáo dục; 1 trong 5 trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục; 1 trong 10 trường thực hiện Đề án Ngoại ngữ quốc gia... Trước yêu cầu hội nhập để phát triển toàn diện của đất nước, Trường ĐH Vinh đang chuyển mình mạnh mẽ để thực hiện *bước ngoặt lần thứ hai*: Áp dụng công nghệ, đổi mới phương thức dạy - học; tăng cường hợp tác, hội nhập, phát triển, hướng tới *Tầm nhìn*: "Trở thành Đại học trọng điểm quốc gia, thành viên của

mạng lưới các trường đại học ASEAN”, trên cơ sở các *Giá trị cốt lõi*: “Trung thực - Trách nhiệm - Say mê - Sáng tạo - Hợp tác” và *Triết lý giáo dục*: “Hợp tác - Sáng tạo”.

Trong bước chuyển đổi của Nhà trường, Khoa Giáo dục Chính trị có nhiệm vụ giảng dạy các môn lý luận chính trị; góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh chống các thế lực thù địch, các luận điệu sai trái; giáo dục lập trường tư tưởng, chính trị cho sinh viên; đào tạo giáo viên GDCT bậc ĐH và sau ĐH; bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ giáo viên GDCT; đào tạo thạc sỹ chuyên ngành LL&PPDHCBMCT. Chặng đường phía trước của Khoa có nhiều cơ hội nhưng cũng đầy khó khăn thách thức.

Trong bối cảnh đó, Hội thảo khoa học *“Vận dụng quan điểm, đường lối Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng vào giảng dạy, nghiên cứu khoa học ở trường Đại học Vinh”* có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm thắp sáng ngọn lửa truyền thống, kết nối các thế hệ, kết nối nghĩa thầy trò, tình bè bạn; ghi nhớ và phát huy các giá trị, công lao của các thế hệ đi trước, bồi dưỡng lòng tự hào, niềm tin, tình yêu của các thế hệ tiếp nối; Thay mặt toàn thể cán bộ, giảng viên, sinh viên khoa GDCT, tôi nhiệt liệt hoan nghênh và trân trọng cảm ơn sự có mặt, tham gia Hội thảo khoa học có ý nghĩa đặc biệt quan trọng cũng như lễ kỷ niệm chào mừng 35 năm thành lập khoa GDCT của quý vị đại biểu, các vị khách quý, các thầy cô giáo và các bạn cựu học viên, sinh viên khoa GDCT.

Tôi ghi nhận, đánh giá cao và trân trọng cảm ơn các cơ quan khoa học, các nhà khoa học từ đến từ các trường đại học, các trung tâm nghiên cứu, các ban, ngành trong cả nước cũng như các sở, các cơ quan, ban ngành, các địa phương ở các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa đã rất quan tâm đến Khoa Giáo dục Chính trị - trường Đại học Vinh thông qua sự tích cực nghiên cứu, viết bài và tham gia Hội thảo.

Thay mặt tập thể cán bộ, giảng viên, các thế hệ sinh viên Khoa GDCT, tôi cũng chân thành bày tỏ lòng cảm ơn tới Đảng ủy, Ban Giám Hiệu, Hội đồng Trường Đại học Vinh, trường Sư Phạm thuộc trường Đại học Vinh cùng các phòng ban chức năng: Phòng Hành chính Tổng hợp, Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Phòng Kế hoạch Tài chính, Nhà xuất bản Đại học Vinh trong suốt thời gian qua đã tạo điều kiện tốt nhất để Khoa GDCT tổ chức tốt Hội thảo khoa học chào mừng 35 năm thành lập Khoa.

Tôi chân thành cảm ơn các cơ quan thông tấn, báo chí đã tới tham gia và đưa tin về Hội thảo.

Một lần nữa thay mặt Ban Tổ chức, tôi xin được kính chúc các nhà khoa học và tất cả các quý vị đại biểu dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt! Chúc Hội thảo của chúng ta thành công tốt đẹp!





# TÂM NHÌN, KHÁT VỌNG VÀ Ý CHÍ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC TRONG THỜI KỲ MỚI

PGS.TS. Nguyễn Thái Sơn<sup>[1]</sup> - ThS. Nguyễn Hữu Lợi<sup>[2]</sup>

**Tóm tắt:** Đại hội XIII của Đảng có tầm vóc lịch sử và ý nghĩa lớn lao. Đại hội đã xác định tầm nhìn xa, rộng, đúng đắn, khoa học cho dân tộc ta tiến lên cùng thời đại. Đại hội đã khơi dậy khát vọng, ý chí quyết tâm xây dựng, phát triển đất nước phồn vinh. Tầm nhìn, khát vọng, ý chí đó được thể hiện xuyên suốt toàn bộ các văn kiện đã được trình bày và thông qua tại Đại hội, trong đó nổi bật là chủ đề Đại hội, mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể cũng như sáu nhiệm vụ trọng tâm và ba đột phá chiến lược.

**Từ khóa:** Đại hội XIII; Tầm nhìn; Khát vọng; Ý chí.

## 1. Đặt vấn đề

Một dân tộc muốn đứng trên đỉnh cao của thời đại, dân tộc đó phải có khát vọng và ý chí vươn lên mãnh liệt. Một đất nước muốn trở nên hùng mạnh, trường tồn, đất nước đó phải được lãnh đạo bởi những cá nhân ưu tú và tập thể tiên bộ. Thật may mắn cho chúng ta, trong những thập niên đầu của thế kỷ XXI, chúng ta đã hội đủ những điều kiện cần để đưa đất nước, đưa dân tộc vươn lên một tầm cao mới. Điều đó đã được chứng minh và khẳng định bằng những kết quả rực rỡ, bằng những thành công ngoài mong đợi của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Sự thành công và những kết quả của Đại hội XIII được thể hiện cụ thể bằng những văn kiện được thông qua tại Đại hội. Đây chính là sự kết tinh trí tuệ, ý chí, nguyện vọng của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta, là sự tổng kết sâu sắc lý luận

---

1 Trưởng Khoa Giáo dục Chính trị - Trường Đại học Vinh

2 Bí thư Thị ủy thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang

và thực tiễn sau 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020. Các văn kiện Đại hội đã khẳng định quan điểm, đường lối đổi mới, có giá trị định hướng và chỉ đạo sâu sắc toàn bộ các hoạt động của Đảng, Nhà nước để phát triển đất nước nhanh, bền vững trong giai đoạn mới, thể hiện rõ nét tầm nhìn, khát vọng, ý chí xây dựng đất nước của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta trong thế kỷ XXI.

Từ đó, chúng ta có thể khẳng định rằng Đại hội XIII có trọng trách vinh quang và sứ mệnh lịch sử to lớn, đây là đại hội định hướng cho tương lai của cả dân tộc. Đại hội không chỉ xác định mục tiêu, nhiệm vụ cho giai đoạn 2021 - 2025 mà còn chỉ ra những mục tiêu, nhiệm vụ cho cả một chặng đường dài phía trước, phấn đấu đưa nước ta trở thành nước phát triển, thu nhập cao năm 2045. Có thể khẳng định chắc chắn rằng đây là Đại hội có tầm vóc lịch sử và ý nghĩa lớn lao. Chúng ta có thể gọi đây là Đại hội của niềm tin và hy vọng, Đại hội của ý Đảng - lòng Dân, Đại hội của tầm nhìn, khát vọng và ý chí xây dựng, phát triển đất nước trong thời kỳ mới.

## **2. Tầm nhìn và khát vọng**

Một trong những yêu cầu quan trọng hàng đầu về năng lực, phẩm chất của một cá nhân lãnh đạo hay của một đảng chính trị, đặc biệt là đảng cầm quyền, đó là phải có tầm nhìn xa, trông rộng, không chỉ bao quát những mục tiêu cụ thể, trước mắt mà còn thấy được cả những mục tiêu chiến lược lâu dài. Tầm nhìn không chỉ thể hiện tầm vóc trí tuệ mà còn chứa đựng lý tưởng phấn đấu, thể hiện bản chất tốt đẹp, tính ưu việt của hệ thống chính trị. Tầm nhìn còn chứa đựng khát vọng, ý chí vươn tới, thể hiện những mục tiêu cần đạt được, là cơ sở để xác định nhiệm vụ, giải pháp thực hiện. Một đảng lãnh đạo không có tầm nhìn sâu rộng, không sớm thì muộn, đảng đó sẽ thất bại. Một dân tộc không có tầm nhìn xa, dân tộc đó không thể trường tồn. Tầm nhìn có vai trò vô cùng quan trọng, nó là yếu tố cốt lõi khẳng định tầm vóc và trí tuệ không chỉ của cá nhân mà còn của cả một tập thể, một đất nước, một dân tộc.

Đối với nước ta, tầm nhìn của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng là tầm nhìn chung của cả quốc gia, dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam cũng như của liên minh công nông và đội ngũ trí thức. Đảng đại diện cho lợi ích chung của toàn thể nhân dân, toàn thể dân tộc. Đảng có sứ mệnh lãnh đạo, cầm quyền để hoàn thành mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, để xây dựng một xã hội mới thực sự công bằng, dân chủ, văn minh, dân giàu, nước mạnh, khác hẳn về chất so với tất cả các chế độ xã hội trước đây. Do đó, tầm nhìn, khát vọng của Đảng cũng là tầm nhìn, khát vọng chung của đất nước, của dân tộc và đó cũng là cơ sở để thống nhất tư tưởng, đoàn kết không chỉ trong Đảng mà còn là cơ sở để tập hợp, đoàn kết, cổ vũ, động viên mạnh mẽ các

tầng lớp nhân dân, các lực lượng xã hội phát huy sức mạnh to lớn của toàn dân tộc vượt qua mọi khó khăn, thử thách, gian khổ, hy sinh để thực hiện những mục tiêu, lý tưởng cao đẹp mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã vạch ra.

Tầm nhìn mới mẻ, khoa học, đúng đắn, mang ý nghĩa chiến lược, thể hiện tầm vóc trí tuệ lớn lao, sâu sắc của Đại hội XIII, theo chúng tôi, trước hết được thể hiện rất rõ ràng ở chủ đề của Đại hội, đó là: “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”<sup>[1]</sup>.

Có thể khẳng định rằng sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng trong suốt 90 năm qua. Sự lãnh đạo đó cũng là yếu tố then chốt tạo nên những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của đất nước trong 35 năm đổi mới. Do đó sự lãnh đạo này cũng sẽ là yếu tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta trong những năm tới. Tuy nhiên, muốn hoàn thành trọng trách lịch sử và sứ mệnh vinh quang này, trong thời gian trước mắt và lâu dài, chúng ta phải đẩy mạnh, tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Đảng không thể hoàn thành trọng trách của mình khi vẫn còn một bộ phận cán bộ, đảng viên bị suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” dẫn đến quan liêu, tham nhũng, lãng phí, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân... làm ảnh hưởng xấu đến sự ổn định, phát triển đất nước, uy tín của Đảng, Nhà nước, đe dọa sự tồn vong của chế độ. Do đó, công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh được Đảng hết sức quan tâm. Tầm nhìn Đại hội XIII bên cạnh nhấn mạnh nội dung này đã bổ sung nội dung xây dựng đi đôi với chỉnh đốn. Không chỉ có xây dựng, chỉnh đốn Đảng mà còn đặt ra mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn hệ thống chính trị, làm cho toàn bộ hệ thống trở nên thực sự trong sạch, vững mạnh. Đây là điểm mới cốt lõi trong tầm nhìn của Đại hội XIII đối với vai trò lãnh đạo, bản chất trong sạch của Đảng nói riêng và của hệ thống chính trị nói chung. Bên cạnh Đảng thì chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể xã hội cũng có vai trò đặc biệt quan trọng, hết sức lớn lao và không thể thay thế trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Do đó công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng không thể tách rời công cuộc xây dựng, chỉnh đốn toàn thể hệ thống chính trị nói chung. Với tầm nhìn này, chúng ta hy vọng và tin tưởng rằng trong nhiệm kỳ mới,

---

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Tập 1*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr.57.

chúng ta sẽ có một bộ máy, một hệ thống chính trị vững mạnh, trong sạch, đủ tâm, đủ tầm, đáp ứng mọi yêu cầu nhiệm vụ lãnh đạo đất nước, lãnh đạo dân tộc trong bối cảnh diễn biến khu vực và quốc tế đang ngày càng trở nên phức tạp.

Như phần trên chúng tôi đã đề cập, một dân tộc, một Đảng lãnh đạo không có khát vọng sẽ không thể trường tồn, không thể vươn lên. Do đó, cùng với sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, trong mọi giai đoạn cách mạng, khát vọng phát triển đất nước cùng với khối đại đoàn kết toàn dân tộc luôn luôn là nguồn sức mạnh to lớn để chúng ta vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đạt được những thắng lợi vẻ vang. Bởi vậy, “phát huy sức mạnh toàn dân tộc” luôn là một nội dung quan trọng trong đường lối của Đảng, được nêu trong tiêu đề Báo cáo chính trị của nhiều Đại hội. Báo cáo chính trị Đại hội XIII tiếp tục đưa nội dung “phát huy sức mạnh toàn dân tộc” và bổ sung “khát vọng phát triển đất nước” vào tiêu đề: “...Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại...”<sup>[1]</sup>. Đây là điểm mới, cũng là tầm nhìn mới, vừa sâu sắc, vừa cụ thể, thiết thực. Việc khơi dậy khát vọng nồng nàn xây dựng, phát triển đất nước đồng nghĩa với việc thổi một luồng gió mới vào tình yêu Tổ quốc thiết tha, mãnh liệt trong trái tim mỗi một người dân Việt Nam. Ngày nay, trong thời đại toàn cầu hóa, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia; nước ta đã hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng, toàn diện, ảnh hưởng và tác động quốc tế đối với nước ta ngày càng lớn, nhanh chóng và trực tiếp. Xu thế của thời đại, luật pháp, các quan hệ quốc tế, sự hợp tác, ủng hộ của các nước, cộng đồng quốc tế là nguồn sức mạnh to lớn để đất nước ta nắm bắt thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức giữ vững độc lập, chủ quyền, giữ vững môi trường hòa bình ổn định, phát triển nhanh, bền vững. Do đó, việc đưa nội dung khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh của thời đại” vào tiêu đề Báo cáo chính trị Đại hội XIII là cần thiết, đúng đắn, có ý nghĩa quan trọng, thể hiện tầm nhìn mới, lớn lao, sâu sắc, toàn diện.

Thực tiễn bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, đất nước ta đã cho thấy tinh thần, ý chí, khát vọng của một dân tộc là một sức mạnh to lớn. Chính ý chí, khát vọng cháy bỏng phải giành, bảo vệ cho được độc lập, tự do, thống nhất đất nước đã tạo nên sức mạnh thần kỳ để nước ta chiến thắng những kẻ thù hùng mạnh nhất của thời đại. Ngày nay, bên cạnh những khó khăn, thách thức, đất nước ta có những thuận lợi, cơ hội to lớn để phát triển, chúng ta rất cần phải phát huy mạnh mẽ ý chí, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước giàu mạnh trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân để tạo nên động lực mạnh mẽ, tạo nên sức mạnh to lớn

---

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Tập 1*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr.57.

đưa đất nước vượt qua mọi khó khăn, thử thách, nắm bắt, tận dụng tốt mọi thuận lợi, thời cơ, phát triển đất nước nhanh, bền vững. Đây cũng chính là yêu cầu, là lời hiệu triệu của Đảng, của đất nước đối với mỗi người Việt Nam chúng ta.

Tầm nhìn, khát vọng phát triển đất nước trong thời kỳ mới không chỉ thể hiện trong chủ đề của Đại hội XIII mà còn thể hiện rất rõ trong mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể. Mục tiêu tổng quát được Đại hội XIII xác định như sau: “Nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”<sup>[1]</sup>. Đây là một mục tiêu vừa có tính tổng quát, vừa khoa học, hiện thực, thiết thực, thể hiện rõ nhân quan chiến lược và tư duy khoa học, khách quan, đúng đắn. Rõ ràng, việc xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh phải đi đôi với củng cố niềm tin của nhân dân, khát vọng phát triển đất nước phải gắn liền với khối đại đoàn kết toàn dân. Quá trình xây dựng, bảo vệ vững chắc chủ quyền của Tổ quốc phải song hành và dựa trên nền tảng giữ vững hòa bình, ổn định. Trong mục tiêu này, điểm mới nhất và cũng thể hiện tầm nhìn vừa sâu sắc, vừa thiết thực nhất đó chính là phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI đưa nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự thiết thực ở đây chính là cụm từ “trở thành nước phát triển”. Rất rõ ràng, không chung chung, trừu tượng, không mơ hồ, sáo rỗng. Chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản là những những mục tiêu lâu dài, trước khi vươn tới những điều đó, chúng ta phải là nước phát triển, nghĩa là dân phải giàu, nước phải mạnh theo đúng thông lệ quốc tế. Trong những năm gần đây, các tổ chức quốc tế (như Liên hợp quốc, Ngân hàng thế giới, Quỹ tiền tệ quốc tế...) đều đánh giá, phân loại các nước thành nước phát triển, nước đang phát triển, nước kém phát triển. Theo cách phân loại này, nước phát triển là nước có thu nhập cao, chất lượng cuộc sống cao, người dân thực sự có cuộc sống văn minh, dân chủ, bình đẳng, tự do. Nước ta đã hội nhập ngày càng sâu, rộng vào nền kinh tế thế giới, việc xác định mục tiêu phát triển đất nước đến giữa thế kỷ XXI sử dụng cách phân loại mức độ phát triển quốc gia theo thông lệ quốc tế là cần thiết để thuận lợi cho việc phân tích, đánh giá và so sánh quốc tế. Trong nhiều văn kiện của Đảng, Nhà nước ta những năm vừa qua cũng như theo xác nhận của nhiều tổ chức quốc tế, trong những năm qua, nước

---

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Tập 1*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr.111, 112.

ta là nước đang phát triển có thu nhập trung bình thấp. Do đó việc phấn đấu đến năm 2045 chúng ta trở thành nước phát triển là hoàn toàn có tính khả thi, hiện thực.

Bên cạnh mục tiêu tổng quát, những mục tiêu cụ thể được trình bày và xác định trong Đại hội XIII cũng cho thấy những nội dung mới, lớn lao, sâu sắc, thiết thực trong tầm nhìn và khát vọng của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta trong giai đoạn mới. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng không chỉ có mục tiêu cụ thể cho 5 năm, tới năm 2025, mà còn có các mục tiêu cho 10 năm, tới năm 2030 và tầm nhìn cho đến năm 2045. Đây cũng là ba mốc lịch sử quan trọng của đất nước ta: năm 2025 là năm kỷ niệm 50 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; năm 2030 là năm kỷ niệm 100 năm ngày thành lập Đảng và năm 2045 là năm kỷ niệm 100 năm thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Từ những phân tích, đánh giá trên đây, chúng ta có thể thấy tầm nhìn và khát vọng của Đại hội XIII có mối liên hệ chặt chẽ, có sự kế thừa và cụ thể hóa tầm nhìn, mục tiêu do Cương lĩnh năm 1991 cũng như Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 và các Đại hội trước đó. Đây là vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự lãnh đạo của Đảng, sự phát triển của đất nước, là cơ sở bảo đảm sự nhất quán, kết nối, kế thừa trong chủ trương, đường lối phát triển đất nước của Đảng qua các kỳ Đại hội Đảng cho đến giữa thế kỷ XXI, bảo đảm sự kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong đường lối phát triển đất nước. Đây là yêu cầu đặc biệt quan trọng trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch vẫn tìm mọi cách chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, chống phá Đảng, Nhà nước, chống phá chế độ xã hội chủ nghĩa, xâm phạm quyền độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, biển đảo của đất nước ta.

### **3. Ý chí và quyết tâm xây dựng, phát triển đất nước**

Có tầm nhìn, có khát vọng, nhưng nếu thiếu đi ý chí và sự quyết tâm cao độ để vượt qua mọi khó khăn thử thách thì mọi giấc mơ đều khó trở thành hiện thực. Đại hội XIII của Đảng không chỉ xác định tầm nhìn, khơi dậy ước mơ, khát vọng mà còn thổi bùng lên ngọn lửa quyết tâm và ý chí cao độ trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân nhằm xây dựng, phát triển đất nước trong thời kỳ mới. Những quyết tâm, ý chí này được thể hiện trên rất nhiều khía cạnh, trên rất nhiều nội dung. Trước hết đó là những nỗ lực tuyệt vời để vượt qua mọi khó khăn, thách thức. Trong những năm qua, dù có rất nhiều tác động của dịch bệnh và thiên tai liên tiếp xảy ra, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã phát huy tinh thần yêu nước, đoàn kết, ý chí quyết tâm, bản lĩnh, sáng tạo, nỗ lực phấn đấu đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, khá toàn diện, tạo nhiều dấu ấn nổi bật, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững, củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Có thể nói, Đại hội XIII là Đại hội ghi dấu ấn rất rõ về tinh thần, ý chí quyết tâm đổi mới sáng tạo, vượt mọi khó khăn, đi cùng thời đại và tiến lên cùng thời đại. Ý chí, quyết tâm đó được thể hiện rất rõ nét từ công tác chuẩn bị công phu, nghiêm túc cho đến quá trình diễn ra Đại hội một cách thành công, suôn sẻ, hoàn hảo cho dù dịch bệnh Covid 19 đang bùng phát ở nhiều địa phương trong nước. Ý chí, quyết tâm đó còn thể hiện ở chỗ Đại hội XIII đã nhất trí cao thông qua các văn kiện quan trọng: Báo cáo chính trị; Báo cáo tổng kết thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020, xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030; Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng khóa XII; Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII.

Ý chí, quyết tâm cao độ còn thể hiện ở kết quả Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII gồm 200 đồng chí tiêu biểu cho hơn 5 triệu đảng viên, có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, đạo đức, năng lực, trình độ để gánh vác trọng trách mà Đảng và nhân dân giao phó. Trong diễn văn bế mạc Đại hội XIII, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh thành công rất tốt đẹp của Đại hội XIII của Đảng sẽ cổ vũ mạnh mẽ toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta tiếp tục vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tranh thủ thời cơ, thuận lợi, phấn đấu sớm đưa nước ta trở thành một nước phát triển, có thu nhập cao, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Một lần nữa, chúng ta có thể khẳng định thành công rực rỡ của Đại hội XIII của Đảng thể hiện bản lĩnh, ý chí kiên cường và quyết tâm đi tới của cả dân tộc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, phấn đấu đến năm 2045, nước ta trở thành nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Có thể nói, nhiệm kỳ Đại hội XIII là một dấu mốc quan trọng làm tiền đề cho một thời kỳ phát triển rực rỡ tiếp theo của đất nước, của dân tộc. Đây là “Đại hội thể hiện cao độ sự thống nhất của ý Đảng - lòng Dân”<sup>[1]</sup>, là Đại hội của khát vọng, của sự quyết tâm “khơi dậy tinh thần và ý chí quyết tâm phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, dân tộc cường thịnh, trường tồn”<sup>[2]</sup>.

Ý chí, quyết tâm xây dựng đất nước của Đại hội XIII được thể hiện rõ nét trong năm quan điểm chỉ đạo được xác định trong Báo cáo chính trị. Đó là kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi; Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần

---

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.40.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.46.

yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; Kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại; nêu cao ý chí độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế; Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phát huy bản chất giai cấp công nhân của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Những quan điểm chỉ đạo này chính là sự kết tinh ý chí, quyết tâm hoàn thành trọng trách lịch sử vẻ vang của Đảng trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, ý chí, quyết tâm của Đại hội XIII còn được thể hiện thông qua việc xác định một cách đúng đắn, chính xác, khoa học 6 nhiệm vụ trọng tâm và 3 đột phá chiến lược cho thời gian trước mắt cũng như lâu dài. Việc hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm này không hề dễ dàng, đơn giản nếu như không có tinh thần nghị lực cao, có phương pháp tổ chức thực hiện khoa học, hiệu quả. Nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu là “tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh”<sup>[1]</sup>. Gắn liền với nhiệm vụ này chính là công cuộc đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ. Xây dựng đội ngũ đảng viên và cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Củng cố lòng tin, sự gắn bó của nhân dân với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.

Nhiệm vụ thứ hai được xác định là “Tập trung kiểm soát đại dịch Covid-19, tiêm chủng đại trà vắc-xin Covid-19 cho cộng đồng; phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển phù hợp với nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại, hội nhập; phát triển đồng bộ”<sup>[2]</sup>. Đại dịch Covid 19 đang lan tràn khắp thế giới với diễn biến ngày càng phức tạp. Ngăn cản dịch bệnh song hành với tăng trưởng, phát triển kinh tế là không hề dễ dàng. Nhiều quốc gia phát triển, có tiềm lực kinh tế gấp chúng ta nhiều lần cũng không thể thực hiện nổi nhiệm vụ kép khó khăn này. Điều đó đòi hỏi ý chí quyết tâm cao độ.

Nhiệm vụ thứ ba là “Giữ vững độc lập, tự chủ, tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số lực lượng tiến thẳng lên hiện đại, tạo tiền đề vững chắc phấn đấu năm 2030 xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng,

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.199, 200.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.200.



chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo, vùng trời; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước”. Trong bối cảnh hiện nay, việc giữ vững độc lập chủ quyền trước sự phức tạp của bối cảnh khu vực và quốc tế càng khó khăn, nặng nề. Để hoàn thành nhiệm vụ này, ngoài lòng yêu nước, ý chí quyết tâm cao độ còn đòi hỏi sự thông minh, khéo léo, chiến lược ngoại giao mềm dẻo, linh hoạt và đặc biệt là một nền tảng thực lực kinh tế, chính trị, quốc phòng hùng hậu, chính quy, hiện đại.

Nhiệm vụ chiến lược thứ tư được Đại hội XIII xác định là “Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế; có chính sách cụ thể phát triển văn hoá đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam”<sup>[1]</sup>.

Nhiệm vụ thứ năm là “Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân; đồng thời xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh; cải cách tư pháp, tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội, trước hết là sự gương mẫu tuân theo pháp luật, thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa của cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội các cấp, của cán bộ, đảng viên; tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc”<sup>[2]</sup>.

Nhiệm vụ trọng tâm thứ sáu là “Quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên; bảo vệ, cải thiện môi trường; chủ động, tích cực triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, thiên tai khắc nghiệt”<sup>[3]</sup>.

Cùng với việc xác định các nhiệm vụ trọng tâm, Đại hội XIII cũng đã chỉ ra ba đột phá chiến lược để xây dựng, phát triển đất nước trong thời gian tới. Trong đó đột phá đầu tiên tập trung vào việc hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, cạnh tranh hiệu quả. Tập trung ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh tế. Đột phá thứ hai hướng tới vấn đề phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.201.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.202.

3 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.202.

giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; Đột phá thứ ba là nhằm xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội; ưu tiên phát triển một số công trình trọng điểm quốc gia về giao thông, thích ứng với biến đổi khí hậu; chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số.

Việc xác định một cách đúng đắn, khoa học các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá chiến lược trên đây cho thấy ý chí, quyết tâm cao độ, vượt qua mọi khó khăn thử thách để xây dựng đất nước, thấp sáng tương lai của dân tộc trong thời đại mới. Ý chí, quyết tâm của Đảng cũng là ý chí, quyết tâm của toàn quân, toàn dân, của toàn thể người Việt Nam yêu nước. Không chỉ có tầm nhìn và khát vọng, chính ý chí, nghị lực, quyết tâm sẽ là cơ sở để tập hợp, đoàn kết sức mạnh dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại và nhân loại tiến bộ. Chính sức mạnh này sẽ là nguồn động lực to lớn đưa chúng ta đứng trên tầm cao mới, tầm cao của trí tuệ, văn minh, nhân văn và bác ái.

#### **4. Đôi lời kết luận**

Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã thành công tốt đẹp. Đại hội chính là nguồn cổ vũ, động viên lớn lao cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đoàn kết, đồng lòng xây dựng, phát triển đất nước hùng mạnh, trường tồn. Đại hội đã mang lại tầm nhìn thời đại, khát vọng lớn lao và ý chí cao độ để chúng ta tiếp tục kiên trì con đường độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội. Một trong những nhiệm vụ quan trọng mà chúng ta phải khẩn trương thực hiện đó là nghiên cứu, học tập, quán triệt nghị quyết cũng như các văn kiện của Đại hội để nhanh chóng đưa nghị quyết vào cuộc sống, để biến tầm nhìn, khát vọng nói trên trở thành hiện thực. Đây là công việc thường xuyên và phải được thực hiện một cách nghiêm túc, bài bản, khoa học.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII. Tập 1* NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội..
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII. Tập 2*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội..
4. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 5*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật.

# NHỮNG ĐIỂM MỚI VỀ ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC, PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI TRONG CÁC VĂN KIỆN ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII

Trần Quốc Khánh<sup>[1]</sup>

**Tóm tắt:** Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng là sự kiện chính trị trọng đại của Đảng ta, đất nước và dân tộc ta, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển đất nước. Đại hội đã thảo luận và thông qua các văn kiện do BCH TW Đảng khóa XII trình. Trong đó, Báo cáo chính trị và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 đã thể hiện nhiều nhận thức mới. Trong khuôn khổ Hội thảo này, tôi xin trình bày, làm rõ thêm những điểm mới về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển con người.

**Từ khóa:** Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII; đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; phát triển con người.

## Nội dung

Các văn kiện của Đảng trong các giai đoạn trước đây, Cương lĩnh năm 2011 đã đưa ra những quan điểm, định hướng lớn về phát triển giáo dục và đào tạo: “Phát triển giáo dục và đào tạo cùng với phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư phát triển. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và

---

1 Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Nghệ An

đào tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội"<sup>[1]</sup>. Các quan điểm trên không chỉ thể hiện sự phát triển về tư duy, nhận thức, kế thừa chủ trương nhất quán của Đảng ta qua các giai đoạn lịch sử, coi trọng sự nghiệp giáo dục và đào tạo, mà còn là vấn đề mang tính chiến lược xuyên suốt, bám sát xu thế phát triển của nhân loại, phù hợp với thực tiễn Việt Nam, luôn đặt ra yêu cầu phải tiếp tục đẩy mạnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 xác định: "*Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu. Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế, trong đó, đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý là khâu then chốt*"<sup>[2]</sup>. Trong các nhiệm kỳ Đại hội XI, XII, Đảng và Nhà nước ta tiếp tục cụ thể hóa chủ trương đổi mới giáo dục và đào tạo. Hội nghị Trung ương 6 khóa XI khẳng định: "*Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là một yêu cầu khách quan và cấp bách*", đòi hỏi phải đổi mới tư duy, đổi mới mục tiêu đào tạo; hệ thống tổ chức, loại hình giáo dục và đào tạo; đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học; cơ chế quản lý; xây dựng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất, nguồn lực, điều kiện bảo đảm... trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Sau 35 năm đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, đặc biệt là 10 năm thực hiện Cương lĩnh năm 2011, 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, giáo dục và đào tạo nước ta đã có những chuyển biến tích cực. Chất lượng từng bước được nâng lên, hệ thống giáo dục quốc dân tiếp tục được hoàn thiện; mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo tiếp tục được mở rộng ở tất cả các cấp học, bậc học, ngành học. Vai trò, vị trí các cơ sở giáo dục, nhất là giáo dục đại học trong hệ thống dần được khẳng định, tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm được đề cao; chất lượng từng bước được cải thiện, hệ thống chương trình đã được đổi mới, chú trọng phát triển các phẩm chất, năng lực cho học sinh; phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực cũng được chú trọng. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên được đẩy mạnh... Chủ động phát huy mặt tích cực, hạn chế các khuyết tật của cơ chế thị trường, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong giáo dục và đào tạo. Hợp tác quốc tế được tăng cường theo hướng chủ động, tích cực đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành giáo dục, cũng như yêu cầu phát triển bền vững, hội nhập quốc tế của đất nước.

Đồng thời với những thành tựu, giáo dục và đào tạo vẫn còn không ít những hạn chế về nhận thức và tổ chức thực hiện cần sớm được khắc phục. Nhận thức về

---

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB CTQG - Sự thật, Hà Nội, tr.77.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Sđd*, tr.130- 131.

triết lý giáo dục Việt Nam trong thời kỳ mới, vai trò và sứ mệnh của giáo dục chưa đủ sâu sắc, chưa làm rõ được tính ưu việt của nền giáo dục cách mạng, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Việc đổi mới phương pháp dạy học, sử dụng các phương tiện, công cụ hiện đại, đặc biệt là công nghệ thông tin chưa thực sự hiệu quả; vấn đề rèn luyện kỹ năng sống, kỹ năng học tập, kỹ năng giải quyết vấn đề ở một số nhà trường vẫn chưa thật sự được chú trọng. Nội dung chương trình, giáo trình, phương pháp giảng dạy ở nhiều cơ sở giáo dục đại học chưa được hiện đại hóa tương xứng, còn nặng về lý thuyết, nhẹ về thực hành, chưa thực sự chú ý kỹ năng mềm cho người học. Đầu tư cho giáo dục chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Công tác quản lý cơ sở giáo dục nước ngoài, cơ sở liên kết giáo dục còn gặp nhiều khó khăn. Chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân chất lượng cao tuy đã được cải thiện, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước...

Những kết quả và hạn chế trong giáo dục và đào tạo của nhiệm kỳ Đại hội XII đòi hỏi phải đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện chủ trương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng, với nhiều điểm mới, đó là:

*Thứ nhất*, về đề mục, Báo cáo chính trị tập trung đề cập đến giáo dục và đào tạo ở mục V (**Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển con người**). So với Đại hội XII, tên đề mục đã thay cụm từ “*phát triển*” bằng cụm từ “*nâng cao*” chất lượng nguồn nhân lực và thêm cụm từ “*phát triển con người*”. Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021- 2030, vấn đề này được đề cập ở tiểu mục 3 phần V (**Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội**), với tiêu đề: *phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế*. Điểm mới lần này, trực tiếp đề cập đến giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế, trước đây chỉ nhấn mạnh “*phát triển nhanh giáo dục và đào tạo*”.

*Thứ hai*, tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của giáo dục và đào tạo, yêu cầu phải “*Xây dựng đồng bộ thể chế, chính sách để thực hiện có hiệu quả chủ trương giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước*”<sup>[1]</sup>. Trước đây chỉ đề cập phương hướng chung: “*giáo dục là quốc sách hàng đầu*”. Văn kiện Đại hội XIII yêu cầu xác định rõ mục tiêu của giáo dục và đào tạo trong giai đoạn tới, nhằm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, có sức khỏe, năng lực, trình độ, có ý thức, trách nhiệm cao đối với bản thân, gia đình, xã hội và Tổ quốc và “*Chú trọng hơn giáo dục đạo đức, nhân cách, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc,...*”

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb CTQG - Sự thật, Hà Nội, t.1, tr.77.

khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa"<sup>[1]</sup>. Gắn giáo dục tri thức, đạo đức, thẩm mỹ, kỹ năng sống với giáo dục thể chất, nâng cao tầm vóc con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

*Thứ ba*, nhân mạnh, giáo dục và đào tạo thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế, do vậy phải đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao. Phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành; chú trọng đội ngũ nhân lực kỹ thuật, nhân lực số; nhân lực quản trị công nghệ, nhân lực quản lý, quản trị doanh nghiệp; nhân lực quản lý xã hội và tổ chức cuộc sống, chăm sóc con người. Trước đây chỉ đề cập: "*Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, phát huy nhân tài; đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế tri thức*"<sup>[2]</sup>, điểm mới trong Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh: Đổi mới chế độ tuyển dụng, sử dụng, trọng dụng nhân tài trong quản lý, quản trị nhà nước, khoa học, công nghệ và đổi mới, sáng tạo. Đặc biệt, chú ý phát hiện, bồi dưỡng, đãi ngộ, thu hút nhân tài cho phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt; bảo đảm thống nhất với chủ trương đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo. Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động, nhất là ở nông thôn; giảm tỷ lệ lao động khu vực phi chính thức. Hình thành đội ngũ lao động lành nghề, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và sử dụng lao động.

*Thứ tư*, cụ thể hóa yêu cầu hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân, sắp xếp lại hệ thống trường học, phát triển hài hòa giữa giáo dục công lập, giữa các vùng, miền, ưu tiên các vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo và các đối tượng chính sách. Đa dạng hóa các loại hình đào tạo. Đặc biệt chú trọng giáo dục mầm non, tiểu học, tạo tiền đề và bảo đảm điều kiện thuận lợi để mỗi người dân đều có cơ hội thụ hưởng công bằng thành quả của nền giáo dục. Thúc đẩy xã hội học tập, học tập suốt đời. Củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục.

Thực hiện cơ chế tự chủ đối với đào tạo bậc đại học phù hợp với xu thế chung của thế giới. Có chính sách đột phá phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục đại học. "*Có cơ chế hỗ trợ xây dựng một số trường đại học lớn và đại học sư phạm trở thành những trung tâm đào tạo có uy tín trong khu vực và thế giới*"<sup>[3]</sup>. Thúc đẩy phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao. Xây dựng các cơ chế, chính sách và giải pháp để đào tạo lại lực lượng lao động phải chuyển đổi ngành nghề do quá trình

1 Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tr.136

2 Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tr.136- 137.

3 Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, tr.130

chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới công nghệ và tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

*Thứ năm*, tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ phát triển giáo dục và đào tạo, như: thực hiện phổ cập giáo dục mầm non và giáo dục tiểu học bắt buộc. Đưa vào chương trình giáo dục phổ thông nội dung kỹ năng số và ngoại ngữ tối thiểu, chú trọng xây dựng nền tảng kỹ năng nhận thức và hành vi cho học sinh phổ thông. Nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy và học ngoại ngữ, coi trọng dạy, học và sử dụng tiếng Anh. Đẩy mạnh phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông. Giảm tỷ lệ mù chữ ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tạo bước chuyển biến căn bản, mạnh mẽ, toàn diện về chất lượng giáo dục, đào tạo. Nghiên cứu để hoàn thiện, ổn định hệ thống sách giáo khoa và chế độ thi cử ở các cấp học.

*“Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý dạy và học trực tuyến, qua internet, truyền hình, các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội. Đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế”<sup>[1]</sup>.*

*Thứ sáu*, xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển giáo dục Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, *“lấy chất lượng và hiệu quả đầu ra làm thước đo. Xây dựng và triển khai thực hiện lộ trình tiến tới miễn học phí đối với học sinh phổ thông, trước hết là đối với học sinh tiểu học và trung học cơ sở”<sup>[2]</sup>*. Đồng thời, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển các cơ sở đào tạo ngoài công lập phù hợp với xu thế của thế giới và điều kiện của Việt Nam trên cơ sở đảm bảo công bằng xã hội và các giá trị cơ bản của định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhân mạnh hơn yêu cầu thực hiện có hiệu quả các chính sách xã hội trong giáo dục và đào tạo. Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ một số trường phổ thông tại các đô thị lớn, các nơi có điều kiện; thí điểm cơ chế cho thuê một số cơ sở giáo dục sẵn có theo nguyên tắc bảo đảm tất cả học sinh được đến trường.

*Thứ bảy*, tiếp tục hoàn thiện các khâu, các yếu tố của quá trình đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh đổi mới đồng bộ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, quản lý và quản trị nghiệp vụ, chuyên môn trong giáo dục và đào tạo, từng bước thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục và đào tạo. Xây dựng môi trường

1 Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tr.234.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tr. 232-233

giáo dục lành mạnh, kiên quyết khắc phục bệnh thành tích, ngăn ngừa và xử lý nghiêm các tiêu cực trong giáo dục và đào tạo. Hoàn thiện và thực hiện ổn định các phương thức đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục và đào tạo, thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh vào các trường đại học, cao đẳng và đào tạo nghề. Xây dựng và thực hiện có hiệu quả chiến lược hợp tác và hội nhập quốc tế về giáo dục và đào tạo.

*Thứ tám*, đặt ra mục tiêu Việt Nam tham gia thị trường đào tạo nhân lực quốc tế, vì vậy yêu cầu hoàn thiện cơ chế, chính sách để đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của các cơ sở giáo dục và đào tạo. “*Gắn kết chặt chẽ giáo dục và đào tạo với nghiên cứu, triển khai, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ mới; hình thành các trung tâm nghiên cứu xuất sắc, các nhóm đổi mới sáng tạo mạnh*”<sup>[1]</sup>. Thực hiện đào tạo theo nhu cầu của thị trường lao động. Cùng với đề cao vị trí, vai trò và trách nhiệm xã hội, cần đổi mới mạnh mẽ chính sách đãi ngộ, chăm lo xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là khâu then chốt. Sắp xếp, đổi mới căn bản hệ thống các cơ sở đào tạo sư phạm, thực hiện đồng bộ các cơ chế chính sách và giải pháp để cải thiện mức sống, nâng cao trình độ và chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Phấn đấu đến năm 2030, nền giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

Có thể khẳng định, những điểm mới nêu trên là sự phát triển về lý luận và bước tiến mới trong chỉ đạo thực tiễn của Đảng ta về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển con người.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB CTQG - Sự thật, Hà Nội.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB CTQG - Sự thật, Hà Nội.

---

1 Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tr. 138.



# NHẬN THỨC VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM ĐƯỢC BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN VÀ CỤ THỂ HÓA TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG

PGS.TS. Đinh Thế Đĩnh<sup>[1]</sup>

**Tóm tắt:** Nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng sâu sắc và cụ thể hơn, trong đó, luôn có sự kế thừa, bổ sung, phát triển và hoàn thiện dần qua các Đại hội và gắn với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã khẳng định: con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta là đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan, với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo. Bài viết này đề cập đến vấn đề: sự phát triển nhận thức của Đảng ta về mô hình chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua các kỳ đại hội của Đảng và được bổ sung, phát triển, cụ thể hóa ở Đại hội XIII.

**Từ khóa:** Chủ nghĩa xã hội; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; Đại hội XIII; nhận thức về chủ nghĩa xã hội

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là nét chủ đạo và nhất quán trong toàn bộ đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và cũng là điểm cốt yếu trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Bằng kinh nghiệm thực tiễn phong phú của mình kết hợp với lý luận cách mạng, khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh đã tìm ra con đường cứu nước, đó là con đường cách mạng vô sản. Tính tất yếu giữa độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội được Hồ Chí Minh rút ra thông qua bốn luận

---

1 Khoa Chính trị - Báo chí, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

điểm cơ bản: *Thứ nhất*, “Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”<sup>[1]</sup>. *Thứ hai*, “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”<sup>[2]</sup>. *Thứ ba*, “Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người, không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết ấm no trên quả đất”<sup>[3]</sup>. *Thứ tư*, “Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới”<sup>[4]</sup>.

Ngay từ khi ra đời (tháng 2/1930), Đảng ta đã xác định con đường phát triển của cách mạng Việt Nam là con đường cách mạng vô sản. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã xác định mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam là: “làm tư sản dân quyền c.m và thổ địa c.m để đi tới xã hội cộng sản”<sup>[5]</sup>. Luận cương chính trị tháng 10/1930 nhấn mạnh con đường phát triển của cách mạng Việt Nam “bỏ qua thời kỳ tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa”<sup>[6]</sup>.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, đã đánh dấu sự chuyển biến của cách mạng Việt Nam sang một phạm trù cách mạng kiểu mới - độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Cách mạng Tháng Tám 1945 thắng lợi, với việc ra đời của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, với việc Quốc hội khoá I do nhân dân bầu ra thông qua Hiến pháp đầu tiên - Hiến pháp 1946 mở ra thời đại mới của dân tộc Việt Nam - Thời đại độc lập dân tộc, nhân dân lao động được làm chủ xã hội. Luận cương cách mạng Việt Nam được Đại hội II của Đảng (tháng 2/1951) đã xác định phương hướng và những điều kiện để tiến lên chủ nghĩa xã hội. Như vậy, ngay khi mới ra đời và trong hơn 90 năm lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn khẳng định: Chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, lý tưởng của Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là đường lối cơ bản, xuyên suốt của cách mạng Việt Nam và cũng là điểm cốt yếu trong di sản tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng; phong phú và phức tạp, có nhiều cách tiếp cận khác nhau. Đối với Đảng ta, mỗi lần tổ chức Đại hội Đảng toàn quốc là một lần đánh dấu tầm nhìn của Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và gắn liền với một bước phát triển mới của đất nước.

---

1 Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 12, tr.563.

2 Hồ Chí Minh (2011), *Sđd*, tr.30.

3 Hồ Chí Minh (2011), *Sđd*, tr.496.

4 Hồ Chí Minh (2011), *Sđd*, tr.441.

5 Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 2, tr.2.

6 Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Sđd*, tr. 98.

Trong lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học, C. Mác và Ph. Ăngghen đã phác họa cơ bản có tính dự báo về đặc trưng của chủ nghĩa xã hội dựa trên sự phân tích của các ông về các hình thái kinh tế - xã hội mà loài người đã trải qua trong lịch sử, đặc biệt là hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa. Tuy nhiên, khi bàn về xây dựng xã hội mới, các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác cho rằng, không có một mô hình và bằng những con đường, biện pháp giống nhau cho tất cả các nước, mà “trong những nước khác nhau, những biện pháp ấy dĩ nhiên sẽ khác nhau rất nhiều”<sup>[1]</sup>. C.Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin đã xây dựng nên cơ sở lý luận khoa học cho sự ra đời của một chế độ xã hội mới. Xã hội mới ấy ở mỗi quốc gia dân tộc có đặc trưng như thế nào và bằng con đường nào là do sự vận dụng, phát triển và sáng tạo của những người cộng sản và nhân dân lao động mỗi nước trên cơ sở đặc điểm lịch sử - cụ thể của dân tộc mình.

Thực tiễn phát triển của chủ nghĩa xã hội sau khi Liên Xô tan rã cho thấy, ngoài những đặc trưng bản chất chung, mô hình chủ nghĩa xã hội mà một quốc gia cụ thể nào đó hoạch định và thực hiện bao giờ cũng mang trong nó những nét đặc thù về kinh tế, văn hóa, dân tộc của quốc gia đó.

Đối với Việt Nam, như chúng ta đã biết, xây dựng chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp đầy khó khăn, chưa từng có tiền lệ trong lịch sử dân tộc. Chính vì vậy, trong quá trình lãnh đạo nhân dân thực hiện công cuộc đổi mới và xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng Cộng sản Việt Nam đã luôn kết hợp nhận thức, nghiên cứu lý luận với thử nghiệm và tổng kết thực tiễn để xây dựng, bổ sung và hoàn thiện từng bước mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội theo mô hình Xôviết ở miền Bắc cũng đã đạt được những kết quả nhất định và có đóng góp quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau cả chủ quan lẫn khách quan, mô hình chủ nghĩa xã hội mà chúng ta đặt nhiều kỳ vọng có thể làm thay đổi về chất toàn bộ đời sống xã hội trên mọi lĩnh vực đã không diễn ra như mong muốn. Trái lại, vào giai đoạn cuối những năm 70 đầu những năm 80 của thế kỷ XX, nền kinh tế - xã hội nước ta rơi vào tình trạng khủng hoảng, lạm phát, đời sống nhân dân hết sức khó khăn. Trước tình hình đó, với tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”, Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã nghiêm túc phê bình và tự phê bình, xác định rõ bốn bài học quan trọng, trong đó có bài học về sự tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. Trên cơ sở đó, khẳng định cần thiết phải tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đại hội VI là mốc quan trọng đánh dấu đường lối đổi mới toàn diện của Đảng, mở ra một giai đoạn phát triển mới của đất nước là bước chuyển quan

---

1 C.Mác và Ph. Ăngghen (1995), Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 4, tr.627.

trọng trong nhận thức của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, bước chuyển từ tư duy kinh tế hiện vật với sự tuyệt đối hoá sở hữu xã hội sang tư duy xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, tư duy quản lý dựa trên mô hình một nền kinh tế chỉ huy, tập trung kế hoạch hoá sang tư duy cơ chế kế hoạch hoá theo phương thức hoạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Đây có thể coi là *bước chuyển thứ nhất* trong quá trình nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta của Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ sự phân tích, nhận định đó, Đại hội đã kết luận: “Ngày nay đã có những điều kiện để hiểu biết đầy đủ hơn về con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta”<sup>[1]</sup>.

Đại hội VII Đảng cộng sản Việt Nam (1991) diễn ra trong bối cảnh lịch sử đặc biệt, đối với các nước xã hội chủ nghĩa. Đó là hệ thống xã hội chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng dẫn đến sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và nhiều nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu. Từ sự đổ vỡ đó, vấn đề đặt ra cho các Đảng Cộng sản và các nước xã hội chủ nghĩa còn lại phải làm rõ được: Chủ nghĩa xã hội là gì và bằng cách nào để xây dựng được chủ nghĩa xã hội. Trong điều kiện đó, Đảng ta đã cho ra đời *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội*.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội đã xác định mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam thể hiện qua 6 đặc trưng cơ bản: “Do nhân dân lao động làm chủ; Có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu; Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Con người được giải phóng khỏi áp bức bóc lột, bất công, làm theo năng lực hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân; Các dân tộc trong nước đoàn kết bình đẳng giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước”<sup>[2]</sup>.

Cương lĩnh đã xác định được mục tiêu tổng quát kết thúc thời kỳ quá độ: “Xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng văn hoá phù hợp, làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh”. Mục tiêu của chặng đường đầu: “Thông qua đổi mới toàn diện, xã hội đạt tới trạng thái ổn định, vững chắc tạo thế phát triển nhanh chặng đường sau”<sup>[3]</sup>. Cương lĩnh đã xác định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta thông qua 7 phương hướng cơ bản. Cương lĩnh xác định: Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng. Đây được coi là sự tổng kết sâu sắc thực tiễn cách mạng Việt Nam và là bước phát triển quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta về nền tảng tư tưởng.

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, NXB Sự thật, Hà Nội, tr.40.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội*, NXB Sự thật, Hà Nội, trang 138.

3 Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Sđd*, tr.140-141.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội được xem là *bước chuyển thứ hai* trong quá trình nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đó là con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phải xuất phát từ những nguyên lý chung của chủ nghĩa Mác - Lênin và từ những đặc điểm, điều kiện hoàn cảnh lịch sử cụ thể của mỗi nước, không có một mô hình duy nhất chủ nghĩa xã hội được áp dụng cho tất cả các nước. Mặc dù những nguyên tắc, nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin là chỗ dựa cho các Đảng Cộng sản đều như nhau, mà đòi hỏi phải có sự tìm tòi sáng tạo.

Đại hội VIII Đảng cộng sản Việt Nam (1996), trên cơ sở phân tích tình hình kinh tế, xã hội của đất nước sau mười năm đổi mới, Đại hội đã kết luận: Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế xã hội, cơ bản hoàn thành nhiệm vụ của chặng đường đầu thời kỳ quá độ, đất nước chuyển sang thời kỳ mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và xét trên quan điểm lý luận, Đại hội VIII cho rằng: “Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn”<sup>[1]</sup>.

Đại hội IX Đảng cộng sản Việt Nam (2001) đã giành một phần riêng bàn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đây không phải là những vấn đề lý luận thuần túy mang tính học thuật, mà là những quan điểm, lý luận, chính trị đặt nền móng cho toàn bộ đường lối chung cho cách mạng Việt Nam. Đại hội khẳng định, mục tiêu của cách mạng Việt Nam, lý tưởng của Đảng ta là xây dựng chủ nghĩa xã hội đó là một xã hội dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. “Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh”. Đại hội IX đã khẳng định sự đúng đắn của “Cương lĩnh năm 1991” về xác định nền tảng tư tưởng của Đảng: Chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời Văn kiện đại hội IX đã chỉ rõ nguồn gốc, nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đại hội IX đã tổng kết thực tiễn và khái quát lý luận về sự biến chứng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước ta, đó là “... bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học công nghệ để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại.”<sup>[2]</sup>.

Đại hội IX đã khẳng định rằng, trong thời kì quá độ còn nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế. Với cơ cấu kinh tế đó tất yếu tồn tại nhiều giai cấp và tầng lớp xã hội, trong đó có những giai cấp có lợi ích cơ bản đối lập

---

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.68.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.84.

nhau. Do đó “Mối quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh”<sup>[1]</sup>(13). Với quan hệ đó, Đại hội đã chỉ rõ: “Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa...; đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động sai trái; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch, bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, nhân dân hạnh phúc”<sup>[2]</sup>. Với quan điểm đó, Đảng ta đã vận dụng một cách sáng tạo lí luận của chủ nghĩa Mác- Lênin về thực chất của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kì tiếp tục đấu tranh giai cấp trong điều kiện mới với những nội dung, hình thức mới và bằng những phương pháp mới.

Từ sự chỉ ra nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp ở nước ta hiện nay, Đại hội IX đã khẳng định: “Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hoà các lợi ích..., phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội”<sup>[3]</sup>.

Đại hội IX xác định mô hình kinh tế tổng quát trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta “... là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”. Đồng thời đã chỉ rõ bản chất của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ việc xác định mục tiêu, chế độ sở hữu, cơ chế quản lí, chế độ phân phối trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đã làm sáng tỏ sự khác nhau về bản chất của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Việc xác định mô hình kinh tế tổng quát “nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” là một bước tiến lớn của Đảng ta trên lĩnh vực tư duy kinh tế “thể hiện tư duy, quan niệm của Đảng ta về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất”<sup>[4]</sup>.

Đại hội XI Đảng cộng sản Việt Nam (2011) thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) phát triển nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường xã hội chủ nghĩa dựa trên cơ sở tổng kết thực tiễn đổi mới của Việt Nam được xem là *bước chuyển thứ ba* trong quá trình nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Đại hội tiếp tục khẳng định: “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử”<sup>[5]</sup>.

---

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Sđd*, tr.85.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Sđd*, tr.86.

3 Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Sđd*, tr.86.

4 Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Sđd*, tr.88.

5 Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Sđd*, tr.70.

Đại hội XI đã bổ sung, phát triển mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam thông qua tám đặc trưng cơ bản: “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”<sup>[1]</sup>. Đại hội đã nhận thức sâu sắc hơn nội hàm của từng đặc trưng và mối quan hệ thống nhất biện chứng giữa các đặc trưng, nổi bật là nhận thức về dân chủ xã hội chủ nghĩa, vai trò và quyền làm chủ của nhân dân; về vị trí trung tâm của kinh tế - xã hội, về phát triển kinh tế nhanh và bền vững, chú trọng hiệu quả, chất lượng, sức cạnh tranh của nền kinh tế; về vai trò nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh của văn hóa, vai trò chủ thể, động lực phát triển của con người; về vai trò, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; về sự gắn bó dân tộc và nhân loại, quốc gia và quốc tế. Đảng ta cũng nhận thức sâu sắc hơn thời cơ, thách thức đối với đất nước để xác định các bước đi, thiết kế các hình thức tổ chức kinh tế, xã hội quá độ phù hợp với yêu cầu, điều kiện của từng giai đoạn.

Đại hội XI đã xác định: “*Mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hoá phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. Từ nay đến giữa thế kỷ XXI, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa*”<sup>[2]</sup> (19).

Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 đã cụ thể hóa, bổ sung, phát triển phương hướng phát triển đất nước: “*Một là, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường. Hai là, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Ba là, xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Bốn là, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Năm là, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Sáu là, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất. Bảy*

---

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.70.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Sđd*, tr.71.

là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. *Tám là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh*<sup>[1]</sup>.

Trong quá trình thực hiện các phương hướng đó, Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 xác định, phải nắm vững và giải quyết tốt 8 mối quan hệ lớn: Đổi mới, ổn định và phát triển; đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

Đại hội XIII của Đảng (2021) đã thông qua rất nhiều những quyết sách lớn mang tầm chiến lược, xác định mục tiêu phát triển đất nước không chỉ cho nhiệm kỳ mà tầm nhìn đến năm 2030, 2045 với nhiều điểm mới thể hiện sự phát triển tư duy lý luận, định hướng chiến lược của Đảng, đưa đất nước vào một giai đoạn phát triển mới.

Đại hội XIII đã khẳng định những vấn đề có tính nguyên tắc trong công cuộc đổi mới: “Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”<sup>[2]</sup>.

Đại hội đã bổ sung, đánh giá về đất nước sau 35 năm đổi mới: “*Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*”<sup>[3]</sup>. Đây là đánh giá mới nhất và lần đầu tiên được đưa vào Văn kiện Đại hội. Đánh giá này đã được kiểm nghiệm, chứng minh qua thực tiễn và thành tựu đó đánh dấu tầm nhìn của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Đại hội đã bổ sung, phát triển và cụ thể hóa mục tiêu tổng quát, mục tiêu *cho từng giai đoạn*. Đại hội xác định mục tiêu tổng quát: “Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Sđd*, tr.72.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 2, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.324.

3 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tập 1, tr.25.



thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”<sup>[1]</sup>. Như vậy, Đại hội bổ sung “*năng lực cầm quyền*” vào nội dung “*nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng*”; bổ sung “*hệ thống chính trị*”, “*toàn diện*”, “*tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa*”; xác định “*đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa*”.

Lần đầu tiên, Đại hội XIII đã xác định mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn: “*Đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp. Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao*”<sup>[2]</sup>.

Tại Đại hội IX, Đảng ta đã khẳng định: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Với sự kế thừa đó, Đại hội XIII đã bổ sung và làm rõ: Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu “*dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*” phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước.

Đại hội XIII đã đánh giá: “*Qua 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa*”. “*Tiếp tục khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta là đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan, với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Cương lĩnh chính trị của Đảng tiếp tục là ngọn cờ tư tưởng, lý luận dẫn dắt dân tộc ta vững vàng tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; là nền tảng để Đảng ta hoàn thiện đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới*”<sup>[3]</sup>. Với ý nghĩa đó, Đại hội XIII được xem là *bước chuyển thứ tư* trong quá trình nhận thức của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tập 2, tr.326.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tập 2, tr.326-327.

3 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tập 1, tr.25-26.

Như vậy, cả lý luận và thực tiễn đều cho thấy, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là cả một sự nghiệp sáng tạo vĩ đại, đầy thử thách, khó khăn. Thành công hay thất bại là phụ thuộc trước hết vào sự đúng đắn của đường lối, bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng. Và điều hết sức quan trọng là phải luôn luôn kiên định và vững vàng trên nền tảng tư tưởng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Hơn nữa, thực tiễn luôn vận động, biến đổi không ngừng; do đó, lý luận cũng phải có sự thay đổi tương ứng nhằm phản ánh đúng thực tiễn, phù hợp với thực tiễn và dẫn dắt thực tiễn. Do đó, sự điều chỉnh, bổ sung và phát triển nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta phải sát với thực tiễn Việt Nam và đi đúng xu thế của thời đại luôn là việc làm cần thiết và phải được tiến hành thường xuyên.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, NXB Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội*, NXB Sự thật, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 2*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
9. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 1.
10. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 12.
11. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tập 4.

# VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

PGS.TS. Đinh Trung Thành<sup>[1]</sup> - ThS. Phạm Thị Thúy Hồng<sup>[2]</sup>

**Tóm tắt:** Trong điều kiện cách mạng khoa học công nghệ hiện đại, kinh tế tri thức, quá trình chuyển động từ thế giới “tròn” sang thế giới “phẳng” và tình hình dịch bệnh Covid-19 thì chuyển đổi số là tất yếu và cấp thiết. Trong các văn kiện của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, những khái niệm như: Chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số đã lần đầu tiên được đề cập. Các trường đại học là các cơ sở đào tạo phải tiên phong trong chuyển đổi số để nâng cao chất lượng hoạt động quản lý, dạy - học và nghiên cứu khoa học.

**Từ khóa:** Đại hội XIII, chuyển đổi số, kinh tế số

## Đặt vấn đề

Trong các văn kiện của Đại hội Đảng lần thứ XIII, nội hàm của các khái niệm: chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số đã được nhấn mạnh nhiều lần trong mục tiêu, quan điểm phát triển và các đột phá chiến lược. Giáo dục đại học trong những năm qua cũng đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Trước yêu cầu chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, giáo dục đại học xác định sứ mệnh tiên phong trong thực hiện nhiệm vụ này, góp phần rút ngắn quá trình đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục, đóng góp tích cực vào quá trình chuyển đổi số quốc gia. Đặc biệt, trong năm 2020 vừa qua, trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid -19, cùng với cả nước, toàn ngành

1 Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trường Đại học Vinh

2 Khoa Chính trị và Báo chí, Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

giáo dục nói chung, giáo dục đại học nói riêng đã tham gia tích cực vào công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19, triển khai quyết liệt, mạnh mẽ, hiệu quả các giải pháp phòng, chống dịch với mục tiêu “bảo đảm sức khỏe, an toàn của sinh viên, giảng viên, người lao động lên trên hết”; đồng thời thực hiện phương châm “tạm dừng đến trường, không dừng học”. Các trường đại học đã chủ động và thích ứng nhanh với diễn biến dịch bệnh, áp dụng sinh động và hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số vào giảng dạy. Qua việc giảng dạy trực tuyến, cho thấy năng lực sử dụng công nghệ thông tin của các thầy cô giáo đã được nâng lên rõ rệt. Đến nay, việc dạy học trực tuyến đã trở thành một hoạt động thiết yếu, duy trì sự tương tác giữa thầy và trò. Những giải pháp cụ thể mà ngành giáo dục triển khai trong công tác phòng, chống Covid-19 vừa qua đã cho thấy, toàn ngành đã thực hiện khá tốt việc ứng dụng công nghệ số trong quản lý, giảng dạy và học tập.

### **1. Định hướng, quan điểm về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng**

Ngày nay, các thành tựu khoa học công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ số đã tạo ra cơ hội, điều kiện thuận lợi để nước ta thực hiện phương thức phát triển đi tắt, đón đầu. Kinh tế số hoạt động trên nền tảng công nghệ số chính là một hình thức cụ thể của kinh tế tri thức mà đất nước ta cần xây dựng. Sau 35 năm đổi mới, đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, quy mô, trình độ khoa học công nghệ của nền kinh tế đất nước tăng lên, trở thành nước có thu nhập trung bình thấp theo chuẩn mực quốc tế; tiềm lực, vị thế ngày nay của đất nước tạo điều kiện để Việt Nam có thể tận dụng, nắm bắt được cơ hội do cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem tới để phát triển nhanh, bền vững.

Trong bối cảnh đó, Đại hội XIII của Đảng đề cao ý chí, khát vọng phát triển đất nước, để đến năm 2025 đưa nước ta trở thành nước có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt mức thu nhập trung bình thấp; đến năm 2030, nước ta trở thành nước có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045, nước ta trở thành nước phát triển, có thu nhập cao. Chủ trương đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển kinh tế số là một trong những biểu hiện cụ thể, thể hiện ý chí, khát vọng phát triển đất nước. Đây chính là mục tiêu, ý nghĩa của việc đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển kinh tế số ở nước ta; là lý do để Đại hội XIII của Đảng đặc biệt nhấn mạnh chủ trương chuyển đổi số, phát triển kinh tế số trong các văn kiện Đại hội.

Nội dung về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số được đề cập đến nhiều lần trong các văn kiện Đại hội Đại hội XIII.

Báo cáo chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 xác định “phải đổi mới tư duy phát triển, thay đổi cách làm việc, cách sống, đẩy mạnh cải cách thể

chế, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện quyết liệt chuyển đổi số, xây dựng nền kinh tế số, xã hội số"<sup>[1]</sup>.

Báo cáo chính trị đề ra 12 định hướng phát triển đất nước trong giai đoạn 2021-2030. Trong đó, định hướng thứ hai và định hướng thứ ba xác định phải đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực tăng trưởng theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 đưa ra 5 quan điểm phát triển. Trong đó, có hai quan điểm nhấn mạnh về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số.

Chuyển đổi số, phát triển kinh tế số được Báo cáo chính trị đưa vào thành một trong những nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá chiến lược trong nhiệm kỳ Đại hội XIII. Để thực hiện các định hướng, quan điểm và chỉ tiêu đề ra về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, các văn kiện Đại hội XIII đã đề ra đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể:

*Một là*, về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Báo cáo chính trị yêu cầu cần phải quan tâm tới thể chế cho chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, như xây dựng khung khổ pháp luật, môi trường thuận lợi thúc đẩy phát triển, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số; hỗ trợ, khuyến khích sự ra đời, hoạt động của những lĩnh vực mới, mô hình kinh doanh mới. Phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ theo phương thức tổ chức, giao dịch văn minh, hiện đại, thương mại điện tử. Phát triển đồng bộ, nâng cao hiệu quả hoạt động của các thị trường tài chính, tiền tệ, thị trường chứng khoán, thị trường bảo hiểm... trên nền tảng công nghệ số với kết cấu hạ tầng, công nghệ và phương thức giao dịch hiện đại.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 và Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 cụ thể hóa, thể hiện rõ hơn những chủ trương hoàn thiện thể chế kinh tế được nêu trong Báo cáo chính trị. Theo đó, "Thực hiện chuyển đổi số quốc gia một cách toàn diện để phát triển kinh tế số, xây dựng xã hội số. Phần đầu đến năm 2030, hoàn thành xây dựng chính phủ số, đứng trong nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới và xếp thứ ba trong khu vực ASEAN về chính phủ điện tử, kinh tế số"<sup>[2]</sup>.

---

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, H, tr.213.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, t.1, tr.225.

Hai là, để tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại, đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế, phát triển các ngành, lĩnh vực, vấn đề chuyển đổi số, phát triển kinh tế số luôn được xác định là một yêu cầu lớn, một nội dung quan trọng, là mũi nhọn được khuyến khích, ưu tiên phát triển để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực, của nền kinh tế, phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 cũng như trong Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 đều đã đưa ra nhiều nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để làm rõ hơn và triển khai thực hiện các chủ trương, quan điểm của Báo cáo chính trị về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số. Đó là: “Thực hiện chuyển đổi số trong quản trị quốc gia, quản lý nhà nước, sản xuất kinh doanh, tổ chức xã hội và quản lý tài nguyên quốc gia. Đẩy nhanh chuyển đổi số đối với một số ngành, lĩnh vực đã có điều kiện, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ứng dụng và phát triển công nghệ mới, ưu tiên công nghệ số, kết nối 5G và sau 5G, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, in 3D, Internet kết nối vạn vật, an ninh mạng, năng lượng sạch, công nghệ môi trường để chuyển đổi, nâng cao năng suất, hiệu quả nền kinh tế”<sup>[1]</sup>, “thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, sản xuất thông minh, các mô hình sản xuất kinh doanh mới, kinh tế chia sẻ, thương mại điện tử. Thực hiện chuyển đổi số trong tất cả các doanh nghiệp và cơ quan nhà nước”<sup>[2]</sup>.

Đối với chuyển đổi số, phát triển kinh tế số trong các ngành, lĩnh vực kinh tế, Chiến lược phát triển 10 năm 2021-2030 đề ra nhiều nhiệm vụ, định hướng phát triển rất cụ thể. Công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp gắn với công nghệ số chiếm phần lớn trong số các ngành công nghiệp được ưu tiên phát triển.

Việc phát triển doanh nghiệp công nghệ thông tin, viễn thông, công nghệ số cũng được nhấn mạnh: cần phát triển một số doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin, doanh nghiệp chủ lực thực hiện vai trò dẫn dắt về hạ tầng công nghệ số, làm nền tảng cho nền kinh tế số, xã hội số gắn với bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và chủ quyền quốc gia trên không gian mạng.

Đại hội XIII yêu cầu: “Phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, vùng chuyên canh hàng hóa chất lượng cao. Phát triển mạnh nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái”<sup>[3]</sup> và “Đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số”<sup>[4]</sup>, nhất là với các dịch vụ viễn thông và công nghệ thông

---

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, t.1, tr.227.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, t.1, tr.235.

3 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, t.1, tr.241.

4 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, t.1, tr.47.

tin, logistic, vận tải, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, pháp lý, kế toán, kiểm toán, y tế, giáo dục đào tạo...

Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 đề ra nhiệm vụ: “Đẩy mạnh công nghiệp hóa dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; trong đó, tập trung phát triển những ngành ưu tiên có mức độ sẵn sàng cao như công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, an toàn, an ninh mạng; công nghiệp chế tạo thông minh; tài chính - ngân hàng, thương mại điện tử; nông nghiệp số, du lịch số, công nghiệp văn hóa số; y tế, giáo dục và đào tạo”<sup>[1]</sup>.

## **2. Nội dung cơ bản của chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo**

Trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, chuyển đổi số sẽ hỗ trợ đổi mới giáo dục đào tạo theo hướng giảm thuyết giảng, truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực người học, tăng khả năng tự học, tạo cơ hội học tập mọi lúc, mọi nơi, cá nhân hóa việc học, góp phần tạo ra xã hội học tập và học tập suốt đời. Sự bùng nổ của nền tảng công nghệ IoT, Big Data, AI, SMAC (mạng xã hội - di động - phân tích dữ liệu lớn - điện toán đám mây) đang hình thành nên hạ tầng giáo dục số. Theo đó, nhiều mô hình giáo dục thông minh đang được phát triển trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin; hỗ trợ đắc lực việc cá nhân hóa học tập (mỗi người học một giáo trình và một phương pháp học tập riêng không giống với người khác, việc này do các hệ thống công nghệ thông tin thực hiện tự động); làm cho việc truy cập kho kiến thức khổng lồ trên môi trường mạng được nhanh chóng, dễ dàng; giúp việc tương tác giữa gia đình, nhà trường, giáo viên, học sinh gần như tức thời.

Chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo tập trung vào hai nội dung chủ đạo là chuyển đổi số trong quản lý giáo dục và chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá, nghiên cứu khoa học. Trong quản lý giáo dục bao gồm số hóa thông tin quản lý, tạo ra những hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) lớn liên thông, triển khai các dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng các Công nghệ 4.0 (AI, blockchain, phân tích dữ liệu,...) để quản lý, điều hành, dự báo, hỗ trợ ra quyết định trong ngành giáo dục đào tạo một cách nhanh chóng, chính xác. Trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá gồm số hóa học liệu (sách giáo khoa điện tử, bài giảng điện tử, kho bài giảng e-learning, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm), thư viện số, phòng thí nghiệm ảo, triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến, xây dựng các trường đại học ảo (cyber university).

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự vào cuộc quyết liệt, trách nhiệm, hiệu quả của cả hệ thống chính trị, ngành Giáo dục và đào tạo ở nước ta đã có nhiều đổi mới, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cải thiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; thay đổi, điều chỉnh các hoạt động dạy học, tổ chức dạy

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, t.2, tr.104-105.

học trực tuyến góp phần phát triển năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy - học, thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục cho học sinh, tạo điều kiện để trẻ em, học sinh, sinh viên được học ở mọi nơi, mọi lúc và bảo đảm công tác phòng, chống dịch, thích ứng với tình hình của dịch Covid-19; đồng thời thực hiện tốt phương châm “tạm dừng đến trường, không dừng học” đáp ứng mục tiêu chương trình, kế hoạch công tác của năm học.

Đối với giáo dục đại học, đã có 150 cơ sở giáo dục đại học chuyển hình thức giảng dạy từ trực tiếp sang trực tuyến để phòng chống dịch. Một số cơ sở giáo dục đại học thuộc khối ngành sức khỏe đã bố trí giảng viên, sinh viên tình nguyện hỗ trợ vùng dịch. Tại một số địa phương, tùy theo diễn biến của dịch Covid-19, các cơ sở giáo dục đại học đóng trên địa bàn đã chủ động quyết định việc tổ chức dạy và học theo hình thức trực tuyến hoặc trực tuyến kết hợp trực tiếp trong trường hợp đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; kết hợp tăng cường các giải pháp quản lý chất lượng lớp học trực tuyến.

Căn cứ hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học triển khai áp dụng quy trình đánh giá các học phần theo hình thức trực tuyến phải đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp. Việc tổ chức bảo vệ và đánh giá đồ án, khóa luận trực tuyến ở trình độ đại học phải đáp ứng thêm một số quy định: đánh giá thông qua một hội đồng chuyên môn gồm ít nhất 3 thành viên; được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và người học; diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ để phục vụ công tác giám sát, kiểm tra, kiểm định chất lượng giáo dục và thanh tra trong trường hợp có yêu cầu.

Đối với giáo dục thường xuyên, việc triển khai tổ chức dạy học trực tuyến thay thế dạy học trực tiếp; đẩy mạnh việc sử dụng phiếu điều tra điện tử và trực tuyến trong khảo sát nhu cầu học tập của người dân. Tăng cường sử dụng các phương tiện truyền thông (phát thanh, internet, mạng xã hội,...) để tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ sâu rộng đến người dân.

Việc đào tạo trực tuyến được thực hiện qua các công cụ dạy học trực tuyến theo thời gian thực (Microsoft Teams, Zoom, Webex, Google Hangouts Meet,...) hoặc theo hệ thống đào tạo trực tuyến chuyên nghiệp LMS (Learning Management System).

Đối với một số ngành, nghề thuộc lĩnh vực khoa học xã hội hoặc những ngành nghề, môn học, mô đun có nội dung phù hợp, các nhà trường có thể cho phép thực hiện việc thi, kiểm tra theo hình thức trực tuyến gián tiếp (không tập trung tại trường) nhưng phải bảo đảm đánh giá được chính xác, khách quan kết quả học tập của người học và chống được gian lận trong quá trình thi, kiểm tra; diễn biến của buổi thi, kiểm tra trực tuyến được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ theo quy định.



### **3. Nâng cao chất lượng giảng dạy ở các trường đại học trên cơ sở quán triệt quan điểm về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng**

Trong giáo dục, chuyển đổi số là chuyển đổi toàn bộ những gì cần để có thể triển khai giáo dục trực tuyến. Nâng cao chất lượng giảng dạy qua hình thức trực tuyến cần có đầu tư xứng đáng và có quyết tâm với công cuộc chuyển đổi số. Không có một công thức dành riêng cho quá trình này, nhưng hoàn toàn có thể vận dụng các khung đánh giá hiệu quả giáo dục cũng như các khung đảm bảo chất lượng giáo dục để định hướng quá trình chuyển đổi giảng dạy, học tập môn học. Trong thời gian tới, cần chú trọng một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

*Trước hết*, cần nhận thức sâu sắc rằng chuyển đổi số trước hết là “chuyển đổi nhận thức” của người giảng viên. Chuyển đổi số đòi hỏi cơ sở đào tạo, giảng viên cần liên tục cập nhật, liên tục học hỏi theo cái mới, cái hiện đại và phải chấp nhận cả thất bại bên cạnh những thành công của sự đổi mới đem lại.

Những lợi ích dễ nhận biết nhất của chuyển đổi số đối với giảng dạy đó là: tăng hiệu quả hoạt động, giảm chi phí vận hành, lãnh đạo ra quyết định nhanh chóng và chính xác hơn, tối ưu hoá được năng suất lao động của người lao động... Tất cả những yếu tố này cuối cùng đều giúp tăng hiệu quả hoạt động và tính cạnh tranh của ngành học, môn học, nhà trường sau khi triển khai công tác chuyển đổi số.

Tuy nhiên, để chuyển đổi số thành công trong giảng dạy thì trước tiên phải “chuyển đổi nhận thức” của giảng viên. Chuyển đổi số thực chất là quá trình thay đổi, không chỉ về hạ tầng vật chất mà còn phải thay đổi về ý thức của con người. Trong Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020) cũng nêu rõ quan điểm “chuyển đổi số trước hết là chuyển đổi về nhận thức”; “nhận thức đóng vai trò quyết định và người dân là trung tâm của chuyển đổi số”. Nhiệm vụ đầu tiên để thực hiện chuyển đổi số cũng là nhiệm vụ chuyển đổi về nhận thức.

Trước tiên, nhận thức của người giảng viên cần phải thay đổi, mọi người phải nhận thấy rõ vai trò và trách nhiệm của mình trong công cuộc chuyển đổi số. Giảng viên phải nhận thức được nếu họ không thay đổi, không chủ động nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ, tiếp cận công nghệ mới thì sẽ không đáp ứng được nhiệm vụ. Do đó, sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Nhà trường cũng như việc làm, thu nhập của chính bản thân.

Chuyển đổi số sẽ chuyển đổi mọi lĩnh vực của cuộc sống xã hội, trong đó có lao động. Theo đó, cả giảng viên và người sử dụng lao động (Nhà trường) cũng phải được chuyển đổi theo để có thể thích nghi tốt nhất có thể. Nhà trường phải thay đổi cách vận hành truyền thống để phù hợp với một xã hội được chuyển đổi số. Và người giảng viên cũng phải thay đổi cách thức giảng dạy trước nay để có thể thích nghi.

Thế nhưng, không hiếm trường hợp ngộ nhận về chuyển đổi số và ví như “chiếc đũa thần” có thể thay đổi ngay lập tức chất lượng giảng dạy. Thậm chí, một số cá nhân cho rằng chỉ cần bỏ tiền đầu tư vào trang thiết bị công nghệ, tổ chức tập huấn là có thể hoàn thành chuyển đổi số và trông chờ đem lại kết quả tích cực ngay.

Chuyển đổi số thực chất là quá trình thay đổi, không chỉ về hạ tầng vật chất mà còn phải thay đổi về ý thức và cần được coi như một phương thức phát triển. Trong vấn đề này, vai trò của người lãnh đạo hết sức quan trọng. Nếu lãnh đạo không đi đầu, làm gương trong việc chuyển đổi số, sử dụng các công cụ số trong quản lý, điều hành thì rất khó để yêu cầu bộ máy bên dưới triển khai. Chính vì vậy, nhiệm vụ đầu tiên để thực hiện chuyển đổi số cũng là nhiệm vụ chuyển đổi về nhận thức.

Chúng ta đang sống trong thời kỳ mà chuyển đổi số là xu thế tất yếu. Nhiều người đã và đang tham gia vào quá trình chuyển đổi số trong các lĩnh vực kinh tế, giáo dục... mà chưa ý thức được những gì đang diễn ra chính là biểu hiện cụ thể của thực hiện chuyển đổi số. Việc tổ chức dạy học trực tuyến trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp cũng là một trong những hình thức chuyển đổi số.

Vậy nên, “chuyển đổi số” không phải khái niệm xa vời, mơ hồ nhưng để tiến tới các mục tiêu mà Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đặt ra, việc chuyển đổi nhận thức, nâng cao nhận thức của mỗi cán bộ, giảng viên về chuyển đổi số vẫn cần triển khai ngay những giải pháp cụ thể.

*Thứ hai*, Nhà trường cần hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch năm học linh hoạt và sáng tạo, triển khai hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học tích cực, có chất lượng phù hợp bối cảnh của người học, ngành học.

Tổ chức rà soát, hoàn thiện ban hành các văn bản hướng dẫn dạy học trực tuyến, phát triển các nguồn học liệu điện tử phong phú, hợp lý, dễ sử dụng. Tổ chức xây dựng kế hoạch giáo án dạy học trực tuyến bảo đảm các yêu cầu về phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, thiết bị dạy học và học liệu, phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học. Tăng cường kết hợp dạy học trực tuyến với dạy học trực tiếp tại trường (hình thức học pha trộn - Blended learning), hướng dẫn sinh viên tham gia học tập các bài học trên e-Learning phù hợp với kế hoạch đào tạo của nhà trường.

Xây dựng hệ thống đề thi, bài kiểm tra, ngân hàng câu hỏi; chuẩn bị tốt các điều kiện để thực hiện kiểm tra, đánh giá trực tuyến theo quy định, bảo đảm chất lượng, chính xác, hiệu quả, công bằng, khách quan, trung thực; đánh giá đúng năng lực của sinh viên, phù hợp với tình hình dịch bệnh.

*Thứ ba*, nâng cao năng lực chuyển đổi số cho đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý đào tạo thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số để đáp ứng yêu cầu của các phương thức dạy học mới, bao gồm ứng dụng công nghệ giáo dục (Edtech) trong lớp học, ứng dụng các phần mềm Edtech (công nghệ giáo dục) trong phương pháp dạy

học, kỹ năng, phương pháp dạy học trực tuyến cho giáo viên và ứng dụng công nghệ số trong quản lý giáo dục.

Vấn đề quan trọng nhất, có tính quyết định đến quá trình chuyển đổi số trong giảng dạy ở trường đại học chính là vấn đề đào tạo nhân sự đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Đội ngũ phải được đào tạo đầu tiên là giảng viên vì giảng viên quyết định chất lượng đào tạo của trường và giảng viên là nhân tố chủ chốt vận hành hệ thống đào tạo, hằng ngày tiếp xúc với sinh viên trên môi trường số. Giảng viên phải được đào tạo để có thể sử dụng các công cụ số trong giảng dạy trực tuyến, đánh giá sinh viên trực tuyến và hỗ trợ sinh viên học tập trực tuyến. Giảng viên cũng phải là người thành thạo trong việc khai thác các tài nguyên trực tuyến cho công tác nghiên cứu khoa học và hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học.

Đội ngũ thứ hai phải được đào tạo thích ứng với chuyển đổi số là đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên viên của các đơn vị chức năng làm nhiệm vụ quản lý nhà trường bằng các công cụ số. Đội ngũ này phải được đào tạo để sử dụng thành thạo các nghiệp vụ trên nền tảng số như: quản lý đào tạo, quản lý sinh viên, quản lý nhân sự, quản lý tài chính, quản lý cơ sở vật chất, quản lý tài nguyên số...

Cuối cùng là đội ngũ kỹ thuật viên quản lý và bảo trì phải được đào tạo một cách có hệ thống để có thể vận hành và bảo trì toàn bộ thiết bị phần cứng và phần mềm của nền tảng số trong trường đại học.

Thực tế cho thấy, trong thời gian đầu, việc triển khai hình thức dạy học trực tuyến còn có sự lúng túng. Cán bộ quản lý, giảng viên chưa quen với hình thức dạy học mới; sinh viên chưa được chuẩn bị tâm thế; điều kiện hạ tầng kỹ thuật còn tự phát, chưa đồng bộ; việc triển khai quản lý hồ sơ, sổ điểm điện tử còn hạn chế,... Những điều này tác động không nhỏ đến chất lượng, hiệu quả của việc dạy và học.

Để khắc phục hạn chế này, các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo và Nhà trường đã kịp thời ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, chỉ đạo các cấp học tổ chức triển khai dạy học trực tuyến và đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Từ đó, đã tạo hành lang pháp lý với mục đích hỗ trợ hoặc thay thế dạy học trực tiếp tại cơ sở giáo dục đại học nâng cao chất lượng dạy học và hoàn thành chương trình, kế hoạch giáo dục... Thực hiện linh hoạt việc kiểm tra, đánh giá sinh viên theo hình thức trực tuyến bước đầu học sinh, cha mẹ học sinh và xã hội ủng hộ.

*Thứ tư*, giảng viên, các tổ chuyên môn chủ động điều chỉnh, tinh giản nội dung, thay đổi phương thức và cập nhật nội dung giảng dạy; phối hợp với các đơn vị, tổ chức có liên quan xây dựng kế hoạch dạy học trực tuyến, cung cấp cho người học nhiều kỹ năng mới hơn để đáp ứng yêu cầu thị trường lao động; phát triển kho học liệu điện tử, các video hỗ trợ sinh viên để sử dụng hiệu quả trong việc tổ chức dạy học trực tuyến; khai thác, chia sẻ hiệu quả các công cụ hỗ trợ, kho tài liệu, học liệu trực tuyến.

*Thứ năm*, Bộ Thông tin và Truyền thông sớm ban hành hướng dẫn sử dụng an toàn các phần mềm, công cụ dạy học trực tuyến; chỉ đạo các tập đoàn, doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin nghiên cứu, phát triển các giải pháp, nền tảng dạy học và học trực tuyến, học liệu số; hỗ trợ các cơ sở giáo dục, sinh viên, giảng viên tiếp cận hạ tầng số, dịch vụ truy cập internet tốc độ cao an toàn, để sử dụng.

*Thứ sáu*, các cấp ủy đảng, các đơn vị đào tạo cần có các giải pháp ưu tiên nguồn lực bảo đảm điều kiện để dạy học trực tuyến, có chính sách hỗ trợ giảng viên, sinh viên khó khăn không có phương tiện để dạy và học trực tuyến, tiếp cận phương thức dạy học mới. Huy động các nguồn lực từ các tổ chức, doanh nghiệp, tập đoàn hỗ trợ, tạo điều kiện cho các nhà trường, sinh viên, giảng viên gặp khó khăn về tài chính, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, công nghệ để trang bị thiết bị dạy và học tối thiểu phục vụ học tập và giảng dạy trực tuyến, phù hợp phương thức dạy học mới.

Có thể thấy, quá trình chuyển đổi số trong hoạt động dạy học tại một trường đại học là quá trình đổi mới tự thân để đáp ứng yêu cầu phát triển nội tại của trường và đáp ứng tốt hơn cho người học. Với vai trò tiên phong, Trường Đại học Vinh từ lâu đã ý thức và chủ động ứng dụng các công nghệ thông tin, công nghệ số vào trong các hoạt động của mình, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý, giảng dạy và nghiên cứu. Các giải pháp chuyển đổi số sẽ làm thay đổi toàn diện các hoạt động dạy và học, nâng cao chất lượng đào tạo và giúp nhà trường sớm tiếp cận chuẩn quốc tế.

**Kết luận:** Chuyển đổi số là xu hướng tất yếu của thực tiễn khách quan. Sự phát triển của khoa học công nghệ đã thay đổi quy trình sản xuất hàng hóa, nâng cao hoạt động giao vận thông minh dẫn đến vừa dư thừa lao động, vừa thiếu hụt lao động trong các ngành nghề đặc thù mới. Bên cạnh đó, sự đứt gãy các chuỗi liên kết trong sản xuất, vận chuyển, phân phối hàng hóa do tác động của dịch bệnh dẫn đến thay đổi cơ cấu lực lượng lao động. Điều tất yếu diễn ra là sự gia tăng của nhu cầu cập nhập, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng của người lao động. Do vậy, thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, dạy - học, nghiên cứu khoa học giúp các trường đại học hoàn thành nhiệm vụ của mình là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 2, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

# ĐỊNH HƯỚNG TIẾP CẬN CÁC ĐIỂM MỚI TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG VÀ VẬN DỤNG VÀO GIẢNG DẠY, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC HIỆN NAY

PGS.TS. Bùi Văn Dũng<sup>[1]</sup> - ThS. Phạm Xuân Dinh<sup>[2]</sup>

**Tóm tắt:** Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng là sự kết tinh trí tuệ, sáng tạo của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, thể hiện tư duy lý luận và thực tiễn mang tầm nhìn chiến lược về sự phát triển đất nước trong điều kiện công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế. Văn kiện Đại hội thể hiện nhiều điểm mới toàn diện, nổi bật, nhấn mạnh quá trình phát triển nhận thức, tư duy lý luận và sự vận dụng sáng tạo, phù hợp với tình hình thực tiễn đất nước, của Đảng.

**Từ khóa:** Định hướng; nghiên cứu khoa học; vận dụng trong giảng dạy

## 1. Những nội dung cơ bản, điểm mới trong các Văn kiện Đại hội XIII của Đảng

### Một là: Mục tiêu phát triển đất nước

Văn kiện Đại hội XIII đã xác định mục tiêu tổng quát và cũng là chủ đề Đại hội: “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”. Đây là một bước tiến mới về nhận thức lý luận, vừa kế thừa giá trị cốt lõi trong chủ đề Đại hội XII, vừa phát triển một số nội dung mới. Bổ sung xây dựng hệ thống chính trị vào nội dung xây dựng Đảng thành “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch,

1 Trường Đại học Hồng Đức

2 Trường THPT Ba Đình - Nga Sơn - Thanh Hóa

vững mạnh”. Xác định rõ hơn “khát vọng phát triển đất nước” phồn vinh, hạnh phúc. Xác định mục tiêu “đến giữa thế kỷ XXI nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”.

Từ mục tiêu tổng quát, văn kiện xác định mục tiêu cụ thể qua 3 giai đoạn phát triển: Đến 2025: Kỷ niệm 50 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp, vượt qua ngưỡng 3.500 USD/người/năm. Đến 2030: Kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, phấn đấu đạt đến 17.000 USD/người/năm. Đến 2045: Kỷ niệm 100 năm thành lập nước: Trở thành nước phát triển, theo định hướng XHCN, thu nhập trung bình từ 17.000 USD trở lên.

Việc xác định các mục tiêu cụ thể đều có cơ sở khoa học, dựa trên đánh giá thực trạng các nguồn lực, điều kiện thực tế và xu thế phát triển trong và ngoài nước để định ra tiêu chí của mô hình. Điều này đã được đồng đảng cán bộ, đảng viên, nhân dân, các nhà khoa học, các chuyên gia góp ý nên tính khả thi cao.

### ***Hai là: Các nguồn lực tạo đột phá phát triển***

*- Coi trọng xây dựng và hoàn thiện thể chế phát triển*

Đây chính là nhân tố cốt lõi, hạt nhân trong mô hình phát triển. Vì thế, cần làm rõ các yếu tố cấu thành của thể chế phát triển, từ thể chế chính trị, thể chế kinh tế đến văn hóa, quốc phòng an ninh, đối ngoại. Đồng thời xác định chủ thể của thể chế, các quy tắc ràng buộc và quy trình tổ chức thực hiện thống nhất của thể chế. Coi trọng thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN đầy đủ, hiện đại, hội nhập, trong mối quan hệ tương tác với các thể chế phát triển khác.

Văn kiện cũng nêu ra 5 nguyên tắc để vận hành thể chế. Đó là phải kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; kết hợp sức mạnh dân tộc và thời đại; nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng; lấy phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên.

Để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm là: Hoàn thiện đồng bộ hệ thống chính trị (Đảng, Nhà nước, Công dân); bộ máy nhà nước (lập pháp, hành pháp, tư pháp); hệ thống công cụ quản lý (pháp luật, chính sách vĩ mô, Chỉ thị, Nghị quyết, Thông tư).

*- Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội*

Tập trung mọi nguồn lực để xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, ưu tiên hạ tầng giao thông, đô thị, hạ tầng thông tin và truyền thông, hạ tầng kinh tế và ứng phó biến đổi khí hậu, hạ tầng văn hóa xã hội, hạ tầng kỹ thuật số. Tập trung cho hạ tầng trọng điểm quốc gia như hạ tầng sân bay Quốc tế Long Thành, đường cao tốc Bắc Nam.

*- Nguồn nhân lực*

Tập trung phát triển nguồn nhân lực ở cả 3 khâu: Số lượng, chất lượng và cơ cấu. Ưu tiên nguồn nhân lực chất lượng cao (Kiến thức văn hóa, chuyên môn sâu, kỹ năng chuyên nghiệp, thái độ). Nâng tỷ lệ lao động trên tổng số dân cư. Nâng tỷ lệ qua đào tạo, từ 64,5% năm 2020 lên khoảng 70% vào 2025. Trong đó, tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ 24,5% năm 2020 lên khoảng 30% năm 2025. Thực hiện cơ cấu lại tỷ lệ lao động trong các lĩnh vực: 30% lao động ngành nông lâm thủy sản, 36% lao động trong công nghiệp - xây dựng, 34% lao động lĩnh vực dịch vụ thương mại.

*Ba là: Thực hiện các giải pháp căn cơ để phát huy nguồn lực*

*- Về chính trị*

Nâng tầm chủ thể của thể chế phát triển. Xây dựng Đảng đủ năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền cả về tư tưởng, tổ chức và cán bộ. Xây dựng bộ máy nhà nước tinh giản, gọn nhẹ, chuyên nghiệp, hiệu quả. Thực hiện cơ chế Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng. Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước trong nhân dân. Tiếp tục hoàn thiện công cụ quản lý vĩ mô: Pháp luật, chính sách kinh tế (tiền tệ, thuế, phí, lệ phí), chính sách xã hội (lương, thưởng, hỗ trợ), kế hoạch, Chỉ thị, Nghị quyết, Quyết định...

*- Về kinh tế:*

Cơ cấu mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học và công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao, kinh tế số đạt 20% GDP.

*- Về văn hóa, xã hội*

Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài. Đưa kinh tế số trở thành ngành kinh tế mũi nhọn chiếm 20% GDP. Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Quản lý phát triển xã hội có hiệu quả, nghiêm minh, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên. Thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa.

*- Về quốc phòng, an ninh*

Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Nâng cao cảnh giác, chủ động phòng ngừa âm mưu của kẻ thù trên tất cả các không gian. Đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ đối ngoại theo nguyên tắc của Hiến pháp và Hiến chương Liên Hiệp quốc.

## 2. Định hướng vận dụng điểm mới trong văn kiện đại hội XIII vào nghiên cứu khoa học, giảng dạy

*Thứ nhất, trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, cần tập trung làm sáng tỏ khát vọng phát triển đất nước, phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa*

Khát vọng phát triển đất nước: Là ước nguyện ngàn đời nay của nhân dân ta về một cuộc sống hòa bình, ấm no, hạnh phúc, người dân làm chủ vận mệnh mình. Đất nước không có áp bức, bất công, không có cái ác, cái xấu, con người sống thân thiện, yêu thương, giúp đỡ trong tình nhân ái.

Hôm nay, khát vọng ấy là ý Đảng, lòng dân đã trở thành động lực, thành đích đến để toàn dân tộc cùng cố gắng thực hiện trong một tương lai không xa. Chính vì vậy, một trong những điểm nhấn quan trọng trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng là khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Trong đó, đặt ra những mục tiêu rất rõ ràng cho sự phát triển đó, hướng tầm nhìn dài hạn đến giữa thế kỷ 21 chứ không chỉ là một hay vài nhiệm kỳ sắp tới.

Để khát vọng trở thành hiện thực, mỗi nhà trường, mỗi nhà giáo phải thấp lửa trong nhận thức, hành động mỗi thế hệ học sinh ý chí không khuất phục trước khó khăn, không cam chịu tụt hậu, không cam chịu thua kém, không chấp nhận đời nghèo. Ý chí đó lan tỏa trong xã hội, trở thành văn hóa khát vọng của cả dân tộc và hòa quyện trong truyền thống lịch sử văn hóa mỗi cộng đồng.

Sinh thời, Bác Hồ kính yêu hằng mong muốn nhân dân ta “ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”, dân tộc độc lập, tự do, xây dựng đất nước sánh vai cùng các cường quốc năm châu. Người đã trở thành tấm gương sáng ngời suốt đời tận tụy cống hiến, hy sinh cho khát vọng độc lập của đất nước, tự do, hạnh phúc của Nhân dân. Ý chí, khát vọng của Người lan tỏa và trở thành *khát vọng dân tộc* để làm nên một thời đại mới trong lịch sử - thời đại Hồ Chí Minh.

Trong nghiên cứu khoa học, cần có cách tiếp cận ở nhiều khía cạnh, làm rõ tính hệ thống của cơ sở lý luận và thực tiễn của *khát vọng dân tộc*, từ góc độ tâm lý - xã hội đến truyền thống lịch sử - văn hóa; từ thể chế phát triển đến điều kiện kinh tế, xã hội, môi trường; từ ý thức dân tộc đến sức mạnh thời đại; từ ý Đảng - lòng dân đến cơ chế phát huy sức sáng tạo của Nhân dân. Khát vọng dân tộc là một phạm trù lịch sử, vận động đa dạng trong dòng chảy thuần khiết của văn hóa dân tộc và thời đại. Dân tộc nào cũng có khát vọng và mỗi dân tộc hiện thực hóa khát vọng theo cách riêng của mình. Ngày nay, hội nhập quốc tế đã làm cho khát vọng dân tộc xâm nhập vào nhau, nương tựa vào nhau và cũng có thể hạn chế nhau. Do đó, trong nghiên cứu luôn đặt khát vọng dân tộc trong bối cảnh cụ thể, mối quan hệ cụ thể.



*Thứ hai, làm rõ hơn cấu trúc thể chế phát triển, nhất là thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN đầy đủ, hiện đại, hội nhập*

- *Chủ thể của thể chế phát triển.* Cần có nghiên cứu tổng thể, định danh rõ hơn địa vị pháp lý của Đảng, Nhà nước, Công dân với tư cách là chủ thể trong thể chế phát triển.

+ Đảng Cộng sản lãnh đạo hệ thống chính trị bằng: định hướng chủ trương, công tác tổ chức và cán bộ, công tác kiểm tra, giám sát. Nhà nước thể chế hóa chủ trương bằng định ra hệ thống luật pháp và điều hành xã hội bằng luật pháp và công dân vừa là chủ thể thực thi pháp luật vừa là đầu mối phản biện xã hội về chức năng của Đảng và Nhà nước.

+ Đảng không đứng trên nhà nước, không đứng ngoài nhà nước mà Đảng nằm trong bộ máy nhà nước. Theo đó, bộ máy nhà nước nên là 4 cơ quan chứ không phải 3 cơ quan theo nguyên tắc tam quyền thống nhất có sự phân công như trước đây là: cơ quan lãnh đạo (Đảng), cơ quan lập pháp (Quốc hội và HĐND), cơ quan hành pháp (Chính phủ và UBND), cơ quan tư pháp (VKS và TAND). Do đó, địa vị pháp lý của Đảng là cơ quan đầu mối tiền pháp luật, tạo nền tảng của pháp luật, đồng thời Đảng lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ, công tác kiểm tra, giám sát bằng pháp luật và để tránh công kênh bộ máy, nên đồng bộ cơ quan giám sát, kiểm tra của Đảng và Nhà nước làm một, do Đảng quản lý để giám sát đầu mối các cơ quan.

- *Nguyên tắc vận hành thể chế:* Kiên định và sáng tạo, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; Kết hợp sức mạnh dân tộc và thời đại; Nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng. Lấy kinh tế - xã hội là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, quốc phòng và an ninh là trọng yếu, thường xuyên. Các nguyên tắc vận hành thể chế phải được luật hóa để đảm bảo tính khả thi cao. Thậm chí, có những nội dung mới cần được bổ sung trong Hiến pháp thì cần có Tu chính án như cách sửa đổi Hiến pháp của Mỹ và một số quốc gia khác.

- *Công cụ của thể chế:* Làm rõ hơn tính đồng bộ, liên thông giữa thể chế chính trị, thể chế kinh tế, thể chế văn hóa, quốc phòng an ninh mà xương sống là hệ thống luật pháp, chính sách. Trong đó, nên đưa Điều lệ Đảng thành luật - là một cơ sở chính trị - pháp lý quan trọng để tổ chức Đảng - một cơ quan lãnh đạo của thể chế thành lập, hoạt động trong khuôn khổ luật định. Điều đó đòi hỏi phải có nghiên cứu lý luận hệ thống, tổng kết thực tiễn để đề xuất, kiến giải các giải pháp xây dựng hệ thống luật pháp đồng bộ, phù hợp thể chế phát triển hội nhập trong giai đoạn mới. Coi trọng cơ chế vận hành thể chế kinh tế, từ địa vị pháp lý của chủ thể kinh tế đến nguyên tắc vận hành của chủ thể và công cụ vận hành. Trong đó, Nhà nước là chủ thể kinh tế đặc biệt - trung tâm điều phối các cơ chế kinh tế như khung pháp lý, điều kiện kinh tế- xã hội cho cơ thể kinh tế vận hành. Các mối quan hệ tài chính,

giá cả, hạ tầng kinh tế, nguồn lực con người, các mối quan hệ kinh tế - lợi ích đều được nhà nước điều phối qua môi trường luật pháp công khai, minh bạch.

*Thứ ba, đấu tranh với tiêu cực, tham nhũng, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, “lợi ích nhóm” và tiêu cực khác*

Để Nghị quyết đi vào cuộc sống, trở thành động lực phát triển, bên cạnh việc phát huy tiềm năng, lợi thế so sánh, trong giảng dạy và nghiên cứu lý luận, chúng ta cần đề xuất khung tiêu chí để nhận diện rõ hơn những biểu hiện tiêu cực, tham nhũng, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, “lợi ích nhóm” và tiêu cực khác trong xã hội đang từng bước bộc lộ với nhiều biểu hiện khác nhau, tinh vi và chiều hướng phức tạp, khó lường. Trên diễn đàn nghiên cứu lý luận, cần có trao đổi thông tin, tiếp cận thông tin từ nhiều góc độ để đi trước, đón đầu bằng các giải pháp hữu hiệu trong ngăn chặn và đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống. Những biểu hiện phai nhạt lý tưởng, nói không đi đôi với làm, nói một đằng, làm một nẻo trong đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Trong công cuộc xây dựng đất nước độc lập tự chủ, qua nghiên cứu lý luận để nhận diện sự chống phá của các thế lực thù địch về tư tưởng, nhất là trên không gian mạng, các hình thức sinh hoạt tư tưởng, tôn giáo, văn học nghệ thuật. Mặt mặt, phải đề xuất cơ chế giám sát chặt chẽ cán bộ, đảng viên. Thường xuyên cập nhật diễn biến tư tưởng của đảng viên, đánh giá ý thức, thái độ chính trị của đảng viên trong thực hiện Nghị quyết của Đảng. Mặt khác, chế tài xử lý hành vi vi phạm cần nghiêm khắc. Công cuộc đấu tranh với tiêu cực, với các thế lực thù địch là công việc lâu dài, thường xuyên, cần kiên trì, kiên quyết, nghiên cứu lý luận tổng thể, hệ thống để nhận diện.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1,2. NXB Chính trị quốc gia sự thật, tháng 3/2021.
2. Hội đồng lý luận Trung ương (2021), *Những điểm mới trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
3. Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng (2021), *Tài liệu học tập các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
4. Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng (2021), *Tài liệu hỏi - đáp các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
5. Nguyễn Văn Ngọc (2012), *Từ điển kinh tế học*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
6. Bùi Đức Tịnh (2002), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Văn hóa Thông tin.

# VẬN DỤNG NHỮNG ĐIỂM MỚI TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG VỀ THÚC ĐẨY ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYỂN GIAO, ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN MẠNH MẼ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG GIẢNG DẠY NỘI DUNG: CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM

PGS.TS Trần Viết Quang<sup>[1]</sup> - ThS Nguyễn Thị Diệp<sup>[2]</sup>

**Tóm tắt:** Sau 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, Đảng ta đã nhận thức ngày càng rõ và sâu sắc hơn vị trí, vai trò và tầm quan trọng của khoa học, công nghệ đối với sự phát triển quốc gia. Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định: thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ. Nghiên cứu, vận dụng những điểm mới trong văn kiện Đại hội XIII về vấn đề này trong giảng dạy nội dung: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong các trường đại học, cao đẳng có ý nghĩa hết sức quan trọng, góp phần đưa Nghị quyết của Đảng được triển khai trong thực tiễn.

**Từ khóa:** Đại hội XIII, điểm mới, đổi mới, sáng tạo, khoa học, công nghệ.

## Đặt vấn đề

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam có nhiệm vụ tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII gắn với việc đánh giá 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, 10 năm thực

---

1 Trường Đại học KHxHNV- Trường Đại học Vinh

2 Khoa GDCT- Trường Sư phạm - Trường ĐH Vinh (Sinh viên K28 GDCT)

hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 -2020; đề ra phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 (kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước); xác định mục tiêu, phương hướng đến năm 2030 (kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng) và tầm nhìn phát triển đất nước đến năm 2045 (kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII xác định đến giữa thế kỷ XXI, nước ta cơ bản trở thành một nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Để đạt được mục tiêu tổng quát này, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII xác định các dấu mốc phát triển quan trọng của đất nước ta trong những thập niên sắp tới:

- Đến năm 2025: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp.

- Đến năm 2030: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.

- Đến năm 2045: Trở thành nước phát triển thu nhập cao.

Để góp phần quán triệt sâu sắc và triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã đề ra, bài viết này đi sâu nghiên cứu vận dụng những điểm mới trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng về thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ trong nghiên cứu, giảng dạy nội dung: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam, học phần Kinh tế Chính trị Mác - Lênin trong các trường đại học, cao đẳng.

## **1. Những điểm mới trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng về thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ**

*Thứ nhất*, về đề mục, trong Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội XIII của Đảng, mục VI có tiêu đề: “Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ”. Như vậy, so với Đại hội XII, văn kiện lần này đã bổ sung thêm cụm từ: “*thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển giao*” và đặt lên trước để nhấn mạnh vai trò của đổi mới sáng tạo. Trong Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội giai đoạn 2010-2020, tại mục IV- Định hướng phát triển kinh tế- xã hội, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, vấn đề này được trình bày ở điểm 10, với tiêu đề là: *phát triển khoa học và công nghệ thực sự là động lực then chốt của quá trình phát triển nhanh và bền vững*; thì trong Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội 10 năm 2021-2030, tại mục V- Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế- xã hội, vấn đề được trình bày ở điểm 2 với tiêu đề: *Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế*. Như vậy, vấn đề phát triển khoa học công nghệ đã được nâng lên một bước: phát triển mạnh mẽ gắn liền với đổi mới, sáng tạo. Không những

thể, văn kiện lần này còn đề cao yêu cầu đổi mới sáng tạo như một định hướng trung tâm, xuyên suốt trong xu thế Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tăng tốc.

*Thứ hai*, các văn kiện lần này tiếp tục làm rõ nội dung, yêu cầu: “*Có chiến lược phát triển khoa học và công nghệ phù hợp xu thế chung của thế giới và điều kiện đất nước, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư*”<sup>[1]</sup>. Tiếp tục quán triệt, thực hiện nhất quán chủ trương coi khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

*Thứ ba*, đã cụ thể hóa hơn các ngành khoa học cần chú trọng trọng phát triển, đó là: khoa học tự nhiên, khoa học- kỹ thuật và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn, đặc biệt, lần đầu tiên *khoa học lý luận chính trị được nhấn mạnh đậm nét*. Đồng thời, đề cập cụ thể hơn yêu cầu đối với các lĩnh vực khoa học, theo đó thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khoa học xã hội và nhân văn để có cơ sở khoa học phục vụ tốt nhất sự nghiệp đổi mới, phát triển kinh tế, xã hội. Văn kiện Đảng lần này rất chú trọng *ưu tiên chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ* vào các lĩnh vực sản xuất. Phát triển mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, coi đó là động lực chính của tăng trưởng kinh tế. Thực hiện chuyển đổi số trong quản trị quốc gia, quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh, tổ chức xã hội và quản lý tài nguyên quốc gia. Đẩy nhanh chuyển đổi số đối với một số ngành, lĩnh vực đã có điều kiện. Ứng dụng và phát triển công nghệ mới, ưu tiên công nghệ số, kết nối 5G và sau 5G, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối (blockchain), in 3D, Internet vạn vật, an ninh mạng, năng lượng sạch, công nghệ môi trường để chuyển đổi, nâng cao năng suất, hiệu quả của nền kinh tế. Như vậy, chuyển đổi nền kinh tế số và đổi mới sáng tạo trở thành động lực quyết định tăng năng suất lao động, lợi thế cạnh tranh trong tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

*Thứ tư*, Văn kiện Đại hội XII mới nêu: “*Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ*”<sup>[2]</sup>, thì Văn kiện lần này thay từ cơ chế bằng thể chế: “*Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ thể chế, chính sách ứng dụng, phát triển khoa học và công nghệ*”<sup>[3]</sup>. Việc nhấn mạnh, *phạm vi tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế, nhất là nội dung liên quan đến đổi mới sáng tạo, cách mạng công nghiệp lần thứ tư là để phát triển nền khoa học Việt Nam; phát triển mạnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thúc đẩy phát triển mô hình kinh doanh mới,*

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, H, tr.140.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, H, tr.121.

3 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tập I, tr.141.

kinh tế số, xã hội số. Văn kiện cũng chỉ rõ: “*Có cơ chế, chính sách kinh tế, tài chính khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ*”<sup>[1]</sup>. Xác định rõ các chỉ tiêu, chương trình hành động để ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong mọi mặt hoạt động ở các cấp, các ngành, địa phương.

Thứ năm, Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh yêu cầu đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế, nâng cao năng lực *đổi mới sáng tạo quốc gia*, lấy nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và phát triển con người làm mục tiêu. “*Tháo gỡ kịp thời những vướng mắc, thực hiện tốt các chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng và đãi ngộ đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, nhất là chuyên gia đầu ngành, nhân tài trong lĩnh vực khoa học và công nghệ*”<sup>[2]</sup>. Tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ. Đa dạng hoá hợp tác quốc tế, ưu tiên các đối tác chiến lược. Gắn hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ với mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh. Đồng thời, Văn kiện xác định rõ *trọng tâm hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời gian tới*, đó là: “*Đẩy mạnh hội nhập và hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ, đa dạng hoá đối tác, lựa chọn đối tác chiến lược là các quốc gia có nền khoa học, công nghệ tiên tiến*”<sup>[3]</sup>, gắn kết chặt chẽ giữa hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ với hợp tác kinh tế quốc tế.

Thứ sáu, Văn kiện Đại hội XIII đã xác định rõ hơn nguyên tắc trong chuyển đổi cơ chế đầu tư, quản lý tài chính khoa học và công nghệ là: *theo nguyên tắc đặt hàng, dựa vào kết quả, hiệu quả cuối cùng*. Tăng cường đầu tư phát triển khoa học và công nghệ theo cơ chế thị trường trên cơ sở huy động hợp lý nguồn lực từ Nhà nước, doanh nghiệp và các cá nhân. Hỗ trợ khuyến khích các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu phát triển, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ. Tạo thuận lợi cho nghiên cứu, chuyển giao phù hợp với cơ chế thị trường, nâng cao tính tự chủ của các đơn vị nghiên cứu khoa học, công nghệ công lập: “*Cơ cấu lại, nâng cao năng lực, hiệu quả các cơ sở nghiên cứu; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, công nghệ trong các doanh nghiệp, trường đại học, cơ sở đào tạo gắn với nhu cầu thị trường*”<sup>[4]</sup>. Đồng thời, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nước ngoài hình thành các trung tâm nghiên cứu và triển khai, đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.

Thứ bảy, Văn kiện lần này nhấn mạnh *vị trí doanh nghiệp trong đổi mới sáng tạo*. “*Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo lấy doanh nghiệp làm trung tâm. Phát triển doanh nghiệp*

---

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tập I, tr.226.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tập I, tr.142.

3 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tập I, tr.230.

4 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tập I, tr.228.

*khoa học, công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao*"<sup>[1]</sup>. Phân đầu đến năm 2030, tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt 40%.

Từ những vấn đề nêu trên cho thấy những điểm mới trong các văn kiện Đại hội XIII về *thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ* có ý nghĩa hết sức quan trọng, thể hiện vai trò to lớn trong định hướng phát triển đất nước, ở thời điểm chuẩn bị kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, hướng tới kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng, Việt Nam trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 - Việt Nam trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

## **2. Vận dụng những quan điểm chủ yếu, cơ bản về thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ trong nghiên cứu, giảng dạy nội dung: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam, học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin trong các trường đại học, cao đẳng**

Trên cơ sở nghiên cứu, quán triệt nội dung Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII nói chung và các quan điểm, đường lối về thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ nói riêng, vận dụng trong nghiên cứu, giảng dạy nội dung: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam, học phần Kinh tế Chính trị Mác - Lênin trong các trường đại học, cao đẳng theo một số định hướng chủ yếu sau đây:

*Thứ nhất*, rà soát, đánh giá, cập nhật toàn bộ nội dung dựa trên các quan điểm, đường lối của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ... để xây dựng và bổ sung đưa vào nghiên cứu, giảng dạy, cung cấp, trang bị kiến thức, kỹ năng hiện đại cho sinh viên.

*Thứ hai*, quán triệt quan điểm Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII: chuyển chính sách thu hút, hợp tác đầu tư nước ngoài từ số lượng sang chất lượng, ưu tiên các dự án có công nghệ hiện đại, công nghệ và giá trị gia tăng cao, mô hình quản trị hiện đại, có tác động lan tỏa, kết nối với khu vực kinh tế trong nước trong nghiên cứu, giảng dạy về đầu tư nước ngoài, cần phân tích giúp sinh viên nhận thức được sự thay đổi tư duy của Nhà nước ta trong việc chuyển từ mô hình đầu tư "nâu" sang mô hình đầu tư "xanh" trong thu hút đầu tư nước ngoài. Trong giảng dạy, cần nhấn mạnh quan điểm: Việt Nam không chấp nhận đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế bằng mọi giá; không chấp nhận cấp giấy phép đầu tư cho các dự án đầu tư nước ngoài gây ô nhiễm môi trường mà việc thực hiện Dự án xây dựng Nhà máy Formosa tại Khu Công nghiệp Vũng Áng - tỉnh Hà Tĩnh là một bài học đắt giá và không bao giờ được

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tập I, tr.229.

lãng quên. Mặt khác, quán triệt quan điểm này, trong giảng dạy cần phân tích làm nổi bật sự kêu gọi đầu tư theo chiều sâu, chuyển từ việc “chạy theo” số lượng sang chất lượng; ưu tiên các dự án có công nghệ hiện đại; công nghệ và giá trị gia tăng cao thân thiện với môi trường, mô hình quản trị hiện đại nhằm tạo điều kiện cho người Việt Nam có thể tiếp cận, tìm hiểu, học hỏi nâng cao kỹ năng quản trị...

*Thứ ba*, trên cơ sở quán triệt quan điểm của Đảng, trong giảng dạy cần tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung nội dung bài giảng dạy, làm rõ được sự chuyển đổi tư duy từ phát triển nền công nghiệp phụ thuộc, gia công, lắp ráp sang chủ động sáng tạo, vươn lên, làm chủ công nghệ. Nội dung giảng dạy cần nhấn mạnh: để chủ động phát triển, nước ta phải thoát khỏi sự tăng trưởng dựa vào lao động giá rẻ và nền công nghiệp phụ thuộc, gia công, lắp ráp. Thực tế cho thấy, công nghiệp, công nghiệp hỗ trợ nước ta còn phát triển chậm, trình độ hạn chế, nhiều nguyên liệu đầu vào quan trọng chưa sản xuất được nên phụ thuộc lớn vào nhập khẩu; việc tham gia trong chuỗi giá trị toàn cầu ở nhiều sản phẩm vẫn chỉ ở công đoạn cuối cùng nên giá trị gia tăng không lớn. Đại hội XIII đánh giá: “Mô hình tăng trưởng chưa dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, tính tự chủ của nền kinh tế còn thấp, vẫn còn phụ thuộc vào bên ngoài”<sup>[1]</sup>. Do vậy, Đại hội XIII chủ trương: “Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, phát triển các ngành, lĩnh vực, các doanh nghiệp trên nền tảng ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu của khoa học - công nghệ, nhất là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”<sup>[2]</sup>. Nội dung giảng dạy cần làm rõ hiện đại hóa công nghệ sản xuất là điều kiện tiên quyết để đưa sản phẩm thương hiệu Việt Nam lên tầm cao mới, thoát khỏi vị trí gia công, lắp ráp như trong thời gian qua. Ứng dụng, tiên phong sáng tạo, phát minh công nghệ mới có thể giúp doanh nghiệp tăng doanh số, nâng cao vị thế doanh nghiệp và nền kinh tế. Muốn làm được điều đó không có con đường nào khác phải dựa trên nền tảng tài nguyên trí tuệ để sáng tạo công nghệ.

*Thứ tư*, thúc đẩy chuyển đổi quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa sang giai đoạn mới: thâm dụng tri thức và đột phá đổi mới sáng tạo. Trong giảng dạy cần xác định rõ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam là nhiệm vụ cốt yếu để phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, cần đấu tranh chống những tư tưởng giản đơn, chủ quan, duy ý chí, không coi trọng cơ sở khoa học của con đường phát triển này.

Hiện nay, nền kinh tế Việt Nam chưa đạt trình độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa như các nước tiên tiến trên thế giới, nhưng cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã mở ra cơ hội để nước ta thay vì “đi sau” thì có thể nỗ lực để “đi cùng”,

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sổ*, tập I, tr.211.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sổ*, tập I, tr.121.



một số lĩnh vực mũi nhọn, có thể mạnh, có thể phấn đấu “đi trước, vượt trước”. Đại hội XIII chủ trương “chuyển mạnh nền kinh tế sang mô hình tăng trưởng dựa trên năng suất, tiến bộ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhân lực chất lượng cao”<sup>[1]</sup>. Chủ trương này không chỉ nhấn mạnh phát triển khoa học - công nghệ, mà còn đề cao yêu cầu đổi mới sáng tạo như một định hướng trung tâm, xuyên suốt trong xu thế Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tăng tốc. Đại hội XIII xác định: “Đẩy mạnh phát triển một số ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế và còn dư địa lớn để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bất kị, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới”<sup>[2]</sup>.

### **Kết luận**

Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam là sự kế thừa, phát triển và có bước đột phá về tư duy lãnh đạo sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong điều kiện Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ. Những điểm mới trong các văn kiện Đại hội XIII về thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ có ý nghĩa hết sức quan trọng trong quá trình chuyển đổi nền công nghiệp phụ thuộc, gia công, lắp ráp sang chủ động nghiên cứu, ứng dụng, sáng tạo công nghệ và chuyển đổi nền kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế số dựa trên nền tảng tri thức, đổi mới, sáng tạo. Vận dụng các quan điểm, đường lối của Đảng về thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ trong nghiên cứu, giảng dạy nội dung: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam trong các trường đại học, cao đẳng đội ngũ giảng viên lý luận chính trị sẽ tạo nên những đột phá mới trong việc giải quyết các vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra, góp phần đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, tập I, NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
3. Hội đồng lý luận Trung ương (2021), *Những điểm mới trong các Văn kiện Đại hội XIII của Đảng*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật.

---

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tập I, tr.120.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tập I, tr.235.

# VẬN DỤNG, QUÁN TRIỆT CÁC QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO CỦA ĐẠI HỘI ĐẢNG XIII VÀO GIẢNG DẠY CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

TS. Vũ Thị Phương Lê<sup>[1]</sup>

**Tóm tắt:** *Giảng dạy lý luận chính trị trong các trường đại học ở Việt Nam không những giúp sinh viên có hiểu biết sâu sắc, đầy đủ, toàn diện về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, mà còn củng cố niềm tin và bản lĩnh chính trị, ý thức giai cấp và tinh thần yêu nước. Để cập nhật và quán triệt kịp thời đường lối, chủ trương của Đảng tới sinh viên thì việc vận dụng những quan điểm chỉ đạo của Đảng tại Đại hội XIII trong giảng dạy các môn lý luận chính trị là một yêu cầu cần thiết. Bài viết này sẽ trình bày việc vận dụng và quán triệt các quan điểm chỉ đạo cơ bản của Đảng trong văn kiện Đại hội XIII vào giảng dạy lý luận chính trị ở các trường đại học hiện nay.*

**Từ khóa:** *Đại hội XIII của Đảng, lý luận chính trị, quan điểm chỉ đạo*

## 1. Đặt vấn đề

Với tinh thần “Đoàn kết - dân chủ - Kỷ cương - Sáng tạo - Phát triển”, Đại hội XIII của Đảng đã lan tỏa tinh thần đổi mới, phát triển đất nước tới toàn Đảng, toàn quân, toàn dân. Bám sát các chủ trương, định hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển đất nước của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng để kịp thời lan tỏa vào thực tiễn là một nhiệm vụ quan trọng trong giảng dạy các môn lý luận chính trị ở các trường đại học. Điều đó đòi hỏi việc giảng dạy lý luận chính trị phải luôn cập nhật được những quan điểm chỉ đạo mới nhất vào bài giảng, nhằm tuyên truyền, giáo dục nhanh chóng, đầy đủ, đúng đắn chủ trương, đường lối của Đảng cho sinh viên.

---

1 Khoa Chính trị Báo chí - Trường KHXH&NV - Trường Đại học Vinh

## 2. Nội dung

Trong Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng, khi bàn về phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ Đại hội XIII và những năm tiếp theo, Đảng ta đã chủ trương phải quán triệt trong nhận thức và hành động thực tiễn năm quan điểm chỉ đạo cơ bản<sup>[1]</sup>. Do đó, trong giảng dạy lý luận chính trị, người giáo viên cũng cần quán triệt các quan điểm đó cho sinh viên, cụ thể là:

### 2.1. Tiếp tục kiên định và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin

Đại hội XIII của Đảng đã xác định: “*Tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt* của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta là phải kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác cùng có lợi để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”<sup>[2]</sup>. Nội dung tư tưởng này đã được khẳng định trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* năm 1991 và tiếp tục được xây dựng hoàn thiện, bổ sung qua các kỳ đại hội. Đại hội XIII đã bổ sung một nội dung mới “*kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng*” đồng thời được nâng lên thành quan điểm chỉ đạo và quán triệt mạnh mẽ, rộng rãi trong nhận thức và hành động của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân.

Thực tiễn 35 năm thực hiện đường lối đổi mới đã cho thấy, công cuộc xây dựng, phát triển đất nước ngày càng đi vào chiều sâu thì chúng ta càng phải đối diện với những khó khăn, thách thức mới, đồng thời cũng đứng trước nhiều thời cơ, vận hội mới. Điều đó đòi hỏi chúng ta càng phải nhận thức đúng, vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển và bảo vệ lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho phù hợp với bối cảnh mới của thế giới và các điều kiện cụ thể trong nước hiện nay.

Theo đó, trọng trách của đội ngũ giảng viên lý luận chính trị phải vận dụng được những phương pháp luận tốt nhất để tiếp tục phát triển hệ thống các nguyên lý, lý luận trên cơ sở thường xuyên tổng kết thực tiễn, bổ sung lý luận; cùng toàn Đảng, toàn dân trả lời được những vấn đề do cuộc sống đặt ra, nhất là trong hội nhập quốc tế. Trước mắt, cần tập trung nghiên cứu, làm rõ một số vấn đề căn bản nhất trong sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay, như: kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta; đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính trị; phát

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, tập 1, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr.33-39.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.33.

huy dân chủ; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong điều kiện mới; phát triển văn hóa, con người và nguồn lực con người; đặc điểm nội dung của cuộc cách mạng khoa học, công nghệ hiện đại, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (cách mạng công nghiệp 4.0) và sự phát triển của kinh tế tri thức...

## ***2.2. Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phát triển nhanh và bền vững đất nước***

Đại hội XIII khẳng định: “Chiến lược phát triển tổng thể đất nước ta là đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phát triển nhanh và bền vững đất nước; bảo đảm gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó: Phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên”<sup>[1]</sup>.

Phát triển nhanh, bền vững đó là sự phát triển toàn diện với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, ổn định trong một thời gian dài, có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường; phát triển bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường. Phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng những nhu cầu vật chất và tinh thần của thế hệ hiện nay nhưng không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng những nhu cầu của các thế hệ tương lai. Quan điểm phát triển này cho thấy rõ tư tưởng chỉ đạo của Đảng ta luôn lấy con người là trung tâm, là mục tiêu; phát huy tối đa nhân tố con người, khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực cho sự phát triển, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để mọi công dân, mọi cộng đồng trong xã hội đều có cơ hội bình đẳng để phát triển và thực hiện trách nhiệm tham gia đóng góp vào sự phát triển chung, đồng thời được hưởng thành quả từ phát triển nhanh, bền vững, cùng nhau xây dựng đất nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Không chỉ khẳng định tư tưởng chỉ đạo về chiến lược tổng thể để phát triển toàn diện đất nước trong giai đoạn tới mà Đại hội XIII còn chỉ rõ phương thức thực hiện. Thời kỳ mới đòi hỏi phải phát triển đất nước toàn diện, đồng bộ hơn về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; xây dựng văn hóa, con người là nền tảng tinh thần; tăng cường quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên.

## ***2.3. Về động lực và nguồn lực phát triển của đất nước***

Từ thực tiễn quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới, Đảng ta đúc rút quan điểm khá toàn diện về động lực phát triển đất nước: “Động lực và nguồn lực phát triển quan

---

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.33-34

*trọng của đất nước* là khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và nền văn hóa, con người Việt Nam; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất.”<sup>[1]</sup>

Điểm mới lần này là Đảng ta nhấn mạnh: “khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc” cũng là một động lực quan trọng để phát triển đất nước. Nói đến khát vọng là nói đến mong muốn, khao khát, quyết tâm dồn sức lực, trí tuệ để đạt cho được mục tiêu, không khuất phục trước mọi khó khăn, trở ngại. Trong lịch sử thế giới có nhiều quốc gia phát triển hùng mạnh và sự phát triển của mỗi quốc gia ấy đều bắt nguồn chính từ những khát vọng vươn lên trở thành một dân tộc hùng cường, một nước phát triển, như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore... Khát vọng dân tộc độc lập, Tổ quốc thống nhất, nhân dân tự do, hạnh phúc, đưa đất nước phát triển “sánh vai với các cường quốc năm châu” đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở ngay từ khi Đảng ra đời cũng như trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Đây là khát vọng chính đáng từ bao đời của toàn dân tộc, giờ đây, lại có cơ sở, điều kiện và cơ hội để “chín muồi”. Khát vọng đang đặt ra cho toàn Đảng, toàn dân tộc Việt Nam hiện nay là đến năm 2045, tròn 100 năm lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là “trở thành nước phát triển, thu nhập cao”.

Khi coi khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc là động lực chủ yếu của sự phát triển đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam đã hướng vào nguồn lực nội sinh, sức mạnh dân tộc là lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, ý chí tự lực, tự cường, lòng tự tôn và tự hào dân tộc, nhân cách, đạo đức, trí tuệ, tâm hồn... những giá trị cốt lõi của văn hóa, con người Việt Nam. Đây là sức mạnh vĩ đại, nguồn năng lượng to lớn, sống động thúc đẩy sự phát triển của quốc gia - dân tộc trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

#### ***2.4. Về quan điểm, tư tưởng chỉ đạo, định hướng công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ***

Xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, sống còn trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 và Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đều khẳng định: Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, coi đây là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng, bảo đảm cho Đảng ta luôn luôn ngang tầm nhiệm vụ cách mạng, xứng đáng là Đảng cầm quyền. Nhận thức của Đảng về các nội dung của công tác

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.34.

xây dựng Đảng ngày càng đầy đủ và rõ ràng hơn với những nghị quyết chuyên đề của Đảng như Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI về *Một số vấn đề cấp bách trong xây dựng Đảng hiện nay*; Nghị quyết hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về *tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ*.

Kế thừa tinh thần của các đại hội và hội nghị trước đó, Đại hội XIII của Đảng đặc biệt coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tiếp tục khẳng định tư tưởng chỉ đạo: “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, xây dựng Nhà nước tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.”<sup>[1]</sup>

Tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng được thể hiện rõ cả trong chủ đề, bài học kinh nghiệm, quan điểm, mục tiêu và định hướng phát triển. Chủ đề Đại hội XIII đã phát triển thành tố “Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh” của Đại hội XII thành “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh”. Điểm mới ở đây là đã bổ sung “xây dựng hệ thống chính trị” cùng với xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại lẫn nhau; trong đó, xây dựng, chỉnh đốn Đảng có vai trò hạt nhân, quan trọng vì Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đặc biệt là Đảng lãnh đạo, giới thiệu những đảng viên ưu tú của mình ứng cử vào các vị trí chủ chốt của Nhà nước và cả hệ thống chính trị.

Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh còn giúp cho Đảng có được mối quan hệ mật thiết với nhân dân, khơi dậy tiềm năng sáng tạo, khát vọng phát triển vì một Việt Nam hùng cường, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, khuyến khích, động viên nhân dân tích cực tham gia xây dựng Đảng và Nhà nước; đáp ứng ngày càng tốt hơn sự kỳ vọng, xứng đáng với sự gửi gắm niềm tin của nhân dân.

Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh phải gắn liền với công tác cán bộ. Đại hội XIII dành sự quan tâm, chú trọng đặc biệt đến đội ngũ cán bộ cấp chiến lược. Nghị quyết Đại hội XIII đặt ra những yêu cầu mới cao hơn đối với đội ngũ cán bộ rường cột này của nước nhà. Để có được đội ngũ cán bộ cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, cần đổi mới đồng bộ nhiều nội dung trong công tác cán bộ. Đây là yêu

---

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.34-35.

cầu quan trọng, nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tính đồng bộ, sự phù hợp giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, đưa nước ta phát triển nhanh, bền vững.

### ***2.5. Quan điểm chỉ đạo về tầm nhìn và định hướng phát triển đất nước trong thời gian tiếp theo***

Nghị quyết Đại hội XIII đã chỉ rõ mục tiêu tổng quát cho nhiệm kỳ 2021 - 2025 và những năm tiếp theo là: “Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hóa; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu *đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.*”<sup>[1]</sup>

Xác định mục tiêu, phương hướng phát triển đất nước là một nội dung quan trọng trong các kỳ đại hội Đảng. Nếu như trong các kỳ đại hội trước đây, mục tiêu và phương hướng phát triển đất nước được xác định theo nhiệm kỳ của Đại hội, căn cứ vào những điều kiện và tình hình thực tiễn, thì Đại hội XIII không chỉ xác định các mục tiêu cụ thể trong nhiệm kỳ của Đại hội XIII mà còn xác định các mục tiêu phát triển hướng tới những mốc quan trọng của đất nước trong những thập niên sắp tới đó là: đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, nước ta phải “Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp”<sup>[2]</sup>. Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: “Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao”<sup>[3]</sup>. Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nay là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: “Trở thành nước phát triển, thu nhập cao.”<sup>[4]</sup>

Đề ra và xác định các mục tiêu quốc gia như trên là kết quả tổng hợp các kinh nghiệm, bài học trong suốt quá trình lãnh đạo đất nước đặc biệt là lãnh đạo sự nghiệp 35 năm đổi mới của Đảng ta, cùng những nghiên cứu, phân tích, dự báo có cơ sở khoa học về tình hình và xu hướng phát triển của thế giới và đất nước trong giai đoạn mới. Việc xác định đó không chỉ thể hiện được tầm nhìn của Đảng lãnh

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.35-36.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.36.

3 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.36.

4 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.36.

đạo, mà còn tạo ra động lực quan trọng cho sự phát triển, có ý nghĩa, vai trò đặc biệt trong định hướng phát triển đất nước, là cơ sở để Đảng, Nhà nước hoạch định, triển khai thực hiện và bám sát các nhiệm vụ phát triển đất nước trong thời gian tiếp theo.

### **3. Kết luận**

Các quan điểm chỉ đạo cơ bản trong Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ Đại hội Đảng lần thứ XIII và những năm tiếp theo đã thể hiện rõ ý chí, bản chất, tầm nhìn và năng lực của Đảng trong giai đoạn mới. Do đó, việc tuyên truyền, quán triệt đầy đủ và đúng đắn các nội dung trong văn kiện của Đại hội Đảng XIII nói chung và các quan điểm chỉ đạo cơ bản nói riêng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân là nhiệm vụ quan trọng. Công tác giáo dục lý luận chính trị trong các trường học cần phải được coi trọng nhằm trang bị nhanh chóng, đầy đủ, đúng đắn chủ trương, đường lối của Đảng cho sinh viên. Trong quá trình giảng dạy lý luận chính trị, mỗi cán bộ giảng viên cần phải nghiên cứu, cập nhật văn kiện của Đại hội Đảng, liên hệ vận dụng và quán triệt các quan điểm, tư tưởng của Đảng trong từng nội dung cụ thể của bài giảng. Sự lồng ghép và quán triệt quan điểm, chủ trương của Đảng ở các bài học chính là gắn lý luận với thực tiễn, gia tăng giá trị, hiệu quả, chất lượng của dạy học các môn lý luận chính trị và góp phần quan trọng xây dựng thế giới quan, nhân sinh quan xã hội chủ nghĩa cho thế hệ trẻ.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 2, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.



# VẬN DỤNG NHỮNG ĐIỂM MỚI TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG VỀ ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ VÀO GIẢNG DẠY CHUYÊN ĐỀ: HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

ThS. Nguyễn Thị Mỹ Hương<sup>[1]</sup> - ThS. Nguyễn Việt Sơn<sup>[2]</sup>

**Tóm tắt:** Nghiên cứu và vận dụng những quan điểm của Đảng vào giảng dạy trong các trường đại học, cao đẳng là một trong những nhiệm vụ chính trị, là yêu cầu hết sức quan trọng nhằm góp phần tuyên truyền, phổ biến, đấu tranh, bảo vệ, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới. Bài viết nghiên cứu những điểm mới về đường lối đối ngoại và hội nhập quốc tế trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng và đưa ra những lưu ý nhằm vận dụng vào giảng dạy chuyên đề Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam cho sinh viên khối chuyên ngành Chính trị ở ở trường đại học hiện nay.

**Từ khóa:** Văn kiện Đại hội XIII, đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế.

## 1. Đặt vấn đề

Trong hơn 35 năm đổi mới vừa qua, đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu kinh tế - xã hội to lớn, bởi chúng ta đã vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đại hội XIII của Đảng diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực diễn biến rất nhanh, phức tạp, khó dự báo; đất nước đang đứng trước nhiều thời cơ, thuận lợi và nhiều khó khăn, thách thức đan xen, nhiều vấn đề mới đặt ra phải giải quyết; cán bộ, đảng viên và nhân dân đặt niềm tin và kỳ vọng vào

---

1 Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Vinh

2 Khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị Trần Phú, Hà Tĩnh

những quyết sách đúng đắn, mạnh mẽ của Đảng để đất nước ta phát triển nhanh và bền vững hơn.

Chính vì vậy, việc vận dụng những điểm mới về đường lối đối ngoại và hội nhập quốc tế trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng vào giảng dạy Chuyên đề Hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam ở trường đại học là góp phần tiếp tục nghiên cứu và phát triển lý luận về kinh tế chính trị, Mác - Lênin - vũ khí lý luận sắc bén của Đảng ta trong suốt hơn 90 năm qua gắn với hoàn cảnh cách mạng mới ở Việt Nam là yêu cầu hết sức quan trọng và bức thiết.

## **2. Vận dụng những điểm mới về đường lối đối ngoại và hội nhập quốc tế trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng vào giảng dạy Chuyên đề Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam**

### **2.1. Những điểm mới về đường lối đối ngoại và hội nhập quốc tế trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng**

*Thứ nhất, lợi ích quốc gia - dân tộc luôn được quan tâm và xác định là mục tiêu trọng yếu trong hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế*

Báo cáo chính trị Đại hội XII nhấn mạnh: *"Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi..."*<sup>[1]</sup>. Báo cáo chính trị Đại hội XIII có cách nhìn nhận và xác định rõ hơn: *"Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi"*<sup>[2]</sup>.

Lợi ích quốc gia - dân tộc là hệ thống lợi ích trên nhiều lĩnh vực, như: chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh. Bối cảnh thế giới hiện nay cho thấy, các quốc gia ngày càng phụ thuộc lẫn nhau, lợi ích ràng buộc, chông chéo một cách phức tạp. Mỗi quốc gia không còn là một cá thể riêng biệt mà phải ràng buộc với nhau bởi luật chơi chung, vừa hợp tác vừa cạnh tranh, thậm chí ẩn chứa những biến động khó lường. Trong quan hệ phức tạp đó, bất kỳ quốc gia nào cũng có thể rơi vào tình huống căng thẳng, đối đầu nếu chỉ theo đuổi lợi ích vị kỷ của riêng mình. Do đó, việc xác định và nhìn nhận về lợi ích quốc gia - dân tộc trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng là một sự nhìn nhận thấu đáo, nhạy bén và xác đáng.

*Thứ hai, xác định rõ hơn vai trò của hoạt động đối ngoại*

Vị trí, vai trò của công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế lần đầu tiên được xác định cụ thể và sâu sắc trong Báo cáo chính trị tại Đại hội XIII: *"Tiếp tục phát huy vai*

---

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr.153

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, T.1, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr.161-162.

trò tiên phong của đối ngoại trong việc tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, huy động các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao vị thế và uy tín của đất nước"<sup>[1]</sup>. Điều đó cho thấy rõ hơn nhiệm vụ trọng yếu của công tác đối ngoại: tiên phong trong việc giữ vững môi trường hòa bình để bảo vệ đất nước từ xa, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, đối ngoại để phục vụ đối nội, mở rộng quan hệ đối ngoại nhằm thúc đẩy quan hệ kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng... vì lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc.

*Thứ ba, xác định chủ trương mới trong xây dựng nền ngoại giao và đội ngũ cán bộ đối ngoại*

Báo cáo chính trị Đại hội XII nêu rõ: "... đổi mới nội dung, phương pháp, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền đối ngoại; chăm lo đào tạo, rèn luyện đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại; bồi dưỡng kiến thức đối ngoại cho cán bộ chủ chốt các cấp"<sup>[2]</sup>. Đến Đại hội XIII, Báo cáo chính trị đã xác định việc xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại: "Xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại với ba trụ cột là đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân"<sup>[3]</sup>. Đây là bước tiến mới có tính đột phá đối với hoạt động đối ngoại.

Đồng thời, Đại hội XIII cũng đề cao việc xây dựng đội ngũ cán bộ đối ngoại để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ: "Nâng cao bản lĩnh, phẩm chất, năng lực, phong cách chuyên nghiệp, đổi mới sáng tạo của đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế..."<sup>[4]</sup>.

*Thứ tư, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng*

Nếu Văn kiện Đại hội XII chủ trương triển khai mạnh mẽ chiến lược chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, thì Đại hội XIII đã cụ thể hóa hơn và xác định những định hướng và nhiệm vụ sâu rộng hơn về hội nhập quốc tế: "Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, giải quyết tốt mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; thúc đẩy hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, linh hoạt, hiệu quả vì lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo đảm độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia. Gắn kết chặt chẽ quá trình chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng với việc nâng cao sức mạnh tổng hợp, huy động tiềm năng của toàn xã hội; đổi mới, hoàn thiện thể chế trong nước, nâng cao năng lực tự chủ, cạnh tranh và khả năng thích ứng của đất nước"<sup>[5]</sup>.

Như vậy, Đảng ta đã nhận thức sâu sắc hơn, đầy đủ hơn tình hình quốc tế, khu vực và yêu cầu tất yếu phải hội nhập sâu rộng trên mọi cấp độ và mọi lĩnh vực. Đặc biệt, Đảng ta khẳng định: điều kiện tiên quyết và cốt yếu để quá trình hội nhập đó được thành công là phải tăng cường nội lực, giữ vững độc lập, tự chủ, biết phát huy

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *sđd*, tr.162.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *sđd*, tr.156.

3 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *sđd*, tr.162.

4 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *sđd*, tr.165.

5 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *sđd*, tr.164.

sức mạnh tổng hợp của quốc gia - dân tộc, linh hoạt để thích ứng với hoàn cảnh và phát triển.

*Thứ năm, chủ động, tích cực đóng góp đối với các hoạt động quốc tế*

Văn kiện Đại hội XII nêu rõ: Chủ động tham gia và phát huy vai trò tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN và Liên hợp quốc., Báo cáo chính trị Đại hội XIII nhấn mạnh: "*Chủ động tham gia, tích cực đóng góp, nâng cao vai trò của Việt Nam trong xây dựng, định hình các thể chế đa phương và trật tự chính trị - kinh tế quốc tế, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế và các hiệp định thương mại đã ký kết*"<sup>[1]</sup>. Điều này cho thấy vị thế cao hơn của đất nước và Đảng ta đã nâng lên một bước tính chủ động, tích cực, hiệu quả của các hoạt động đối ngoại.

**2.2 Vận dụng những điểm mới về đường lối đối ngoại và hội nhập quốc tế trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng vào giảng dạy chuyên đề Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam cho sinh viên khối chuyên ngành Chính trị**

Trước hết, trong quá trình giảng dạy phải đặc biệt chú trọng những điểm mới trong Văn kiện Đại hội XIII, thể hiện nhất quán, sáng tạo ba nguyên tắc cơ bản trong xây dựng các văn kiện của Đảng là: *kế thừa và phát triển, kiên định và đổi mới, kết hợp nhuần nhuyễn thực tiễn và lý luận* phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại mới.

Trong giảng dạy chuyên đề cần làm rõ, sau khi Liên Xô tan rã, chủ nghĩa tư bản thay đổi chiến lược, ra sức lợi dụng quá trình quốc tế hóa và toàn cầu hóa để tư bản hóa toàn thế giới. Đó là sự áp đặt giá trị, đồng hóa thế giới theo màu sắc tư bản chủ nghĩa; là sự đe dọa, chà đạp, phá vỡ các giá trị truyền thống của các dân tộc và các quốc gia có chủ quyền. Vì thế, vấn đề nổi bật trong đời sống chính trị quốc tế hiện nay là các tầng lớp, giai cấp bị áp bức, bóc lột và các dân tộc, các quốc gia độc lập quyết tâm chống lại sự áp đặt, bảo vệ chủ quyền, bảo vệ giá trị truyền thống và định hướng phát triển xã hội của mình. Trong bối cảnh ấy, định hướng xã hội chủ nghĩa là xu hướng phát triển tất yếu của xã hội loài người.

Quá trình toàn cầu hóa, một mặt, tạo điều kiện cho sự hội nhập và vươn lên của tất cả các nước, nhưng mặt khác, nó cũng là sự phân chia thành hai thái cực giàu nghèo, tạo thế độc quyền chưa từng thấy của các trung tâm công nghiệp phát triển trong các lĩnh vực tài chính, kỹ thuật công nghệ. Do đó, một số nước khi bước vào quá trình công nghiệp hóa gặp rất nhiều khó khăn. Trong quá trình giảng dạy, phải làm nổi bật được bối cảnh đất nước ta đang bước vào giai đoạn chiến lược quan trọng, với những mục tiêu, khát vọng phát triển và vươn lên mạnh mẽ. Kế thừa và phát huy truyền thống ngoại giao của dân tộc, kiên định nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta càng tin tưởng

<sup>1</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *sđd*, tr.164.

chắc chắn rằng, sự nghiệp đối ngoại dưới sự lãnh đạo của Đảng sẽ tiếp tục thu được những thắng lợi mới, bảo vệ vững chắc và phục vụ hiệu quả lợi ích quốc gia - dân tộc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam.

Trong bối cảnh đại dịch Covid -19, bản thân các nước tư bản phát triển cũng gặp nhiều thách thức lớn. Do tư bản tập trung cao độ, do sự phụ thuộc lẫn nhau trong quá trình “toàn cầu hóa” ngày càng đi vào chiều sâu, trong khi đó các thể chế thuộc kiến trúc thượng tầng vẫn chưa vượt khỏi phạm vi các quốc gia, dân tộc tư sản, nên mâu thuẫn vốn có giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong xã hội tư bản không hề giảm, mà ngày càng tăng. Các công ty xuyên quốc gia sáp nhập, liên kết chặt chẽ với nhau về tổ chức, vốn đầu tư, kỹ thuật, quản lý để chi phối thị trường quốc tế, làm cho các đạo luật, quy tắc, trật tự của các quốc gia tư bản chủ nghĩa bị phá vỡ, không kiểm soát được.

Quá trình toàn cầu hóa khi được gắn với việc tập trung tư bản thì đồng thời cũng làm cho quy mô bóc lột của chủ nghĩa tư bản mở rộng, làm cho mâu thuẫn thời đại thêm sâu sắc. Vì thế việc giải quyết những mâu thuẫn thời đại đòi hỏi phải có sự tự giác cao, đồng thời cần có sự phối hợp khu vực và quốc tế, cần có nội dung, phương pháp thích hợp.

Bởi vậy khi giảng dạy chuyên đề, giảng viên cần làm rõ nội dung trong hội nhập quốc tế, mục tiêu cơ bản được Đảng Cộng sản Việt Nam xác định là nhằm củng cố môi trường hòa bình, tranh thủ tối đa các điều kiện quốc tế thuận lợi để phát triển đất nước nhanh và bền vững, nâng cao đời sống nhân dân; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; quảng bá hình ảnh Việt Nam, bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc; tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia, nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của đất nước; góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Chúng ta là những người macxít. Nhiệm vụ của chúng ta là bảo vệ chủ nghĩa Mác -Lênin, nhưng cũng phải bảo vệ trên tinh thần khách quan, khoa học. Sức sống của lý luận khoa học nói chung, của kinh tế chính trị học Mác - Lênin nói riêng là ở chỗ, phải luôn sửa đổi, bổ sung và phát triển. Vì vậy, khi vận dụng những điểm mới về đường lối đối ngoại của Đảng về hội nhập quốc tế vào giảng dạy chuyên đề Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong tình hình hiện nay, chúng ta cần phải tỉnh táo, khách quan, không vì tình cảm hoặc vì một ý đồ chính trị nào đó mà tìm cách “đọc và giải thích” những luận điểm không đúng, hoặc không còn phù hợp của các nhà kinh điển rồi cố gán cho chúng một ý nghĩa chân lý nào đó. Đồng thời, phải đọc và suy ngẫm trên tinh thần khoa học, đọc đến nơi đến chốn và bình luận

những quan điểm, tư tưởng của chính các nhà kinh điển, chứ không phải cái mà ta hiểu về nó, người khác lĩnh hội về nó, nhất là những cái mà người ta gán cho nó.

Những vấn đề chủ yếu của chuyên đề Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam được xây dựng trên một nền móng lý luận và cơ sở thực tiễn vững chắc, với những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin mang tính vạch thời đại. Chúng ta đang sống trong năm đầu của thập niên thứ ba thế kỷ XXI, điều kiện lịch sử đã có những thay đổi khác xa với điều kiện lịch sử của thế kỷ XX, chứ chưa nói đến thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Để bài giảng gắn bó với thực tiễn, tránh những sai lầm mang tính giáo điều, rập khuôn, duy ý chí, cần lưu ý điểm mới về đường lối đối ngoại của Đảng và hội nhập quốc tế để không nên hiểu và vận dụng cứng nhắc, rập khuôn. Mọi lý thuyết đều là màu xám, để những vấn đề lý luận mãi xanh tươi với cây đời cần phải có nghiên cứu cụ thể để rút ra những kết luận mới cho những trường hợp cụ thể.

Nghiên cứu, giảng dạy chuyên đề Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam liên quan rất nhiều đến các vấn đề nóng như vấn đề: đối tác, đối tượng... Trong bối cảnh hiện nay đòi hỏi cần có sự đổi mới về mục đích nghiên cứu, giảng dạy. Nếu như trước đây, mục đích nghiên cứu các nước tư bản chủ nghĩa là để phê phán, để vạch trần bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản thì nay bên cạnh mục đích như trước, việc vận dụng quan điểm đường lối đối ngoại của Đảng liên quan đến các vấn đề về chủ nghĩa tư bản còn có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc hơn. Hội nhập quốc tế là chủ trương lớn mang tầm vóc chiến lược, là sự phát triển tư duy lý luận trên nền tảng mới của Đảng Cộng sản Việt Nam, phù hợp với xu thế thời đại, phản ánh đúng quy luật vận động, phát triển của hiện thực khách quan, vì lợi ích quốc gia - dân tộc Việt Nam và lợi ích của các nước trong khu vực và trên thế giới. Hội nhập quốc tế là lĩnh vực nhạy cảm; là quá trình *vừa hợp tác vừa đấu tranh*. Đồng thời, cần phải phối hợp chặt chẽ các lĩnh vực. Quá trình hội nhập phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt của Đảng Cộng sản, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chính trong bối cảnh thế giới phức tạp như vậy, các dân tộc càng phải độc lập, tự chủ và không ngừng sáng tạo, càng hội nhập thì càng cần phải phát huy bản sắc dân tộc, giá trị chuẩn mực của dân tộc "hội nhập mà không hoà tan".

Và lại, vận dụng lý luận vào thực tiễn còn tùy thuộc vào khả năng cụ thể hoá, cá biệt hoá lý luận cho phù hợp với thực tế, cũng như khả năng tổ chức, lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn của chủ thể. Vận dụng lý luận một cách rập khuôn, giáo điều, giản đơn hoá lý luận thành những "đơn thuốc", những công thức cứng nhắc hoặc năng lực tổ chức thực tiễn hạn chế... không bao giờ đem lại kết quả mong muốn. Kiểm nghiệm qua thực tiễn để đánh giá, nhận thức một lý luận kinh tế nào đó là điều cần thiết. Tuy nhiên, cần phải thấy được tính phức tạp của cả quá trình kiểm nghiệm, nếu không sẽ có những đánh giá không khoa học.

### **3. Kết luận**

Phát triển nhận thức lý luận kinh tế cơ bản dưới góc độ kinh tế chính trị trên cơ sở vận dụng đường lối của Đảng đã và đang là vấn đề đặt ra cấp bách trong giai đoạn hiện nay. Để nhận thức lý luận đúng hướng, có hiệu quả cần quán triệt đầy đủ những nguyên tắc đổi mới, trên cơ sở nắm vững những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Bất luận trong trường hợp nào, phát triển nhận thức, đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy chuyên đề Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam phải nhằm phục vụ sự nghiệp đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

# CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 GIÁ TRỊ LAN TỎA QUỐC TẾ VÀ Ý NGHĨA ĐỐI VỚI VIỆC KHƠI DẬY KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC THEO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

TS. Trần Cao Nguyên<sup>[1]</sup>

**Tóm tắt:** *Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một trong những thắng lợi vĩ đại của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX. Bài viết đưa ra những luận chứng Cách mạng Tháng Tám không chỉ là thắng lợi của tinh thần “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”, mà còn là thắng lợi đầu tiên của một dân tộc thuộc địa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đã lật đổ chế độ thực dân phong kiến, xác lập chính quyền cách mạng của dân, do dân, vì dân. Đồng thời, thắng lợi của đó còn có giá trị lan tỏa sâu sắc đối với cách mạng thế giới về một hình mẫu nhân văn đối với các dân tộc yêu chuộng hòa bình; đã mở ra mối quan hệ ngoại giao của Việt Nam với các nước với tư cách và vị thế của một quốc gia - dân tộc có độc lập, có chủ quyền. Phát huy những giá trị lịch sử, sức lan tỏa quốc tế trong Cách mạng tháng Tám, để khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII đề ra.*

**Từ khóa:** *Cách mạng Tháng Tám 1945; Giá trị lan tỏa; cách mạng giải phóng dân tộc; khát vọng phát triển đất nước.*

## 1. Đặt vấn đề

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã đập tan ách thống trị hà khắc của chủ nghĩa thực dân tồn tại trên 80 năm và chủ nghĩa phát xít sau 5 năm

---

1 Khoa Giáo dục Chính trị - Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh



trên đất nước ta, lật nhào chế độ quân chủ phong kiến đã lạc hậu, lỗi thời, đưa tới sự ra đời của một nhà nước kiểu mới - nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Từ đây, dân tộc Việt Nam bước vào một kỷ nguyên mới phát triển rực rỡ nhất trong lịch sử dân tộc: kỷ nguyên độc lập, tự do gắn liền với CNXH. Tầm vóc và ý nghĩa lịch sử lớn lao của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đối với tiến trình lịch sử của dân tộc và thế giới đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”[1].

## 2. Nội dung

2.1. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam đã vượt tầm ảnh hưởng ra khỏi biên giới quốc gia và trở thành động lực, “niềm tin tinh thần - sức mạnh to lớn”, cổ vũ cho nhân dân các dân tộc thuộc địa đứng lên đấu tranh giành độc lập. Cách mạng Tháng Tám mãi được nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới coi là ngọn đèn chiếu sáng, hình mẫu nhân văn, nhân ái cho các dân tộc yêu chuộng hòa bình. Cách mạng tháng Tám năm 1945, đó là cuộc cách mạng không chỉ giải phóng dân tộc, mà còn giải phóng con người, là động lực cho nhiều dân tộc bị áp bức đứng lên đấu tranh, xác lập quyền tự do, độc lập trên thế giới trong thế kỷ XX.

Lịch sử thế giới thế kỷ XX đã ghi nhận tầm vóc thời đại của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 - mở đầu thời đại mới của cách mạng thế giới, thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH. Chính vì vậy, tính từ năm 1917 cho đến trước khi Cách mạng Tháng Tám ở Việt Nam thành công, chưa có một cuộc cách mạng nào “phổ quát” được những giá trị thời đại như Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 - Giá trị phổ quát của nó chính là mức độ ảnh hưởng trên phạm vi toàn thế giới. Cho nên, Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam - Sự kiện trọng đại này mở ra thời kỳ mới cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới trong thế kỷ XX, “một sự kiện quan trọng nhất trong lịch sử thế giới từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga. Đó là một cuộc cách mạng đầu tiên thành công trong việc lật đổ chính quyền của chế độ thuộc địa”[2], tầm vóc và giá trị của nó chính là sự phổ quát và truyền tải hết những giá trị tốt đẹp nhất mà cuộc cách mạng này đem đến cho cách mạng thế giới lúc bây giờ - “giải phóng dân tộc trên lập trường vô sản”.

Việc chiến thắng các thế lực xâm lược đất nước, giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân có thể có nhiều con đường để thực hiện và giành thắng lợi. Tuy nhiên, cách mạng giải phóng dân tộc trên lập trường vô sản là cuộc cách mạng giải phóng triệt để nhất, cuộc cách mạng đó tạo điều kiện cho sự phát

triển ổn định, bền vững cho quá trình đi lên của mỗi quốc gia. Cho nên, thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã đánh dấu sự mở đầu trên phạm vi quốc tế “cho cao trào giải phóng dân tộc sau chiến tranh thế giới thứ hai” [6].

Thắng lợi của cách mạng Việt Nam năm 1945, đã tác động một cách trực tiếp đối với các quốc gia ở Đông Nam Á. Tác động của cách mạng tháng Tám, tạo niềm tin, cổ vũ mạnh mẽ cho nhân dân Lào nổi dậy giành chính quyền và ngày 12-10-1945, nước Lào tuyên bố độc lập. Sức lan tỏa của cách mạng tháng Tám năm 1945 đã thúc đẩy phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các quốc gia khu vực Đông Nam Á phát triển lên cao, buộc các nước thực dân Âu, Mỹ lần lượt công nhận nền độc lập của Philippin (7-1946), Miến Điện (1-1948), Indônêsi-a (8-1950), Malaysia (8-1957).

Không chỉ giới hạn ở khu vực Đông Nam Á, sức mạnh lan tỏa của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 còn góp phần quan trọng thức tỉnh các dân tộc trên thế giới, đặc biệt các nước ở Đông Bắc Á, Nam Á, các nước châu Phi, Mỹ Latinh đang bị cùm trói trong vòng nô lệ, lệ thuộc của chủ nghĩa thực dân, đế quốc, cổ vũ các dân tộc vùng lên đấu tranh để tự giải phóng khỏi ách áp bức, bóc lột, lệ thuộc của chủ nghĩa thực dân, đế quốc.

Ở Đông Bắc Á: Cách mạng tháng Tám năm 1945 của Việt Nam đã đem lại niềm tin, sự thắng lợi trong phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân Trung Quốc, niềm tin đó đã trở thành hiện thực vào tháng 10/1949, cách mạng Trung Quốc thắng lợi, nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời, thắng lợi này đã phá vỡ khâu quan trọng trong hệ thống thuộc địa chủ nghĩa đế quốc, nêu tấm gương sáng cho phong trào giải phóng dân tộc nổi lên phe chủ nghĩa xã hội từ Âu sang Á. Cùng năm 1952 nhân dân Libi giành được độc lập.

Tại Nam Á: Phong trào đấu tranh của nhân dân Ấn Độ càng trở nên mạnh mẽ hơn từ sau thành công cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam, ảnh hưởng của cách mạng tháng Tám đã đưa cuộc đấu tranh của nhân dân Ấn Độ có bước phát triển đi từ đòi tự trị đến độc lập (26/1/1950) [6].

Ở Châu Phi: Ảnh hưởng của cách mạng tháng Tám năm 1945 đã lan sang các nước Bắc Phi, tấm gương của nhân dân Việt Nam đã trở thành động lực, niềm tin để nhiều nước ở Bắc Phi đứng lên đấu tranh và giành được độc lập như Ai Cập (1952), Angieri (1962). Trong năm 1960 có 17 nước Châu Phi giành được độc lập.

Khu vực Mỹ Latinh: Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Cu Ba thoát khỏi Chế độ độc tài Batixta (do Mỹ dựng lên), đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ của các dân tộc yêu chuộng hòa bình trên thế giới. Sức lan tỏa của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở nhiều quốc gia thuộc địa đã giành độc lập là tấm gương cho nhân dân Cu Ba tiến lên, và cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt

Nam chính là niềm tin, động lực để giúp cho nhân dân Cu Ba tin tưởng vào thắng lợi như nhân dân Việt Nam đã giành được. Dưới sự lãnh đạo của PhidenCatxtrô, ngày 01/01/1959 cách mạng Cu-ba thành công.

Đánh giá về tính lan tỏa của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam đối với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới trong những năm nửa sau của thế kỷ XX, Giáo sư, nhà Sử học L.Esmonson, Trường Đại học Cornell (Mỹ) cho rằng: “Đó là một sự kiện lớn của thế giới. Cuộc cách mạng Tháng Tám của Việt Nam có một ý nghĩa lịch sử rất to lớn, nó giải phóng con người, giải phóng cho một dân tộc bị áp bức. Trên bình diện quốc tế, nó còn là hình mẫu và là động lực cho nhiều nước khác đứng lên đấu tranh, đánh đuổi thực dân, giành lại chính quyền. Những quốc gia thuộc địa của Pháp, đặc biệt là các nước ở khu vực Đông Dương, Châu Phi đã tiến hành công cuộc cách mạng theo đúng tiến trình cách mạng ở Việt Nam”[3].

Giáo sư người Jamaica Horet Compel nhìn nhận: “Cuộc cách mạng Việt Nam năm 1945 có một tác động to lớn đối với lịch sử đấu tranh giành độc lập của các nước thuộc địa Pháp lúc đó, trong đó có nhiều nước Châu Phi. Khi cuộc cách mạng ở Việt Nam thành công, cũng là lúc các nước Châu Phi như: Cameroon, Algeria, Tanzania... đang chuẩn bị những cuộc cách mạng lớn. Nhờ có bài học từ Việt Nam, họ đã có những bài học kinh nghiệm quý báu, làm nên thành công của các cuộc cách mạng ở những nước thuộc địa Pháp ở Châu Phi”[4].

Tiến sĩ Sanomish Dashtsevel (Mông Cổ) nhấn mạnh: “Cách mạng Tháng Tám đã tạo điều kiện cho nhân dân Việt Nam làm chủ đất nước, giành được những thành tựu to lớn trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, xây dựng đất nước. Cuộc Cách mạng tháng Tám còn có ý nghĩa quan trọng đối với phong trào giải phóng dân tộc và dân chủ ở các nước châu Á và trên thế giới”[5].

Có thể khẳng định thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã trở thành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc mở đầu cho tiến trình sụp đổ của chủ nghĩa thực dân. Lịch sử thế giới thế kỷ XX đã ghi nhận tầm vóc thời đại của Cách mạng Tháng Mười năm 1917 mở đầu thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH và Cách mạng Tháng Tám năm 1945 mở đầu trào lưu phi thực dân hoá trong phong trào cách mạng giải phóng dân tộc trên toàn thế giới và vì vậy, đã góp phần quan trọng “làm biến đổi bản đồ thế giới”.

2.2. Cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc đi theo con đường Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, nằm trong quỹ đạo của cách mạng vô sản. Cuộc cách mạng này do Đảng Cộng sản lãnh đạo, vì vậy, thành công của cách mạng là triệt để, là “đến nơi” mà Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định trước đó. Cách mạng Tháng Tám là cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới chứ không như các cuộc cách mạng dân chủ tư sản trước đây. Thắng lợi của Cách

mạng Tháng Tám năm 1945 đã lật đổ ách thống trị thực dân Pháp hơn 80 năm, ách thống trị phong kiến tay sai và ách thống trị của chủ nghĩa phát xít Nhật (1941 - 1945), đưa dân tộc Việt Nam bước vào thời đại mới - thời đại độc lập dân tộc gắn liền với CNXH.

Sức lan tỏa và giá trị nhân văn của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 của Việt Nam là sự khẳng định bằng thực tiễn lịch sử về tính đúng đắn của sự lựa chọn con đường cứu nước, giải phóng dân tộc - “con đường cách mạng vô sản”, con đường cách mạng gắn kết một cách tất yếu độc lập dân tộc và CNXH - dòng chủ đạo xuyên suốt trong Tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Cách mạng Tháng Tám đã khai phá con đường thắng lợi cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam và góp phần quan trọng trong tiến trình phát triển của khu vực và thế giới.

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là trung thành vận dụng sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn mà còn phát triển, bổ sung cho chủ nghĩa Mác - Lênin lý luận về vấn đề dân tộc và thuộc địa và thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã chứng minh sự bổ sung, phát triển sáng tạo lý luận Mác - Lênin ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến, đồng thời còn nêu một mẫu mực đấu tranh giải phóng dân tộc cho các dân tộc thuộc địa ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh<sup>[6]</sup>. Chính vì vậy, các dân tộc thuộc địa coi Việt Nam là chiến sỹ tiên phong, anh hùng giải phóng dân tộc. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 không chỉ của Việt Nam mà là những vấn đề lý luận và thực tiễn mang tầm vóc quốc tế, có giá trị phổ quát thời đại. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã đưa dân tộc Việt Nam đến với các giá trị chính trị, xã hội cao nhất trong nền văn minh nhân loại - đó là chế độ dân chủ nhân dân, nhà nước pháp quyền XHCN do nhân dân làm chủ, các quyền công dân và quyền con người được tôn trọng, rút ngắn con đường phát triển của dân tộc hàng thế kỷ.

2.3. Tiếp tục phát huy giá trị lịch sử, sức lan tỏa quốc tế trong Cách mạng tháng Tám - khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại đưa đất nước phồn vinh, hạnh phúc

Giá trị lịch sử, sức lan tỏa của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã chứng minh chân lý của dân tộc Việt Nam “lấy chính nghĩa để thắng hung tàn”, “lấy chí nhân để thay cường bạo”, thắng lợi to lớn và vẻ vang của Cách mạng tháng Tám như là “vàng sáng chói lợi chiếu khắp năm châu”. Từ sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, dân tộc Việt Nam đã trở thành điểm tựa tinh thần cho các quốc gia dân tộc bị áp bức, bóc lột, các dân tộc yêu chuộng hòa bình coi là mẫu hình lý tưởng trong phong trào đấu tranh, giải phóng dân tộc. Thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945, không chỉ đơn thuần là chiến thắng của một cuộc cách mạng, của một dân tộc trước một tên đế quốc xâm lược mà đó còn là chiến thắng để mở ra một kỷ nguyên cho một nền ngoại giao của một quốc gia có chủ quyền. Nếu Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đặt nền móng cho nền ngoại giao của dân tộc Việt Nam với nhiều quốc gia

trên thế giới, thì Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã hiện thực hóa tư tưởng của Người, từ sau cách mạng tháng Tám 1945, cách mạng Việt Nam thực sự trở thành một bộ phận khăng khít không thể tách rời của phong trào cách mạng thế giới. Từ thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, lần đầu tiên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có tên trên bản đồ thế giới; đồng thời đã mở ra mối quan hệ ngoại giao với các nước với tư cách và vị thế của một quốc gia - dân tộc có độc lập, có chủ quyền.

Trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập hiện nay, sức lan tỏa của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 còn nguyên giá trị, cần tiếp tục được phát huy, bài học của cách mạng tháng Tám là cơ sở để Việt Nam hiện thực hóa khát vọng hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng như tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Một trong những nguyên nhân dẫn đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là Đảng đã biết phát huy sức mạnh nội lực “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta” kết hợp với ngoại lực. Trong đó phải khẳng định sự sắc bén về dự báo tình hình, chủ động chuẩn bị nội lực để khi thời cơ đến đã nhanh chóng, khẩn trương phát lệnh Tổng khởi nghĩa toàn quốc. Thắng lợi đó đã để lại những bài học có giá trị cho cách mạng Việt Nam trong việc phát huy sức mạnh tổng hợp để giải quyết nhiệm vụ chính trị trong bối cảnh lịch sử mới.

Từ giá trị lịch sử đó, khi bước vào thời kỳ đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện và hội nhập quốc tế, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Bổ sung, phát triển năm 2011) Đảng xác định: “Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế. Trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng cần kiên định ý chí độc lập, tự chủ và nêu cao tinh thần hợp tác quốc tế, phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ ngoại lực, kết hợp yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại” [7].

Sau hơn 35 năm đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (thông qua tại Đại hội VII của Đảng) cơ đồ, vị thế tiềm lực và uy tín quốc tế được nâng cao, tuy nhiên, đất nước vẫn đứng trước nhiều thách thức cả trong nước và quốc tế. Do vậy, trong quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, những kinh nghiệm về phát huy giá trị phổ quát và vấn đề dân tộc được đặt lên hàng đầu trong Cách mạng tháng Tám, đã được Đảng tiếp tục phát huy trong đường lối đối ngoại của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng: “Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi” [8]. Trên cơ sở đó, trong điều kiện lịch sử mới, Đảng đã xác định “Xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại với ba trụ cột là đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân” [8]. Tính “toàn diện” thể hiện trên các chủ thể, địa bàn, cả song phương và đa phương, trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, thông tin

đổi ngoại... qua đó phát huy hiệu quả sức mạnh tổng hợp của cả đất nước, để nâng cao vị thế quốc tế quốc gia.

Thực hiện nhất quán đường lối đổi ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước là trọng tâm lớn của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

Sự nghiệp cách mạng là một quá trình đầy khó khăn, thách thức nhưng với những giá trị đạt được từ sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Việt Nam ngày càng khẳng định vị thế trên chính trường quốc tế. Điều đó càng minh chứng sức lan tỏa của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 chính là hướng đi đúng với một thể chế chính trị ưu việt tiếp tục soi rọi, trở thành động lực để các quốc gia, dân tộc yêu chuộng hòa bình trên thế giới hướng tới xây dựng một xã hội đưa con người đạt đến các giá trị cao nhất của nhân loại - giá trị hòa bình, độc lập và phát triển.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập* (2011), NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Thomas Hodgkis, *Thế giới bàn về Việt Nam* (1975), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
3. Dẫn theo: Nguyễn Đức Thắng, *Tầm vóc và ý nghĩa thời đại của Cách mạng Tháng Tám năm 1945*, Báo Biên phòng, ngày 10-8-2015.
- 4, 5. Dẫn theo “*Việt Nam trong thế kỷ XX*” (2008), Hội thảo quốc tế.
6. Nguyễn Anh Thái chủ biên (2009), *Lịch sử thế giới hiện đại*, NXB Giáo dục.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 1*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

# QUÁN TRIỆT XÂY DỰNG ĐẢNG VỀ ĐẠO ĐỨC THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG

TS. Bùi Thị Cẩm<sup>[1]</sup> - Nguyễn Thế Hòa<sup>[2]</sup>

**Tóm tắt:** Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam là một sự kiện chính trị trọng đại, mốc son trong quá trình phát triển của Đảng, dân tộc và đất nước. Một trong những điểm nhấn quan trọng trong các văn kiện thông qua tại Đại hội XIII là khẳng định: “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh”. Trong đó, vấn đề xây dựng Đảng về đạo đức tiếp tục được coi trọng và nâng tầm. Bài viết tập trung phân tích tầm quan trọng, các nội dung xây dựng Đảng về đạo đức được thể hiện trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng. Từ đó, liên hệ đến thực tiễn xây dựng Đảng về đạo đức ở Đảng bộ trường Đại học Vinh.

**Từ khóa:** Xây dựng Đảng, xây dựng Đảng về đạo đức, Đại hội XIII của Đảng.

## 1. Đặt vấn đề

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đã sáng lập, xây dựng, rèn luyện, lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành một Đảng cách mạng chân chính, bộ tham mưu lãnh đạo của giai cấp công nhân và của dân tộc Việt Nam, đưa cách mạng Việt Nam vượt qua những thác ghềnh, đạt đến thắng lợi vĩ đại. Sinh thời, Người luôn dành sự quan tâm rất lớn đến quá trình xây dựng, chỉnh đốn và phát triển Đảng. Những quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng một Đảng cầm quyền là đạo đức, là văn minh, trong sạch, vững mạnh có ý nghĩa sâu sắc. Đảng phải xứng đáng với

1 Khoa Giáo dục Chính trị - Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh

2 Học viên Cao học K28 - Chính trị học

vai trò lãnh đạo, cầm quyền, đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ trong mỗi giai đoạn cách mạng, làm tròn trọng trách trước Nhân dân và Dân tộc. Trong Di chúc (1965-1969), Bác viết: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch. Phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”<sup>[1]</sup>.

Thấm nhuần đạo đức Hồ Chí Minh và những chỉ dẫn của Người, Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình lãnh đạo cách mạng luôn đề cao đạo đức cách mạng, chú trọng giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên. Qua các kỳ Đại hội của Đảng, đặc biệt trong Đại hội XIII của Đảng, những quan điểm xây dựng Đảng về đạo đức tiếp tục được kế thừa, bổ sung, hoàn thiện với nhiều nội dung, giải pháp đồng bộ. Trong phương hướng, nhiệm vụ đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định: “Trong những năm tới phải đặc biệt coi trọng và đẩy mạnh hơn nữa xây dựng chính đốn Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ”<sup>[2]</sup>. Đặc biệt xây dựng Đảng về đạo đức là “nền tảng”, là “cái gốc” cho Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Tỉnh ủy Nghệ An đã có sự chỉ đạo sát sao, khoa học và kịp thời đến các huyện, thành, thị uỷ và đảng uỷ trực thuộc về tầm quan trọng và nhiệm vụ trọng tâm để hiện thực hóa Nghị quyết vào cuộc sống. Các đảng bộ trực thuộc Đảng bộ tỉnh nói chung và Đảng bộ Trường Đại học Vinh nói riêng đã tích cực, chủ động quán triệt tuyên truyền và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng với nhiều phương thức sáng tạo. Đặc biệt, trước hết và xuyên suốt là công tác xây dựng Đảng. Trong đó, xây dựng Đảng về đạo đức là nội dung trọng tâm, được đặc biệt chú trọng.

## 2. Nội dung

### 2.1. Tầm quan trọng xây dựng Đảng về đạo đức theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng

#### 2.1.1. Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng một Đảng cách mạng, chân chính

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ Đảng cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng mới lãnh đạo được cách mạng, mới làm tròn nhiệm vụ vẻ vang. Đạo đức cách mạng là cơ sở tạo nên sức mạnh, uy tín của Đảng, “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có

1 Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, H, tr.611-612.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, H, tr.190.



gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”<sup>[1]</sup>.

Nội dung đạo đức cách mạng được Người phân tích sâu sắc trong năm điều: NHÂN, NGHĨA, TRÍ, DŨNG, LIÊM. Đồng thời Hồ Chí Minh đề xuất các quan điểm về các chuẩn mực đạo đức: Trung với nước, hiếu với dân; Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; yêu thương con người; tinh thần quốc tế trong sáng... Về vai trò của đạo đức cách mạng, Hồ Chí Minh cho rằng: Đạo đức đó không phải là đạo đức thủ cựu. Nó là đạo đức mới, đạo đức vĩ đại, nó không phải vì danh vọng của cá nhân, mà vì lợi ích chung của Đảng, của dân tộc, của loài người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương sáng về rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống để mỗi cán bộ, đảng viên noi theo. Đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên không phải tự nhiên mà có, mà do sự tu dưỡng, rèn luyện bền bỉ hằng ngày, “như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”. Cho nên, Hồ Chí Minh đề ra các nguyên tắc để rèn luyện đạo đức cách mạng, đó là: *Tu dưỡng đạo đức suốt đời, nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức, thực hiện xây đi đôi với chống*. Vì thế, xây dựng Đảng về đạo đức là một nội dung có tầm quan trọng, có ý nghĩa và vai trò to lớn trong công tác xây dựng Đảng, rèn luyện đảng viên không chỉ trước đây, hiện tại mà cả chặng đường phía trước.

### 2.1.2. Yêu cầu từ thực tiễn xây dựng và phát triển đất nước với nhiệm vụ xây dựng Đảng về đạo đức

Công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo trong 35 năm qua đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Trong đó có những thành công quan trọng trong xây dựng Đảng về đạo đức. Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng tại Đại hội XIII đã đánh giá: “Công tác xây dựng Đảng về đạo đức được Trung ương và các cấp ủy, tổ chức đảng đề cao, nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý có chuyển biến tích cực”<sup>[2]</sup>. Việc thực hiện trách nhiệm nêu gương và chuẩn mực đạo đức của cán bộ, đảng viên có chuyển biến tích cực. Đội ngũ cán bộ, đảng viên đã đề cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, đạo đức lối sống; gương mẫu đi đầu, tận tụy với công việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Các cấp ủy, tổ chức đảng đã nghiêm túc chỉ đạo, tổ chức thực hiện tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII. Việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trở thành nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, đã có nhiều cách làm mới, sáng tạo, đạt kết quả tích cực...

1 Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, H, tr.292.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđđ*, tập 2, tr.173-177.

Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng tại Đại hội XIII đã khẳng định: “Công tác xây dựng Đảng về đạo đức đã góp phần đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các tổ chức, cơ quan, đơn vị; xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, có trách nhiệm và động cơ đúng đắn, tiên phong, gương mẫu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao”<sup>[1]</sup>.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành công, trong công tác xây dựng Đảng về đạo đức còn có những hạn chế. Từ thực tiễn đổi mới cũng bộc lộ những khó khăn, thách thức trong công tác xây dựng Đảng về đạo đức. Những năm gần đây, bên cạnh việc suy thoái đạo đức của cán bộ, đảng viên, còn có không ít các tổ chức đảng vi phạm đạo đức. Những vi phạm của tổ chức đảng diễn ra khá đa dạng, phức tạp, trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; dưới nhiều hình thức và được che giấu tinh vi, gây ra những hậu quả nghiêm trọng. Trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã thẳng thắn khẳng định: “Một bộ phận cán bộ, đảng viên phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, ngại khó, ngại khổ, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”<sup>[2]</sup>. Chính vì thế, xây dựng Đảng về đạo đức đã trở thành một nhiệm vụ chủ yếu, cấp bách của công tác xây dựng Đảng, được đặt ở vị trí ngang hàng với xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

## **2.2. Nội dung xây dựng Đảng về đạo đức trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng**

*Thứ nhất*, xây dựng Đảng về đạo đức trước hết là xây dựng tư cách đạo đức của cán bộ đảng viên.

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ: “Đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng, làm cho mỗi cán bộ, đảng viên thấy rõ bổn phận và trách nhiệm của mình, luôn vững vàng trước mọi khó khăn, thách thức và không bị cám dỗ bởi vật chất, tiền tài, danh vọng; đấu tranh có hiệu quả với mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, bệnh quan liêu, cơ hội, cục bộ, bè phái, mất đoàn kết nội bộ. Nâng cao ý thức tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng suốt đời, thường xuyên tự soi, tự sửa và nêu cao danh dự, lòng tự trọng của người đảng viên”<sup>[3]</sup>.

*Thứ hai*, xây dựng Đảng về đạo đức còn hàm chứa nội dung xây dựng đạo đức của tổ chức đảng. Trong xây dựng đạo đức của tổ chức đảng, việc phát huy vai trò của cấp ủy, nhất là tính tiên phong, gương mẫu của người đứng đầu hết sức quan trọng.

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tập 2, tr.177-178.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tập 1, tr.92.

3 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tập 2, tr.237.

*Thứ ba*, chú trọng đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng, thực hiện thường xuyên, sâu rộng, có hiệu quả việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị.

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đề ra: “Kiên quyết, kiên trì thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII về xây dựng Đảng; gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh bằng các giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt, đồng bộ... Thực hiện nghiêm tự phê bình và phê bình từ Trung ương đến chi bộ;... coi trọng kiểm tra việc khắc phục hạn chế, khuyết điểm”<sup>[1]</sup>.

*Thứ tư*, đề cao trách nhiệm nêu gương và thực hiện tốt các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng yêu cầu: “Thực hiện nghiêm các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương, chức vụ càng cao càng phải gương mẫu, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương. Đảng viên tự giác nêu gương để khẳng định vị trí lãnh đạo, vai trò tiên phong, gương mẫu, tạo sự lan tỏa, thúc đẩy các phong trào cách mạng”<sup>[2]</sup>.

Để sự nêu gương là thực chất đòi hỏi chú ý sự kiểm tra, giám sát để bảo đảm thực hiện đúng và có hiệu quả những quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Coi trọng công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng, kết hợp với phát huy vai trò giám sát của báo chí và nhân dân đối với việc thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên”<sup>[3]</sup>.

*Thứ năm*, đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng với nội dung thiết thực, theo những giá trị và chuẩn mực Đảng đã xác định. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nêu rõ chủ trương: “Nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện các chuẩn mực đạo đức cách mạng phù hợp với điều kiện mới và truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc để làm cơ sở cho cán bộ, đảng viên tự giác tu dưỡng, rèn luyện, tự điều chỉnh hành vi ứng xử trong công việc hằng ngày”<sup>[4]</sup>.

*Thứ sáu*, cần nhận thức đầy đủ xây dựng Đảng về đạo đức còn thể hiện trong mối quan hệ chặt chẽ với xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và cán bộ. Sự hoàn thiện các giá trị, chuẩn mực đạo đức cách mạng trong Đảng là nền tảng vững chắc bảo đảm cho Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và cán bộ. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định trong những năm tới phải đặc biệt coi trọng và đẩy mạnh hơn nữa xây dựng chính đốn Đảng: “Tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tập 2, tr.236.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tập 2, tr.238.

3 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tập 2, tr.238.

4 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tập 2, tr.237.

bộ"<sup>[1]</sup>. Xây dựng Đảng về đạo đức là trách nhiệm của toàn Đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên. Giáo dục đạo đức cách mạng là nhiệm vụ thường xuyên và rất quan trọng của các tổ chức đảng từ Trung ương tới cơ sở và cũng là nội dung sinh hoạt Đảng, sinh hoạt cấp ủy.

### **2.3. Thực tiễn xây dựng Đảng về đạo đức ở Đảng bộ Trường Đại học Vinh**

#### **2.3.1. Những kết quả đạt được trong xây dựng Đảng về đạo đức ở Đảng bộ Trường Đại học Vinh**

Dưới sự lãnh đạo sát sao của Tỉnh ủy Nghệ An, Đảng bộ Trường Đại học Vinh thường xuyên coi trọng việc rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, phát huy tính tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý. Bám sát Chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ Trường, quán triệt và vận dụng sáng tạo các nghị quyết của Trung ương, chỉ đạo của Tỉnh ủy Nghệ An, Ban Cán sự đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy vừa lãnh đạo toàn diện các lĩnh vực, vừa tập trung chỉ đạo xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ XXXI, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII.

Qua các năm thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, đa số cán bộ, đảng viên, học sinh, sinh viên tiếp tục nhận thức rõ hơn ý nghĩa, tầm quan trọng của việc học tập, tu dưỡng, rèn luyện và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Nhiều cán bộ, đảng viên đã có chuyển biến nhất định trong quan hệ với nhân dân, với tập thể và cộng đồng xã hội. Những chuyển biến trong nhận thức của mỗi cán bộ, đảng viên và học sinh, sinh viên về mục đích, ý nghĩa, nội dung của cuộc vận động là cơ sở quan trọng để việc "làm theo" trở thành hành động tự giác, tự nguyện, tự thân trong mỗi người. Các đơn vị đã đạt được một số kết quả trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; hạn chế tiêu cực; góp phần rèn luyện nhân cách, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tận tụy với công việc.

Qua kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, khóa XII), cán bộ, đảng viên, người học trong toàn Trường đã nhận thức đầy đủ, sâu sắc hơn về ý nghĩa, tầm quan trọng của các nghị quyết, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng. Vai trò của tổ chức đảng, người đứng đầu đơn vị trong phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ của cán bộ, đảng viên từng bước được phát huy. Qua kiểm tra, giám sát và qua kiểm điểm, đánh giá cán bộ hàng năm, những vấn đề phức tạp, tiêu cực, bức xúc, nổi cộm đã được các cấp ủy đảng, đơn vị tập trung giải quyết.

---

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tập 2, tr.229.

Nhiều tấm gương, điển hình về học và làm theo Bác trên tất cả các lĩnh vực đã góp phần quan trọng không chỉ trong xây dựng Đảng mà còn thúc đẩy kinh tế, xã hội phát triển, lành mạnh hóa các quan hệ xã hội. Các tấm gương tiêu biểu của các thế hệ thầy, cô giáo qua các thời kỳ; những danh hiệu mà đảng viên nhà giáo, đảng viên sinh viên đã đạt được tiếp tục lan tỏa giá trị tốt đẹp đến người học, nhà trường và xã hội. Từ đó đã góp phần không nhỏ cho quá trình nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, giảng viên và người học trong toàn trường, nâng vị thế và uy tín của nhà trường lên một tầm cao mới.

Có được những thành quả đó là do sự đoàn kết, đồng thuận của toàn Đảng bộ, sự đồng lòng của toàn thể cán bộ, đảng viên, viên chức của Nhà trường dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng bộ, chính quyền Tỉnh Nghệ An và Đảng bộ trường Đại học Vinh.

### *2.3.2. Những hạn chế trong xây dựng Đảng về đạo đức ở Đảng bộ Trường Đại học Vinh*

Trong công tác xây dựng Đảng nói chung, trong xây dựng Đảng về đạo đức ở Đảng bộ Trường Đại học Vinh nói riêng còn có những hạn chế cần khắc phục trong thời gian tới. Báo cáo Chính trị tại Đại hội lần thứ XXXII của Đảng bộ trường Đại học Vinh đã chỉ rõ:

*Thứ nhất*, việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Chỉ thị số 05 của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 17-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghệ An ở một số tổ chức đảng, đơn vị chưa có điểm đột phá, chưa có cách làm mới cả về nội dung, hình thức, giải pháp.

*Thứ hai*, một số cán bộ, đảng viên tinh thần trách nhiệm chưa cao, chưa tự giác tham gia các sinh hoạt tập thể, chưa thực sự trăn trở với những khó khăn và thách thức của đơn vị và Nhà trường. Đặc biệt, còn có đảng viên còn chưa nêu gương sáng đạo đức giữa nói và làm, thiếu sự sâu sát trong công việc, ngại đổi mới. Do đó, tính nêu gương, phong cách, lối sống đạo đức của một bộ phận cán bộ đảng viên vẫn còn chưa thực sự được phát huy tối đa.

*Thứ ba*, một số cán bộ lãnh đạo, quản lý thiếu quyết liệt, chủ động trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Còn có cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật, thiếu trách nhiệm trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao làm ảnh hưởng đến uy tín và thương hiệu Nhà trường.

*Thứ tư*, nội dung, hình thức sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ của một số tổ chức đảng chưa đa dạng, nội dung chưa bám hết nhiệm vụ chính trị được giao, sinh hoạt chuyên đề còn ít. Nguyên tắc tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt Đảng của một số tổ chức đảng và đảng viên chưa được phát huy đầy đủ. Chính vì vậy làm ảnh hưởng đến chất lượng xây dựng Đảng về đạo đức.

Thứ năm, một số cấp uỷ nhận thức chưa đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng, chưa gắn công tác kiểm tra, giám sát với công tác tư tưởng, tổ chức cán bộ, công tác chuyên môn, chưa đặt công tác kiểm tra, giám sát thành nhiệm vụ thường xuyên. Việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát chưa đồng đều ở các chi bộ, có nơi chưa coi trọng kiểm tra phòng ngừa và phát huy yếu tố tích cực.

### 2.3.3. Định hướng xây dựng Đảng về đạo đức của Đảng bộ trường Đại học Vinh

Đại hội đại biểu Trường Đại học Vinh lần thứ XXXII, nhiệm kỳ 2020 - 2025, Đảng bộ trường đề ra mục tiêu tổng quát là: *Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng và đảng viên; tăng cường đổi mới, hợp tác, sáng tạo; phát triển Trường Đại học Vinh thành Đại học Vinh, là trụ cột của các cơ sở giáo dục đại học khu vực Bắc Trung Bộ, hướng tới xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á.* Đại hội cũng xác định các đột phá và các giải pháp quan trọng để phát triển Đảng bộ và Nhà trường trong thời gian tới.

Quán triệt tinh thần đó, trong nhiệm kỳ và những năm tiếp theo, Đảng bộ Trường Đại học Vinh dưới sự lãnh đạo sát sao, khoa học của Tỉnh uỷ Nghệ An sẽ chú trọng xây dựng Đảng về đạo đức. Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, lãnh đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, góp phần đưa Trường Đại học Vinh phát triển mạnh mẽ, thực hiện hiện thắng lợi Nghị quyết Đảng cấp trên, góp phần cho việc hoàn thành mục tiêu tổng quát nhiệm kỳ 2020 - 2025 của Đảng bộ Tỉnh Nghệ An là: *Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Phát huy truyền thống lịch sử, văn hóa, con người xứ Nghệ, ý chí tự cường và khát vọng vươn lên; chủ động đổi mới sáng tạo, đưa Nghệ An phát triển nhanh và bền vững; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; phấn đấu đến năm 2025 Nghệ An trở thành tỉnh khá trong khu vực phía Bắc, năm 2030 trở thành tỉnh khá của cả nước.*

Đảng bộ Trường Đại học Vinh đã ra Nghị quyết về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ trường, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh Nghệ An. Đồng thời, Đảng bộ Trường tiến hành tổ chức: Quán triệt đến toàn thể đảng viên trong Đảng bộ về Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng tại các phiên chung; Chỉ đạo sát sao các Chi bộ triển khai các phiên học tập, thảo luận về nội dung Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; Triển khai tổ chức và giao nhiệm vụ viết Bài thu hoạch học tập Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; Khuyến khích các Chi bộ trong toàn Đảng bộ trường có nhiều sáng kiến, cách làm hay để thảo luận sâu theo chuyên đề, trong đó có chuyên đề về xây dựng Đảng về đạo đức theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII; tăng cường xây dựng các tiêu chí cụ thể để giám sát, đánh giá về công tác xây dựng Đảng ở từng Chi bộ, từng cán bộ đảng viên... Từ kế hoạch đến hành động với nhiều phương thức sáng tạo, hiệu quả trong công tác xây dựng Đảng, đặc biệt xây dựng Đảng về đạo đức theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII, Đảng bộ Trường Đại học Vinh nêu cao quyết tâm dành được kết quả quan trọng

để không ngừng xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh. Từ đó, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng.

#### ***2.4. Những sáng kiến góp phần xây dựng Đảng về đạo đức theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII trong giai đoạn mới***

Hiện nay, sự nghiệp đổi mới đất nước, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của Việt Nam đang đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền. Trong công tác xây dựng Đảng, nội dung xây dựng Đảng về đạo đức là một vấn đề trọng yếu, là nhiệm vụ then chốt đã được khẳng định trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Có thể gợi ý một số giải pháp chủ yếu trong công tác xây dựng Đảng về đạo đức hiện nay cần phải tập trung là:

*Thứ nhất, đẩy mạnh nghiên cứu lý luận chính trị, tập trung vào lý luận về đảng cầm quyền ở Việt Nam và vấn đề xây dựng đạo đức của Đảng; tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức của Đảng cầm quyền.*

*Thứ hai, đẩy mạnh tuyên truyền để nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc xây dựng Đảng về đạo đức; đẩy mạnh nghiên cứu, học tập, giáo dục, thực hành theo tư tưởng, tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.*

*Thứ ba, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp phải nghiên cứu, đổi mới hình thức giáo dục cho phù hợp và thực hiện tốt các nội dung trong xây dựng Đảng về đạo đức.*

*Thứ tư, chú trọng giáo dục các chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên gắn liền với thực hiện nhất quán các nguyên tắc đạo đức. Mỗi cán bộ, đảng viên tăng cường tự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, đề cao vai trò gương mẫu trong xây dựng và thực hiện xây dựng Đảng về đạo đức.*

*Thứ năm, thực hiện mạnh mẽ biện pháp nêu gương. Tăng cường các nguồn lực và môi trường giáo dục đạo đức.*

*Thứ sáu, tăng cường chỉ đạo, lãnh đạo tổ chức thực hiện và kiểm tra, đánh giá, tổng kết thực tiễn học tập, nâng cao đạo đức cách mạng của đội ngũ cán bộ đảng viên.*

Ngoài các sáng kiến nêu trên thì rất cần sự thảo luận, trao đổi thêm của các thầy cô giáo/các cán bộ, đảng viên và các đại biểu tham dự hội thảo để có thể hoàn thiện hơn.

### **3. Kết luận**

Xây dựng Đảng về đạo đức là vấn đề luôn được Đảng ta quan tâm chú trọng trong suốt quá trình hình thành và phát triển. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, bởi trong bối cảnh và điều kiện hiện nay thì việc quan tâm xây dựng Đảng về đạo đức có ý nghĩa rất lớn và quan trọng. Một Đảng sáng ngời đạo đức cách mạng cũng là lương tâm, danh dự, niềm tin như mong muốn của Bác Hồ: “Đảng ta là đạo đức, là văn minh”. Xây dựng Đảng về đạo đức là trách nhiệm của toàn Đảng và của mỗi

cán bộ, đảng viên. Vấn đề xây dựng Đảng về đạo đức được đặt đúng tầm trong Đại hội XIII của Đảng.

Đạo đức cách mạng phải qua đấu tranh, rèn luyện bền bỉ mới thành. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”<sup>[1]</sup>. Do đó, phải rèn luyện, tu dưỡng đạo đức suốt đời. Người nhấn mạnh: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”<sup>[2]</sup>.

Tư tưởng khát vọng Việt Nam phát triển, phồn vinh, hạnh phúc trong các văn kiện Đại hội XIII đã nêu cao niềm tin và ý chí của toàn dân tộc. Trong bối cảnh mới, với những thách thức không nhỏ đối với sự nghiệp giáo dục - đào tạo, cũng như trong công tác xây dựng Đảng, đòi hỏi sự nỗ lực của tất cả các đảng viên. Dưới sự lãnh đạo khoa học và sát sao của Đảng bộ Tỉnh Nghệ An, Đảng bộ Trường Đại học Vinh khẳng định nêu cao quyết tâm đoàn kết, dân chủ, sáng tạo, phát huy thế mạnh, khắc phục khó khăn để đạt được nhiều kết quả thành công hơn nữa trong những năm tiếp theo. Đội ngũ cán bộ đảng viên và nhân dân luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và tích cực học tập sẵn sàng hành động để hiện thực hóa Nghị quyết Đại hội các cấp, hiện thực hóa khát vọng xây dựng đất nước. Xây dựng Đảng về đạo đức một cách thành công nhất làm điểm tựa vững chắc cho nhiệm vụ xây dựng Đảng toàn diện, vững mạnh, vĩ đại trong hôm nay và cả mai sau.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập 1.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập 2.
3. Đảng bộ Tỉnh Nghệ An (2020), *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XIX nhiệm kỳ 2020-2025*.
4. Đảng bộ Trường Đại học Vinh (2020), *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường lần thứ XXXII, nhiệm kỳ 2020 - 2025*.

---

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2011, tr.612.

2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2011, tr.672.



5. Đảng ủy Trường Đại học Vinh (2021), *Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021*.
6. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
7. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
8. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
9. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
10. Nguyễn Thu Huyền (2021), "Xây dựng Đảng về đạo đức - trách nhiệm của toàn Đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên", [[https://mic.gov.vn/mic\\_2020/Pages/TinTuc/tinchitiet.aspx?tintucid=148796](https://mic.gov.vn/mic_2020/Pages/TinTuc/tinchitiet.aspx?tintucid=148796)].

# VẬN DỤNG MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG VÀO GIẢNG DẠY MÔN KINH TẾ CHÍNH TRỊ

TS. Nguyễn Văn Thành<sup>[1]</sup>

**Tóm tắt:** Để nâng cao chất lượng dạy học Môn kinh tế chính trị Mác-Lênin, cần cập nhật kiến thức mới về chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng để lồng ghép vào nội dung các bài học, phần học một cách phù hợp. Một trong những nội dung quan trọng cần cập nhật hiện nay là Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Vì vậy, giảng viên giảng dạy các phần này cần phải vận dụng nội dung của Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII để làm sâu sắc hơn bài giảng, đưa những nội dung mới của văn kiện Đảng đến với người học một cách đầy đủ hơn, chi tiết hơn để người học tiếp thu một cách hiệu quả đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước.

**Từ khóa:** Nâng cao chất lượng dạy học; Kinh tế chính trị Mác-Lênin

## 1. Đặt vấn đề

Môn Kinh tế chính trị Mác-Lênin có 2 phần gồm phần kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và phần kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trong khuôn khổ của mình, giáo trình không thể đưa hết được các nội dung của văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII vào từng bài soạn. Vì vậy, giảng viên giảng dạy các phần này cần phải vận dụng nội dung của Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII để làm sâu sắc hơn bài giảng, đưa những nội dung mới của văn kiện Đảng đến với người học một cách đầy đủ hơn, chi tiết hơn để người học tiếp thu một cách hiệu quả đường lối, chính sách

---

1 Khoa Lý luận cơ sở - Trường Chính trị Nghệ An

của Đảng và nhà nước. Mỗi nội dung đưa vào bài học, cần sát với nội dung của bài và đúng với tinh thần của văn kiện, phải được phân tích, giảng giải sao cho học viên dễ tiếp thu gắn trực tiếp với mục đích, yêu cầu của bài học.

Trong phần kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, việc vận dụng nội dung văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng vào giảng dạy cần liên hệ những nội dung liên quan đến quan điểm, chủ trương của Đảng về phát triển nền kinh tế thị trường, phát triển kinh tế tư nhân, tích cực ứng dụng những thành tựu mà loài người đã đạt được dưới Chủ nghĩa tư bản như khoa học công nghệ, kinh nghiệm tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh; chủ trương thu hút đầu tư nước ngoài (nhập khẩu tư bản) để thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước... Một mặt, làm cho người học thấy được bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản, từ đó hiểu sâu sắc hơn đường lối của Đảng là xây dựng chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở nước ta nhưng mặt khác, người học cũng thấy Đảng ta đã biết tiếp thu, kế thừa, học tập những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới CNTB để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nhất là việc cần thiết phải thu hút, huy động các nguồn lực trong chủ nghĩa tư bản cho phát triển đất nước như vốn đầu tư (tư bản), nhân lực (chuyên gia tư sản)...

## 2. Nội dung

Báo cáo chính trị Đại hội XIII có nhận định “Thế giới đang trải qua những biến động to lớn, diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song đang đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột cục bộ tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp và quyết liệt hơn, làm gia tăng rủi ro đối với môi trường kinh tế, chính trị, an ninh quốc tế”. Các nước lớn chủ yếu là các nước tư bản phát triển (ngoại trừ Trung Quốc) vẫn giữ nguyên bản chất của chủ nghĩa tư bản trong thời đại ngày nay.

Trong phần kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đây là phần học có nhiều nội dung trong văn kiện có thể vận dụng để đưa vào bài giảng theo từng bài học có liên quan.

Ví dụ: Khi giảng dạy về các thành phần kinh tế qua các kỳ đại hội, trước khi nhấn mạnh việc kế thừa quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh Việt Nam trên cơ sở phân tích đặc điểm của từng bước quá độ, từ đó từng đại hội trong thời kỳ đổi mới không những nhất quán thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần, mà còn xác định rõ cơ cấu các thành phần kinh tế, tạo cơ sở cho việc hoạch định và thực thi đúng đắn các chính sách đối với các thành phần kinh tế, khi giảng viên phân tích các thành phần kinh tế đã

được các kỳ đại hội Đảng từ Đại hội VI đến nay xác định, trong đó cần chú ý đề cập đến các thành phần kinh tế đã được Đại hội XIII nêu ra và xác định vai trò của từng thành phần kinh tế. Theo Đại hội XIII, trong nền kinh tế nước ta hiện nay có 4 thành phần kinh tế và vai trò như sau: “(1) Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; là công cụ, lực lượng vật chất quan trọng để nhà nước ổn định kinh tế vĩ mô, định hướng, điều tiết, dẫn dắt, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, khắc phục khuyết tật của cơ chế thị trường... (2) Kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố, phát triển, có phạm vi hoạt động rộng lớn, với vai trò cung cấp dịch vụ cho các thành viên; liên kết, phối hợp sản xuất kinh doanh, bảo vệ lợi ích và tạo điều kiện để các thành viên nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững... (3) Kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng, được khuyến khích phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực pháp luật không cấm, được hỗ trợ phát triển thành các công ty, tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh, có sức cạnh tranh cao...(4) Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển phù hợp với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Đây là một bộ phận quan trọng của kinh tế quốc dân, có vai trò lớn trong huy động nguồn vốn đầu tư, công nghệ, phương thức quản lý hiện đại, mở rộng thị trường xuất khẩu.”<sup>[1]</sup> Nêu được cụ thể như vậy sẽ giúp học viên thấy được những quan điểm mới và đúng đắn của Đảng ta về chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ.

Khi giảng dạy về những nhiệm vụ kinh tế cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, giảng viên cần bổ sung quan điểm của Đảng ta trong văn kiện đại hội lần thứ XIII về phát triển lực lượng sản xuất. Văn kiện đại hội đại biểu của Đảng lần thứ XIII nêu rõ: “Tiếp tục thực hiện nhất quán chủ trương khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để *phát triển lực lượng sản xuất* hiện đại, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.”<sup>[2]</sup> Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng của tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. “Xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh, cơ cấu lại công nghiệp, nâng cao trình độ công nghệ... tập trung phát triển những ngành công nghiệp nền tảng, nhất là công nghiệp cơ khí, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, nâng cao tính tự chủ của nền kinh tế, có khả năng tham gia sâu, có hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu. Ưu tiên phát triển những ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường...”<sup>[3]</sup> Văn kiện Đại hội XIII quan tâm đến nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất. Đảng ta chủ trương đẩy mạnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. “Tiếp tục đổi mới

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, tr.129-130.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.140.

3 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.123.

đồng bộ mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, phát triển con người toàn diện, đáp ứng những yêu cầu mới của phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.”<sup>[1]</sup>. Giảng viên cần đưa quan điểm của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII về xây dựng quan hệ sản xuất để làm rõ thêm nội dung này. Cụ thể, Đảng ta đã chỉ rõ: (1) Về sở hữu “Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế”<sup>[2]</sup>. (2) Về tổ chức, quản lý: “Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng luật pháp, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, các tiêu chuẩn định mức và lực lượng kinh tế nhà nước phù hợp với các yêu cầu và quy luật của kinh tế thị trường. Thị trường đóng vai trò quyết định trong xác định giá cả hàng hóa, dịch vụ; tạo động lực huy động và phân bổ hiệu quả các nguồn lực; điều tiết sản xuất và lưu thông; điều tiết hoạt động của doanh nghiệp, thanh lọc những doanh nghiệp yếu kém”<sup>[3]</sup>. Thực tế, tiêu chí đánh giá quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp là sự phát triển của lực lượng sản xuất. Những năm qua, lực lượng sản xuất ở nước ta không ngừng phát triển, điều đó chứng tỏ đường lối về xây dựng quan hệ sản xuất của Đảng đã phù hợp với điều kiện ở nước ta hiện nay. Đại hội đại biểu lần thứ XIII của Đảng đã tiếp tục khẳng định và cụ thể hóa hơn chủ trương này.

Khi giảng dạy về quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế, bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, giảng viên cần đưa nội dung về đường lối kinh tế đối ngoại của Đảng ta vào bài giảng. Cụ thể, Văn kiện đại hội đại biểu của Đảng lần thứ XIII đã nêu rõ: “Đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ kinh tế quốc tế, tránh lệ thuộc vào một thị trường, một đối tác. Nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế trước tác động tiêu cực từ những biến động của bên ngoài; chủ động hoàn thiện hệ thống phòng vệ để bảo vệ nền kinh tế, doanh nghiệp, thị trường trong nước phù hợp với các cam kết quốc tế...”<sup>[4]</sup>. Đây là quan điểm mới của Đảng ta so với các kỳ đại hội trước về kinh tế đối ngoại, phù hợp hơn với thực trạng mở cửa hội nhập kinh tế hiện nay của đất nước.

Khi giảng dạy về nội dung Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giảng viên cần đưa quan điểm của Đại hội XIII đã thống nhất và nâng cao nhận thức về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với những điểm mới. Văn kiện đại hội XIII nêu rõ: “Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.136.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.128-129.

3 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.131.

4 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.135.

lên chủ nghĩa xã hội. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước”.<sup>[1]</sup> Điểm mới nữa trong Văn kiện đại hội XIII là đã xác định rõ vai trò và mối quan hệ giữa *Nhà nước, thị trường và xã hội*. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giữa Nhà nước, thị trường và xã hội có quan hệ chặt chẽ với nhau. Về vai trò của từng thành tố, Văn kiện nêu rõ vai trò của Nhà nước là: “Nhà nước xây dựng và hoàn thiện thể chế, bảo vệ quyền tài sản, quyền kinh doanh, giữ ổn định kinh tế vĩ mô, các cân đối lớn của nền kinh tế; tạo môi trường thuận lợi, công khai, minh bạch cho các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và thị trường hoạt động; điều tiết, định hướng, thúc đẩy kinh tế phát triển... Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng luật pháp, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, các tiêu chuẩn, định mức và lực lượng kinh tế nhà nước phù hợp với các yêu cầu và quy luật của kinh tế thị trường”. Vai trò của thị trường được xác định: “Thị trường đóng vai trò quyết định trong xác định giá cả hàng hóa, dịch vụ; tạo động lực huy động, phân bổ có hiệu quả các nguồn lực; điều tiết sản xuất và lưu thông; điều tiết hoạt động của doanh nghiệp, thanh lọc những doanh nghiệp yếu kém”. Đối với xã hội, Văn kiện nêu rõ: “Các tổ chức xã hội có vai trò tạo sự liên kết, phối hợp hoạt động, giải quyết những vấn đề phát sinh giữa các thành viên; đại diện và bảo vệ lợi ích của các thành viên trong quan hệ với các chủ thể, đối tác khác; cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho các thành viên; phản ánh nguyện vọng, lợi ích của các tầng lớp nhân dân với Nhà nước và tham gia phản biện luật pháp, cơ chế chính sách của Nhà nước, giám sát các cơ quan và đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước trong việc thực thi pháp luật.”<sup>[2]</sup> Trong nội dung này, cần quan tâm đến đến nội dung *tiếp tục hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn*. Văn kiện đại hội lần thứ XIII có một số điểm mới như: “xây dựng khung khổ pháp luật, môi trường thuận lợi thúc đẩy phát triển, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số; hỗ trợ, khuyến khích sự ra đời, hoạt động của những lĩnh vực mới, mô hình kinh doanh mới.” “Thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường đối với hàng hóa, dịch vụ, kể cả các dịch vụ công cơ bản... Phát triển và quản lý chặt chẽ thị trường bất động sản, thị trường quyền sử dụng đất”<sup>[3]</sup>. Hoàn thiện thể chế thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, khuyến khích doanh nghiệp tư nhân đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, mở rộng thị trường, cải thiện thu

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.128.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.132.

3 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.132-133.

nhập, điều kiện làm việc của người lao động và tham gia các hoạt động xã hội, bảo vệ môi trường, thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Khi giảng dạy nội dung: *Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức*, giảng viên cần cập nhật những nội dung mới của Văn kiện đại hội lần thứ XIII về các nội dung liên quan đến bài học này. Cụ thể, Đại hội XIII đã dự báo: “Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ số phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia, dân tộc”. Trên cơ sở đó, Đại hội đề ra chủ trương tiếp tục *đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng của tiến bộ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo*. Xây dựng công nghiệp quốc gia vững mạnh. “Cơ cấu lại công nghiệp, nâng cao trình độ công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi sang công nghệ số, tập trung phát triển những ngành công nghiệp nền tảng, nhất là công nghiệp cơ khí, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, nâng cao tính tự chủ của nền kinh tế, có khả năng tham gia sâu, có hiệu quả vào các chuỗi giá trị toàn cầu. Ưu tiên phát triển những ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh kết hợp phục vụ dân sinh. Dựa trên công nghệ mới, hiện đại để phát triển các ngành công nghiệp vẫn còn có lợi thế (chế biến nông sản, dệt may, da giày...), tạo nhiều việc làm, sản xuất hàng xuất khẩu, đóng góp lớn vào giá trị gia tăng quốc gia. Bố trí lại công nghiệp trên các địa bàn lãnh thổ hợp lý hơn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các khu công nghệ cao, khu kinh tế, khu công nghiệp.”<sup>[1]</sup> Đại hội XIII lần đầu tiên đề cập đến việc ứng dụng những thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Cụ thể, đại hội nêu rõ: “Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế, chuyển mạnh nền kinh tế sang mô hình tăng trưởng dựa trên tăng năng suất, tiến bộ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhân lực chất lượng cao, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực để nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy khởi nghiệp, sáng tạo, phát triển các ngành, lĩnh vực, các doanh nghiệp trên nền tảng ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu của khoa học công nghệ, nhất là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.”<sup>[2]</sup>

Đặc biệt, đại hội XIII đã đưa ra các mục tiêu cụ thể để xây dựng và phát triển đất nước, đó là: Đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp (GDP bình quân đầu người ước đạt 4.700-5.000 USD/năm); Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao (GDP bình quân đầu

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.123-124.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.120-121.

người ước đạt 7.500 USD/năm); Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao (theo tiêu chí hiện nay GDP bình quân đầu người phải đạt trên 12.535 USD/năm).

Như vậy, Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII có khá nhiều nội dung mới liên quan đến các bài học của môn Kinh tế chính trị. Để cập nhật kiến thức một cách đầy đủ, giảng viên cần đưa những nội dung của văn kiện lồng ghép vào nội dung của các bài học một cách hợp lý để người học hiểu sâu sắc hơn bài học và nắm vững những quan điểm, chủ trương mới của Đảng ta mà trong giáo trình không có điều kiện trình bày đầy đủ, chi tiết. Có như vậy, bài giảng mới đáp ứng được yêu cầu truyền đạt một cách kịp thời, đầy đủ, hiệu quả chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đến với học viên.



# MỘT SỐ ĐIỂM NHẤN NỔI BẬT VỀ CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TS. Nguyễn Thị Hải Yến<sup>[1]</sup>

**Tóm tắt:** *Nhìn lại chặng đường 35 năm đổi mới, có thể thấy đối ngoại Việt Nam đã có những đóng góp vô cùng quan trọng vào sự lớn mạnh toàn diện của đất nước. Trên cơ sở kế thừa và phát huy đường lối đối ngoại đúng đắn trong lịch sử, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII tiếp tục phát triển và hoàn thiện đường lối đối ngoại của Đảng trong đó có những nội dung mới nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh mới. Do đó, việc nghiên cứu, quán triệt những điểm mới trong chính sách đối ngoại là vấn đề có ý nghĩa hết sức cấp thiết trong công tác giảng dạy, góp phần đưa Nghị quyết của Đảng đến gần hơn với thực tiễn đời sống.*

**Từ khóa:** *chính sách đối ngoại, điểm nhấn, Đại hội XIII*

Năm 2021- năm đánh dấu nhiều mốc lịch sử quan trọng của đất nước. Trên cơ sở đánh giá khách quan thực tiễn 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội, 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước (bổ sung, phát triển năm 2011), 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020, Báo cáo chính trị tại Đại hội XIII đã khẳng định: *Đất nước chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay.* Trong những thành tựu có ý nghĩa lịch sử to lớn đó, không thể không kể đến sự đóng góp hết sức quan trọng của công tác đối ngoại, cụ thể: Quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế tiếp tục mở rộng và đi vào chiều sâu, tạo khung khổ quan hệ ổn định và bền

---

1 Khoa Giáo dục chính trị - Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh

vững với các đối tác; chủ động tham gia xây dựng các nguyên tắc, chuẩn mực trong các thể chế đa phương khu vực và toàn cầu; xử lý đúng đắn, hiệu quả quan hệ với các nước láng giềng, các nước lớn, các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện và các đối tác khác. Đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại nhân dân được triển khai đồng bộ và toàn diện.... Đây là niềm tự hào, là động lực để công tác đối ngoại kế thừa, phát triển, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới.

Thực tế những thành tựu to lớn trên lĩnh vực đối ngoại đã dựa trên cơ sở việc xây dựng, hoạch định đường lối đối ngoại đúng đắn, khoa học. Muốn vậy, trước hết phải có tư duy mới trong dự báo, đánh giá chính xác, khách quan, toàn diện bối cảnh thế giới, khu vực và tình hình đất nước. Trong văn kiện Đại hội XIII, Đảng ta cũng đã có dự báo cụ thể về những xu hướng của thế giới trong những năm sắp tới, cho thấy tình hình thế giới cũng như trong nước có cả thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen:

*Trên thế giới, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng cạnh tranh chiến lược, đấu tranh kiềm chế lẫn nhau giữa các nước lớn đang trở nên gay gắt hơn; xung đột cục bộ tiếp tục diễn ra quyết liệt dưới nhiều hình thức làm gia tăng rủi ro đối với môi trường chính trị, an ninh quốc tế. Chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền nước lớn, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa dân túy trong quan hệ quốc tế gia tăng. Những vấn đề toàn cầu như bảo vệ hòa bình, an ninh con người, an ninh phi truyền thống, nhất là an ninh mạng, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh... tiếp tục diễn biến phức tạp, đe dọa nghiêm trọng sự phát triển bền vững của mọi quốc gia, làm nảy sinh một số vấn đề trong quan hệ giữa các nước.<sup>[1]</sup> Kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng, suy thoái nghiêm trọng và có thể còn kéo dài do tác động của đại dịch Covid-19. Các quốc gia, nhất là các nước lớn điều chỉnh lại chiến lược phát triển, giảm bớt sự phụ thuộc vào bên ngoài, làm thay đổi các chuỗi cung ứng. Cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại, tranh giành thị trường, các nguồn tài nguyên, công nghệ, nhân lực chất lượng cao, thu hút đầu tư nước ngoài giữa các nước ngày càng quyết liệt, tác động mạnh đến chuỗi sản xuất và phân phối toàn cầu<sup>[2]</sup>.*

Khu vực châu Á-Thái Bình Dương, trong đó Đông Nam Á có vị trí chiến lược ngày càng quan trọng, là khu vực cạnh tranh gay gắt giữa các nước lớn, tiềm ẩn nhiều bất ổn. Nhiều vấn đề của khu vực như: vấn đề khủng hoảng hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên, tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông, biển Hoa Đông... đang tiếp tục diễn biến phức tạp. ASEAN có vai trò quan trọng trong duy trì hòa bình, ổn định, thúc đẩy hợp tác khu vực nhưng cũng đứng trước nhiều khó khăn.

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.105.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.106.

Ở trong nước, thế và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trên lĩnh vực đối ngoại, quan hệ ngoại giao và hội nhập quốc tế tiếp tục được mở rộng và đi vào chiều sâu, tạo khung khổ quan hệ ổn định và bền vững với các đối tác. Việt Nam đã chủ động tham gia xây dựng các nguyên tắc, chuẩn mực trong các thể chế đa phương khu vực và toàn cầu; xử lý đúng đắn, hiệu quả quan hệ với các nước láng giềng, các nước lớn, các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện và các đối tác khác. Tuy nhiên, hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế có mặt, có lúc chưa theo kịp diễn biến của tình hình, chưa lường hết những tác động bất lợi; chưa khai thác tốt và phát huy hiệu quả các quan hệ lợi ích đan xen với các đối tác quan trọng; sự phối hợp giữa các ngành, các địa phương trong công tác đối ngoại chưa chặt chẽ, thường xuyên.

Từ việc đánh giá khách quan, toàn diện về bối cảnh lịch sử cũng như thực tiễn của hoạt động ngoại giao, quán triệt sâu sắc tư duy, quan điểm, định hướng của Đảng về đối ngoại, có thể thấy Văn kiện Đại hội XIII là sự kế thừa, tiếp nối những đường lối, quyết sách đúng đắn về ngoại giao trong lịch sử, đồng thời thể hiện sự linh hoạt, sáng tạo trong chính sách đối ngoại phù hợp với những yêu cầu của bối cảnh lịch sử mới.

Trong Văn kiện Đại hội XIII, phần chính sách đối ngoại được trình bày trong Mục XI- Triển khai đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng. Theo đó, chính sách đối ngoại của Việt Nam trong thời gian tới được triển khai một cách toàn diện là: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”<sup>[1]</sup>. Văn kiện cũng chỉ ra nguyên tắc chỉ đạo trong việc thực hiện chính sách đối ngoại là vừa hợp tác, vừa đấu tranh; đẩy mạnh đối ngoại song phương, nâng tầm đối ngoại đa phương và kiên quyết, kiên trì đấu tranh, làm thất bại mọi âm mưu, hành động can thiệp của các thế lực thù địch vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia và ổn định chính trị đất nước.

Để phù hợp với sự thay đổi của tình hình thế giới và trong nước, Văn kiện Đại hội XIII xác định đường lối, chính sách đối ngoại gồm các điểm mới sau:

---

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.161-162.

Một là, Văn kiện nhấn mạnh “*lợi ích quốc gia - dân tộc*” là mục tiêu cao nhất của hoạt động đối ngoại.

Lợi ích quốc gia - dân tộc không phải là mới trong các văn kiện của Đảng song vấn đề này luôn được xác định là mục tiêu trọng yếu trong hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Báo cáo chính trị Đại hội XII nhấn mạnh: “Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi...”<sup>[1]</sup>. Đến Văn kiện Đại hội XIII có cách nhìn nhận và xác định rõ hơn: *Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi*, đã thể hiện tư duy mới của Đảng về đối tác, đối tượng trong tình hình mới.

Lợi ích quốc gia - dân tộc bao gồm rất nhiều yếu tố lợi ích: chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh. Trong bối cảnh thế giới hiện nay, sự phụ thuộc lẫn nhau của các quốc gia ngày càng tăng lên, tất cả các nước đều chịu ràng buộc bởi luật chơi chung, mỗi quốc gia không còn là một cá thể riêng biệt mà phải chấp nhận hoặc gắn bó với nhau trong các mối quan hệ, liên kết hợp tác và cả cạnh tranh xung đột do sự đan xen cùng chiều và khác biệt về lợi ích quốc gia - dân tộc. Việc quán triệt và thực hiện nguyên tắc đó không chỉ giúp ta có nhận thức đúng đối tác, đối tượng theo nguyên tắc, tiêu chí quy định, mà quan trọng hơn là để ta vận dụng đúng đắn quan điểm về đối tác, đối tượng vào thực tiễn quan hệ đối ngoại trong từng thời điểm, từng giai đoạn của cách mạng.

*Hai là*, xác định rõ hơn vai trò của hoạt động đối ngoại.

Báo cáo chính trị Đại hội XIII nhấn mạnh: “Tiếp tục phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại trong việc tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, huy động các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao vị thế và uy tín của đất nước”<sup>[2]</sup>. Đây là lần đầu tiên Văn kiện Đại hội Đảng xác định cụ thể và sâu sắc vị trí, vai trò của công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Điều đó làm sáng rõ hơn nhiệm vụ trọng yếu của công tác đối ngoại là tiên phong trong việc giữ vững môi trường hòa bình, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, đối ngoại để phục vụ đối nội. Mở rộng quan hệ đối ngoại nhằm thúc đẩy quan hệ kinh tế, tăng cường hợp tác quốc tế để phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh.

*Ba là*, Văn kiện nhấn mạnh cả đối ngoại song phương và ngoại giao đa phương.

---

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.34.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.162-163

Với đối ngoại song phương, chủ trương là tiếp tục “chú trọng” và “làm sâu sắc” các mối quan hệ, trong đó thứ tự ưu tiên vẫn là các nước láng giềng, các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện và các đối tác quan trọng khác. Cho đến nay, chúng ta đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 189 quốc gia, có quan hệ kinh tế - thương mại với hơn 230 nước và vùng lãnh thổ. Việt Nam cũng đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với 17 nước và đối tác toàn diện với 13 nước.

Với ngoại giao đa phương, ta chủ trương “chủ động” và “tích cực” với thứ tự ưu tiên là ASEAN, Liên hợp quốc, EU, APEC, ASEM, Francophonie (Tổ chức Quốc tế các Quốc gia nói tiếng Pháp), NAM (Phong trào Không liên kết), các cơ chế hợp tác Tiểu vùng Mekong mở rộng (GMS) và các cơ chế khác có tầm quan trọng chiến lược. So với Báo cáo Chính trị Đại hội XII, Văn kiện Đại hội XIII trình bày nội dung này toàn diện và đầy đủ hơn. Điều này thể hiện nhận thức linh hoạt và cách tiếp cận mở hơn trong ngoại giao đa phương của Việt Nam. Văn kiện cũng nhấn mạnh hơn nữa chủ trương nâng tầm đối ngoại đa phương. Mặc dù ngày 8/8/2018 Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 25-CT/TW “Về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030”, song đây là lần đầu tiên vấn đề này được đưa vào trong văn kiện Đại hội Đảng. Trong bối cảnh gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, các cơ chế đa phương là kênh đối ngoại hiệu quả nhất để tập hợp lực lượng và tiếng nói của các nước nhỏ. Do vậy, đối với nước ta, đối ngoại đa phương ngày càng đóng vai trò quan trọng trong bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc.

*Bốn là, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng.*

Văn kiện Đại hội XII chủ trương: Triển khai mạnh mẽ định hướng chiến lược chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Đại hội XIII đã cụ thể hóa hơn và xác định những định hướng và nhiệm vụ sâu rộng hơn về hội nhập quốc tế. Báo cáo chính trị Đại hội XIII nhấn mạnh: “Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, giải quyết tốt mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; thúc đẩy hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, linh hoạt, hiệu quả vì lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo đảm độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia. Gắn kết chặt chẽ quá trình chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng với việc nâng cao sức mạnh tổng hợp, huy động tiềm năng của toàn xã hội; đổi mới, hoàn thiện thể chế trong nước, nâng cao năng lực tự chủ, cạnh tranh và khả năng thích ứng của đất nước”<sup>[1]</sup>. Rõ ràng là Đảng ta nhận thức sâu sắc hơn, đầy đủ hơn các đặc điểm của môi trường quốc tế cũng như các hệ thống công cụ, quyền lực được sử dụng để chi phối, kiểm soát và vận dụng linh hoạt trong quá trình hội nhập quốc tế. Hội nhập quốc tế không giới hạn trong một phạm vi hay một lĩnh vực nào của đời sống quốc tế mà nó lan tỏa ở mọi cấp độ, mọi lĩnh vực trên phạm vi khu vực và toàn cầu. Thực hiện hội nhập quốc tế

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.161-162.

toàn diện, sâu rộng là tham gia vào các quá trình kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng. Muốn việc thực hiện đó có hiệu quả nhất định thì phải tăng cường nội lực, giữ vững độc lập, tự chủ, phát huy sức mạnh tổng hợp của quốc gia - dân tộc.

*Năm là*, văn kiện chỉ rõ ba trụ cột ngoại giao của Việt Nam là đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân.

Đây là lần đầu tiên nội dung này được nhấn mạnh trong Văn kiện Đại hội Đảng. Nếu nhìn nền ngoại giao Việt Nam như một mặt trận thống nhất với các loại hình ngoại giao khác nhau từ chính trị, quốc phòng, nghị viện, văn hóa, kinh tế, thì sẽ thấy các loại hình ngoại giao này không chỉ có sự tham gia của các cơ quan đảng, cơ quan nhà nước, mà của cả các đoàn thể, các tổ chức xã hội và toàn thể nhân dân. Đó là nền ngoại giao nhân dân, có truyền thống hàng nghìn năm trong suốt chiều dài lịch sử đấu tranh, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ngày nay, nền ngoại giao hiện đại Việt Nam trong chính thể cộng hòa xã hội chủ nghĩa, dù có cách gọi khác nhau và các kênh đối ngoại khác nhau, song mọi hoạt động đối ngoại đều đặt dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp của Đảng. Vì vậy, việc nhấn mạnh ba kênh ngoại giao trên không chỉ đề cao vị thế và vai trò của từng kênh, mà còn để khẳng định sự thống nhất về lãnh đạo, mục đích và mục tiêu hoạt động của ngoại giao Việt Nam.

*Sáu là*, Văn kiện nhấn mạnh việc xây dựng một nền ngoại giao toàn diện và hiện đại, trong đó chú trọng tới việc xây dựng đội ngũ cán bộ đối ngoại “*có bản lĩnh, phẩm chất, năng lực, phong cách chuyên nghiệp*”.

Xây dựng nền ngoại giao toàn diện và hiện đại là để đáp ứng với sự phát triển, phù hợp với vị thế của nước ta trên trường quốc tế và tương xứng với hoạt động ngoại giao được nâng tầm cả hoạt động song phương và đa phương trong giai đoạn hiện nay. Đây là điểm rất mới trong văn kiện Đại hội lần này. Ngoại giao toàn diện dựa trên ba trụ cột: đối ngoại Đảng, Ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân và nhấn mạnh đến sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa ba trụ cột đó. Toàn diện không chỉ là về chủ thể mà còn cả về hình thức và lĩnh vực, chẳng hạn như ngoại giao kinh tế, ngoại giao chính trị, ngoại giao văn hóa... Còn tính hiện đại của ngoại giao thể hiện ở phương thức triển khai và bộ máy, kể cả con người làm công tác đối ngoại.

Từ những điểm mới đó, khi đưa ra định hướng về đối ngoại, Đảng chủ trương: *Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hoá; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam.* Đó là quan điểm nhất quán, phản ánh phương hướng, cách thức trong quá trình hội nhập quốc tế của nước ta, thể hiện mục tiêu của công tác đối ngoại đáp

ứng yêu cầu của công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới. Những nội dung đó cho thấy chính sách đối ngoại trong Văn kiện Đại hội XIII là sự kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân mà trước hết là ngành Ngoại giao, là sự kế thừa, tiếp nối chính sách đối ngoại đúng đắn và ngày càng được hoàn thiện từ Đại hội VI cho đến nay. Chính sách đó trên hết nhằm phục vụ mục tiêu phát triển đất nước trong giai đoạn phát triển mới trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng. Chúng ta tin tưởng dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, hoạt động đối ngoại sẽ góp phần củng cố và nâng cao hơn nữa vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam trên trường quốc tế trong những chặng đường lịch sử mới.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Hội đồng lý luận Trung ương (2021), *Những điểm mới trong các Văn kiện Đại hội XIII của Đảng*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

# VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÔNG TÁC PHỔ BIẾN VÀ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY

**TS. Đinh Ngọc Thắng<sup>[1]</sup>**

**Tóm tắt:** *Bài viết tập trung phân tích, làm rõ một số vấn đề về nhận thức, quan điểm và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phổ biến và giáo dục pháp luật ở nước ta trong tình hình hiện nay.*

**Từ khóa:** *Tư tưởng Hồ Chí Minh; phổ biến giáo dục; phổ biến pháp luật.*

## **ĐẶT VẤN ĐỀ**

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật là khâu đầu tiên của quá trình thi hành pháp luật và có vai trò hết sức quan trọng trong việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định tầm quan trọng của Hiến pháp và pháp luật, quan tâm xây dựng pháp luật, chú ý đưa pháp luật vào đời sống, tạo cơ chế bảo đảm cho pháp luật được thi hành, xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát việc thi hành trong cơ quan nhà nước và trong Nhân dân. Hồ Chí Minh rất quan tâm phổ biến và giáo dục pháp luật cho Nhân dân. Nghiên cứu tư tưởng, quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về phổ biến và giáo dục pháp luật có nội dung rất phong phú, cần thường xuyên được quán triệt, vận dụng trong phổ biến và giáo dục pháp luật cho mọi đối tượng. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung phân tích, làm rõ một số vấn đề về nhận thức, quan điểm và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phổ biến và giáo dục pháp luật ở nước ta trong tình hình hiện nay.

---

<sup>1</sup> Trường KHXH&NV - Trường Đại học Vinh



## 1. Một số luận điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của phổ biến và giáo dục pháp luật

### 1.1. Phổ biến và giáo dục pháp luật góp phần hoàn thiện nhà nước pháp quyền

Với sự trải nghiệm của bản thân và tiếp thu các tư tưởng tiên bộ của chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thấy vai trò quan trọng của Hiến pháp và pháp luật đối với sự quản lý của Nhà nước. Ngay khi sau khi nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa ra đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành sự quan tâm xây dựng Hiến pháp, pháp luật và phổ biến và giáo dục pháp luật cho Nhân dân. Người đề ra những chủ trương cần phải làm ngay. Đó là:

- *Diệt “giặc dốt” xóa nạn mù chữ.* Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, hơn 95% Nhân dân Việt Nam mù chữ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định xóa nạn mù chữ là một yêu cầu cấp bách để khắc phục hậu quả của chế độ thực dân để lại. Theo Người, xóa nạn mù chữ là tiền đề, là cơ sở để nâng cao nhận thức, hiểu biết cho người dân - yếu tố quyết định để xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh: “Muốn giữ vững nền độc lập, muốn làm cho dân giàu, nước mạnh, mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ”, Người khẳng định: “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”<sup>[1]</sup>. Nhờ vậy, chỉ sau một năm Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động phong trào diệt “giặc dốt” đã có 2,5 triệu người dân Việt Nam thoát nạn mù chữ trên tổng số 22 triệu dân.

- *Xác lập tính hợp pháp, hợp hiến cho Nhà nước.* Theo Hồ Chí Minh, chính sách bầu cử, ứng cử là để đảm bảo tính hợp hiến của bộ máy nhà nước, đảm bảo sự tự do hay hạn chế, bình đẳng hay phân biệt, giả hay thật, áp đặt hay tự do lựa chọn những người có đủ tài đức đại diện cho Nhân dân ra tham gia gánh vác việc nước. Người còn coi đó là những chuẩn mực để xem xét một bộ máy chính quyền có thật sự dân chủ hay không. Người đã khẳng định: “Chúng ta phải có một Hiến pháp dân chủ do đó, phải tổ chức càng sớm càng tốt một cuộc Tổng tuyển cử với hình thức phổ thông đầu phiếu”<sup>[2]</sup>. Một Quốc hội được thành lập qua tuyển cử, một nhà nước hợp hiến ra đời đã thể hiện rõ nét Nhà nước ta là Nhà nước dân chủ, dân chủ trong thực tế và trong hành động. Nhà nước được quản lý, thực thi bằng pháp luật thực sự dân chủ có tác dụng thúc đẩy mọi hoạt động của đất nước.

- *Pháp luật là công cụ quan trọng nhất để thiết lập quyền lực nhà nước và quản lý xã hội.* Theo Hồ Chí Minh, đó là quy luật chung ở mọi nhà nước: “Luật pháp là vũ khí của một giai cấp thống trị, dùng để trừng trị giai cấp chống lại mình, luật pháp đặt ra để giữ gìn trật tự xã hội”<sup>[3]</sup>. Người chỉ rõ pháp luật có được vai trò quan trọng đó

1 Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 4, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.8.

2 Hồ Chí Minh (2000), *Sổ đ*, tập 4, tr.8.

3 Hồ Chí Minh (1985), *Nhà nước và pháp luật*, NXB Pháp lý, Hà Nội, tr.163

vì pháp luật là đại lượng phân biệt đúng, sai, lợi hại, là chuẩn mực của hành vi để Nhân dân biết và thực hành những việc làm, những điều nên tránh: “Trong một nước thương phạt phải nghiêm minh thì Nhân dân mới yên ổn, kháng chiến mới thắng lợi, kiến quốc mới thành công”<sup>[1]</sup>. Quan điểm pháp luật là công cụ quan trọng nhất để thiết lập và thực hiện quyền lực nhà nước có ý nghĩa là tiền đề lý luận của tư tưởng nhà nước quản lý xã hội bằng Hiến pháp và các đạo luật.

- *Hồ Chí Minh quan tâm đến phổ biến và giáo dục pháp luật, hình thành ý thức chấp hành pháp luật.* Hồ Chí Minh đã nhận thấy, có nhiều cán bộ, đảng viên cũng như quần chúng Nhân dân, do không hiểu pháp luật (cố tình hay vô ý) mà có những hành động trái với luật pháp, làm tổn hại đến uy tín danh dự của Đảng và Nhà nước, gây ra những thiệt hại to lớn về mặt kinh tế... Người lưu ý để khắc phục tình trạng trên, công tác giáo dục cho cán bộ, người dân hiểu biết và tự giác chấp hành pháp luật là cực kỳ quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến thành công của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; đến việc xây dựng nền dân chủ đích thực, dân chủ theo kỷ cương, phép nước.

Trong công tác phổ biến và giáo dục pháp luật, Hồ Chí Minh lưu ý đến việc phổ biến và giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Bởi lẽ, “cán bộ là cái dây chuyền của bộ máy. Nếu dây chuyền không tốt, thì toàn bộ máy cũng tê liệt. Cán bộ là người đem chính sách của Chính phủ, của Đoàn thể thi hành trong Nhân dân, nếu cán bộ dở thì chính sách hay cũng không thể thực hiện được”<sup>[2]</sup>.

### ***1.2. Phổ biến và giáo dục pháp luật góp phần hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa***

Theo Hồ Chí Minh phổ biến và giáo dục pháp luật được xem như một cách thức góp phần xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, điều đó được thể hiện ở những khía cạnh sau.

*Pháp luật mang bản chất dân chủ.* Đối với Hồ Chí Minh pháp luật mang bản chất dân chủ tức là pháp luật phải thuộc về Nhân dân, phục vụ cho lợi ích của Nhân dân. Người khẳng định “Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều”<sup>[3]</sup>. Đó là tinh thần cách mạng triệt để, “cách mạng đến nơi” để người dân khỏi phải hy sinh nhiều lần, nhiều người, nhiều của. Người cũng chỉ ra mục tiêu đó phải được quy định trong pháp luật: “Hiến pháp Việt Nam phải ghi rõ... bảo đảm các quyền tự do dân chủ...”<sup>[4]</sup>. Không thể có dân chủ tách rời pháp luật và không thể chỉ có pháp luật mà không có dân chủ, bởi dân chủ gắn liền pháp luật là bản chất của Nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

1 Hồ Chí Minh (1985), *Nhà nước và pháp luật*, NXB Pháp lý, Hà Nội, tr.163

2 Hồ Chí Minh (2000), *Sđd*, tập 5, tr.54.

3 Hồ Chí Minh (2000), *Sđd*, tập 3, tr.270

4 Hồ Chí Minh (2000), *Sđd*, tập 10, tr.582.

Trong tư duy của Hồ Chí Minh, pháp luật không chỉ thể hiện quyền lực của Nhân dân, bảo đảm thực hiện lợi ích của Nhân dân, mà pháp luật còn là công cụ chuyên chính với kẻ thù của Nhân dân: “không thể có tự do cho bọn Việt gian, bọn phản động, bọn phá hoại tự do của Nhân dân”...<sup>[1]</sup>.

*Pháp luật là công cụ để thực hiện dân chủ.* Trước hết, trong lĩnh vực chính trị, pháp luật là công cụ để nhân dân lập ra bộ máy Nhà nước. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, một trong những biểu hiện cao nhất của “dân làm chủ” là nhân dân có quyền lập ra bộ máy nhà nước (nhà nước của dân): “Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra”<sup>[2]</sup>. Để thực hiện quyền này của nhân dân, trước hết là thông qua bầu cử theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Dân chủ trong lĩnh vực chính trị còn được Hồ Chí Minh đề cập đến vấn đề nhân dân thực hiện quyền kiểm tra, giám sát hoạt động của Nhà nước, công chức Nhà nước. Người cho rằng các cơ quan Nhà nước cần “định kỳ báo cáo công việc trước dân” vì “dân có quyền đôn đốc và phê bình Chính phủ”.

Trong lĩnh vực kinh tế, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh pháp luật thực hiện dân chủ dưới hình thức những chính sách thiết thực và phù hợp nhằm mục tiêu: “1. Làm cho dân có ăn. 2. Làm cho dân có mặc. 3. Làm cho dân có chỗ ở. 4. Làm cho dân có học hành”<sup>[3]</sup>, bởi vì: “Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”<sup>[4]</sup> (đó cũng là biểu hiện của nhà nước vì dân). Pháp luật thực hiện dân chủ trong kinh tế còn biểu hiện ở chính sách phân phối thu nhập công bằng và hợp lý, dân chủ và công khai, minh bạch, nếu làm ngược lại sẽ làm mất lòng tin của nhân dân.

Trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng pháp luật có vai trò rất quan trọng để nhân dân tổ chức ra các tổ chức xã hội, các hình thức tự quản của nhân dân, trong đó nhân dân đồng thời là các thành viên và kiểm soát viên, bảo đảm cho nhân dân được thực hiện quyền tự do cá nhân, quyền tự do báo chí, quyền tự do hội họp, quyền tự do đi lại..., đồng thời xem đó là một hình thức không thể thiếu trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Bên cạnh các sắc lệnh, Người đã ký ban hành nhiều đạo luật về tự do, dân chủ cho nhân dân trong lĩnh vực văn hóa - xã hội như Luật về quyền tự do hội họp, Luật về quyền lập hội.

*Pháp luật là công cụ để bảo vệ dân chủ.* Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, pháp luật là công cụ bảo vệ dân chủ tức là pháp luật quy định những bảo đảm và các hình thức xử lý vi phạm pháp luật để bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Trong chế độ ta, lợi ích của nhà nước, của tập thể cùng lợi ích của cá nhân căn bản là

---

1 Hồ Chí Minh (1985), *Sđd*, tr.187.

2 Hồ Chí Minh (2000), *Sđd*, tập 5, tr.698.

3 Hồ Chí Minh (2000), *Sđd*, tập 5, tr.152.

4 Hồ Chí Minh (2000), *Sđd*, tập 4, tr.56

nhất trí"<sup>[1]</sup>, cho nên bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân cũng là bảo vệ chế độ dân chủ của nhân dân, chế độ dân chủ nhân dân: "Chế độ này là của ta, phải bảo vệ chế độ của ta. Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà là của ta, phải bảo vệ Nhà nước của ta"<sup>[2]</sup>.

Nói về vai trò của pháp luật trong việc bảo vệ dân chủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu phải tùy đối tượng mà sử dụng hai yếu tố dân chủ và chuyên chính cho phù hợp: "Đối với nhân dân, thì công cụ của nhà nước dân chủ mới (Chính phủ, pháp luật, quân đội, Công an) là để giữ gìn quyền lợi của nhân dân. Đối với bọn phản động, thì những tổ chức ấy là để bắt buộc chúng phải làm tròn mọi nghĩa vụ. Chúng không được hưởng quyền lợi nhân dân; không có quyền tuyển cử, ứng cử"<sup>[3]</sup>.

Những quan điểm trên cho thấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng vai trò của pháp luật trong việc bảo vệ dân chủ. Dân chủ được quy định bằng pháp luật, thực hiện trên cơ sở pháp luật và được bảo vệ bởi pháp luật luôn được Đảng, Nhà nước ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh thực hiện nhất quán, phù hợp thực tiễn từng giai đoạn cụ thể của cách mạng Việt Nam.

### ***1.3. Phổ biến và giáo dục pháp luật góp phần xây dựng đạo đức cách mạng***

Tinh thần và phương pháp nhất quán trong tư tưởng Hồ Chí Minh về quản lý nhà nước, quản lý xã hội là sự kết hợp hài hòa giữa đạo đức và pháp luật. Ở Chủ tịch Hồ Chí Minh, đạo đức là gốc, pháp luật là chuẩn. Trong cái nhất thể "đạo đức - pháp luật", xét về cội nguồn thì thiện, đức có trước và là gốc của lệ, luật. Xét về công dụng đối với đời sống xã hội thì đạo đức gây men sống, còn pháp luật là chuẩn, xác định mức độ, phạm vi, phương pháp tác động của men sống ấy chỉ đạo hành động con người và bảo đảm hành động ấy có hiệu quả đối với xã hội. Mặc dù luôn đề cao giáo dục đạo đức nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng không ngừng tăng cường sức mạnh pháp luật. Theo Người, nếu chỉ đơn thuần giáo dục đạo đức thì không thể giải quyết được tệ nạn xã hội. Ví như tệ tham nhũng - một căn bệnh vốn xuất hiện từ rất sớm cùng với sự xuất hiện của Nhà nước và tầng lớp cầm quyền; nếu chỉ đơn thuần kêu gọi đạo đức thì không thể giải quyết được tệ nạn này.

## **2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về phương pháp phổ biến và giáo dục pháp luật**

### ***2.1. Phổ biến và giáo dục pháp luật phải thực hiện lý luận gắn với thực tiễn; học đi đôi với hành***

Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Lý luận mà không có liên hệ thực tiễn là lý luận suông, Thực tiễn không có lý luận dẫn đường thì thành thực tiễn mù quáng"<sup>[4]</sup>. Từ đó,

---

1 Hồ Chí Minh (2000), *Sđd*, tập 7, tr.593

2 Hồ Chí Minh (2000), *Sđd*, tập 10, tr.296

3 Hồ Chí Minh (2000), *Sđd*, tập 7, tr.219-220

4 Hồ Chí Minh (2000), *Sđd*, tập 9, tr.497

Người yêu cầu học phải gắn hành, phải liên hệ với thực tế, phải có thí nghiệm. Học và hành phải đi đôi với nhau. Học mà không hành thì vô ích. Hành mà không học thì hành không trôi chảy<sup>[1]</sup>. Người cho rằng: “Một người học xong đại học, có thể gọi là có trí thức. Song công việc thực tế, y không biết gì cả. Thế là y chỉ có trí thức một nửa. Trí thức của y là trí thức học sách, chưa phải là trí thức hoàn toàn. Muốn thành người trí thức hoàn toàn, thì phải đem trí thức đó áp dụng vào thực tế”<sup>[2]</sup>. Tuy nhiên, khi học tập lý luận không được tuyệt đối hóa lý luận mà phải liên hệ với thực tiễn đất nước và thời đại; phải thấm nhuần lời dạy của Hồ Chí Minh: “Lý luận rất cần thiết nhưng nếu cách học tập không đúng thì sẽ không có kết quả. Do đó, trong lúc học tập lý luận chúng ta cần nhấn mạnh: lý luận phải liên hệ với thực tiễn”<sup>[3]</sup>.

Đối với người làm công tác phổ biến và giáo dục pháp luật, học tập tư duy Hồ Chí Minh về học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn là phải biết bám thực tiễn, sử dụng những tri thức từ thực tiễn để làm rõ thêm những vấn đề của lý luận. Đối với nhân dân, suy cho cùng học pháp luật để hiểu biết và nâng cao ý thức pháp luật, từ đó biến những hiểu biết đó thành những hành động cụ thể, phải tuân thủ, chấp hành nghiêm chỉnh Hiến pháp và pháp luật.

## ***2.2. Phải nêu gương trong phổ biến và giáo dục pháp luật***

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, nêu gương có một vai trò to lớn và là một giá trị nhân văn trong chuẩn mực đạo đức của người cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Người cho rằng: “Nói chung thì các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm, và đối với họ một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”<sup>[4]</sup> và quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Người đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên không những phải có trách nhiệm tự tu dưỡng tốt, mà còn phải làm gương trong công tác và lối sống, trong mọi lúc, mọi nơi, luôn nói phải đi đôi với làm để quần chúng noi theo.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: Nêu gương là bản thân mình phải làm gương trong công việc từ nhỏ đến lớn, thường xuyên tự phê bình khắc phục những hạn chế thiếu sót của bản thân về mọi mặt, phải để cho quần chúng giám sát phê bình mình. Muốn hướng dẫn nhân dân, làm cho dân tin, dân nghe mình phải làm “mực thước”, hay chính là nêu gương tốt, lan tỏa “hữu xạ tự nhiên hương” để mọi người bắt chước làm theo.

Cả cuộc đời của Bác là một tấm gương mẫu mực về việc tôn trọng pháp luật. Từ công việc quốc gia đại sự đến những việc làm trong cuộc sống hàng ngày Hồ

---

1 Hồ Chí Minh (2000), *Sđd*, tập 12, tr.333

2 Hồ Chí Minh (2000), *Sđd*, tập 5, tr.504

3 Hồ Chí Minh (2000), *Sđd*, tập 9, tr.496

4 Hồ Chí Minh (2000), *Sđd*, tập 1, tr.263

Chí Minh luôn coi trọng việc tôn trọng luật lệ, tuân thủ nguyên tắc sống và làm việc theo pháp luật. Là Chủ tịch nước, là lãnh tụ cao nhất của Đảng ở cương vị đầy quyền lực nhưng Người không bao giờ nghĩ đến việc dùng quyền lực. Người luôn coi mình là nô bộc của dân và luôn tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân. Để cứu đói năm 1945, Người kêu gọi mọi người lập “hũ gạo cứu đói”, Người làm việc đó đầu tiên, thường xuyên. Hồ Chí Minh kêu gọi tăng gia sản xuất, tiết kiệm, Người cầm cuốc trồng rau, nộp rau cho nhà bếp. Người thực hành tiết kiệm thời gian, tiết kiệm đồ dùng, tiết kiệm chi phí để không tốn kém của công.

### 2.3. Phát huy tinh thần tự học

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, còn sống còn phải học: “Nếu không chịu khó học thì không tiến bộ được. Không tiến bộ là thoái bộ. Mình mà không chịu khó học thì lạc hậu, mà lạc hậu thì bị đào thải, tự mình đào thải mình”<sup>[1]</sup>. Đây là biện pháp tốt nhất để nâng cao trình độ hiểu biết, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ cách mạng.

Chính việc tự học sẽ giúp mỗi người nhớ lâu và vận dụng những kiến thức đã học một cách hữu ích vào cuộc sống. Để việc tự học đạt kết quả tốt, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, mỗi người cần phải xác định mục đích, động cơ học tập đúng đắn. Người yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên phải hiểu rõ: “Học để làm gì? Học để sửa chữa tư tưởng... Học để tu dưỡng đạo đức cách mạng... Học để tin tưởng... Học để hành...”<sup>[2]</sup>.

Phương pháp tự học của Bác Hồ là: Muốn nâng cao kiến thức trong quá trình tự học, mỗi người cần phải biết cách tận dụng triệt để thời gian và những điều kiện, phương tiện có sẵn trong xã hội, như thư viện, câu lạc bộ, sách báo, viện bảo tàng, các buổi nói chuyện, hội thảo... Ngoài ra, mỗi người cần tranh thủ sự giúp đỡ, hướng dẫn chỉ bảo của bạn bè, đồng nghiệp và thực hiện phương châm học ở mọi lúc, mọi nơi, học trong khi giao thiệp, trong công việc hằng ngày, trong việc lớn cũng như việc nhỏ, trong kinh nghiệm thành công cũng như thất bại và học trong công tác vận động quần chúng. Người cũng chỉ rõ phải học từ nhân dân, “không học nhân dân là một thiếu sót rất lớn”<sup>[3]</sup>. Chính việc thông qua học tập, tiếp xúc với nhân dân mà cán bộ, đảng viên có điều kiện gần gũi, nắm được tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, từ đó tham mưu, đề xuất tiếp tục bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân.

Cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương sáng mẫu mực về tinh thần tự học, lấy tự học làm cốt, làm phương thức chủ yếu để nâng cao trình độ mọi mặt của bản thân. Trong bản lý lịch đại biểu dự Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ 7, Bác Hồ được miêu tả: “Biết các thứ tiếng: Pháp, Anh, Trung Quốc, Ý, Đức, Nga, Tây

1 Hồ Chí Minh (2000), *Sđd*, tập 10, tr.554

2 Nhiều tác giả (1997), *Hồ Chí Minh về vấn đề giáo dục*, NXB Giáo dục, Hà Nội, tr.76

3 Hồ Chí Minh (2000), *Sđd*, tập 6, tr.50

Ban Nha và Bồ Đào Nha”. Ngoài ra dựa vào những lần Bác đi thăm nước ngoài, cũng như những lần đón tiếp các phái đoàn ngoại giao tới thăm Việt Nam, Bác còn có thể sử dụng thông thạo khá nhiều ngoại ngữ khác nữa như: Tiếng Xiêm (Thái Lan bây giờ), tiếng Tây Ban Nha, tiếng Ả Rập, tiếng của rất nhiều dân tộc thiểu số Việt Nam.

#### ***2.4. Phổ biến và giáo dục pháp luật phải phù hợp với đối tượng***

Nội dung của giáo dục theo tư tưởng Hồ Chí Minh cần phù hợp với mỗi lứa tuổi, mỗi cấp học, mỗi bậc học. Trong bức thư gửi giáo viên, học sinh, cán bộ và Công an ngày 31/10/1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Đối với Đại học thì cần kết hợp lý luận khoa học với thực hành, ra sức học tập lý luận và khoa học tiên tiến của các nước bạn, kết hợp với thực tiễn của nước ta, để thiết thực giúp ích cho công cuộc xây dựng nước nhà. Đối với Trung học thì cần làm cho học trò đạt được những tri thức phổ thông chắc chắn, thiết thực, thích hợp với nhu cầu và tiền đề xây dựng nước nhà, bỏ những phần nào không cần thiết cho đời sống thực tế. Tiểu học thì giáo dục các cháu: Yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, trọng của công”<sup>[1]</sup>.

#### ***2.5. Kết hợp giáo dục giữa gia đình, nhà trường và xã hội***

Trong các giải pháp phát triển giáo dục được Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập, vấn đề kết hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội có vị trí khá nổi bật. Người nói: “Giáo dục trong nhà trường dù tốt mấy, nhưng thiếu giáo dục trong gia đình và ngoài xã hội thì kết quả cũng không hoàn toàn”<sup>[2]</sup>; “Nếu nhà trường dạy tốt mà gia đình dạy ngược lại, sẽ có những ảnh hưởng không tốt tới trẻ em và kết quả cũng không tốt”<sup>[3]</sup>. Người yêu cầu nhà trường phải liên hệ chặt chẽ với gia đình và xã hội.

Bên cạnh đó, để phát triển giáo dục, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng cần có sự quan tâm và phối hợp của nhiều ngành, nhiều cấp và nhiều người. Người nhắc nhở: “Các đoàn thể Công an, phụ nữ, các cơ quan chính quyền và các cấp ủy Đảng phải thật sự quan tâm đến nhà trường, đến việc học tập của con em mình hơn nữa”<sup>[4]</sup>. Người luôn luôn kêu gọi đồng bào đóng góp công sức của mình vào việc xây dựng giáo dục: “Từ trước đến nay, đồng bào ta đã hết lòng giúp đỡ công việc giáo dục. Tôi mong rằng từ nay về sau, đồng bào sẽ cố gắng giúp đỡ nhiều hơn nữa cho trường học”<sup>[5]</sup>.

### **3. Thực trạng công tác phổ biến và giáo dục pháp luật trong thời gian qua**

#### ***3.1. Những kết quả nổi bật***

Trong những năm qua, công tác phổ biến và giáo dục pháp luật luôn được Đảng, Nhà nước quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong việc tăng

1 Hồ Chí Minh (2000), *Sđd*, tập 9, tr.81

2 Hồ Chí Minh (2000), *Sđd*, tập 9, tr.395

3 Hồ Chí Minh (2000), *Sđd*, tập 10, tr.338

4 Hồ Chí Minh (2000), *Sđd*, tập 12, tr.620

5 Hồ Chí Minh (2000), *Sđd*, tập 19, tr.191

cường quản lý xã hội bằng pháp luật. Với sự nỗ lực và cố gắng của các cấp, các ngành, công tác phổ biến và giáo dục pháp luật đã có nhiều chuyển biến tích cực, đạt nhiều kết quả tốt, đóng góp quan trọng vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng về vai trò, tầm quan trọng của công tác phổ biến và giáo dục pháp luật đã được nâng lên trên tinh thần xác định rõ hơn công tác phổ biến và giáo dục pháp luật là một bộ phận quan trọng của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong toàn hệ thống chính trị từ trung ương đến cơ sở. Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng thường xuyên quan tâm đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, các đoàn thể và các doanh nghiệp trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện. Mặt trận và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc đã có nhiều cố gắng, phối hợp với các cơ quan nhà nước tích cực triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho các tầng lớp nhân dân; từng bước thực hiện được chủ trương xã hội hoá công tác phổ biến và giáo dục pháp luật, huy động được một số nguồn lực của xã hội cho công tác này. Nhờ đó, công tác phổ biến và giáo dục pháp luật đã dần đi vào nề nếp, có chiều sâu và thực chất hơn.

Thể chế, chính sách của công tác phổ biến và giáo dục pháp luật được hoàn thiện, đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ, toàn diện, chặt chẽ với văn bản có giá trị pháp lý cao nhất là Luật phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012. Sự ra đời của Luật phổ biến, giáo dục pháp luật đã tạo hành lang pháp lý vững chắc cho lĩnh vực này, giúp cho công tác phổ biến và giáo dục pháp luật được triển khai đồng bộ thống nhất, xuyên suốt trên phạm vi cả nước. Để triển khai thi hành Luật, 03 nghị định của Chính phủ, 07 quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 04 thông tư liên tịch; 13 thông tư và 02 quyết định của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật đã được ban hành.

Số lượng, chất lượng nguồn nhân lực thực hiện công tác phổ biến và giáo dục pháp luật được củng cố, kiện toàn; nhiều cán bộ làm công tác phổ biến và giáo dục pháp luật đã được bồi dưỡng về chính trị, nghiệp vụ; chất lượng hoạt động ngày càng được nâng lên. Các cơ quan chuyên môn của Bộ Tư pháp, tổ chức pháp chế các bộ, ngành và sở tư pháp các địa phương đã phát huy được vai trò chủ động trong việc tham mưu cho cấp ủy, chính quyền cùng cấp triển khai công tác phổ biến và giáo dục pháp luật. Hội đồng phối hợp công tác phổ biến và giáo dục pháp luật các cấp đã thực hiện được vai trò liên kết, phối hợp giữa các cơ quan, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong công tác phổ biến và giáo dục pháp luật. Đến tháng 5/2019, cả nước có 27.401 báo cáo viên pháp luật (trong đó có 1.947 báo cáo viên pháp luật Trung ương, 7.674 báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, 17.780 báo cáo viên pháp luật cấp huyện) và 137.844 tuyên truyền viên pháp luật. Cả nước có 14.899 giáo viên dạy môn giáo dục công dân của các trường phổ thông, 1.418 giảng viên giảng dạy pháp luật của các cơ sở giáo dục đại học. Toàn quốc có 63 trung tâm trợ giúp



pháp lý với 147 chi nhánh và 645 trợ giúp viên pháp lý, 3.214 người tham gia trợ giúp pháp lý. Công tác hòa giải đã và đang trở thành một hình thức quan trọng và hiệu quả trong hoạt động phổ biến và giáo dục pháp luật. Tính đến năm 2018, cả nước có 107.074 tổ hòa giải được thành lập tại thôn, tổ dân phố với 650.366 hòa giải viên, có 80,6% vụ việc được hòa giải. Các cấp công đoàn đã thực hiện tư vấn 446.179 vụ tranh chấp lao động cá nhân, giải quyết quyền lợi cho 1.518.667 người lao động 100% cán bộ tư pháp cấp xã được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ công tác phổ biến và giáo dục pháp luật; cả nước có 12.314 “nhóm nòng cốt” là thành viên các tổ chức đoàn thể tham gia tuyên truyền, vận động nhân dân.

Nội dung phổ biến và giáo dục pháp luật có trọng tâm, trọng điểm, bám sát nhu cầu xã hội và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị, nhất là việc tập trung phổ biến các luật, pháp lệnh mới liên quan đến công tác xây dựng, thi hành và bảo vệ pháp luật; các chế độ, chính sách mới được ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung, các vấn đề dư luận xã hội quan tâm hoặc cần định hướng dư luận xã hội. Hình thức phổ biến và giáo dục pháp luật được đổi mới, sáng tạo, phù hợp với từng nhóm đối tượng cụ thể, mang lại hiệu quả thiết thực như: phổ biến pháp luật trực tiếp; tư vấn, hướng dẫn tìm hiểu pháp luật; cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật; phổ biến và giáo dục pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng, ứng dụng công nghệ thông tin trong phổ biến và giáo dục pháp luật; tổ chức thi tìm hiểu pháp luật; phổ biến và giáo dục pháp luật qua hoạt động giáo dục pháp luật trong nhà trường; phổ biến và giáo dục pháp luật thông qua hoạt động tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, hòa giải ở cơ sở; qua câu lạc bộ pháp luật, tủ sách pháp luật và các thiết chế văn hóa khác ở cơ sở... Hiện nay cả nước có 11.660 tủ sách pháp luật cấp xã/11.162 xã, phường, thị trấn; 60.308 tủ sách pháp luật tại cơ quan hành chính nhà nước, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, nhà trường và cơ sở giáo dục khác. Một số hình thức phổ biến và giáo dục pháp luật mới, có hiệu quả cũng được áp dụng cho phù hợp với thực tiễn cuộc sống, nhất là gắn với ứng dụng công nghệ thông tin.

Nguồn lực tài chính cũng như các chính sách hỗ trợ cho đội ngũ những người làm công tác phổ biến và giáo dục pháp luật từng bước được đảm bảo. Kinh phí bố trí cho công tác phổ biến và giáo dục pháp luật (theo thống kê chưa đầy đủ) giai đoạn 2010 - 2019 là hơn 2.747 tỷ đồng. Việc huy động các nguồn lực tham gia công tác phổ biến và giáo dục pháp luật được chú trọng và ngày càng có hiệu quả thiết thực với nhiều phương thức và mô hình phong phú, linh hoạt. Nhiều chương trình, đề án, kế hoạch trung hạn, dài hạn và hằng năm về phổ biến và giáo dục pháp luật được ban hành, tổ chức thực hiện tập trung nguồn lực với nhiều giải pháp đột phá nhằm tăng cường phổ biến và giáo dục pháp luật tại một số địa bàn, lĩnh vực, đối tượng đặc thù, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn.

Việc hưởng ứng Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (9/11) hàng năm đã được triển khai sâu rộng, thực chất, đạt hiệu quả, tạo được hiệu ứng tích cực, lan tỏa, nâng cao ý thức thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trong toàn xã hội. Các địa phương đã tổ chức 211.663 cuộc thi, với 193.008.539 lượt người tham dự. Đặc biệt, cuộc thi viết “Tìm hiểu Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” có 4.855.057 bài dự thi; Cuộc thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật dành cho học sinh trung học phổ thông năm 2016, 2017 đã thu hút 269.611 học sinh đăng ký tham gia.... Tổ chức hơn hàng trăm nghìn cuộc giao lưu sinh hoạt văn hóa, văn nghệ có lồng ghép nội dung pháp luật; cuộc tư vấn pháp luật, cuộc trợ giúp pháp lý với sự tham gia của hơn 40.000 tổ chức tư vấn pháp luật, câu lạc bộ trợ giúp pháp lý. 100% bộ, ngành, đoàn thể, địa phương đăng tải công khai các văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản để lấy ý kiến lên cổng hoặc trang thông tin điện tử.

Nhờ thực hiện tốt công tác phổ biến và giáo dục pháp luật mà trong thời gian qua, hiểu biết pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, Nhân dân đã được tăng cường, góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế - xã hội, ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và tăng cường quản lý nhà nước bằng pháp luật. Tình hình vi phạm pháp luật do không hiểu biết pháp luật có chiều hướng ngày càng giảm. Theo thống kê của Bộ Tư pháp, số vụ việc vi phạm hành chính năm 2017 vi phạm pháp luật là trên 8.398.944 vụ việc (giảm 14,6% so với kỳ báo cáo năm 2016); tổng số đối tượng bị xử phạt là 7.791.015 đối tượng (giảm khoảng 20% so với kỳ báo cáo năm 2016). Năm 2018, tổng số vụ việc vi phạm bị phát hiện là 6.623.670 vụ việc (giảm 21,1% so với kỳ báo cáo năm 2017); tổng số đối tượng bị xử phạt là 6.544.491 đối tượng (giảm khoảng 16% so với kỳ báo cáo năm 2017). Nhờ việc triển khai tốt công tác phổ biến và giáo dục pháp luật, nhiều xã trên toàn quốc đã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020. Tính đến cuối năm 2018 đã có 8.805 xã/11.147 xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, chiếm tỷ lệ 79%.

### **3.2. Một số tồn tại, hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong thời gian qua, công tác phổ biến và giáo dục pháp luật vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

Một số cấp uỷ, tổ chức đảng chưa quan tâm đúng mức đến việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai công tác phổ biến và giáo dục pháp luật; chưa quan tâm chỉ đạo tổng kết và nhân rộng các mô hình phổ biến, giáo dục pháp luật tốt tại cơ sở; chưa coi công tác này “là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị”; thậm chí còn bị cho là nhiệm vụ của chính quyền các cấp hoặc của riêng ngành tư pháp. Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa tích cực tham gia vào các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật; chưa thực sự gương mẫu chấp hành pháp luật, lời nói chưa đi đôi với việc làm, từ đó làm ảnh hưởng không tốt đến công tác phổ biến và giáo dục pháp luật.

Chất lượng, hiệu quả của công tác phổ biến và giáo dục pháp luật chưa đồng đều. Thời lượng và chất lượng phổ biến và giáo dục pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng còn ít, chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới. Một số bộ, ngành, đoàn thể, địa phương chưa thực sự chủ động thực hiện công tác phổ biến và giáo dục pháp luật, vẫn còn trông chờ vào sự chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên. Tổ chức pháp chế một số bộ, ngành, sở tư pháp một số địa phương và các cơ quan có liên quan chưa chủ động tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền xây dựng chương trình, kế hoạch và các giải pháp triển khai công tác phổ biến và giáo dục pháp luật phù hợp với tình hình cụ thể của từng bộ, ngành, đoàn thể, địa phương. Hội đồng phối hợp công tác phổ biến và giáo dục pháp luật các cấp chưa phát huy hết tiềm năng của từng thành viên.

Ở một số nơi, hình thức phổ biến và giáo dục pháp luật còn dàn trải, thiếu trọng tâm, trọng điểm, chậm đổi mới hoặc chưa phù hợp với nội dung, tính chất của đối tượng, địa bàn. Công tác phổ biến và giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù đã được quan tâm nhưng chưa có chiều sâu; việc huy động các nguồn lực chưa đạt nhiều kết quả cụ thể, ứng dụng công nghệ thông tin chưa thực sự mạnh mẽ; xây dựng, khai thác, sử dụng tủ sách pháp luật hiệu quả chưa cao... Nguồn nhân lực thực hiện công tác phổ biến và giáo dục pháp luật ở các cấp, các ngành mặc dù đã được củng cố, kiện toàn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và đòi hỏi của đất nước trong tình hình mới.

Cơ sở vật chất, kinh phí dành cho công tác phổ biến và giáo dục pháp luật chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là ở những vùng sâu, vùng xa hoặc vùng có địa bàn khó khăn. Chính sách huy động các nguồn lực xã hội vẫn chưa thực sự khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia hỗ trợ, tài trợ cho hoạt động này.

Việc phổ biến và giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân có nơi, có lúc chưa được thực hiện thường xuyên, còn mang tính hình thức; chưa kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục pháp luật với việc tổ chức thi hành kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật và việc xử lý những người có hành vi vi phạm; một số vụ việc vi phạm pháp luật, đặc biệt là một số vụ việc liên quan đến cán bộ, đảng viên chưa được xử lý nghiêm minh, ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân đối với pháp luật. Giáo dục pháp luật trong nhà trường chưa gắn nhiều với thực tiễn đời sống xã hội.

#### **4. Một số gợi ý các giải pháp vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phổ biến và giáo dục pháp luật trong tình hình hiện nay**

##### ***4.1. Nâng cao nhận thức về công tác phổ biến và giáo dục pháp luật***

Có nhiều nguyên nhân của những hạn chế trong công tác phổ biến và giáo dục pháp luật, một trong những nguyên nhân cơ bản và sâu xa nhất là do nhận thức

của một số cán bộ, công chức, viên chức về công tác phổ biến và giáo dục pháp luật, trong đó có cả cán bộ lãnh đạo quản lý chưa cao, nhận thức chưa đầy đủ, thậm chí còn chủ quan, xem nhẹ công tác này. Do đó, trước hết, cần phải tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ về tầm quan trọng của công tác phổ biến và giáo dục pháp luật. Trên cơ sở đó, làm thay đổi về hành động, thái độ đối với công tác phổ biến và giáo dục pháp luật. Để thay đổi nhận thức, cần tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy các cấp đối với công tác phổ biến và giáo dục pháp luật cho cán bộ, xác định đây là công tác trọng tâm và thường xuyên trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, tăng cường sự phối hợp của các cấp, các ngành và phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn lực lượng trong công tác phổ biến và giáo dục pháp luật.

Nội dung tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật cần tập trung vào việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân; Thông báo số 74-TB/TW ngày 11/5/2007 của Ban Chấp hành Trung ương về kết luận của Ban Bí thư tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW; Kết luận số 04-KL/TW ngày 19/4/2011 của Ban Chấp hành Trung ương về kết quả thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW; Nghị quyết số 61/2007/NQ-CP ngày 07/12/2012 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW; Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2017 - 2021; Luật phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 cùng các văn bản khác có liên quan để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp từ Trung ương đến địa phương, các ngành chức năng trong thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. coi công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật là nhiệm vụ chung của cả hệ thống chính trị và toàn dân theo chức năng, nhiệm vụ của cấp mình.

#### ***4.2. Đổi mới về nội dung, phương pháp phổ biến và giáo dục pháp luật phù hợp với quá trình đổi mới căn bản và toàn diện của ngành giáo dục***

Song song với việc nâng cao nhận thức là việc đổi mới nội dung phổ biến và giáo dục pháp luật. Nội dung giáo dục, phương pháp phổ biến và giáo dục pháp luật phải chuẩn hóa theo từng đối tượng, đồng thời bám sát yêu cầu, nhiệm vụ của đơn vị, địa phương. Trong đó, tập trung vào một số vấn đề cụ thể:

*Thứ nhất*, đổi mới nội dung phổ biến và giáo dục pháp luật theo hướng không chỉ đáp ứng nhu cầu kiến thức cơ bản về pháp luật, mà còn phải thiết thực, đáp ứng yêu cầu thực tiễn để một mặt nâng cao trình độ nhận thức cho các đối tượng, mặt khác giúp họ có khả năng vận dụng vào thực tiễn cuộc sống. Trên cơ sở nội dung phổ biến và giáo dục pháp luật đã được cung cấp, các báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật phải biên soạn lại cụ thể, phù hợp với đặc điểm, điều kiện, trình độ

nhận thức, tính chất công việc của từng đối tượng. Định kỳ có tiến hành sơ kết, đánh giá để xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc xác định nội dung phổ biến và giáo dục pháp luật thời gian tiếp theo.

*Thứ hai*, tiếp tục đa dạng hóa các phương pháp và hình thức phổ biến và giáo dục pháp luật như: Tập huấn, giới thiệu văn bản pháp luật mới; lựa chọn hình thức tuyên truyền phù hợp, gắn với hoạt động học tập, rèn luyện, công tác của cán bộ, công chức, viên chức như: sinh hoạt ngày chính trị và văn hóa tinh thần ở cơ sở; lồng ghép nội dung phổ biến và giáo dục pháp luật với các hoạt động văn hóa, văn nghệ; hội thi, hội thao; các phong trào thi đua, các cuộc thi tìm hiểu pháp luật; tọa đàm về chấp hành pháp luật Nhà nước... Đồng thời, phát huy vai trò của đài phát thanh, truyền hình, ; hệ thống panô, khẩu hiệu, bảng, ảnh; quản lý và khai thác có hiệu quả Tủ sách pháp luật. Tăng cường các hình thức phổ biến và giáo dục pháp luật có ứng dụng công nghệ cao như: tin nhắn điện thoại; zalo, viber, facebook; infographic...

*Thứ ba*, nghiên cứu, xây dựng, tổng kết các mô hình, cách làm hay, hiệu quả trong phổ biến và giáo dục pháp luật để kịp thời nhân rộng như các mô hình hưởng ứng “Ngày Pháp luật” hàng năm; mô hình Ngày hội pháp luật; Ngày hội an toàn giao thông; doanh nhân với pháp luật; tiết học, tuần học pháp luật, ngày pháp luật hàng tháng; các cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến; hình thức sân khấu hóa qua lồng ghép các lễ hội...

#### ***4.3. Chủ động xây dựng và hoàn thiện chương trình, kế hoạch phổ biến và giáo dục pháp luật***

Sự thành công và hiệu quả của công tác phổ biến và giáo dục pháp luật có được là do sự chuẩn bị chương trình, kế hoạch. Sự chuẩn bị càng chu đáo, kỹ càng, thì hiệu quả càng cao. Do đó, việc chủ động xây dựng và hoàn thiện chương trình, kế hoạch phổ biến và giáo dục pháp luật đóng vai trò quan trọng trong công tác phổ biến và giáo dục pháp luật. Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện chương trình phổ biến và giáo dục pháp luật cần lưu ý một số vấn đề sau:

*Một là*, các bộ, ban, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị cần rà soát, nghiên cứu các chương trình, kế hoạch về phổ biến và giáo dục pháp luật. Xây dựng chương trình cho cả trung hạn và dài hạn để chủ động tổ chức triển khai có hiệu quả. Đặc biệt, trong quá trình xây dựng cần gắn với các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước vừa mới ban hành.

*Hai là*, trong triển khai phổ biến và giáo dục pháp luật cần có trọng tâm, trọng điểm, sát với nhiệm vụ chính trị của từng đơn vị. Trong điều kiện còn hạn chế về nguồn lực, nội dung pháp luật cần phổ biến cho người dân phong phú, đa dạng. Trong quá trình thực hiện cần phải có sự cân nhắc, lựa chọn những nội dung phù

hợp: phù hợp với nhiệm vụ, phù hợp với đối tượng, phù hợp với hoàn cảnh... Có như vậy mới tránh được tình trạng dàn trải, lãng phí, không hiệu quả.

*Ba là*, quá trình xây dựng kế hoạch chương trình phổ biến và giáo dục pháp luật cần phải gắn với đối tượng cụ thể. Mỗi một đối tượng có những đặc điểm riêng, có yêu cầu nhiệm vụ riêng cho nên phải có chương trình, kế hoạch phổ biến và giáo dục pháp luật riêng cho từng đối tượng. Mỗi một đối tượng cần có chương trình, kế hoạch riêng có như vậy phổ biến và giáo dục pháp luật mới hiệu quả cao.

*Bốn là*, cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình, kế hoạch phổ biến và giáo dục pháp luật ở các đơn vị. Việc tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện các chương trình, kế hoạch phổ biến và giáo dục pháp luật thuộc về vai trò của cấp ủy và lãnh đạo các cấp, các ngành. Vai trò lãnh đạo sẽ không phát huy được hiệu quả nếu không gắn với công tác kiểm tra, giám sát. Công tác này bên cạnh phải được tiến hành thường xuyên, liên tục có kế hoạch, chương trình từ trước thì phải có sự kiểm tra đột xuất, kiểm tra theo chuyên đề. Thông qua công tác kiểm tra, giám sát mới có thể đánh giá được việc chấp hành của các đơn vị trong công tác phổ biến và giáo dục pháp luật.

#### ***4.4. Tiếp tục kiện toàn, bồi dưỡng, nâng cao vị trí, vai trò, hiệu quả của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật và đội ngũ cán bộ làm công tác phổ biến và giáo dục pháp luật các cấp***

Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật và đội ngũ cán bộ làm công tác phổ biến và giáo dục pháp luật có vai trò quyết định đến chất lượng, hiệu quả của công tác phổ biến và giáo dục pháp luật. Trong thời gian tới, cần phải chú trọng kiện toàn, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật và đội ngũ cán bộ làm công tác phổ biến và giáo dục pháp luật cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và hoàn thiện quy chế hoạt động. Cụ thể:

Đối với Hội đồng phối hợp phổ biến và giáo dục pháp luật.

*Thứ nhất*, làm tốt vai trò chủ động tham mưu với cấp ủy, ban lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, có chất lượng các đề án, kế hoạch, chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật đã xác định; làm tốt công tác kiểm tra, giám sát tình hình chấp hành pháp luật Nhà nước.

*Thứ hai*, Hội đồng phối hợp phổ biến và giáo dục pháp luật cần tích cực làm tốt việc tham mưu, hướng dẫn thực hiện “Ngày Pháp luật” hàng năm, bằng nhiều nội dung, hình thức phong phú, sáng tạo, phù hợp với đặc thù của từng cơ quan, đơn vị. Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chức năng khác thực hiện có hiệu quả công tác phổ biến và giáo dục pháp luật, bảo đảm tính toàn diện, nhưng có trọng tâm, trọng điểm; định kỳ thống kê, sơ kết, tổng kết công tác phổ biến và giáo dục pháp luật, lựa

chọn những tập thể, cá nhân tiêu biểu đề nghị khen thưởng; thường xuyên rút kinh nghiệm, khắc phục khâu yếu, mặt yếu để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động.

Về đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

*Thứ nhất*, cần quan tâm đến việc nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ này; chú trọng tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, hướng dẫn kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tuyên truyền cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật. Khuyến khích đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên tự nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào phục vụ cho công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

*Thứ hai*, phát huy đầy đủ vai trò, nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện công tác phổ biến và giáo dục pháp luật trong tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ tại cơ quan, đơn vị gắn với lĩnh vực hoạt động chuyên môn được phân công; có kế hoạch rà soát, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, ưu tiên từ nguồn tại chỗ để phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương, đơn vị.

*Thứ ba*, xây dựng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên phải là người mẫu mực về đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, phương pháp, tác phong công tác để mọi người học tập và noi gương.

#### ***4.5. Tăng cường cơ sở vật chất, nguồn kinh phí cho công tác phổ biến và giáo dục pháp luật***

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn kinh phí là nền tảng quan trọng trong thực hiện phổ biến và giáo dục pháp luật có hiệu quả. Thực tế cho thấy, trong những năm qua, nguồn lực về cơ sở vật chất và kinh phí cho công tác phổ biến và giáo dục pháp luật đã được cải thiện. Tuy nhiên, so với yêu cầu nâng cao chất lượng phổ biến và giáo dục pháp luật thì vẫn còn hạn chế. Đây được xem là khó khăn, là nguyên nhân làm hạn chế hiệu quả công tác phổ biến và giáo dục pháp luật nhưng chưa có giải pháp khả thi nào để tháo gỡ. Do đó, trong thời gian tới, các cấp lãnh đạo cần quan tâm thực hiện một số vấn đề sau:

*Thứ nhất*, có cơ chế tài chính để bảo đảm nguồn kinh phí cho hoạt động phổ biến và giáo dục pháp luật được thường xuyên, có nguồn ổn định. Từ đó, tạo mọi điều kiện về chế độ đãi ngộ, khen thưởng xứng đáng cho đội ngũ thực hiện công tác phổ biến và giáo dục pháp luật.

*Thứ hai*, cần hỗ trợ phụ cấp cho lực lượng chuyên trách cũng như kiêm nhiệm làm công tác phổ biến và giáo dục pháp luật.

*Thứ ba*, huy động các nguồn lực bên ngoài xã hội để tăng cường số lượng đầu sách cho Tủ sách pháp luật.

## KẾT LUẬN

Trong bối cảnh và tình hình mới, chúng ta đang chứng kiến sự vận động, thay đổi, phát triển nhanh, bền vững của dân tộc; Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã chỉ ra những thời cơ và thách thức mới, thêm một lần nữa chúng ta nhận thức sâu sắc, toàn diện về giá trị to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh về đổi mới, xây dựng đất nước. Xây dựng nhà nước pháp quyền, dân chủ nhân dân, nâng cao ý thức, trách nhiệm thực thi pháp luật của người dân là yêu cầu, động lực quan trọng để xây dựng, phát triển đất nước thịnh vượng, văn minh. Với những vận động, biến đổi mạnh mẽ của bối cảnh quốc tế và khu vực, đòi hỏi Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đồng sức, đồng lòng có nhiều giải pháp đột phá hơn nữa trong quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho Nhân dân luôn là nội dung có ý nghĩa quan trọng. Khi ý thức pháp luật được nâng lên, yêu cầu về thượng tôn pháp luật và bảo đảm quyền con người, quyền công dân là cơ sở trực tiếp để đóng góp tích cực, hiệu quả cho sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh (1985), *Nhà nước và pháp luật*, NXB Pháp lý, Hà Nội.
2. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 1, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 3, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 4, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 5, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 6, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
7. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 7, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
8. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 9, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
9. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 10, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
10. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 12, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
11. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 13, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
12. Nhiều tác giả (1997), *Hồ Chí Minh về vấn đề giáo dục*, NXB Giáo dục, Hà Nội.



# VAI TRÒ CỦA GIẢNG VIÊN TRONG CÔNG TÁC GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG CHO SINH VIÊN HIỆN NAY

**TS. Phạm Thị Bình<sup>[1]</sup>**

**Tóm tắt:** Trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên ở các trường đại học, cao đẳng, giảng viên đóng vai trò rất quan trọng. Bài viết tập trung phân tích tầm quan trọng, thực trạng và giải pháp nâng cao vai trò của giảng viên trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên.

**Từ khóa:** Vai trò của giảng viên; giáo dục chính trị; tư tưởng; đạo đức; lối sống; sinh viên.

Sinh viên là những thanh niên tạo nguồn cho đội ngũ trí thức, là “rường cột”, là chủ nhân tương lai quan trọng của nước nhà. Sinh viên rất cần được quan tâm đào tạo, giáo dục, bồi dưỡng về mọi mặt và tạo mọi điều kiện để trở thành những lớp người tiêu biểu cho thế hệ con người mới Việt Nam. Cùng với đào tạo chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, vấn đề giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên đang được các trường đại học, cao đẳng thực sự coi trọng để tạo nên nguồn nhân lực có đầy đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu xã hội. Trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên, giảng viên đóng vai trò rất quan trọng.

Trong sự nghiệp cách mạng, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên nhằm giáo dục lý tưởng cách mạng, nâng cao bản lĩnh chính trị, xây dựng lớp người kế tục trung thành với

---

1 Công đoàn Trường Đại học Vinh

lý tưởng của Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân. Do vậy, công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên là một bộ phận quan trọng của giáo dục ở bậc đại học, cao đẳng; là yêu cầu khách quan nhằm hình thành và phát triển nhân cách cho sinh viên, góp phần tạo nên những thế hệ thanh niên vừa có tài vừa có đức, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước và phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN. Điều đó lại càng quan trọng khi tình hình trong nước và thế giới đang có những diễn biến phức tạp, tiềm ẩn những yếu tố khó lường. Hiện nay, các thế lực thù địch vẫn đang ráo riết tăng cường thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”, thường xuyên dùng chiêu bài “tôn giáo”, “dân chủ”, “nhân quyền”... hòng can thiệp vào công việc nội bộ của nước ta. Chúng dùng nhiều âm mưu, thủ đoạn để chống phá ta trên mọi lĩnh vực của đời sống chính trị, xã hội, tâm lý, tư tưởng... Đặc biệt là nhằm vào thanh niên, sinh viên để lôi kéo, kích động họ chạy theo lối sống thực dụng, làm băng hoại đạo đức, làm chệch hướng XHCN, làm suy thoái về chính trị, tư tưởng, khiến thanh niên xa rời lý tưởng của Đảng và mất phương hướng chính trị.

Sinh viên là lớp người có trình độ học vấn, nhạy bén, năng động trong việc tiếp nhận cái mới, khẳng định những giá trị mới, giàu ước mơ, thích giao tiếp, thích tham gia các hoạt động xã hội nhưng ở họ vẫn còn có những hạn chế nhất định: suy nghĩ chưa thật sự chín chắn, chủ quan, thiếu thực tế, ham chuộng hình thức, bệnh cá nhân, dễ bị dao động và bị chi phối bởi tác động của những tiêu cực, dẫn đến mất phương hướng về chính trị; một bộ phận không nhỏ còn tư tưởng ỷ lại, thiếu nghiêm túc trong việc rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống. Hiện nay, dưới tác động của khoa học - công nghệ thông tin đã hình thành nên một môi trường sống ảo, giao tiếp ảo, lối sống ảo trong một bộ phận sinh viên. Điều đó vừa có ý nghĩa tích cực - đó là sự kết nối, sự chia sẻ được rộng mở nhưng nó lại làm mất đi cảm xúc thực, chiều sâu tâm hồn, dễ hình thành lối sống chóng vánh, bất chước, đua đòi. Thực tế còn cho thấy có một bộ phận các em sống khép kín, lạnh nhạt, vô tâm với người thân trong gia đình và những người xung quanh, thờ ơ với các vấn đề chính trị - xã hội.

Một thực tế khác là phần đa sinh viên đang ở trong tình trạng thiếu thông tin chính thống, ít hiểu biết, không cập nhật đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; các quy định của địa phương, của nhà trường. Nhưng ngược lại, một bộ phận trong sinh viên có hiện tượng bội thực về thông tin trái chiều, mặt trái của xã hội, đặc biệt là các luận điệu xuyên tạc, phủ nhận Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước; bịa đặt, bôi nhọ lãnh tụ và các cán bộ cấp cao của Đảng, Nhà nước, truyền bá các tư tưởng, lối sống thực dụng, các tệ nạn xã hội, quan điểm phản động, thông qua sách, báo, băng, đĩa hình, blog. Vì vậy, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối

sống nói chung, việc tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong sinh viên nói riêng để giúp sinh viên có nhận thức đầy đủ, từ đó mới có niềm tin và hành động đúng đắn, đang là nhiệm vụ cấp thiết hiện nay.

Thực tiễn đó, đòi hỏi chúng ta phải thực hiện nhiều giải pháp có tính đồng bộ, đặc biệt là phát huy vai trò của đội ngũ giảng viên, để nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, đặc biệt là tuyên truyền có hiệu quả đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong xã hội nói chung và trong sinh viên của các nhà trường nói riêng.

Thứ nhất: Phải khẳng định rõ công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên là nhiệm vụ thường xuyên của cả hệ thống chính trị trong các trường đại học, cao đẳng: Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, các khoa đào tạo, phòng ban chức năng, tổ bộ môn và toàn thể giảng viên, cán bộ viên chức. Do đó, phải chú trọng nâng cao nhận thức của các tổ chức, tập thể, cá nhân về vị trí, vai trò, yêu cầu công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên thể hiện trong mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo và trong thực thi chính sách của các Nhà trường.

Thứ hai: Nâng cao vai trò, trách nhiệm của giảng viên trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên là việc làm của nhiều tổ chức nhưng trong đó hoạt động của đội ngũ giảng viên là trực tiếp nhất, hiệu quả nhất. Thông qua bài giảng, giảng viên có thể và cần thiết phải chuyển tải những vấn đề chính trị - xã hội như chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; những giá trị đạo đức, nhân văn mà sinh viên cần phải trau dồi. Không chỉ trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp, giảng viên còn là người góp phần nâng cao giác ngộ tư tưởng chính trị cho sinh viên, bồi dưỡng tình yêu quê hương, yêu cuộc sống; lòng yêu người, yêu nghề cho các em; thôi thúc sinh viên say mê học tập, nỗ lực rèn luyện nhân cách để trở thành người có ích cho xã hội.

Đặc biệt, trong mỗi giai đoạn cách mạng, trước biến động phức tạp, đa dạng của tình hình trong nước và quốc tế, Đảng và Nhà nước ta luôn có những chủ trương, đường lối, chính sách cụ thể, thể hiện qua các chỉ thị, nghị quyết, kết luận, hướng dẫn thực hiện. Những chủ trương, đường lối đó phải được tuyên truyền trong sinh viên để họ hiểu rõ đi đến đồng thuận trong nhận thức và hành động phù hợp. Muốn vậy, giảng viên phải không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, nghiên cứu thấu đáo đường lối chính sách, quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước. Đội ngũ giảng viên phải thấy được vai trò quan trọng của mình trong việc tuyên truyền, giáo dục sinh viên về việc chấp hành đường lối, chủ

trương, chính sách. Bởi đó là công việc chung của nhà trường, là trách nhiệm của những người làm nghề dạy học.

Trong Nhà trường, giảng viên là người “dạy chữ, dạy nghề và dạy làm người”. Những nhiệm vụ nặng nề mà cũng cao cả đó chỉ có thể hoàn thành khi mỗi người giảng viên thực sự là một tấm gương mẫu mực cho sinh viên noi theo. Trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên, các thầy cô giáo bằng chính nhân cách của mình sẽ tác động trực tiếp đến sinh viên, có giá trị giáo dục rất lớn hoặc ngược lại. Một thái độ ân cần, đúng mực; một sự giải thích cặn kẽ, khoa học; một cách đánh giá khách quan... của thầy cô thật sự cần thiết với sinh viên - các em sẽ cảm thấy rất vui vì khi thấy mình được tôn trọng. Ngược lại, sự xa cách, thờ ơ, lãnh đạm đối với những nhu cầu chính đáng của sinh viên sẽ làm cho các em không vui, ít hứng thú với bài giảng của thầy cô. Như vậy, chỉ cần một thái độ, một hành động nhỏ của giảng viên trong quá trình làm việc, tiếp xúc, giảng dạy với sinh viên có thể có tác dụng không nhỏ trong giáo dục các em về mọi mặt, nhất là về mặt đạo đức, tư tưởng.

Lập trường chính trị, thái độ của cán bộ, giảng viên cũng có ảnh hưởng rất lớn trong việc giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên. Do đó, cần thiết phải coi trọng công tác tư tưởng, tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách trong cán bộ, giảng viên; phải quán triệt nguyên tắc “người thực hiện tuyên truyền thì trước hết phải được truyền truyền”. Điều đó, có ý nghĩa hết sức quan trọng trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên, trong đó có việc đưa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của nhà trường đến với sinh viên.

Thứ ba: Để tăng cường vai trò tiên phong của đội ngũ giảng viên, đặc biệt là giảng viên Lý luận chính trị trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên, cần thiết phải đổi mới đồng bộ từ nội dung đến hình thức, phương pháp, phương tiện giáo dục, làm cho nội dung giảng dạy sinh động, hấp dẫn sinh viên.

Lý luận phải gắn với thực tiễn, giải đáp được những bức xúc của thực tiễn; phải thiết thực và gần gũi với các vấn đề trong cuộc sống của sinh viên, giải đáp được tâm tư, nguyện vọng của sinh viên bằng nhiều hình thức; phải kết hợp giáo dục lý luận Mác- Lênin với quá trình triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, và nhất là phải kịp thời giải quyết những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn. Phải chủ động lựa chọn những chuyên đề phù hợp với thực tiễn và bức thiết của cuộc sống, hướng vào giải quyết những vấn đề cấp thiết về lý luận và thực tiễn; cung cấp thông tin, tư liệu theo hướng nâng cao tính thời sự, tính tư tưởng, tính thiết thực, góp phần quan trọng vào công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống của sinh viên, đáp ứng sự nguyện vọng và sự quan tâm của các em.

Phối hợp với phòng công tác Chính trị- học sinh, sinh viên và Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên... tổ chức tốt các cuộc thi tìm hiểu về chủ nghĩa Mác - Lênin, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về Bác Hồ, về quê hương, đất nước...; hướng dẫn cho sinh viên tham gia các phong trào như “Đền ơn, đáp nghĩa”, “Nghĩa tình biên giới, hải đảo” hoặc các phong trào xung kích, tình nguyện... Thông qua những hoạt động này, sinh viên có thêm những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối lãnh đạo của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh; về con đường đi lên CNXH; đồng thời, cũng qua những hoạt động này, sinh viên sẽ thêm có những “trải nghiệm” thực tiễn, để qua đó, các em thấm thía những giá trị đạo đức, hình thành lối sống đẹp; nâng cao bản lĩnh chính trị, để các em có thái độ đúng đắn, biết hòa mình, quan tâm và có trách nhiệm với cuộc sống của cộng đồng, của nhân dân.

Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, các khoa đào tạo, phòng ban chức năng của các nhà trường, đặc biệt là đội ngũ giảng viên phải chủ động nắm bắt và dự báo tình hình tư tưởng; kịp thời có biện pháp tuyên truyền, giải thích để sinh viên hiểu rõ những luận điệu sai trái, âm mưu “diễn biến hòa bình”, sự lôi kéo của các thế lực thù địch. Thông qua nhiều kênh, nhiều tổ chức và hình thức để đưa thông tin chính thống, trực tiếp; cung cấp đa dạng các loại tài liệu, tư liệu đến với sinh viên; Tăng cường nắm bắt tư tưởng của sinh viên, chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục sinh viên qua mạng xã hội và các phương tiện thông tin đại chúng; chu trọng khai thác những ứng dụng tích cực của mạng xã hội để tập hợp và tuyên truyền giáo dục sinh viên.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng làm cho sinh viên nhận thức rõ sự lợi dụng của các thế lực thù địch để các em chủ động phòng, tránh không bị sự lợi dụng đó. Đồng thời, góp phần quan trọng trong định hướng rèn luyện nhân cách, lối sống lành mạnh cho sinh viên. Các em biết nêu cao tinh thần đấu tranh bảo vệ chân lý, bảo vệ cái đúng, cái tốt, lên án cái ác, cái xấu và cái phản văn hóa; có thái độ kiên quyết, dứt khoát đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi mọi cái tiêu cực, sa đọa, suy thoái về đạo đức và lối sống trong nhà trường cũng như ngoài xã hội.

Trước lúc đi xa, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn Đảng ta: “Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa “hồng”, vừa “chuyên”. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”. Thẩm nhuần tư tưởng của Người, Đảng ta tiếp tục khẳng định: “Tăng cường giáo dục lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên”. Hiện nay, đội ngũ giảng viên ở các trường Đại học, Cao đẳng đã và đang nỗ lực làm tốt vai trò giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên, góp phần quan

trọng khơi dậy mạnh mẽ ý thức tự giáo dục, tự rèn luyện, tu dưỡng và ý chí tự lực, tự cường của các thế hệ sinh viên để cùng toàn dân tộc thực hiện khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”*.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.15, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

# VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC TRONG NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG VÀO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Nguyễn Thế Hoàn<sup>[1]</sup>

**Tóm tắt:** Nghiên cứu, vận dụng những điểm mới trong văn kiện Đại hội XIII và nhiệm vụ thực tiễn ở địa phương, có ý nghĩa hết sức quan trọng, góp phần đưa Nghị quyết của Đảng được triển khai trong thực tiễn.

**Từ khóa:** Đại hội XIII, điểm mới, đổi mới, sáng tạo, khoa học, công nghệ.

## 1. Đặt vấn đề

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam có nhiệm vụ tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII gắn với việc đánh giá 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020; đề ra phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 (kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước); xác định mục tiêu, phương hướng đến năm 2030 (kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng) và tầm nhìn phát triển đất nước đến năm 2045 (kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII xác định đến giữa thế kỷ XXI, nước ta cơ bản trở thành một nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Để đạt được mục tiêu tổng quát này, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII xác định các dấu mốc phát triển quan trọng của đất nước ta trong những thập niên sắp tới:

---

1 Huyện ủy Lộc Hà - Hà Tĩnh (Cựu SV Lớp 40A - GDCT)

- Đến năm 2025: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp.

- Đến năm 2030: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.

- Đến năm 2045: Trở thành nước phát triển thu nhập cao.

Để góp phần quán triệt sâu sắc và triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã đề ra, bài viết này đi sâu nghiên cứu vận dụng những điểm mới trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng về Quan điểm kiên định và sáng tạo; Quan điểm chiến lược phát triển tổng thể đất nước; Quan điểm về khơi dậy, phát huy mạnh mẽ các động lực phát triển; Quan điểm về phát huy các nguồn lực để phát triển; Quan điểm về xây dựng Đảng gắn liền với xây dựng hệ thống chính trị, với xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ cấp chiến lược

## 2. Nội dung

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đề ra 5 quan điểm xây dựng đất nước, đây là kết tinh trí tuệ, sáng tạo của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, thể hiện tư duy lý luận và thực tiễn mang tầm nhìn chiến lược về phát triển đất nước trong giai đoạn mới: (1) *Quan điểm kiên định và sáng tạo*, có ý nghĩa xuyên suốt trong lãnh đạo, chỉ đạo sự nghiệp đổi mới; yêu cầu phải “kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”. (2) *Quan điểm chiến lược phát triển tổng thể đất nước*, tiếp tục xây dựng, phát triển đất nước nhanh và bền vững; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên”. (3) *Quan điểm về khơi dậy, phát huy mạnh mẽ các động lực phát triển*. Động lực là nhân tố thúc đẩy sự vận động, phát triển. Kế thừa và bổ sung những nhân tố tạo thành động lực của Đại hội XII, Đại hội XIII của Đảng đã xác định: “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”. Có thể nói động lực của Đại hội XIII là phát huy mạnh mẽ ý chí tự cường dân tộc, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. (4) *Quan điểm về phát huy các nguồn lực để phát triển*, nguồn lực nếu được phát huy tốt sẽ biến thành động lực, tạo điều kiện cho động lực được thúc đẩy phát triển mạnh mẽ; xác định “Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; nêu cao ý chí độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, phát huy tối đa nội



lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất". Quan điểm trên đây cũng chính là đường lối, phương châm đối nội và đối ngoại trong thời kỳ mới. (5) *Quan điểm về xây dựng Đảng gắn liền với xây dựng hệ thống chính trị, với xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ cấp chiến lược*, kiên định với quan điểm "Xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt", "Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam", Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh "Phải đặc biệt coi trọng và đẩy mạnh hơn nữa xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ"; phải "phát huy bản chất giai cấp công nhân của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, xây dựng Nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; gắn với tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân".

Hệ quan điểm trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng là kết quả của quá trình tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận qua 35 năm Đảng lãnh đạo sự nghiệp đổi mới đất nước. Hệ quan điểm đó là sự vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với thực tiễn đất nước và những biến đổi của tình hình thế giới. Các quan điểm thống nhất chặt chẽ với nhau, không thể coi nhẹ quan điểm nào, tạo thành nội dung quan trọng trong đường lối đổi mới của Đảng, phản ánh đúng đắn cả mục đích và phương diện, mục tiêu và phương thức để tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ sự nghiệp đổi mới, đòi hỏi các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, đội ngũ cán bộ, đảng viên phải nghiêm túc thực hiện trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, để đưa đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới với tầm cao mới.

Nhận thức ý nghĩa, tầm quan trọng của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, huyện Lộc Hà vận dụng quan điểm, đường lối trong Nghị quyết vào thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương trên trên 3 mũi đột phá; 5 chương trình trọng điểm; 24 nhiệm vụ và giải pháp trên các lĩnh vực công tác xây dựng Đảng; phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh:

- **Thứ nhất:** Xây dựng thực hiện 3 mũi đột phá: (1) Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất đạo đức, năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới; đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp. (2) Phát triển kinh tế biển, ven biển; thu hút đầu tư phát triển du lịch, thương mại và dịch vụ biển; nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy hải sản; công nghiệp phụ trợ cảng Cửa Sót; xây dựng nông thôn mới nâng cao gắn với phát triển nông nghiệp

công nghệ cao và sản phẩm OCOP. (3) Xây dựng đô thị, khu du lịch biển hiện đại, bền vững, gắn với du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, tâm linh; phát triển trục kết cấu hạ tầng ven biển tạo liên kết vùng kinh tế và văn hóa.

- **Thứ hai:** Xây dựng thực hiện 5 nhiệm vụ trọng tâm: (1) Tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phát huy tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương, vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên; tạo chuyển biến mạnh mẽ trong công tác cán bộ, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. (2) Tiếp tục nghiên cứu, cụ thể hóa, xác định nhiệm vụ trọng tâm, lộ trình triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển theo Nghị quyết số 36 của Ban Chấp hành Trung ương và Nghị quyết số 26 của Chính phủ. (3) Tăng cường quy hoạch, quản lý quy hoạch; đẩy mạnh xúc tiến, thu hút đầu tư, huy động các nguồn lực xây dựng đồng bộ các trục kết cấu hạ tầng phát triển; chú trọng xây dựng đô thị du lịch biển, hệ thống hạ tầng du lịch, dịch vụ từ Chân Tiên đến Cửa Sốt, hệ thống hạ tầng, giao thông các xã ven biển từ Thịnh Lộc đến Hộ Độ thành vành đai phát triển kết nối với thành phố Hà Tĩnh và các huyện. (4) Tập trung thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Phát huy tối đa hệ thống kênh trục sông Nghèn; ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp sạch, sản phẩm OCOP tại 3 vùng quy hoạch chính của huyện. Phát triển các cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Thạch Kim, Thạch Bằng, An Thịnh; khu nuôi trồng thủy sản các xã Mai Phụ, Hộ Độ, Thạch Châu, Ích Hậu,... tạo động lực khai thác, đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy hải sản. (5) Tập trung giải quyết các vướng mắc, tồn đọng, sai phạm về quản lý đất đai, tài chính ngân sách, sự cố môi trường. Thực hiện cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp, chuyển sang nền hành chính phục vụ. Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- **Thứ ba:** Xây dựng 24 nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm thực hiện 3 mũi đột phá, 5 nhiệm vụ trọng tâm trên các lĩnh vực công tác xây dựng Đảng; phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh:

1. Về công tác xây dựng Đảng tập trung vào các nhiệm vụ: (1) Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; tập trung quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, nghị quyết của Đảng, gắn với xây dựng chương trình, kế hoạch hành động; kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống; chủ động đấu tranh, bác bỏ quan điểm sai trái và nâng cao hiệu quả phòng, chống "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, đảng viên, tạo niềm tin trong Nhân dân. (2) Thường xuyên củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng; chú trọng xây dựng tổ chức đảng trong các cơ quan, đơn vị, vùng khó khăn, vùng có tiềm ẩn

về an ninh trật tự; tập trung quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ có phẩm chất, năng lực, kinh nghiệm thực tiễn, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, có tín nhiệm cao trong quần chúng Nhân dân. (3) Thực hiện toàn diện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng; tập trung kiểm tra, giám sát các lĩnh vực dễ phát sinh sai phạm để phòng ngừa; chú trọng kiểm tra, giám sát người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; chủ động phát hiện, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý. (4) Tăng cường công tác dân vận trong tình hình mới; củng cố niềm tin, mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân; thực hiện có hiệu quả công tác vận động quần chúng; xây dựng, củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân; tăng cường đối thoại, tiếp xúc giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân. (5) Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể - chính trị - xã hội; đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, tập hợp đông đảo đoàn viên, hội viên; phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền. (6) Thực hiện nghiêm các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, tỉnh, huyện về công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí; chủ động phòng ngừa, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, lãng phí trong hệ thống chính trị; thực hiện hiệu quả cải cách tư pháp; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật. (7) Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; nâng cao chất lượng, hiệu quả việc kiểm điểm, tự phê bình và phê bình của các tập thể, cá nhân, người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, các địa phương, đơn vị; chú trọng nhận diện sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên để có biện pháp đấu tranh, ngăn chặn; nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng; phát huy tinh thần trách nhiệm, vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. (8) Đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng đối với hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp, nhất là thực hiện tốt chức năng giám sát và quyết định những vấn đề quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của Hội đồng nhân dân các cấp; nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện của Ủy ban nhân dân các cấp, gắn với xiết chặt kỷ luật, kỷ cương, kiểm tra, giám sát thực thi công vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Về phát triển kinh tế tập trung vào các nhiệm vụ: (9) Tập trung rà soát, bổ sung, xây dựng các quy hoạch đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững; hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội. (10) Huy động mọi nguồn lực xây dựng nông thôn mới trên địa bàn theo hướng nâng cao, kiểu mẫu; xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đô thị ven biển văn minh, hiện đại. (11) Tiếp tục đầu tư phát triển ngành nông, lâm, thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa tập

trung, quy mô lớn, gắn với liên kết hóa, doanh nghiệp hóa trong tất cả các khâu từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm; chuyển đổi, tích tụ ruộng đất, xây dựng cánh đồng mẫu; cơ cấu lại ngành nông nghiệp, chú trọng phát triển sản phẩm chủ lực, xây dựng thương hiệu hàng hóa; thực hiện chương trình OCOP, gắn với phát triển thương mại, du lịch, dịch vụ. (12) Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; du lịch, thương mại, dịch vụ theo đề án phát triển du lịch, thương mại, dịch vụ giai đoạn 2017 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; xây dựng Đề án phát triển thương mại nông thôn gắn với đô thị văn minh; đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư xây dựng chợ, các trung tâm thương mại, siêu thị mini, cửa hàng tiện ích trên địa bàn; đầu tư phát triển thương mại, dịch vụ tại khu du lịch biển Cửa Sốt và dọc tuyến Quốc lộ ven biển, Quốc lộ 281, Quốc lộ 15B. (13) Đẩy mạnh thu ngân sách, chống thất thu thuế, kiểm soát chặt chẽ các nhiệm vụ chi. (14) Huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển, tạo bước đột phá về xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; đẩy nhanh tiến độ triển khai đầu tư các dự án, công trình trọng điểm làm động lực để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. (15) Tăng cường quản lý nhà nước về tài nguyên và bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

3. Về văn hóa - xã hội tập trung vào các nhiệm vụ: (16) Đổi mới nội dung, hình thức phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới; phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa; xây dựng gia đình văn hóa, làng xã văn hóa, cơ quan, đơn vị văn hóa. (17) Thực hiện các giải pháp đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo; tập trung thực hiện quy hoạch hệ thống trường lớp; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, mũi nhọn, chống bệnh thành tích; ưu tiên nguồn lực đầu tư kiên cố hoá trường học, xây dựng trường trọng điểm, đạt chuẩn quốc gia. (18) Nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân; phát triển hệ thống y tế theo hướng hiện đại, coi y tế dự phòng là then chốt, y tế cơ sở là nền tảng; chủ động giám sát, phát hiện, phòng chống sớm, hạn chế các dịch bệnh lây lan ra diện rộng, đặc biệt là đại dịch Covid-19. (19) Chăm lo thực hiện tốt các chính sách cho người có công với cách mạng và công tác an sinh xã hội. (20) Tăng cường cải cách hành chính; tập trung siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với giải quyết các thủ tục hành chính nhanh, gọn, hiệu quả; sắp xếp, kiện toàn, đầu tư hoàn thiện Trung tâm hành chính công huyện đạt chuẩn.

4. Về quốc phòng - an ninh tập trung vào các nhiệm vụ: (21) Triển khai thực hiện hiệu quả chiến lược bảo vệ Tổ quốc, đảm bảo an ninh quốc gia trong tình hình mới; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh Nhân dân, biên phòng toàn dân vững mạnh; xây dựng khu vực phòng thủ huyện vững chắc; kết hợp chặt chẽ giữa củng cố quốc phòng - an ninh với phát triển kinh tế - xã hội; chú trọng tuyến biên giới biển và chủ động phòng chống thiên tai, dịch bệnh, cứu hộ, cứu nạn; chủ động đấu tranh, ngăn chặn mọi âm mưu “diễn

biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch, giải quyết kịp thời, hiệu quả các tình huống, không để bị động, bất ngờ, không để xảy ra “điểm nóng”. (22) Tập trung thực hiện tốt công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; đẩy mạnh đấu tranh trấn áp tội phạm; chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi các tai tệ nạn xã hội. (23) Nâng cao chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. (24) Thực hiện tốt công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân ngay từ cơ sở.

Huyện Lộc Hà, sau một năm vận dụng vận dụng quan điểm, đường lối trong Nghị quyết XIII của Đảng vào thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, đạt được nhiều kết quả nổi bật:

**1. Về công tác xây dựng Đảng:** (1) Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các chủ trương, nghị quyết của Đảng, gắn với xây dựng chương trình, kế hoạch hành động; đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống; đấu tranh, bác bỏ quan điểm sai trái và nâng cao hiệu quả phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên, tạo niềm tin trong Nhân dân. (2) Củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng; thực hiện ra soát, bổ sung quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ có phẩm chất, năng lực, kinh nghiệm thực tiễn, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, có tin nhiệm cao trong quần chúng Nhân dân. (3) Thực hiện toàn diện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng; tập trung kiểm tra, giám sát các lĩnh vực dễ phát sinh sai phạm để phòng ngừa; kiểm tra, giám sát người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội. (4) Xây dựng, củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân; tăng cường đối thoại, tiếp xúc giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân. (5) Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, tập hợp đông đảo đoàn viên, hội viên; phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền. (6) Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với chuyên đề về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; nâng cao chất lượng, hiệu quả việc kiểm điểm, tự phê bình và phê bình của các tập thể, cá nhân, người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, các địa phương, đơn vị; nhất là nhận diện sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên để có biện pháp đấu tranh, ngăn chặn; nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng; phát huy tinh thần trách nhiệm, vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. (7) Bộ máy chính quyền các cấp được đổi mới đi hoạt động phát huy hiệu quả, nhất là trong công tác phân công, phân nhiệm, quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

**2. Về kinh tế:** (1) Kinh tế duy trì đà tăng trưởng khá; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng; giá trị sản xuất các ngành kinh tế tăng; xây dựng nông thôn mới đạt thành tựu nổi bật. (2) Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch được triển khai thực hiện hiệu quả; huy động mọi nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân. (3) Huy động các nguồn lực đầu tư phát triển, trong năm thu hút quy hoạch dự án đầu tư khu thể thao, thương mại, dịch vụ sân golf ở xã Thịnh Lộc với diện tích 170 ha, dự án sân golf, thương mại, dịch vụ nhằm kết nối phát triển theo chuỗi du lịch, dịch vụ với các dự án du lịch, dịch vụ, nghỉ dưỡng hiện đại, quy mô lớn trên địa bàn, như: Tổ hợp biệt thự nghỉ dưỡng và công viên nước Vinpearl Cửa Sốt, khu biệt thự nghỉ dưỡng của Tập đoàn Hà Mỹ Hưng, Công ty cổ phần Quốc tế Lộc Hà... (4) Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tiếp tục có bước chuyển biến tích cực, đạt được kết quả khá đồng đều trên các lĩnh vực; nhất là chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, tích tụ ruộng đất, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, chăn nuôi, xây dựng mô hình phát triển, xây dựng các thương hiệu sản phẩm, sản phẩm OCOP. (5) Xây dựng nông thôn mới được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức; thu hút đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia, đạt được kết quả toàn diện, nổi bật; 100% xã về đích nông thôn mới, phấn đấu xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới cuối năm 2021. (6) Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng; du lịch, thương mại, dịch vụ tiếp tục tạo động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. (7) Thu ngân sách tăng khá so với năm 2020 đạt 100 tỷ đồng.

**3. Về văn hóa - xã hội:** (1) Được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo phát triển khá toàn diện; đời sống tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng lên, nhất là xây dựng thiết chế văn hóa cơ sở; bảo tồn phát huy giá trị di sản văn hóa; xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới; thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, di sản phi vật thể trên địa bàn. (2) Chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục mũi nhọn tiếp tục được nâng cao; cơ sở vật chất phục vụ dạy và học được đầu tư xây dựng, cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy và học; hệ thống trường học được quy hoạch, xây dựng hợp lý, đáp ứng nhu cầu học tập, phù hợp với kế hoạch phát triển. (3) Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng; cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được tăng cường; dân số, kế hoạch hóa gia đình được quan tâm đúng mức; sắp xếp bộ máy ngành y tế theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; chủ động triển khai các biện pháp phòng, chống, kiểm soát các loại dịch bệnh, nhất là dịch bệnh Covid-19. (4) Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, giảm nghèo và thực hiện các chính sách an sinh xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, nhất là thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, vay vốn xây dựng mô hình sản xuất kinh doanh, xuất khẩu lao động. (5) Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục,

đơn giản hóa các thủ tục, nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân. Trung tâm hành chính công giải quyết tốt các thủ tục nhanh, gọn, hiệu quả cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp.

4. *Về quốc phòng - an ninh* (1) Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đảm bảo quốc phòng và an ninh, nhất là nâng cao chất lượng xây dựng cơ sở xã, thị trấn an toàn làm chủ, vững mạnh toàn diện; tổ chức tốt diễn tập khu vực phòng thủ, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn. (2) Tăng cường đấu tranh, phòng ngừa các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; chủ động nắm tình hình trên các tuyến, địa bàn.

Với tinh thần đổi mới, sáng tạo, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành, Đảng bộ và nhân dân huyện Lộc Hà quyết tâm chính trị, cụ thể hoá, vận dụng thực hiện hiệu quả quan điểm, đường lối trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng vào các nhiệm vụ chính trị của địa phương trên các lĩnh vực đời sống xã hội, góp phần đưa đất nước, tỉnh, huyện nhà phát triển nhanh, bền vững.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 1*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 2*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

# CHỦ ĐỀ ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG - NHỮNG THÀNH TỐ CHỨA ĐỰNG TƯ DUY PHÁT TRIỂN VÀ ĐỊNH HƯỚNG LỚN TRONG THỜI KỲ MỚI CỦA ĐẤT NƯỚC TA

TS. Thái Doãn Việt<sup>[1]</sup>

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chủ đề Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng luôn là tư duy phát triển và định hướng quan trọng cho sự phát triển đất nước trong một giai đoạn, một thời kỳ nhất định. Chủ đề Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam nhiệm kỳ 2021-2026 lần này là: *"Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa"*.<sup>[2]</sup> Đây là phần quan trọng nhất trong báo cáo chính trị của Đại hội Đảng. Chủ đề Đại hội đã chứa đựng những tư tưởng chủ yếu được quán triệt trong toàn bộ nội dung báo cáo chính trị và các báo cáo khác của văn kiện đại hội. Đồng thời chủ đề cũng phản ánh những quan điểm, tư tưởng cơ bản chỉ đạo hoạt động lý luận, thực tiễn của Đảng và dân tộc trong thời kỳ đổi mới của đất nước. Ở bài viết này, chúng tôi nghiên cứu làm rõ nội dung: *Chủ đề đại hội XIII - Những thành tố chứa đựng tư duy phát triển và định hướng lớn trong thời kỳ mới của đất nước ta.*

---

1 Khoa Lý luận chính trị - Tâm lý giáo dục - Trường CĐSP Nghệ An

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 57.



## II. NỘI DUNG

### 1. Tầm quan trọng của chủ đề đại hội

Chủ đề đại hội là thông điệp chính trị, thể hiện các quan điểm lớn của Đảng cầm quyền về các vấn đề đối nội, đối ngoại, khẳng định các giá trị căn bản, các nguyên tắc trong lãnh đạo phát triển đất nước, dân tộc. Bên cạnh đó nó còn có ý nghĩa là một thông điệp phát triển, nó phản ánh quan điểm của chủ thể cầm quyền về định hướng phát triển của quốc gia, dân tộc trong một thời gian, không gian cụ thể theo những mục tiêu, định hướng nhất định; là sự kết tinh trí tuệ toàn Đảng, toàn dân, là ngọn cờ dẫn dắt, cương lĩnh hành động của Đảng và dân tộc trong một giai đoạn lịch sử cụ thể. Chính vì vậy, chủ đề đại hội là phải có tính chiến lược, cô đọng, súc tích và phải dễ hiểu, dễ nhớ, dễ vận dụng.

### 2. Chủ đề của các đại hội trong thời kỳ đổi mới

Qua 35 năm đổi mới đất nước đến nay, Đảng ta đã trải qua 7 kỳ đại hội. Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (1996) bắt đầu hình thành chủ đề đại hội. Mỗi kỳ đại hội được thể hiện bằng những chủ đề mang tính kế thừa và phát triển. Chủ đề của Đại hội VIII là: “Tiếp tục sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội”<sup>[1]</sup>.

Chủ đề Đại hội VIII thể hiện rõ 2 nội dung:

*Một là* những biện pháp hay động lực chủ yếu thúc đẩy phát triển đất nước, đó là “tiếp tục sự nghiệp đổi mới”, “đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”;

*Hai là* mục tiêu phát triển đất nước: “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước lên chủ nghĩa xã hội”.

Đến Đại hội IX, chủ đề được xác định là: “Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”<sup>[2]</sup>.

Đại hội IX bổ sung thêm động lực: “phát huy sức mạnh toàn dân tộc”; từ đó, hệ động lực phát triển đất nước đã trở nên đa dạng, phong phú hơn. Mục tiêu phát triển đất nước được trình bày cô đọng, ngắn gọn: “xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”.

---

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (1996) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 7.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 9.

Tại Đại hội Đảng lần thứ 10, chủ đề Đại hội được xác định: “Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển”<sup>[1]</sup>.

So với các đại hội trước, chủ đề Đại hội X có một số sự bổ sung và phát triển. Trước hết, từ Đại hội này, chủ thể hành động đã được nêu và khẳng định ở vị trí thứ nhất đó chính là Đảng: “Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng”. Đây vừa là sự khẳng định vị trí vừa phản ánh nhiệm vụ của chủ thể trong giai đoạn phát triển mới của dân tộc. Ngoài ra, các động lực “phát huy sức mạnh toàn dân tộc”, “đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới” của Đại hội IX vẫn được giữ nguyên.

Chủ đề của Đại hội XI là: “Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”<sup>[2]</sup>.

Về cơ bản, nhiều nội dung trong chủ đề Đại hội X được giữ nguyên, như chủ thể hành động, Đảng vẫn được khẳng định ở vị trí thứ nhất; các động lực chủ yếu phát triển đất nước là “phát huy sức mạnh toàn dân tộc”, “đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới”. Việc xác định mục tiêu như vậy thể hiện sự chủ động và quyết tâm chính trị cao, rõ ràng hơn.

Đặc biệt, chủ đề Đại hội lần này đã đưa ra mốc thời gian cụ thể để nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại (năm 2020).

Chủ đề Đại hội XII là: “*Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại*”<sup>[3]</sup>

Chủ đề Đại hội XII, so với các đại hội trước, có một số điểm mới: chủ thể hành động vẫn được khẳng định ở vị trí thứ nhất, nhưng chuyển từ “nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng” thành “tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh”, cách trình bày này có tính khái quát hơn, vì “tăng cường xây dựng Đảng” có nội dung đa dạng, phong phú, toàn diện hơn so với “nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng”.

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 11.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.71.

3 Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.11.

Ngoài các động lực chủ yếu được các đại hội trước xác nhận như: “phát huy sức mạnh toàn dân tộc”, “đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới”, Đại hội XII bổ sung thêm một động lực nữa là “dân chủ xã hội chủ nghĩa”. Mục tiêu cũng được bổ sung toàn diện hơn, gồm có: “Bảo vệ vững chắc Tổ quốc”, “giữ vững môi trường hòa bình, ổn định”, “sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”.

### **3. Chủ đề đại hội XIII - Những thành tố chứa đựng tư duy phát triển và định hướng lớn trong thời kỳ mới của đất nước ta**

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII diễn ra trong điều kiện phát triển mới, Đại hội đã tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (2011-2020); 35 năm Đổi mới, 10 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011); hướng tới kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng, thành lập nước. Với 94 từ và được 95,7% đại biểu đồng ý biểu quyết thông qua, chủ đề Đại hội XIII có nhiều điểm mới với những thành tố chứa đựng tư duy phát triển và định hướng lớn trong thời kỳ mới của đất nước ta.

3.1. Thành tố về Đảng: “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh”. Thành tố này đã bổ sung “chỉnh đốn” và “hệ thống chính trị” vào nội dung “tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh”.

Trong lịch sử hơn 90 năm qua, sự lãnh đạo đúng đắn và sức chiến đấu của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Sự lãnh đạo đó đã tạo nên những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của đất nước ta trong 35 năm đổi mới và cũng sẽ là yếu tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của đất nước ta, nhân ta trong những năm tới. Trong tình hình mới của thế giới có nhiều diễn biến nhanh chóng, phức tạp, sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nước ta đứng trước nhiều thời cơ và khó khăn, thách thức to lớn, đặt ra nhiều vấn đề mới, đòi hỏi Đảng phải không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của mình.

Bởi vậy, trong 3 chủ đề đại hội gần đây: Đại hội X, Đại hội XI và Đại hội XII của Đảng đều khẳng định “Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng”.

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng khẳng định: “Một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”<sup>[1]</sup>.

Thực tiễn công tác xây dựng Đảng cho thấy trong bối cảnh có sự suy thoái của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên hiện nay, Bác Hồ cũng từng nói: *Xây phải*

1 Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr.301.

đi đôi với chống. Muốn xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, song song và đồng hành với nó là phải chỉnh đốn. Trong các kỳ Đại hội XI, XII, Đảng ta đã có một hội nghị riêng để đánh giá và ban hành nghị quyết về xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Đó là Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI và XII, đặc biệt là Nghị quyết khóa XII đã ra Nghị quyết chuyên đề: *“Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”*. Do đó, tại Đại hội XIII, Đảng ta đã bổ sung “chỉnh đốn” vào nội dung “xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh” trong chủ đề Đại hội. Điều này thể hiện tầm nhìn của Đảng và khát vọng cũng như kỳ vọng của nhân dân đối với Đảng.

Trong bối cảnh Đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo tổ chức và hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, của cả hệ thống chính trị. Sự trong sạch, vững mạnh của Đảng gắn liền với sự trong sạch, vững mạnh của cả hệ thống chính trị. Thực tế trong giai đoạn hiện nay, khi mà dịch bệnh CoVid 19 đang diễn biến hết sức phức tạp, tác động lớn đến sự phát triển kinh tế-chính trị cũng như các vấn đề khác của đất nước thì chúng ta phải huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị. Vì thế, bổ sung “hệ thống chính trị” vào “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh” để thành “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh” là đúng đắn thể hiện tư duy mới trong hoàn cảnh mới.

3.2. Thành tố về dân tộc: “khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại”.

Ở thành tố này Đảng ta đã bổ sung “khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí”, và “kết hợp với sức mạnh của thời đại” vào nội dung “phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc”.

Cùng với sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, trong mọi giai đoạn cách mạng, khối đại đoàn kết toàn dân tộc luôn luôn là vấn đề chiến lược của cách mạng nước ta, là nguồn sức mạnh to lớn để đất nước ta vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đạt được những thắng lợi vẻ vang. Tại Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ II, năm 1961, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: *“Đoàn kết, đoàn kết đại đoàn kết, Thành công thành công, đại thành công” Đoàn kết là điểm mẹ, là then chốt...”*

Trong Di chúc, Bác Hồ đã yêu cầu tất cả cán bộ, đảng viên *“phải giữ gìn sự đoàn kết như giữ gìn con ngươi của mắt mình”*. Câu nói đó của Người cho đến nay thì đây vẫn là một vấn đề thời sự, mang ý nghĩa quyết định đến sự sống còn mà Đảng đặc biệt quan tâm.

Bởi vậy, “phát huy sức mạnh toàn dân tộc” luôn là một nội dung quan trọng trong đường lối của Đảng, được nêu trong chủ đề của nhiều đại hội Đảng (trong

chủ đề Đại hội IX, X, XI và XII đều có nội dung này). Chủ đề Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định “phát huy sức mạnh toàn dân tộc”.

Ngày nay, trong thời đại toàn cầu hóa, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia; nước ta đã hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng, toàn diện, ảnh hưởng và tác động quốc tế đối với nước ta ngày càng lớn, nhanh chóng và trực tiếp. Xu thế của thời đại, luật pháp, các quan hệ quốc tế, sự hợp tác, ủng hộ của các nước, cộng đồng quốc tế là nguồn sức mạnh to lớn để đất nước ta vượt qua khó khăn, thách thức giữ vững độc lập, chủ quyền, môi trường hòa bình, ổn định, phát triển nhanh, bền vững. Do đó, thành tố “phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh của thời đại” được nêu trong chủ đề Đại hội XIII đã thể hiện tầm chiến lược của Đảng trong thời kỳ mới.

3.3. *Thành tố về đổi mới*: “tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới”. Ở thành tố này, Đảng ta đã bổ sung cụm từ “tiếp tục”. Điều này thể hiện trong nhiều nhiệm kỳ vừa qua, công cuộc đổi mới đã được tiến hành toàn diện, nhưng chưa đồng bộ, nhất là chưa đồng bộ giữa chính trị và kinh tế. Vì thế, chủ đề Đại hội XIII xác định “tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới”. Trong văn kiện Đại hội XIII, Đảng ta định hướng phát triển đất nước trong thời kỳ 2021-2030: “chúng ta cần tiếp tục nắm vững và xử lý tốt các mối quan hệ lớn:... giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị”<sup>[1]</sup>.

Trong thời kỳ đổi mới, chúng ta vẫn đang có nhiều lúng túng trong tư duy giữa kinh tế và chính trị. Đặc biệt là thể chế “Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”. Chính vì vậy, trong 6 trọng tâm của nhiệm kỳ này, Đảng ta xác định: “Xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, hiện đại và hội nhập”<sup>[2]</sup>.

Đặc biệt mới đây vào ngày 16/5/2021, Tổng Bí Thư Nguyễn Phú Trọng đã có bài viết: “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”. Từ bài viết này, Tổng Bí thư đã làm sáng tỏ định nghĩa cơ bản về CNXH và chỉ ra lý do tại sao Việt Nam lựa chọn mục tiêu là xây dựng CNXH, qua đó khẳng định sự lựa chọn mục tiêu đó của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng và nhân dân ta là đúng đắn. Đặc biệt, Tổng Bí thư đã khẳng định sau 35 năm đổi mới, một hệ lý luận về công cuộc đổi mới đất nước đã được hình thành. Hệ lý luận bao gồm một số trụ cột, trong đó có trụ cột về phương diện kinh tế. Mô hình kinh

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 39.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr. 39.

tế tổng quát của Việt Nam trong giai đoạn quá độ lên CNXH là kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Tổng Bí thư nhận định: *kinh tế thị trường không phải là của riêng của CNTB, không phải là sản phẩm riêng của CNTB bởi nó là thành quả phát triển lâu dài của nhân loại*. Vì vậy, Đảng ta hoàn toàn có quyền sử dụng thể chế kinh tế ấy phục vụ cho mục tiêu của XHCN, từ đó sáng tạo ra được mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN.

3.4. *Thành tố về bảo vệ Tổ quốc*: “xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định”. Đại hội XII xác định “bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định”. Đến Đại hội XIII, Đảng ta đã phát triển và nhận thức: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ hữu cơ với nhau.

Tại Đại hội XIII, trong phần: Những nhiệm vụ trọng tâm, các đột phá chiến lược; ở nhiệm vụ thứ 3 trong 6 nhiệm vụ, Đảng ta đã xác định: “Giữ vững độc lập tự chủ, tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; tăng cường tiềm lực quốc phòng an ninh, xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân,... kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo, vùng trời; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước”<sup>[1]</sup>. Câu nói của Tổng Bí thư được nhắc đi nhắc lại nhiều lần, trong những hội nghị quan trọng, đặc biệt trong phiên khai mạc Đại hội XIII ngày 26/01/2021: “Đất nước ta chưa bao giờ có được tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”. Điều này khẳng định tư duy, tầm nhìn và sự tin tưởng vào thể và lực của đất nước ta trong điều kiện mới.

3.5. *Thành tố về mục tiêu*: “phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”.

Xác định cho được mục tiêu là vấn đề hết sức quan trọng, thể hiện tầm nhận thức của Đảng và của cả dân tộc. Chủ đề Đại hội XI của Đảng xác định mục tiêu “tạo nền tảng để đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”. Đại hội XII xác định “phấn đấu sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đề ra mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI “phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”. Kế thừa và phát triển Cương lĩnh và các đại hội gần đây, Đại hội XIII xác định mục tiêu “phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”; trong đó nội dung “theo định hướng xã hội chủ nghĩa” đã được khẳng định trong nhiều văn kiện của Đảng; điểm mới là “nước ta trở thành nước phát triển”. Đây vừa là mục tiêu, vừa thể hiện tư duy phát triển và định hướng của Đảng trong thời kỳ mới của đất nước.

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr. 201.

### III. KẾT LUẬN

Văn kiện Đại hội là sự kết tinh trí tuệ, ý chí, nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Trong đó chủ đề Đại hội là định hướng, là kim chỉ nam cho sự phát triển của đất nước. Đại hội XIII là một dấu mốc, một bước chuyển hết sức quan trọng, làm tiền đề cho các nhiệm kỳ tiếp theo để thực hiện thắng lợi mục tiêu chiến lược phát triển đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Để làm được điều đó chúng ta phải: Phát huy ý chí, sức mạnh của toàn dân tộc, sự thống nhất của “ý Đảng, lòng Dân,” để thực hiện tốt các mục tiêu mà chúng ta đã đặt ra.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. <https://tuoitre.vn/mot-so-van-de-ly-luan-va-thuc-tien-ve-chu-nghia-xa-hoi-va-con-duong-di-len-chu-nghia-xa-hoi-o-vn>, Bài viết của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, ngày 16/5/2021.

# NGHIÊN CỨU, CẬP NHẬT QUAN ĐIỂM “KHƠI DẬY KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC PHỒN VINH, HẠNH PHÚC” TRONG VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XIII VÀO GIẢNG DẠY TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN HIỆN NAY

TS. Nguyễn Văn Sang<sup>[1]</sup>

## Đặt vấn đề:

*Từ năm 2019, Triết học Mác - Lênin trở thành một môn học độc lập ở các trường đại học của Việt Nam. Bước chuyển này đặt ra yêu cầu cấp thiết, có ý nghĩa cả lý luận lẫn thực tiễn đối với việc hoàn thiện chương trình, giáo trình cũng như cập nhật các quan điểm, đường lối của Đảng để góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy môn học này. Bài viết đề cập đến quan điểm nổi bật trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về “Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”, từ đó đưa ra một vài suy nghĩ, liên hệ quan điểm này trong giảng dạy Triết học Mác - Lênin hiện nay.*

**Từ khóa:** *Triết học Mác - Lênin, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc*

**1. Mục đích đất nước giàu mạnh và phồn vinh, nhân dân hạnh phúc của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, rèn luyện - Nền tảng cho những quan điểm nổi bật, đúng đắn của Đại hội XIII**

Tại cuộc họp báo ngay sau Đại hội Đảng lần thứ XIII, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng khẳng định: Thành công của Đại hội không phải chỉ thông qua Nghị quyết. Phải thể chế hoá, cụ thể hoá thành những chủ trương, chỉ đạo quyết

---

<sup>1</sup> Khoa Giáo dục Chính trị - Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh



liệt từ trên xuống dưới để thực hiện. Dân phải giàu, nước phải mạnh, đời sống của nhân dân sung sướng hơn. Thế mới gọi là thành công. Đây là những lưu ý gần gũi, thiết thực của người đứng đầu Đảng, Nhà nước. Nhân đây, chúng ta có thể hiểu sâu hơn về mục đích đất nước giàu mạnh, phồn vinh, nhân dân hạnh phúc của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Lịch sử Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX là thời kỳ sục sôi phong trào yêu nước nhưng lần lượt thất bại của các tầng lớp nhân dân trong cuộc đấu tranh giành lại chủ quyền quốc gia. Nguyên nhân thất bại có thể nhận định rõ. Theo logic hiện thực xã hội Việt Nam lúc bấy giờ, có thể nhận thấy, trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, đặc biệt thời đại sau Cách mạng Tháng Mười Nga, các lực lượng yêu nước, dù với tinh thần, nhiệt huyết cao nhưng không thể đưa ra một đường lối chính trị có khả năng thống nhất, tập hợp lực lượng toàn dân tộc giải quyết triệt để những mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam. Điều căn cốt lúc bấy giờ là sự thức tỉnh và sự trưởng thành ý thức dân tộc ở một quốc gia nửa thuộc địa, nửa phong kiến chỉ có thể dựa trên nền tảng thế giới quan, phương pháp khoa học, cách mạng - Duy vật biện chứng và lập trường nhân sinh cộng sản, chứ không thể trên lập trường của các sĩ phu - Nho học, hay lập trường dân chủ tư sản của giới trí thức "Tây học".

Trên thực tế ở Việt Nam, người có khả năng đảm đương vai trò đó chỉ có thể là Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Vượt lên tầm nhìn bị ràng buộc của ý thức hệ, Người đã mang đến cho những người yêu nước Việt Nam sự thức tỉnh mới mang tính thời đại: "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lê-nin". Quan điểm chủ đạo ấy đã được thể hiện rõ khi Người phác thảo nội dung, tính chất, bước đi của cách mạng Việt Nam: "Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi đến xã hội cộng sản". Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã lập nên những kỳ tích trong hai cuộc kháng chiến oanh liệt, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước năm 1975. Đó là minh chứng hùng hồn về sức mạnh của dân tộc ta khi có sự đoàn kết dưới sự lãnh đạo của Đảng cách mạng, chiến đấu cho khát vọng "Không có gì quý hơn độc lập tự do".

Cách mạng giải phóng dân tộc kết thúc (1975) cũng là sự mở đầu của công cuộc sáng tạo vĩ đại - cải biến xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, xã hội chủ nghĩa. Quá trình cách mạng tiếp theo vì mục đích đất nước giàu mạnh và phồn vinh, nhân dân hạnh phúc không bao giờ đơn giản và có thể thực hiện trong ngày một, ngày hai... Để làm vai trò của lực lượng cầm quyền, Đảng ta phải giải quyết hàng loạt vấn đề liên quan đến "nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta". Sứ mệnh ấy không thể rập khuôn theo những mô hình có sẵn, cũng không thể là sản phẩm từ mong muốn chủ quan hay sự áp đặt từ bên ngoài xã hội Việt Nam,

cũng như lòng từ thiện của một “thánh nhân” nào, càng không thể làm một lần là có ngay kết quả mong muốn. Trên thực tế, sau những sai lầm “chủ quan, duy ý chí”, với quan điểm “thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý”, Đảng ta đã dũng cảm nhận ra sai lầm và kiên quyết sửa chữa sai lầm, khởi xướng công cuộc đổi mới. Thực tiễn công cuộc xây dựng và phát triển trong thời kỳ đổi mới ở nước ta đã cho thấy, một trong những yếu tố có ý nghĩa quyết định cho những chuyển biến tích cực trong đời sống xã hội chính là mỗi cá nhân phải thực sự trở thành mục tiêu và chủ thể sáng tạo của quá trình đó. Chỉ khi nào con người - ở mọi cấp độ tồn tại của nó, nhận thức, cảm nhận được nhu cầu - lợi ích của họ được bảo đảm thực hiện trên thực tế thì lúc đó tính tự giác, tích cực chính trị - xã hội của họ mới được phát huy, và kết quả hoạt động thực tiễn do đó, sẽ có nhiều khả năng đạt hiệu quả tốt hơn. Tinh thần triết học của sự nghiệp đổi mới ở nước ta về cơ bản nghiên cứu, nghiên ngẫm kĩ lưỡng, sâu sắc và vận dụng để hướng đến sự phát triển bền vững của quốc gia dân tộc. Trong đó, khơi dậy, phát huy tiềm năng sáng tạo của con người, vì con người là tư tưởng bao trùm.

Đổi mới thực chất là một quá trình cách mạng nhằm từng bước khẳng định tính chất ưu việt của chủ nghĩa xã hội - một xã hội luôn hướng tới con người, tạo mọi điều kiện để con người phát huy những năng lực phẩm chất, làm cho con người thực sự trở thành chủ thể tự giác, tích cực trong hoạt động sống - cũng là quá trình tái sản xuất ra đời sống của chính mình và của xã hội; là sự khẳng định con người, trong tất cả các cấp độ tồn tại, vừa là chủ thể đề xuất và thực hiện các mục tiêu phát triển, vừa là đối tượng thụ hưởng kết quả của tất cả các chương trình, dự án phát triển xã hội. Chúng ta đã nhận rõ triết lý phát triển ấy qua thực tiễn công cuộc đổi mới. Đó cũng là nguyên nhân căn bản tạo nên sự đồng thuận xã hội trong việc thực hiện những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta thời gian qua - Là nguồn gốc và động lực tạo nên những thành tựu có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới. Đánh giá kết quả của công cuộc đổi mới, tại Đại hội XIII, Đảng ta đã khái quát: “Nhìn lại 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh năm 1991), lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa. Đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt cả về vật chất và tinh thần. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”<sup>[1]</sup>.

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội XIII*, tập I, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.103-104.

## **2. Quan điểm “Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc” trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng**

Có thể khẳng định, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, quan điểm khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc đã được Đảng ta kế thừa và phát triển lên một tầm cao mới: Khẳng định khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc là sức mạnh nội sinh để phát triển đất nước. Đây là một trong số những chủ điểm có vị trí, ý nghĩa rất đặc biệt trong Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng nêu các mục tiêu cụ thể: Đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp; Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nay là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Vậy cơ sở nào để chúng ta tin tưởng việc Việt Nam sẽ hoàn thành được các mục tiêu trên? Nếu chúng ta nhìn vào thành tựu 35 năm đổi mới, từ một nền kinh tế lạc hậu, xuất phát điểm thấp chúng ta đã trở thành một nền kinh tế có sự tăng trưởng trong nhiều năm qua thì những mục tiêu này là hoàn toàn có cơ sở. Hơn nữa, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng cũng đã xác định 6 nhiệm vụ trọng tâm và 3 đột phá chiến lược và các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục đổi mới, phát triển các ngành, lĩnh vực cụ thể với những nội dung mới, quan trọng. Quá trình thực hiện Nghị quyết chúng ta bám sát vào những nhiệm vụ trọng tâm và đột phá chiến lược này, đó chính là cơ sở để chúng ta phát triển đất nước nhanh, mạnh mẽ, đạt được những mục tiêu ở những dấu mốc quan trọng là năm 2025, 2030, 2045 đã đề ra. Và những mục tiêu, định hướng đó cuối cùng cũng đều vì lợi ích của nhân dân, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đó cũng chính là quá trình hiện thực hoá khát vọng phát triển đất nước hùng cường, phồn vinh, hạnh phúc, đất nước ta có thể bước tới đài vinh quang sánh vai cùng với các cường quốc năm châu như mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong lĩnh vực đối ngoại, đường lối đổi mới của Đảng vừa qua chúng ta đã tạo dựng được những điều kiện quốc tế thuận lợi để hiện thực hoá những mục tiêu đặt ra. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng cũng đã xác định những xu hướng để có những bước nhảy vọt để phát triển như chuyển đổi số, tận dụng cách mạng 4.0.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thành công, đạt được các mục tiêu đặt ra của quá trình đổi mới như ở Việt Nam. Trong phát biểu bế mạc Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng đặc

biệt nhấn mạnh đến việc “khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.”<sup>[1]</sup>

Xét một cách tổng thể, chúng ta có cơ sở và tin tưởng rằng với quyết tâm của Đảng và khát vọng phát triển của dân tộc với những đường lối, chủ trương được đưa ra, đặc biệt là với sự quyết tâm, vào cuộc của cả hệ thống chính trị thì chúng ta có thể hiện thực hoá được khát vọng phát triển trong từng giai đoạn tới. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định những mục tiêu, tầm nhìn, định hướng trong thời gian tới, trong những dấu mốc quan trọng của đất nước. Và mọi quan điểm chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, văn hoá, đảm bảo an ninh quốc phòng... đều hướng tới mục tiêu vì cuộc sống ấm no, hạnh phúc của người dân. Đó là quan điểm xuyên suốt của Đảng, Nhà nước ta trong phát triển đất nước.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng là sự kiện chính trị có ý nghĩa lịch sử đặc biệt, là dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển của Đảng ta, đất nước ta. Có hai điểm nhấn phản ánh nhận thức mới của Đảng về sức mạnh nội sinh và phương thức phát triển đất nước trong bối cảnh mới được thể hiện trong Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, đó là: Khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc và đổi mới sáng tạo. Lần đầu tiên trong chủ đề của Đại hội và văn bản của Đại hội đề cập đến “khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”. Đây là một điểm rất mới và là một điểm nhấn quan trọng.

### **3. Một vài suy nghĩ, liên hệ về “khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc” với việc giảng dạy Triết học Mác - Lênin hiện nay**

Là một loại hình nhận thức đặc thù của con người, ý thức triết học xuất hiện có nguồn gốc thực tế từ tồn tại xã hội với một trình độ nhất định của sự phát triển văn minh và khoa học. Triết học là dạng tri thức lý luận xuất hiện sớm nhất trong lịch sử của nhân loại. Trong thời đại ngày nay, triết học Mác - Lênin là một trong những thành tựu vĩ đại nhất của tư tưởng triết học nhân loại, đang là hình thức phát triển cao nhất của các hình thức triết học trong lịch sử. Triết học Mác - Lênin là hệ thống quan điểm duy vật biện chứng về tự nhiên, xã hội và tư duy - thể giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các lực lượng xã hội tiến bộ trong nhận thức và cải tạo thế giới. Triết học Mác - Lênin đã và đang phát triển giữa dòng văn minh nhân loại. Do đó, việc

---

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tập II, tr.347-348.

nghiên cứu, giảng dạy triết học Mác - Lênin ở các trường đại học Việt Nam hiện nay thực sự có ý nghĩa, được quan tâm và coi trọng. Trong quá trình giảng dạy đó, việc nghiên cứu, cập nhật và làm sáng rõ, sinh động các quan điểm đường lối của Đảng là một yêu cầu tiên quyết, đồng thời cũng là một trong những giải pháp để nâng cao chất lượng học tập, nghiên cứu môn học này.

Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, con người vừa là sản phẩm của lịch sử tự nhiên và lịch sử xã hội, nhưng đồng thời, lại là chủ thể của lịch sử bởi lao động và sáng tạo là thuộc tính xã hội tối cao của con người. Con người và động vật đều có lịch sử của mình, nhưng lịch sử con người khác với lịch sử động vật. Lịch sử của động vật “là lịch sử nguồn gốc của chúng và sự phát triển dần dần của chúng cho tới trạng thái hiện nay của chúng. Nhưng lịch sử ấy không phải do chúng làm ra và trong chừng mực mà chúng có tham dự vào việc làm ra lịch sử ấy thì điều đó diễn ra mà chúng không hề biết và không phải do ý muốn của chúng. Ngược lại, con người càng cách xa con vật hiểu theo nghĩa hẹp của từ này bao nhiêu thì con người lại càng tự mình làm ra lịch sử của mình một cách có ý thức bấy nhiêu”<sup>[1]</sup>. Trong mọi hoạt động của mình, con người luôn xác định mục tiêu, và muốn đi tới đích, trước tiên con người phải có khát vọng. Nói đến khát vọng là nói đến yếu tố tinh thần, là sự mong muốn, khao khát, quyết tâm dồn sức lực, trí tuệ để đạt cho được mục tiêu; ý chí, khát vọng là nguồn động lực có sức mạnh vô biên để thực hiện những nhiệm vụ nặng nề nhằm đạt được ước mơ, không khuất phục trước mọi thử thách... Cụ thể ở thời điểm này khát vọng của dân tộc Việt Nam là đưa đất nước đi tới phồn vinh, hùng cường, thịnh vượng, sánh vai với các nước trong khu vực và thế giới. Trong lịch sử thế giới có nhiều quốc gia phát triển hùng mạnh và sự phát triển của mỗi quốc gia ấy đều bắt nguồn chính từ những khát vọng vươn lên trở thành một dân tộc hùng cường, các nước phát triển như Singapo, Nhật Bản, Hàn Quốc,... là những ví dụ sinh động, thuyết phục. Về vấn đề này, chúng ta cũng có thể dẫn giải, phân tích khi bàn đến các nội dung như: kết cấu của ý thức, mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức, vai trò tác động trở lại của ý thức đối với vật chất, tính độc lập tương đối và sự tác động trở lại của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội, làm rõ quan điểm của Triết học Mác - Lênin về vấn đề con người,...

Về vấn đề con người, chủ nghĩa duy vật lịch sử khẳng định và làm rõ, con người là chủ thể của mọi quá trình phát triển và cũng là đích đến của mọi quá trình phát triển đó. Ở đây con người được bàn đến trong sự hài hòa lợi ích giữa con người cá nhân và con người cộng đồng. Khẳng định, con người là tài nguyên quý giá nhất và vô tận và nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng

1 Xem: C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.20, tr.476.

quyết định sự thành công hay thất bại trong phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đặt vấn đề phát huy cao độ tiềm lực con người, giá trị vô giá mà chúng ta đang có trong thời điểm mang tính bước ngoặt trong sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước. Không phải ngẫu nhiên mà lúc sinh thời Thủ tướng Singapo - Lý Quang Diệu từng nhận định Việt Nam là quốc gia đứng hàng đầu Đông Nam Á về nguồn lực con người. Người Việt Nam dù ở đâu cũng đã chứng tỏ sự thông minh, có tài, nhanh nhẹn, linh hoạt, giỏi xử lý tình huống của mình thông qua những thành tích họ đạt được trên nhiều lĩnh vực, thì giờ đây cần phát huy tối đa nguồn lực đáng giá này, và thước đo chính là năng suất lao động và các chỉ số tích cực trong tiến trình phát triển bền vững. Muốn phát huy nguồn lực con người thì trong mọi quyết sách phải đề cao hơn nữa vai trò trung tâm của con người. Khi đặt vấn đề khơi dậy khát vọng, yêu nước,... thì cần làm rõ những nội hàm cụ thể, sinh động, sao cho mỗi người trong xã hội, trong cộng đồng thấy được và có ý thức phát huy cao nhất khả năng của mình đóng góp cho sự phát triển của đất nước, của dân tộc, đồng thời mỗi người cũng thấy được là quyền con người được tôn trọng và đáp ứng tối đa. Tức là con người phải được tham gia vào công việc quan trọng, được đóng góp vào sự nghiệp lớn lao của đất nước và được hưởng thành quả một cách tương xứng và đầy đủ. Cho nên, có thể khẳng định những mục tiêu đặt ra trong Đại hội XIII thực chất là xoay quanh phát huy nguồn lực sức mạnh con người thành sức mạnh tổng hợp quốc gia và tôn trọng những giá trị của nhân quyền. Lịch sử đã chứng minh, nhưng sự vận động và phát triển là xu hướng tất yếu, con người Việt Nam vẫn không nguôi khát vọng là bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ thiêng liêng, khát vọng hòa bình, khát vọng day dứt vượt ra khỏi cảnh đói nghèo, lạc hậu, khát vọng cháy bỏng muốn phát triển đất nước phồn vinh hơn với một vị thế cao hơn, "sánh vai với các cường quốc năm châu" để xứng với truyền thống kiên cường của dân tộc. Muốn làm được điều đó, chúng ta phải có vị thế quốc tế. Mà vị thế và uy tín Việt Nam trên trường quốc tế đã được khẳng định, thể hiện rõ nhất là chúng ta được bầu vào vị trí Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc với số phiếu gần như tuyệt đối. Chủ tịch luân phiên ASEAN và một loạt các vị trí trên các diễn đàn đa phương. Có thể thấy, từ một nước nghèo và lạc hậu, Việt Nam đã tích cực hội nhập quốc tế, vươn lên trở thành hình mẫu phát triển kinh tế - xã hội, được thế giới ghi nhận và đánh giá cao. Tiếng nói của Việt Nam không còn là tiếng nói nhỏ bé theo cách là xóa ẩn số nữa mà đã tham gia trực tiếp giải quyết các vấn đề mang tầm vóc thế giới. Như vậy chúng ta đã hội đủ thế và lực. Đất nước ta chưa bao giờ có được tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như vậy. Cơ đồ của chúng ta chưa bao giờ nắm chắc trong tay như vậy.

## **TAI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Hồ Chí Minh, *Toàn tập, tập 2* (2011), NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
3. Phạm Công Nhật, Đoàn Thị Minh Oanh (Đồng chủ biên, 2018), *Giáo trình Triết học (Dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc nhóm ngành khoa học Xã hội và Nhân Văn)*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Nguyễn Thế Nghĩa, Thái Thị Thu Hương ((Đồng chủ biên, 2014), *Những vấn đề cấp bách của Triết học Mác-xít*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

# VẬN DỤNG CHỦ TRƯỞNG “QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI BỀN VỮNG; ĐẢM BẢO TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI” TRONG NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG VÀO GIẢNG DẠY MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

TS. Bùi Thị Hảo<sup>[1]</sup>

**Tóm tắt:** Văn kiện Đại hội XIII xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện hiệu quả vấn đề quản lý, phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng, đặc biệt là đảm bảo an sinh, phúc lợi xã hội. Do đó, để tạo ra sức lan tỏa thì việc quán triệt và vận dụng quan điểm của Đảng vào giảng dạy các môn Lý luận chính trị, nhất là môn Tư tưởng Hồ Chí Minh bậc đại học trong giai đoạn hiện nay là thật sự cần thiết. Bài viết làm rõ chủ trương của Đảng về quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong Nghị quyết đại hội XIII, từ đó đưa ra các giải pháp vận dụng chủ trương này gắn với nội dung cụ thể trong chương trình môn Tư tưởng Hồ Chí Minh hệ không chuyên.

**Từ khóa:** Phát triển xã hội, tiến bộ, công bằng, Đại hội XIII, tư tưởng Hồ Chí Minh.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo bậc đại học. Nội dung môn học được thiết kế theo nội dung khoa học lý luận, chú trọng đến hệ thống tri thức lý thuyết, sự phát triển tuần tự theo logic các khái niệm, quan điểm. Giảng viên giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh phải tuân thủ nội dung, chương trình của Bộ Giáo dục - Đào tạo. Khó khăn là chương trình học thuần túy lý thuyết, mang nặng kiến thức hàn lâm nên khi học không tạo được hứng thú cho

---

<sup>1</sup> Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh



sinh viên, hoặc sinh viên chưa đủ kinh nghiệm để tiếp nhận tri thức. Do đó, trong quá trình giảng dạy, giảng viên phải tập trung vào những vấn đề lớn, những khái niệm mang tính chất nền tảng, những bài học về sự vận dụng của Đảng, Nhà nước vào thực tiễn Việt Nam. Do đó, nghiên cứu để vận dụng Nghị quyết của Đảng vào giảng dạy, gắn lý luận với thực tiễn sẽ làm bài học thêm ý nghĩa.

Trong Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII có nhiều nội dung cần vận dụng chủ trương của Đảng để bài học sinh động, hiệu quả, tuy nhiên nội dung về quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng, đảm bảo an sinh, phúc lợi xã hội đặc biệt phù hợp trong các chương Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người trong môn học tư tưởng Hồ Chí Minh<sup>1</sup>. Do đó, làm thế nào để vận dụng phù hợp, hiệu quả các nội dung của Nghị quyết XIII khi giảng dạy các nội dung này cần được các nhà khoa học, đội ngũ giảng viên nghiên cứu và thực hiện nghiêm túc.

## **2. NỘI DUNG CHỦ TRƯỞNG “QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI BỀN VỮNG; ĐẢM BẢO TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI” TRONG NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

Trong các Đại hội, Đảng ta đều khẳng định Đảng và Nhà nước luôn quan tâm xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, dân tộc, tôn giáo để giải quyết các vấn đề xã hội. Tại Đại hội Đảng lần thứ XIII, Đảng xác định: “Tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, tính bền vững trong các chính sách xã hội, nhất là phúc lợi xã hội, an ninh xã hội, an ninh con người. Triển khai đồng bộ, toàn diện các mục tiêu kinh tế, tiến bộ, công bằng xã hội và môi trường, trên cơ sở đó, đổi mới phân bổ nguồn lực hợp lý để nâng cao hiệu quả phát triển xã hội. Xây dựng và thực hiện đồng bộ thể chế, chính sách phát triển xã hội, quản lý phát triển xã hội bền vững, hài hoà.”[3, tr. 147- 148]. Trên cơ sở dự báo đúng xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội ở nước ta trong những năm tới, xây dựng các chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội phù hợp, giải quyết hài hoà các quan hệ xã hội, kiểm soát phân tầng xã hội và xử lý kịp thời, hiệu quả các

1 Môn Tư tưởng Hồ Chí Minh có 6 chương:

- Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh
- Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội
- Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân
- Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế
- Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

rủi ro, mâu thuẫn, xung đột xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân. Văn kiện Đại hội XIII nêu rõ: “Gắn chính sách phát triển kinh tế với chính sách xã hội, quan tâm lĩnh vực công tác xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Đổi mới cơ chế, huy động phân bổ và đa dạng hoá các nguồn lực thực hiện chính sách xã hội phù hợp với nhu cầu, lợi ích của các tầng lớp dân cư, nhóm xã hội, bảo đảm bình đẳng về cơ hội phát triển, nhất là với lao động khu vực phi chính thức” [3, tr.148]

Chủ trương cho thấy Văn kiện Đại hội XIII thể hiện định hướng nhất quán với các chủ trương từ những Đại hội trước, đồng thời có những bước tiến mới. Khẳng định rõ quản lý phát triển xã hội có hiệu quả, nghiêm minh, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; xây dựng môi trường văn hoá, đạo đức xã hội lành mạnh, văn minh; chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chất lượng dân số, gắn dân số với phát triển; quan tâm đến mọi người dân, bảo đảm chính sách lao động, việc làm, thu nhập, thực hiện tốt phúc lợi xã hội, an sinh xã hội. Không ngừng cải thiện toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Các nhiệm vụ cụ thể về quản lý xã hội bền vững, đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội, có thể khái quát như sau:

*Một là*, xây dựng và thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với giai tầng trong xã hội; giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc; khắc phục từng bước sự mất cân đối về phát triển giữa các lĩnh vực, các vùng, miền; bảo đảm sự hài hoà về lợi ích, về quan hệ xã hội, quan tâm thích đáng đến các tầng lớp, bộ phận yếu thế trong xã hội, đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, khắc phục xu hướng gia tăng phân hóa giàu - nghèo, bảo đảm sự ổn định và phát triển xã hội bền vững.

*Hai là*, thực hiện các giải pháp, chính sách và quản lý để khắc phục từng bước sự mất cân đối về phát triển đối với từng lĩnh vực, từng vùng, bảo đảm sự hài hoà cả trong phát triển, hưởng thụ; bảo đảm cơ cấu giai tầng xã hội, dân sự, ngành nghề hợp lý.

*Ba là*, kịp thời kiểm soát và xử lý các rủi ro, mâu thuẫn, xung đột xã hội.

*Bốn là*, đẩy mạnh các giải pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội; giảm thiểu tai nạn giao thông, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người.

Về các giải pháp giải quyết tốt vấn đề quản lý phát triển xã hội bền vững, đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội. Nghị quyết chỉ ra cần quan tâm một số vấn đề cơ bản sau:

*Thứ nhất*, thực hiện tiến bộ công bằng xã hội là phải gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế với nâng cao chất lượng cuộc sống

của nhân dân, bảo đảm để nhân dân được hưởng thụ ngày một tốt hơn thành quả của công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước.

*Thứ hai*, thực hiện tốt chính sách chăm sóc người có công trên cơ sở huy động mọi nguồn lực xã hội kết hợp với nguồn lực Nhà nước; bảo đảm người có công có mức sống từ trung bình trở lên.

*Thứ ba*, giải quyết tốt lao động, việc làm và thu nhập cho người lao động, bảo đảm an sinh xã hội. Điều chỉnh chính sách dạy nghề, gắn đào tạo với sử dụng. Mở rộng đối tượng và nâng cao hiệu quả của hệ thống an sinh xã hội đến mọi người dân. Phát triển và thực hiện tốt các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động... đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia giúp đỡ người yếu thế...

*Thứ tư*, coi trọng chăm sóc sức khỏe nhân dân, công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; xây dựng gia đình hạnh phúc. Huy động các nguồn lực phát triển sự nghiệp y tế; đổi mới cơ chế tài chính gắn với nâng cao chất lượng dịch vụ y tế

Trong nghiên cứu, nhận diện và đánh giá quá trình thực hiện chủ trương của Đảng về quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, cần lưu ý về mặt lý luận và nguyên tắc, phát triển xã hội được thể hiện qua việc xây dựng và thực thi các chính sách xã hội. Còn quản lý phát triển xã hội là những hoạt động bảo đảm cho xã hội phát triển theo đúng quy luật, dựa trên hai mặt: (i) Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật; và (ii) các tổ chức xã hội thực hiện quyền làm chủ của nhân dân thông qua giám sát thực thi pháp luật và nhân dân thượng tôn pháp luật. Thực hiện được nguyên lý đó phải dựa trên nguyên tắc, quản lý phát triển xã hội phải bảo đảm công bằng, tiến bộ và bình đẳng xã hội.

Về nội dung, bản chất của quản lý phát triển xã hội là phải thật sự bảo đảm phát triển chất lượng cuộc sống của nhân dân; coi nhân dân là chủ thể phát triển xã hội và quyền làm chủ đó được tôn trọng và bảo vệ; gia đình là tế bào xã hội phải hòa thuận, cộng đồng hài hòa; môi trường xã hội an toàn, lành mạnh; con người phát triển toàn diện, có cơ hội cống hiến và hưởng thụ thành quả của sự phát triển.

Về mục tiêu quản lý phát triển xã hội phải thể hiện được tinh thần tự đổi mới, tự hoàn thiện, củng cố, phát triển; theo dõi biến đổi cơ cấu, giai tầng xã hội để điều chỉnh; tạo sự đồng thuận xã hội thông qua giải pháp đối thoại, thương lượng; dân chủ; tăng cường kỷ cương pháp luật; đề cao trách nhiệm của nhân dân là chủ thể phát triển xã hội; đây chính là nền tảng về nhận thức để Đảng và nhân dân ta thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Nhận thức đúng đắn quan điểm, chủ trương của Đảng thì khi vận dụng để đánh giá thực tiễn và đặc biệt là để giảng dạy môn học cụ thể tránh được khuynh hướng chủ quan, phiến diện và sự khiên cưỡng trong quá trình vận dụng.

### **3. VẬN DỤNG CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VỀ QUẢN LÝ XÃ HỘI BỀN VỮNG, ĐẢM BẢO TIẾN BỘ CÔNG BẰNG XÃ HỘI VÀO GIẢNG DẠY MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

#### **3.1. Vận dụng quan điểm của Đảng trong Đại hội XIII về giải quyết các vấn đề xã hội, bảo đảm thực hiện tiến bộ công bằng xã hội vào giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Trong môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt là các chương 3 (*phần tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và xây dựng CNXH ở Việt Nam*) [1, tr 92-113], vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay [1, tr.118-122], chương 4 (*phần tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước của dân, do dân vì dân,*) [1, tr. 142-167], chương 6 (*tư tưởng Hồ Chí Minh về con người*) [1, tr.241-247] và xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo Tư tưởng Hồ Chí Minh [1, tr. 248-264] và trong quá trình liên hệ thực tế hiện nay đều có thể vận dụng chủ trương của Đảng về quản lý xã hội bền vững, đảm bảo tiến bộ công bằng xã hội được Đảng đề ra tại Đại hội XIII để phân tích, liên hệ.

Chẳng hạn, trong chương 3, ở nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về *Mục tiêu về xã hội*: Phải bảo đảm dân chủ, công bằng, văn minh. Chế độ xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là chế độ “dân làm chủ”, “dân là chủ” nên theo Hồ Chí Minh, với tư cách làm chủ, là chủ của đất nước, nhân dân phải làm tròn nhiệm vụ của người chủ để xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong đó mọi người đều có quyền làm việc; có quyền nghỉ ngơi; có quyền học tập; có quyền tự do thân thể; có quyền tự do ngôn luận, báo chí, hội họp, lập hội, biểu tình; có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào; có quyền bầu cử, ứng cử. Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật. Nhà nước bảo đảm quyền tự do dân chủ cho công dân, nhưng nghiêm cấm lợi dụng các quyền tự do dân chủ để xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, của nhân dân [11, tr.377 - 378]. Những tư tưởng trên biểu hiện xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thỏa mãn để mỗi người có điều kiện cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách riêng và sở trường riêng của mình trong sự hài hòa với đời sống chung, lợi ích chung của tập thể.

Đại hội XIII của Đảng cũng đã nhấn mạnh “Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, tiến tới bao phủ toàn dân với các chính sách phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro cho người dân, bảo đảm trợ giúp cho các nhóm đối tượng yếu thế. Cải cách hệ thống bảo hiểm xã hội đa tầng dựa trên nguyên tắc đóng - hưởng, chia

sẻ - bền vững. Triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo đa chiều, bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ cơ bản. Nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới, triển khai có hiệu quả chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2020 - 2030, thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo giữa các vùng, miền, dân tộc.” [3, tr.151]

Về lợi ích của dân, Hồ Chí Minh quan tâm đến lợi ích của cả cộng đồng người và lợi ích của những con người cụ thể vì Người cho rằng đây là một trong những điểm khác nhau cơ bản giữa chủ nghĩa xã hội với những chế độ xã hội trước đó. Người nhận thấy trong xã hội chủ nghĩa mỗi người giữ một vị trí nhất định, đóng góp một phần công lao nhất định vì nhân dân lao động đã thoát khỏi bần cùng, có công ăn việc làm, có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, mỗi người có điều kiện cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách và sở trường riêng của mình [10, tr.609], nên ngay từ những ngày đầu xây dựng chế độ xã hội mới, Người đã dạy: “việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh”, “phải đặt quyền lợi của dân lên trên hết” [6, tr.50-51.]

Đại hội XIII của Đảng cũng đã nhận mạnh Đảng chủ trương: “Cải cách chính sách tiền lương theo hướng gắn với sự thay đổi của giá cả sức lao động trên thị trường, tương xứng với tốc độ tăng trưởng kinh tế, tốc độ tăng năng suất lao động, bảo đảm nguyên tắc phân phối theo lao động, tạo động lực nâng cao năng suất và hiệu quả. Chú trọng nâng cao phúc lợi xã hội, an sinh xã hội, cố gắng bảo đảm những nhu cầu cơ bản, thiết yếu của nhân dân về nhà ở, đi lại, giáo dục, y tế, việc làm...” [3, tr. 149-150]. Rõ ràng, trong chủ trương của Đảng thể hiện rõ sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh để tạo mọi điều kiện đảm bảo cuộc sống ngày càng tốt đẹp cho người dân, cho mọi đối tượng.

Trong chương 5 phần - *Đảng phải liên hệ mật thiết với nhân dân*, Đảng Cộng sản Việt Nam “không phải trên trời sa xuống. Nó ở trong xã hội mà ra” [7, tr.289]; “Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng” [7, tr.289]; “ngoài lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc, thì Đảng không có lợi ích gì khác” [7, tr.290]; “Đảng ta là một đảng cách mạng, một đảng vì dân, vì nước” [7, tr.294]. Ngay từ năm 1945, khi nước nhà vừa mới giành được độc lập, Hồ Chí Minh nêu lên một quan điểm: “Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì” [6, tr.64]. Người còn nói rõ thêm: “Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ” [6, tr.75]. Trong một bài nói chuyện ngày 10-5-1950, Hồ Chí Minh nói: “Đảng không phải làm quan, sai khiến quần chúng, mà phải làm đầy tớ cho quần chúng và phải làm cho ra trò, nếu không, quần chúng sẽ đá đi” [8, tr.367]. Từ đầu những năm 20 của thế kỷ XX,

Người viết: “Tiếng dân chính là truyền lại ý trời” [5, tr.9]. Ngay cả chức Chủ tịch nước của mình, Hồ Chí Minh cũng nói là “vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng sức làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận. Bao giờ đồng bào cho tôi lui, thì tôi rất vui lòng lui” [6, tr.187].

Đại hội XIII của Đảng cũng khẳng định việc chăm lo cho nhân dân phải được thực hiện ở tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, mọi đối tượng, cần “Phát triển thị trường lao động, hướng đến việc làm bền vững. Xác lập các nguyên tắc sử dụng và quản lý lao động phù hợp với sự phát triển của thị trường, xây dựng mối quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ” [3, tr.151] đồng thời, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đưa lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, ưu tiên đưa lao động kỹ thuật có tay nghề đi làm việc ở những thị trường có thu nhập cao, an toàn và tiếp tục phát huy nguồn lực này sau khi về nước trên cơ sở bảo đảm cơ cấu, chất lượng nguồn nhân lực trong nước. Đổi mới chính sách bảo hiểm thất nghiệp theo hướng tăng cường đào tạo và đào tạo lại cho người lao động để tham gia hiệu quả vào thị trường lao động. Chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế, nâng cao tỉ trọng lao động trong khu vực chính thức, tập trung giải quyết việc làm cho lao động khu vực phi chính thức, đặc biệt là lao động nông nghiệp chuyển đổi ngành nghề.

Xây dựng và thực thi có hiệu quả chính sách dân số và phát triển, tận dụng và phát huy lợi thế thời kỳ dân số vàng, đồng thời chuẩn bị điều kiện thích ứng với già hoá dân số, nâng cao chất lượng dân số, gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bảo đảm mức tăng dân số hợp lý và cân bằng giới tính khi sinh. Nâng cao chất lượng xây dựng và thực hiện hiệu quả các chính sách về dinh dưỡng, an toàn thực phẩm, bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khoẻ và tầm vóc người Việt Nam, bảo đảm toàn dân đều được quản lý, bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ. Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khoẻ, bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ bà mẹ, trẻ em. Đổi mới cơ chế tài chính y tế, hệ thống quản lý và cung cấp dịch vụ y tế. Phát triển nguồn nhân lực, khoa học và công nghệ y tế. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, khắc phục tình trạng quá tải bệnh viện, phát triển hình thức khám, chữa bệnh trực tuyến. Nâng cao năng lực, chủ động phòng, chống dịch bệnh gắn với đổi mới toàn diện hệ thống y tế, nhất là y tế dự phòng. Thực hiện đúng hướng, hiệu quả xã hội hoá trong lĩnh vực y tế, bảo đảm bình đẳng giữa y tế nhà nước và y tế ngoài nhà nước, xây dựng, phát triển mô hình bác sĩ gia đình, phát triển mạnh ngành công nghiệp dược và thiết bị y tế. Thực hiện tốt “Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030”. Phát triển thể dục, thể thao toàn dân để tăng cường sức khoẻ của nhân dân, làm cơ sở cho phát triển thể dục, thể thao thành tích cao. Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tệ nạn xã hội, bảo đảm an toàn giao thông, an toàn thực phẩm và thuốc chữa bệnh.” [3, tr.152]

### **3.2. Vận dụng phương hướng và giải pháp thực hiện quản lý xã hội, bảo đảm công bằng xã hội trong Nghị quyết Đại hội của Đảng lần thứ XIII vào giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Trong môn tư tưởng Hồ Chí Minh, các chương 3 (*phần tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và xây dựng CNXH ở Việt Nam*)[1, tr 92-113], *vận dụng tư tưởng Hồ chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay* [1, tr.118-122], chương 4 (*phần tư tưởng Hồ chí Minh về xây dựng nhà nước của dân, do dân vì dân,*) [1, tr. 142-167], chương 6 (*tư tưởng Hồ Chí Minh về con người*) [1, tr.241-247] và *xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh* [1, tr. 248-264] có thể đưa ra phương hướng, giải pháp, những dẫn chứng, những số liệu trong Nghị quyết Đại hội XIII để minh chứng, liên hệ, phân tích và đánh giá sự vận dụng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm giải quyết các vấn đề xã hội, bảo đảm thực hiện tiến bộ công bằng xã hội của Đảng và nhà nước ta thời kỳ đổi mới.

Trong chương 6, phần nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về Đạo đức, về yêu thương con người, sống có tình có nghĩa, theo Hồ Chí Minh, người cách mạng là người giàu tình cảm, có tình cảm cách mạng mới đi làm cách mạng. Vì yêu thương nhân dân, yêu thương con người mà sẵn sàng chấp nhận mọi gian khổ, hy sinh để đem lại độc lập cho dân tộc, tự do hạnh phúc cho con người. Tình yêu thương con người, là tình cảm rộng lớn, trước hết dành cho những người nghèo khổ, những người bị mất quyền, những người bị áp bức, bị bóc lột không phân biệt màu da, dân tộc. Người cho rằng, nếu không có tình yêu thương như vậy thì không thể nói đến cách mạng, càng không thể nói đến chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Tình thương người, yêu đồng loại, yêu đồng bào, yêu đất nước mình là tư tưởng lớn, là mục tiêu phấn đấu của Người, đã được thể hiện ở sự ham muốn tột bậc của Hồ Chí Minh “là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành” [6, tr.187]. Đây là yếu tố cốt lõi đầu tiên tạo nên nền tảng tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Đó cũng là lý tưởng chính trị, lý tưởng đạo đức và là lý tưởng nhân văn của Người.

Tình thương yêu con người theo Hồ Chí Minh phải được xây dựng trên lập trường của giai cấp công nhân, thể hiện trong các mối quan hệ hàng ngày với bạn bè, đồng chí, anh em, phải được thể hiện ở hành động cụ thể thiết thực. Nó đòi hỏi mỗi người phải chặt chẽ và nghiêm khắc với mình; rộng rãi, độ lượng và giàu lòng vị tha đối với người khác; phải có thái độ tôn trọng những quyền của con người, tạo điều kiện cho con người phát huy tài năng; nâng con người lên, kể cả những người nhất thời lầm lạc, chứ không phải là thái độ “dĩ hòa vi quý”, không phải hạ thấp, càng không phải vùi dập con người. Bằng hành động và ứng xử của mình, Hồ Chí Minh truyền lại cho chúng ta một đạo lý làm người là phải biết yêu thương và sống

với nhau có tình có nghĩa. Theo Hồ Chí Minh: “Hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin là phải sống với nhau có tình có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin được” [12, 668]. Trong *Di chúc* Người viết: “Đầu tiên là công việc đối với con người”, “Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau” [12, tr.662].

Trong điều kiện hiện nay, trước những diễn biến của tình hình thế giới mới tổng điều kiện toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trước yêu cầu của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, khi đề ra phương hướng phát triển kinh tế xã hội 5 năm (2021-2025), Đại hội XIII, chỉ rõ các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo đời sống cho nhân dân. Cụ thể:

“Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân 5 năm khoảng 6,5 - 7%.

- GDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 4.700 - 5.000 USD<sup>[1]</sup>.

- Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đạt trên 25%; kinh tế số đạt khoảng 20% GDP.

- Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt khoảng 45%.

- Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân trên 6,5%/năm.

- Tỷ lệ đô thị hoá khoảng 45%.”;

“- Tuổi thọ trung bình khoảng 74,5 tuổi, trong đó thời gian sống khoẻ mạnh đạt tối thiểu 67 năm.

- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội khoảng 25%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo là 70%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 28 - 30%.

- Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%.

- Tỷ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1 - 1,5%/năm.

- Có 10 bác sĩ và 30 giường bệnh/1 vạn dân.

- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% dân số.

- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới tối thiểu 80%, trong đó có 10% đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.” [4, tr.95-96]

Tất cả nội dung các chỉ tiêu được đề cập, từ GDP, tuổi thọ trung bình, giảm tỷ lệ nghèo, giảm tỷ lệ thất nghiệp, tỷ lệ bác sĩ, tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế..., được Đại

---

1 Theo đánh giá lại quy mô nền kinh tế của Tổng cục Thống kê, quy mô nền kinh tế năm 2019 là 332 tỉ USD, GDP bình quân đầu người là 3.442 USD/người, năm 2020 đạt 343,6 tỉ USD (khoảng 8 triệu tỉ đồng) và GDP bình quân đầu người đạt 3.521 USD. Các chỉ tiêu kinh tế tính toán cho Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 căn cứ vào số liệu đã được đánh giá lại.



hội thông qua đều thể hiện sự bao phủ các đối tượng, sự chăm lo cho nhân dân, cho mọi thành phần kinh tế. Điều này hoàn toàn phù hợp với tư tưởng Hồ Chí Minh. Người đề cao vai trò của con người, coi con người là mục tiêu của cách mạng. Con người là chiến lược số một trong tư tưởng và hành động của Hồ Chí Minh. Mục tiêu này được cụ thể hóa trong ba giai đoạn cách mạng (giải phóng dân tộc - xây dựng chế độ dân chủ nhân dân - tiến dần lên xã hội chủ nghĩa) nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

Về Phương hướng và giải pháp, Đại hội XIII khẳng định “Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về dân số gắn với xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; bảo đảm hài hoà giữa quyền và nghĩa vụ của người dân trong thực hiện chính sách dân số. Nâng cao sức khoẻ cho người dân cả về tầm vóc, thể chất, tinh thần, tuổi thọ cũng như chất lượng cuộc sống, bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ bà mẹ, trẻ em. Chăm lo phát triển về chất lượng, quy mô, cơ cấu dân số hợp lý; duy trì mức sinh thay thế bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có 2,1 con; đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, phấn đấu đến năm 2025 đạt tỉ số giới tính khi sinh dưới 109 bé trai/100 bé gái; chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hoá gia đình sang dân số và phát triển” [4, tr.136]. Đó cũng là phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số, tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng; chủ động thích ứng với xu thế già hoá dân số giai đoạn hiện nay. Đồng thời Đảng cũng chú trọng hỗ trợ thoả đáng để thu hút, tạo điều kiện cho người dân sinh sống ổn định, lâu dài ở các khu vực khó khăn, trọng yếu về an ninh, quốc phòng. Xây dựng, hoàn thiện và vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Tổ chức cung cấp dịch vụ y tế công, bảo đảm các dịch vụ cơ bản, người dân được quản lý, chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ. Tiếp tục nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, khắc phục căn bản tình trạng quá tải bệnh viện tuyến trên, phát triển mạng lưới bệnh viện vệ tinh. Khuyến khích hợp tác công - tư, đầu tư tư nhân, cung cấp các dịch vụ khám, chữa bệnh theo yêu cầu; phát triển mô hình bác sỹ gia đình. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ thông tin, công nghệ số trong khám, chữa bệnh, liên thông công nhận kết quả khám, xét nghiệm. Đổi mới mạnh mẽ tài chính y tế. Tăng cường đào tạo, đào tạo lại, luân phiên cán bộ y tế, chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới. Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ, nâng cao y đức. Thiết lập hệ thống sổ sức khoẻ điện tử đến từng người dân. “Phấn đấu đến năm 2025, trên 90% dân số được quản lý, theo dõi và chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ, tỉ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế đạt trên 80%.” [4, tr.137]

Tiếp tục sắp xếp các trung tâm, đơn vị làm nhiệm vụ y tế dự phòng cấp tỉnh và Trung ương, hình thành hệ thống trung tâm kiểm soát dịch bệnh đồng bộ ở tất cả các cấp và kết nối với mạng lưới của thế giới. Tập trung phát triển mạnh y tế cơ sở,

y tế dự phòng, sàng lọc và phát hiện sớm, chữa trị kịp thời, hiệu quả các loại dịch bệnh mới. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học y học, phát triển các ngành khoa học phục vụ bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ con người. Phát triển y học cổ truyền, gắn với y học hiện đại; nghiên cứu, kiểm nghiệm, chứng minh tác dụng của các phương thức chẩn trị, điều trị không dùng thuốc, các bài thuốc, vị thuốc y học cổ truyền. Đẩy mạnh phát triển, quản lý ngành dược và thiết bị y tế; bảo đảm thuốc đủ về số lượng, tốt về chất lượng, giá hợp lý, đáp ứng nhu cầu. Nâng cao năng lực nghiên cứu, chủ động sản xuất vắc-xin, thuốc sáng chế. Thực hiện nghiêm việc kiểm soát an toàn thực phẩm.

Đẩy mạnh tuyên truyền mục tiêu giảm nghèo sâu rộng, khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người nghèo, tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả chính sách và nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, của cộng đồng để thoát nghèo. Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Phát triển và mở rộng các loại hình nhà ở; đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê, nhà ở giá rẻ, nhà ở cho công nhân các khu công nghiệp; tạo điều kiện khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển nhà ở theo cơ chế thị trường cho các đối tượng chính sách xã hội. Phân đấu đến năm 2025, diện tích nhà ở bình quân toàn quốc khoảng 27 - 27,5 m<sup>2</sup> sàn/người. [4, tr.138]

Bổ sung và hoàn thiện chính sách ưu đãi người có công, nâng mức trợ cấp phù hợp với điều kiện kinh tế đất nước. Xử lý dứt điểm tồn đọng về xác nhận, công nhận người có công. Bảo vệ và chăm sóc người cao tuổi, phân đấu đến năm 2025 có ít nhất 20% số xã, phường đạt tiêu chí môi trường thân thiện với người cao tuổi; khuyến khích người cao tuổi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội. Phát triển hệ thống dịch vụ y tế dành cho người cao tuổi; phân đấu đến năm 2025, 95% người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế, được quản lý sức khoẻ, khám, chữa bệnh, chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung; khoảng 55% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hàng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội. Tăng cường giáo dục kiến thức, kỹ năng bảo vệ trẻ em, kiểm soát tình hình tai nạn, bạo lực với trẻ em. Tiến tới phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em dưới 5 tuổi. Tăng cường giám sát, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em. Phát triển hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em. Giảm tỉ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi xuống còn 18,5‰, dưới 1 tuổi xuống còn 12,5‰. Thực hiện chế độ dinh dưỡng hợp lý, tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi giảm xuống 20%. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách phát triển thanh niên, nhất là trong các lĩnh vực giáo dục, việc làm, văn hoá cho thanh niên. Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành với đoàn thanh niên để bảo đảm hiệu quả trong xây dựng, thực thi chính sách thanh niên.[4, tr.139]

Phát triển các dịch vụ hỗ trợ thực hiện bình đẳng giới. Coi trọng công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao trách nhiệm của chính quyền các cấp trong việc thực

hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống tệ nạn xã hội, kiểm soát ma túy, mại dâm; tăng cường công tác phòng ngừa, đẩy mạnh cai nghiện tự nguyện, giảm cai nghiện bắt buộc; hỗ trợ người sau cai nghiện, mại dâm, nạn nhân bị buôn bán trở về hoà nhập cộng đồng.

Tập trung hoàn thiện và triển khai thực hiện tốt các chính sách dân tộc trên tất cả các lĩnh vực, nhất là các chính sách đặc thù giải quyết những khó khăn của đồng bào dân tộc thiểu số. Tạo sinh kế, việc làm, định canh, định cư vững chắc cho đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, trong đó, tập trung “triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, bảo vệ và phát triển dân số các dân tộc thiểu số có dưới 10 nghìn người, đặc biệt là những dân tộc thiểu số có nguy cơ suy giảm giống nòi. [4, tr.141]

Với những nội dung như vậy, trong quá trình giảng dạy ở những phần, những bài có liên quan, giảng viên có thể dẫn chứng trực tiếp những nội dung của Đại hội lần thứ XIII củ Đảng vào bài giảng, cũng có thể gợi mở khi hướng dẫn sinh viên phần bài tập vận dụng, đưa ra trao đổi trong các tiết thuyết trình báo cáo nhóm.

#### 4. KẾT LUẬN

Hiện nay, trong khi giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng, các môn khoa học xã hội nói chung, hầu hết giảng viên đã kết hợp sử dụng phương pháp truyền thống, với việc tổ chức, hướng dẫn phương pháp học tập cho sinh viên đổi mới phương pháp giảng dạy gắn với việc thực hiện mục “con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển”[2, tr. 71]. Việc cập nhật tri thức, cập nhật các chủ trương đường lối chính sách là nhiệm vụ của người giảng viên Lý luận chính trị. Môn Tư tưởng Hồ Chí Minh với tư cách là môn học trực tiếp nghiên cứu về hệ thống tư tưởng của Người sáng lập và rèn luyện tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, do đó, việc Đảng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong các chủ trương, chính sách bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước ngày nay càng cần được cập nhật kịp thời và phù hợp. Giảng viên nắm vững nội dung các chủ trương mới, cụ thể hóa các nội dung ấy thành cơ sở lý luận quan trọng để nhận thức thực tiễn, đánh giá hiện thực và phân tích các thành tựu, hạn chế. Từ đó, rút ra những bài học kinh nghiệm và đánh giá được các giải pháp, chủ trương, biện pháp cụ thể mà Đảng đã đề ra, đánh giá quá trình Đảng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn để truyền đạt cho sinh viên. Khi sinh viên nhận thức được mức độ phù hợp giữa chủ trương của Đảng, thực tiễn thực hiện chủ trương với tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc, về chủ nghĩa xã hội, về nhà nước của Dân, do dân, vì dân, về con người... thì đó cũng là đáp ứng được một phần yêu cầu, mục tiêu môn học.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 1*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 2*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Hồ Chí Minh (2021), *Toàn tập, tập 1*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. Hồ Chí Minh (2021), *Toàn tập, tập 4*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
7. Hồ Chí Minh (2021), *Toàn tập, tập 5*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
8. Hồ Chí Minh (2021), *Toàn tập, tập 6*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
9. Hồ Chí Minh (2021), *Toàn tập, tập 8*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
10. Hồ Chí Minh (2021), *Toàn tập, tập 11*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
11. Hồ Chí Minh (2021), *Toàn tập, tập 12*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
12. Hồ Chí Minh (2021), *Toàn tập, tập 15*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

# QUÁN TRIỆT NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG VỀ TĂNG CƯỜNG XÂY DỰNG, CHÍNH ĐỐN ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

PGS.TS. Đoàn Minh Duệ<sup>[1]</sup> - Trần Thị Nga<sup>[2]</sup>

**Tóm tắt:** Bài viết tập trung vào các vấn đề chính như sau: (1) Những nội dung căn bản về xây dựng, chính đốn Đảng và hệ thống chính trị trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng; (2) Kỳ vọng của cán bộ đảng viên, nhân dân và những sáng kiến góp phần để tiếp tục xây dựng Đảng dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội XIII trong tình hình mới.

**Từ khóa:** Đại hội XIII; xây dựng Đảng; chính đốn Đảng; hệ thống chính trị.

## 1. Đặt vấn đề

Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam với tinh thần “Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Sáng tạo - Phát triển” đã thành công tốt đẹp. Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam có ý nghĩa định hướng và tầm nhìn chiến lược cho tương lai, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện và đồng bộ công cuộc đổi mới, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế và phát triển đất nước nhanh, bền vững hơn. Điểm nhấn quan trọng trong các văn kiện thông qua tại Đại hội XIII lần này là xác định tầm nhìn chiến lược và khát vọng phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Để hiện thực hóa được khát vọng và tầm nhìn ấy trong thực tiễn, một trong những nhân tố quan trọng hàng đầu và quyết định là vấn đề xây dựng Đảng đã được Văn kiện Đại hội XIII khẳng định: “*Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chính đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị*

---

1 Trường Đại học Vinh

2 K28 Chính trị học

*trong sạch, vững mạnh*". Kết quả của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng các nhiệm kỳ qua và nhiệm kỳ Đại hội XII đã góp phần rất quan trọng để đất nước ta khẳng định vị thế trong khu vực và trên trường quốc tế. Trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta đã ban hành nhiều nghị quyết về xây dựng, chỉnh đốn Đảng nhằm đáp ứng những vấn đề bức thiết thực tiễn đặt ra. Nội dung xây dựng, chỉnh đốn Đảng được thực hiện toàn diện, đồng bộ về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, những hạn chế trong công tác xây dựng Đảng là không nhỏ, ảnh hưởng rất lớn đến năng lực và sức chiến đấu của Đảng trước yêu cầu nhiệm vụ phát triển bền vững đất nước, hiện thực hóa khát vọng đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Vì vậy, xây dựng, chỉnh đốn Đảng luôn là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng được Đảng đề cập một cách thường xuyên và toàn diện. Nhiệm vụ quan trọng, then chốt ấy liên quan đến sự tồn vong của Đảng và sự sống còn của chế độ.

## **2. Nội dung**

### **2.1. Những nội dung căn bản về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng**

#### **2.1.1. Tầm quan trọng, mối quan hệ giữa xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị**

Tiếp tục truyền thống và kế thừa tinh thần của các đại hội trước đó, Đại hội XIII của Đảng đặc biệt coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. *Tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng được thể hiện rõ cả trong chủ đề, bài học kinh nghiệm, quan điểm, mục tiêu và định hướng phát triển.*

*Thứ nhất*, cần nắm vững được vấn đề xây dựng Đảng được thể hiện trong Chủ đề Đại hội XIII là: "Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh". Rõ ràng, điểm mới ở đây là đã bổ sung "xây dựng hệ thống chính trị" cùng với xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh và không chỉ đề cập đến xây dựng Đảng, mà còn nhấn mạnh cả đến chỉnh đốn Đảng.

Trên cơ sở tổng kết, đánh giá toàn diện, sâu sắc công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong nhiệm kỳ Đại hội XII và căn cứ tình hình thực tiễn, nhất là về công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ hiện nay, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã đặc biệt chú trọng công tác xây dựng Đảng và chỉ rõ: "*Trong những năm tới, phải đặc biệt coi trọng và đẩy mạnh hơn nữa xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ*"<sup>[1]</sup>.

*Thứ hai*, cần hiểu sâu sắc về mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại lẫn nhau giữa xây dựng Đảng và xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Trong

---

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 2, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.229.

đó, xây dựng, chỉnh đốn Đảng có vai trò hạt nhân, quan trọng vì Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng muốn vững mạnh và thể hiện được vai trò lãnh đạo toàn diện của mình thì Nhà nước cũng phải được xây dựng vững mạnh, liêm chính, vì Nhà nước chính là người thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, đưa các quyết sách lãnh đạo của Đảng thành chính sách, pháp luật, chương trình, kế hoạch cụ thể, sát hợp với thực tiễn phát triển đất nước. Đảng và Nhà nước chỉ vững mạnh, hoàn thành được nhiệm vụ của mình khi và chỉ khi có Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phát huy hết vai trò, trách nhiệm, cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành hành động thực tế của nhân dân, thể hiện quyền làm chủ của nhân dân và bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh còn *giúp cho Đảng có được mối quan hệ mật thiết với nhân dân, khơi dậy tiềm năng sáng tạo, khát vọng phát triển vì một Việt Nam hùng cường, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, khuyến khích, động viên nhân dân tích cực tham gia xây dựng Đảng và Nhà nước; đáp ứng ngày càng tốt hơn sự kỳ vọng, xứng đáng với sự gửi gắm niềm tin của nhân dân.*

Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh là yêu cầu quan trọng, nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền của Đảng, góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tính đồng bộ, sự phù hợp giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, đưa nước ta phát triển nhanh, bền vững. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, do vậy, là nhân tố quyết định tạo nên những thắng lợi, thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới ở Việt Nam trong suốt chặng đường lịch sử vẻ vang, đặc biệt trong 35 năm qua.

### ***2.1.2. Nhận diện những kết quả và xác định nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị trong tình hình mới***

*Những thành công đạt được về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị.* Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong nhiệm kỳ Đại hội XII đã đạt được kết quả nổi bật như: Đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; sắp xếp tổ chức bộ máy, sáp nhập đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và tinh giản biên chế của hệ thống chính trị; đổi mới công tác cán bộ và ngăn chặn tình trạng chạy chức, chạy quyền; tăng cường kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, xử lý nghiêm những tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên vi phạm, không có vùng cấm, không có ngoại lệ. Kết quả của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng các nhiệm kỳ vừa qua và nhiệm kỳ Đại hội XII đã góp phần rất quan trọng để đất nước ta có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay. Đảng ta đoàn kết, thống nhất và trong sạch, vững mạnh hơn;

niềm tin của nhân dân đối với Đảng được củng cố, tăng cường hơn, tạo nền tảng vững chắc đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững trong những năm tới.

*Những điểm nghẽn - tồn tại hạn chế về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị.* Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, khuyết điểm của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị.

*Thứ nhất*, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị nói chung vẫn còn nhiều hạn chế cần khắc phục.

*Thứ hai*, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước nói riêng và hệ thống chính trị nói chung còn nhiều bất cập, chậm được đổi mới.

*Thứ ba*, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên vẫn chưa thực sự được đẩy lùi, còn có những biểu hiện, diễn biến phức tạp

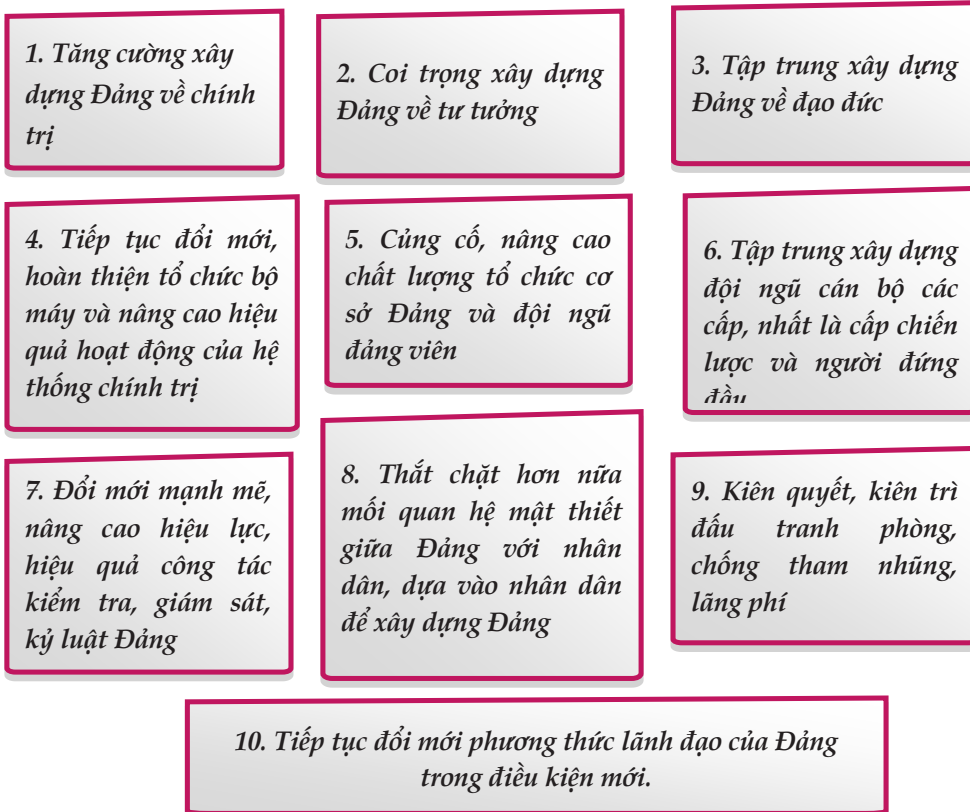
*Thứ tư*, chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng còn những hạn chế.

### ***2.1.3. Nhiệm vụ, giải pháp cơ bản về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị trong tình hình mới***

Các văn kiện của Đảng tại Đại hội XIII đã chỉ rõ: Trong những năm tới, tình hình thế giới, khu vực tiếp tục có những diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo. Sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta vẫn đứng trước nhiều khó khăn, thách thức: Bốn nguy cơ mà Đảng đã chỉ ra vẫn đang tồn tại, có mặt gay gắt hơn; tình trạng suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ và sự chống, phá ngày càng quyết liệt của các thế lực thù địch, các vấn đề an ninh phi truyền thống và biến đổi khí hậu... sẽ tác động mạnh, nhiều chiều đến công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Văn kiện Đại hội XIII xác định nhiệm vụ trọng tâm thứ nhất về xây dựng Đảng gồm 6 nội dung quan trọng là: (1) *Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh;* (2) *Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng.* (3) *Xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;* (4) *Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ;* (5) *Xây dựng đội ngũ đảng viên và cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ;* (6) *Củng cố lòng tin, sự gắn bó của nhân dân với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.*

Để thực hiện phương hướng và nhiệm vụ trọng tâm nêu trên, Đại hội XIII đã đề ra 10 nhóm nhiệm vụ, giải pháp, trong đó xác định 3 nhiệm vụ trọng tâm, 3 giải pháp đột phá về công tác xây dựng Đảng để thực hiện.





### **Nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp đột phá**

Cùng với việc thực hiện toàn diện, đồng bộ các nhóm nhiệm vụ, giải pháp nêu trên, cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả ba nhiệm vụ trọng tâm và ba giải pháp đột phá sau:

#### **Ba nhiệm vụ trọng tâm là:**

(1) Đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ gắn với đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ đảng viên.

(2) Đổi mới mạnh mẽ và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cán bộ; tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, người đứng đầu các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

(3) Tiếp tục đổi mới, kiện toàn và từng bước hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động gắn với nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

#### **Ba giải pháp đột phá là:**

(1) Tiếp tục hoàn thiện thể chế về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, nhất là công tác tổ chức, cán bộ.

(2) Phát huy dân chủ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương đi đôi với tạo môi trường đổi mới sáng tạo trong công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ.

(3) Kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, quan liêu; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát và kiểm soát chặt chẽ quyền lực.

Đại hội XIII đã đề ra định hướng *"Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức của hệ thống chính trị. Tổng kết các mô hình thí điểm... Đẩy mạnh thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm"<sup>[1]</sup>*, một số nội dung chủ yếu cần tập trung, đó là:

Về tổ chức bộ máy, tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đồng bộ với đổi mới kinh tế, đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị; đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị ở Trung ương theo lộ trình; các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và nghiên cứu triển khai thực hiện ở cấp tỉnh phù hợp với quy hoạch tổng thể các đơn vị hành chính các cấp. Đẩy mạnh sắp xếp, tinh gọn các đơn vị sự nghiệp công lập và xã hội hoá các dịch vụ công ở những nơi có đủ điều kiện. Khẩn trương sơ kết, tổng kết những mô hình thí điểm và nhân rộng những mô hình mới có hiệu quả; đánh giá, hoàn thiện mô hình tổ chức đảng theo ngành, lĩnh vực và những nơi có đặc điểm riêng.

Về tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: cần tiếp tục kiên trì thực hiện Nghị quyết 18, 19<sup>[2]</sup> để sàng lọc, tinh giản, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm; đi đôi với việc nâng cao chất lượng đội ngũ, thu hút, sử dụng người có đức, có tài; đồng bộ với việc thực hiện cải cách chính sách tiền lương.

**2.2. Kỳ vọng của cán bộ đảng viên, nhân dân và những sáng kiến góp phần để tiếp tục xây dựng Đảng dưới ánh sáng Văn kiện Đại hội XIII trong tình hình mới**

### **2.2.1. Kỳ vọng của cán bộ đảng viên, nhân dân đối với công tác xây dựng Đảng**

Có thể nói, ý Đảng là lòng dân đã được thể hiện sáng rõ trong các Văn kiện được thông qua tại Đại hội 13 của Đảng. Các ý kiến hay kỳ vọng của cán bộ đảng viên, nhân dân đối với Đại hội XIII của Đảng là sự gửi gắm niềm tin yêu đối với Đảng và Nhà nước, thể hiện sự tin tưởng, tự hào và khát khao cháy bỏng vì một Việt Nam thịnh vượng từng bước trong hiện tại và hoàn thiện dần trong tương lai dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng.

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tập 2, tr.185.

2 Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

Qua tổng kết nhiều bài viết nghiên cứu và trao đổi từ thực tiễn các đơn vị, địa phương về ý kiến phấn khởi và kỳ vọng của cán bộ đảng viên, nhân dân về các Văn kiện Đại hội XIII của Đảng được thể hiện trên nhiều phương diện như:

*Thứ nhất*, nhân dân tin tưởng và kỳ vọng về sự hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước - Phát triển bền vững với các cơ sở khoa học và những minh chứng hùng hồn, được kiểm chứng bằng thành tựu đất nước đạt được trong các giai đoạn qua, đặc biệt trong 35 năm đổi mới. Nếu công tác xây dựng Đảng theo tinh thần Văn kiện Đại hội XIII được triển khai một cách hiệu quả vào thực tiễn sẽ làm cho Đảng tiếp tục trong sạch, vững mạnh và nhất định tăng cường được niềm tin vững chắc của nhân dân.

*Thứ hai*, kỳ vọng về sự tập trung hoàn thiện thể chế xã hội chủ nghĩa để phát triển đất nước đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nhân dân mong muốn cần phải thực sự phát huy cao độ được mang lơi nhiều tầng *Lực lượng và trách nhiệm* từ các đảng viên, tổ chức cơ sở đảng đến các đảng bộ và nhân dân với các lực lượng toan xa hội trong thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

*Thứ ba*, tập trung Định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 của đất nước phải khơi dậy được tinh thần yêu nước, niềm tự hào, tự tôn dân tộc, tài năng, tri tuệ, phẩm chất và bản lĩnh của con người Việt Nam...; về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, cần đề ra biện pháp nêu cao thực hiện trách nhiệm nêu gương trước Đảng, trước Quốc hội và trước Nhân dân; cần chú ý sự chịu trách nhiệm cụ thể, cơ chế trách nhiệm ngày càng được quy định rõ.

*Thứ tư*, nhân dân mong muốn trong Xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 cần được sớm cụ thể hóa, nhấn mạnh vào sự phát triển nhanh và bền vững dựa vào thành tựu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xác định các giai đoạn cụ thể để xây dựng Nhà nước chịu trách nhiệm với cơ chế chịu trách nhiệm của Nhà nước trước nhân dân và xã hội.

Nhân dân kỳ vọng sẽ có nhiều phương thức để nhân dân tham gia vào quá trình xây dựng Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội ngày càng vững mạnh. Cần có nhiều biện pháp căn cơ hơn nữa để thực dậy tinh thần trách nhiệm, chu đồng trong các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực an ninh, quốc phòng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đồng thời, cần bộ sung giai pháp tăng cường hiệu quả qua khâu luật, hoàn thiện pháp luật theo hướng tinh gọn, hướng dân thực hiện luật cụ thể và sát thực tiễn; kết hợp chu trong đây mạnh tuyên truyền và áp dụng pháp luật vào cuộc sống nhằm xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN thành công.

*Thứ năm*, trước các vấn đề khó khăn, thách thức trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị thì cần tiếp tục thẳng thắn xác định các nguyên nhân cụ thể để có cơ sở khoa học, toàn diện giải quyết một cách hiệu quả nhất. Từ đó, sẽ rút ra các bài học kinh nghiệm quan trọng cho quá trình xây dựng Đảng.

*Thứ sáu*, nhiều kỳ vọng của cán bộ đảng viên, nhân dân quan tâm đến khâu đột phá quan trọng của Đại hội XIII là đột phá trong đổi mới tầm nhìn, năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; năng lực dự báo và ứng phó tình hình, nhất là trong điều kiện biến đổi khí hậu toàn cầu, ô nhiễm môi trường và tình hình dịch bệnh phức tạp; nâng tầm đạo đức và trí tuệ của Đảng trong giai đoạn mới trong hoạch định đường lối, chiến lược phát triển góp phần cho sự phát triển vững chắc của đất nước trên tất cả các lĩnh vực, hội nhập sâu rộng và thành công trên trường quốc tế.

### **2.2.2. Một số sáng kiến góp phần để tiếp tục xây dựng Đảng dưới ánh sáng Văn kiện Đại hội XIII trong tình hình mới**

Việt Nam đang có những thời cơ mới, vận hội mới, nhưng khó khăn, thách thức cũng vô cùng lớn trong quá trình phát triển đất nước và hội nhập quốc tế. Do đó, để Đảng giữ vững vai trò lãnh đạo, đáp ứng được kỳ vọng của nhân dân cũng như nâng tầm lãnh đạo thì công tác đổi mới, xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải thực hiện thường xuyên, khoa học và bám sát sự biến chuyển của thực tiễn. Có thể gợi mở một số sáng kiến sau:

*Thứ nhất*, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên. Kiên quyết, kiên trì đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII, XIII) gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, nhằm tạo sự chuyển biến rõ nét hơn, sâu sắc hơn, toàn diện hơn trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

*Thứ hai*, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương, nêu gương, bảo đảm nói đi đôi với làm. Nâng cao tính trách nhiệm và sự chịu trách nhiệm của cán bộ đảng viên trước nhân dân.

*Thứ ba*, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng công tác xây dựng Đảng mà trọng tâm là công tác tổ chức - cán bộ. Các cấp ủy đảng phải chọn đúng người, bố trí đúng việc, đúng lúc, đánh giá đúng thực chất và ngày càng hoàn thiện chính sách bảo đảm vật chất, động viên tinh thần hợp lý. Vấn đề cán bộ là yếu tố cốt tử cho sự lãnh đạo để phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay.

*Thứ tư*, tăng cường đẩy mạnh sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị, các ngành trong nhận diện, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, lệch lạc, xuyên tạc sự lãnh đạo của Đảng, ngăn ngừa thoái hóa, biến chất, “phai màu”, “đổi màu” trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đặc biệt phải chú trọng sức mạnh thống nhất, tổng hợp để đảm bảo tính hiệu quả của sự phối hợp.

*Thứ năm*, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý báo chí, mạng xã hội, nhằm tạo ra môi trường thông tin trong sạch, lành mạnh. Đồng thời phải tạo lập một môi trường giàu tính Đảng, trong đó đề cao các giá trị chuẩn mực theo tư tưởng, đạo

đức, phong cách Hồ Chí Minh: Kiên định, kỷ cương, đoàn kết, nêu gương, sáng tạo; hoàn thiện hệ thống chính sách tạo động lực để khuyến khích và phát huy trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu. Cần chú trọng thực hiện các quy định nêu gương một cách nghiêm túc, thường xuyên.

*Thứ sáu*, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng, bảo đảm tính nghiêm minh và giáo dục cán bộ, đảng viên luôn giữ vững bản lĩnh chính trị vững vàng, không dao động trước những cám dỗ, khó khăn và thử thách. Kết hợp với nêu cao tính tự giác của cán bộ, đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ để đảm bảo sức mạnh thực sự, đoàn kết trong Đảng.

### **3. Kết luận**

Để đáp ứng được sự gửi gắm niềm tin của nhân dân, Đảng phải thường xuyên tự chỉnh đốn, tự khắc phục sai lầm, hạn chế, khuyết điểm, phải thật sự là đảng chân chính, cách mạng, mạnh dạn thực hiện tự phê bình và phê bình, thành tâm học hỏi quần chúng nhân dân, dựa vào nhân dân để cùng xây dựng, chỉnh đốn, bảo vệ, phát triển Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh, đưa đất nước ta phát triển nhanh, bền vững, sớm đạt được mục tiêu trở thành nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI.

Trong bối cảnh mới, với những thời cơ và những thách thức không nhỏ đặt ra những yêu cầu cao đối với sự lãnh đạo của Đảng, đòi hỏi phải không ngừng tăng cường xây dựng Đảng toàn diện. Đội ngũ cán bộ đảng viên và nhân dân đặt niềm tin mạnh mẽ vào sự lãnh đạo của Đảng và tích cực hành động để hiện thực hóa Nghị quyết Đại hội XIII vào thực tiễn. Đồng thời kiên trì và nỗ lực không ngừng để góp một phần nhỏ trong việc xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh, thực hiện được khát vọng đất nước Việt Nam phồn vinh hạnh phúc.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 2, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[3]. Hồ Chí Minh: Toàn tập (2011), NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[4]. Trương Thị Mai, [https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/media-story/-/asset\\_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/nhung-nhan-thuc-moi-va-dinh-huong-cua-dai-hoi-dang-lan-thu-xiii-ve-cong-tac-to-chuc-xay-dung-dang](https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/nhung-nhan-thuc-moi-va-dinh-huong-cua-dai-hoi-dang-lan-thu-xiii-ve-cong-tac-to-chuc-xay-dung-dang).

[5]. Hoa Hiền, <https://daihoi13.dangcongsan.vn/tin-moi/nhung-diem-moi-va-nhung-nhiem-vu-trong-tam-cong-tac-xay-dung-dang-5278>.

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRIẾT HỌC TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG

TS. Trương Thị Phương Thảo<sup>[1]</sup>

**Tóm tắt:** Đại hội XIII của Đảng trên cơ sở tổng kết thực tiễn 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới mà trực tiếp là 5 năm thực hiện nghị quyết Đại hội XII đã bổ sung, hoàn thiện đường lối đổi mới của Đảng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Do vậy, trong quá trình giảng dạy các môn lý luận chính trị, trong đó có giảng dạy triết học cần quán triệt và vận dụng vào bài giảng những nội dung mới này.

**Từ khóa:** Đại hội XIII của Đảng, triết học, nội dung triết học trong Đại hội XIII...

**1. Đặt vấn đề:** Yêu cầu tiên quyết đặt ra đối với nhận thức và hành động của Đảng ta hiện nay đó là phải gắn lý luận và thực tiễn. Bằng việc thường xuyên tổng kết thực tiễn, trên cơ sở đó điều chỉnh, đổi mới chủ trương, đường lối phát triển đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam đã và đang tích cực bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong thực tiễn. Có thể thấy rõ điều này trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng. Theo đó, những quan điểm có tính chất phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung và triết học Mác - Lênin nói riêng thấm đượm trong Văn kiện Đại hội XIII.

**2. Nội dung nghiên cứu:** Phân tích mỗi nội dung của văn kiện đều thấy rõ tinh thần khách quan, thực tiễn, toàn diện, phát triển, lịch sử - cụ thể. Từ những nguyên tắc ấy, những nội dung cốt lõi của triết học Mác - Lênin cũng được làm rõ trong điều kiện đất nước và quốc tế hiện tại.

---

1 Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Vinh

### ***Thứ nhất, vấn đề con đường phát triển***

Tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, đánh giá tổng quát tiến trình đổi mới đất nước, phân tích căn cứ những thành tựu và hạn chế trong quá trình thực hiện, Đảng đánh giá trong nhiệm kỳ Đại hội XIII, chúng ta đã “*đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, khá toàn diện, tạo nhiều dấu ấn nổi bật*”<sup>[1]</sup>; Nhìn lại 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, văn kiện nêu rõ: “*Đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới*”<sup>[2]</sup>; Đảng cũng khẳng định quan điểm chỉ đạo: “*Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.*”<sup>[3]</sup>

Như vậy, con đường phát triển của đất nước là tiếp tục phát triển nhanh, bền vững lên chủ nghĩa xã hội. Như đã được xác định, con đường đó sẽ không kinh qua chế độ tư bản chủ nghĩa với tất cả những thăng trầm, khủng hoảng, phân hóa, chiến tranh... như thực tế đã diễn ra trong 500 năm lịch sử của chủ nghĩa tư bản, nhưng sự phát triển đó cũng không “đốt cháy giai đoạn” - bỏ qua sản xuất hàng hóa, cơ chế thị trường, kinh tế nhiều thành phần như sự ấu trĩ một thời. Cái chúng ta “bỏ qua” là bỏ qua *chế độ chính trị* tư bản chủ nghĩa, chế độ chính trị mặc dù “tự điều chỉnh” rất nhiều vẫn bao chứa mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất ở trình độ rất cao với quan hệ sản xuất dựa trên chiếm hữu tư nhân chủ yếu của các nhà tư sản; chúng ta bỏ qua sự thống trị của *nhà nước tư sản* bởi cùng với một số thành tựu đáng kể trong quản lý xã hội, nhà nước này vẫn cổ vũ và bảo hộ cho chiến tranh, nuôi dưỡng và làm sâu sắc thêm xung đột ở nhiều nơi trên thế giới, miễn không phải ở ch nh nước họ; chúng ta bỏ qua *hệ tư tưởng tư sản* với tư cách là hệ tư tưởng thống trị trong kiến trúc thượng tầng, vì bất chấp một số chủ trương có tính chất nhân văn, nhân đạo, hệ tư tưởng đó vẫn bảo vệ cho vai trò thống trị của bộ phận người giàu có trong xã hội, bảo vệ sự bất bình đẳng giữa người và người.

Sự phát triển “bỏ qua” này cũng là sự lựa chọn của lịch sử dân tộc, khi toàn thể nhân dân Việt Nam tận mắt chứng kiến sự tàn độc của chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc, biết bao người đã ngã xuống trong các cuộc chiến tranh bảo vệ độc lập và sự phát triển tiến bộ của dân tộc. Mặt khác, sự phát triển “bỏ qua” của đất nước hiện nay đã có những *tiền đề vật chất* rất quan trọng để nó không trở thành

---

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện đại hội đại biểu lần thứ XIII*, tập 1, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr.57-205.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.77.

3 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.103.

chủ quan duy ý chí, những tiền đề đó là: “Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục phát triển; kinh tế vĩ mô ổn định, vững chắc hơn,... tốc độ tăng trưởng duy trì mức khá cao; quy mô và tiềm lực nền kinh tế tăng lên”<sup>[1]</sup>; “Đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt”<sup>[2]</sup>.

Như vậy, “... con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại”<sup>[3]</sup>. Việc không trải qua chế độ tư bản trong quá trình phát triển đòi hỏi phải nỗ lực phát triển lực lượng sản xuất, nhằm lấp đầy khoảng trống vật chất, kinh tế mà chúng ta còn đang thiếu hụt do không qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa. Chính vì vậy, phát triển lực lượng sản xuất là nhiệm vụ trọng yếu của công cuộc xây dựng đất nước hiện nay.

### ***Thứ hai, vấn đề xây dựng lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất***

Mô hình phát triển nền kinh tế của đất nước hiện tại là *nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*, “Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế”<sup>[4]</sup>.

Hiện nay, “sự tồn tại nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế” là một tất yếu, bởi những điều kiện khách quan của nền sản xuất xã hội vẫn đang đòi hỏi phải tồn tại nhiều thành phần kinh tế. Điều kiện khách quan đó là gì? Chính là thực trạng *trình độ không đồng đều* của lực lượng sản xuất của đất nước. Trong lực lượng sản xuất nước ta hiện tại có sự hiện diện, sự đan xen của nhiều trình độ lực lượng sản xuất từ thấp đến cao: cùng với những trình độ hiện đại, tự động hóa của công cụ, gắn liền với trình độ cao của người lao động ở nhiều bộ phận của nền kinh tế, vẫn có những công cụ lao động hết sức thô sơ và những người lao động làm việc theo tập quán từ nhiều đời; bên cạnh nhiều công cụ lao động đã được cơ khí hóa vẫn còn không ít công cụ thủ công, lạc hậu..., thực tế đó đặt ra nhu cầu phải có những hình thức sở hữu và những quan hệ sản xuất phù hợp.

Việc thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần, xét về bản chất, chính là *tạo ra nhiều kiểu quan hệ sản xuất, nhiều hình thức sở hữu phù hợp với mỗi trình độ của lực lượng sản xuất*. Các thành phần kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác xã, kinh tế tư nhân... với các hình thức sở hữu hết sức đa dạng có thể bao quát được mọi trình độ của lực lượng sản xuất, sự phù hợp của hình thức sở hữu với trình độ của lực lượng sản xuất sẽ đóng vai trò then chốt nhất làm nên sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

---

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.59.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.104.

3 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.104.

4 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.129.



Việc thực hiện cơ chế thị trường cũng chính là tạo ra *những cách thức tổ chức, phân công lao động và phân phối phù hợp* với trình độ của lực lượng sản xuất hiện tại: “Thị trường đóng vai trò quyết định trong xác định giá cả hàng hóa, dịch vụ; tạo động lực huy động, phân bổ hiệu quả các nguồn lực; điều tiết sản xuất và lưu thông; điều tiết hoạt động của doanh nghiệp, thanh lọc những doanh nghiệp yếu kém”<sup>[1]</sup>. Cơ chế thị trường tạo ra sự phân công dựa trên những *yếu tố vốn có về chuyên môn, về tư liệu sản xuất, về khả năng tham gia thị trường lao động của mỗi chủ thể sản xuất*. Với sự điều tiết khách quan của mình, cơ chế thị trường chắc chắn sẽ “tổ chức”, “phân công” các chủ thể nền kinh tế theo phương châm “ai giỏi nghề gì thì làm nghề đó” và chỉ có như vậy mới phát huy được khả năng của mỗi người lao động. Trong cơ chế thị trường, phương thức phân phối chủ đạo là theo công sức lao động, theo hiệu quả sản xuất kinh doanh, nghĩa là về cơ bản thực hiện *phân phối theo lao động*. Bên cạnh đó, phân phối còn dựa trên mức vốn góp của các chủ thể, điều không thể thiếu trong thời kỳ quá độ hiện nay. Từ thực tế việc thực hiện cơ chế thị trường còn lúng túng, một số loại thị trường, phương thức giao dịch thị trường hiện đại chậm hình thành và phát triển, vận hành còn nhiều vướng mắc, chưa hiệu quả...<sup>[2]</sup>, Đảng chủ trương hoàn thiện đồng bộ cơ chế thị trường, tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn<sup>[3]</sup> đảm bảo cho nền kinh tế được vận hành thông suốt.

Như vậy, thực hiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều thành phần kinh tế chủ yếu là để tiếp tục tạo ra “quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất”, nhằm tạo điều kiện cho lực lượng sản xuất phát triển. Có một vài quan điểm không nhất trí với chủ trương này của Đảng, đòi hỏi phải xác định dứt khoát chế độ sở hữu công cộng để đảm bảo không xa rời tính chất xã hội chủ nghĩa của chế độ. Nhưng chúng ta biết rằng thực tiễn là nơi kiểm nghiệm đúng sai của tri thức, kiểm nghiệm chân lý, sự phát triển của lực lượng sản xuất nước ta trong những năm đổi mới, kể cả những năm gần đây trong điều kiện kinh tế thế giới khó khăn, khủng hoảng, dịch bệnh là câu trả lời cho những ý kiến còn đang phân vân, nghi ngờ.

### **Thứ ba, vấn đề xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa**

Bắt đầu từ Đại hội VIII, vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được xác định một cách chính thức và quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã có những thành tựu không nhỏ. Những nghi ngờ trước đó về mô hình “nhà nước pháp quyền” và về sự kết hợp liệu có khiên cưỡng giữa mô hình nhà nước pháp quyền và tính chất xã hội chủ nghĩa của nhà

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.131.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.81.

3 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.132.

nước ta đều đã dần dần bị phá tan, được lý giải bằng những nghiên cứu lý luận nghiêm túc. Thực tiễn cho thấy xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là một nội dung tất yếu, không thể khác trong thời điểm hiện nay và có lẽ còn khá lâu dài, khi chủ nghĩa xã hội còn tồn tại ở Việt Nam. Đại hội XIII của Đảng xác định xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị.<sup>[1]</sup>

Đảng cũng chỉ rõ, vấn đề thực tế đang đặt ra hiện nay là nhà nước có mặt chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quản lý đất nước trong tình hình mới, cụ thể là: “Cơ chế kiểm soát quyền lực chưa hoàn thiện; vai trò giám sát của nhân dân chưa được phát huy mạnh mẽ”<sup>[2]</sup>, “Chấp hành pháp luật nhìn chung chưa nghiêm; kỷ cương phép nước có nơi, có lúc còn bị xem nhẹ...”<sup>[3]</sup>. Từ đó, các chủ trương: “Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của nhà nước. Xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp... có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước”<sup>[4]</sup>; “Xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch”<sup>[5]</sup> trên cơ sở quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân rõ ràng là những chủ trương đáp ứng *trúng* những nhu cầu bức thiết nhất trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay ở nước ta.

### ***Thứ tư, vấn đề con người***

Những chủ trương, định hướng phát triển đất nước trong mọi lĩnh vực đều phục vụ một mục đích duy nhất, đó là cuộc sống hạnh phúc của nhân dân. Một trong năm *Bài học kinh nghiệm* thực hiện Nghị quyết Đại hội XII được Đảng ta xác định: “Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ yêu cầu, nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân;... lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu”<sup>[6]</sup>

Trong lịch sử dân tộc, tư tưởng *vì dân, lấy dân làm gốc* là một giá trị xuyên suốt các thời kỳ phát triển. Giá trị đó được biểu hiện cụ thể trong từng thời kỳ, qua tư tưởng của nhiều nhà văn hóa của đất nước thành những quan niệm cụ thể như *gần dân, đồng cảm với dân, biết ơn nhân dân, chăm lo cho nhân dân, làm cho dân giàu để nước*

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.174.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.89.

3 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.89.

4 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.174 - 175.

5 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.176, tr.96 -97.

6 Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội XII*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.69.

*mạnh* v.v... Giá trị truyền thống đó được đúc kết cô đọng trong nhiều câu nói, bài viết và hành động thực tế của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân”<sup>[1]</sup>; “việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh”<sup>[2]</sup>...

Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới đã và đang không ngừng chăm lo, củng cố mối liên hệ giữa Đảng và nhân dân. Tại Đại hội Đổi mới 1986, trong *Bài học kinh nghiệm*, Đảng ta xác định tư tưởng “*lấy dân làm gốc*”; ở các kỳ đại hội tiếp theo, tư tưởng đó tiếp tục được bổ sung và phát triển trong các điều kiện cụ thể; Đến Đại hội XII, khi khái quát 30 năm đổi mới, Đảng tiếp tục khẳng định bài học kinh nghiệm là: “*đổi mới phải luôn luôn quán triệt quan điểm “dân là gốc”, vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân...*”<sup>[3]</sup>. Trong tổ chức thực hiện, theo thời gian, tư tưởng của Đảng được cụ thể hóa thành các phương châm: “*dân biết, dân bàn, dân làm*”; “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*”; “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát*”; Tại Đại hội XIII, cụm từ “*dân thụ hưởng*” được bổ sung vào phương châm đó, thành: “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”, đây là sự phát triển gần như hoàn thiện chủ trương vì dân của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Những thành quả lớn lao trong sự nghiệp xây dựng “*dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh*”, cuộc sống ngày càng sung túc về vật chất và tiến bộ về tinh thần của phần lớn nhân dân khiến chúng ta có niềm tin vào tiền đồ tươi sáng của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tuy nhiên, trong thực tế, đây đó vẫn còn những quan niệm chưa đúng, những việc làm chưa vì dân, những vụ, việc xâm phạm đến quyền và lợi ích của nhân dân. Đại hội XIII nhìn thẳng vào sự thật đó, có thể thấy hầu như nhận định của Đảng về những hạn chế trong các lĩnh vực đều được quy về chất lượng phục vụ người dân, đảm bảo dân chủ xã hội, thực hiện các quyền chính đáng, hợp pháp của mọi tầng lớp nhân dân. Chẳng hạn, Đảng chỉ ra hạn chế của lĩnh vực Quản lý phát triển xã hội là giảm nghèo chưa bền vững, chính sách tiền lương, thu nhập, phúc lợi xã hội, thụ hưởng của người dân chưa hài hòa<sup>[4]</sup>; trong phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân cũng có tình trạng chưa thực sự tôn trọng ý kiến, kiến nghị của nhân dân và giải quyết kịp thời các quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, quyền làm chủ của nhân dân có lúc, có nơi còn bị vi phạm, còn biểu hiện dân chủ

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 8, NXB CTQG, Hà Nội, 1995, tr.276.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tập 4, tr.56 -57.

3 Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Sđd*, tr.69.

4 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.85 - 86.

hình thức...<sup>[1]</sup>; trong hoạt động của bộ máy Đảng và Nhà nước còn tình trạng những nhiều, tiêu cực, tham nhũng, lãng phí gây bức xúc xã hội<sup>[2]</sup>.v.v..

Trong các quan điểm chỉ đạo, trong các định hướng lớn cho nhiệm kỳ XIII và những thời kỳ tiếp theo, vai trò trung tâm, chủ thể của nhân dân được xác định với quyết tâm chính trị cao, với những nội dung thiết thực. Theo đó, quan điểm chỉ đạo của Đảng là: "... phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam, bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực..."<sup>[3]</sup>; Trong Định hướng phát triển đất nước, Đảng xác định phát triển con người toàn diện, trở thành sức mạnh nội sinh, động lực để phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc<sup>[4]</sup>; Quản lý xã hội phải "bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội... quan tâm đến mọi người dân, bảo đảm chính sách lao động, việc làm, thu nhập, thực hiện tốt phúc lợi xã hội, an sinh xã hội. Không ngừng cải thiện toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân." <sup>[5]</sup>... Trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, Đảng đặc biệt chú trọng phát triển chất lượng nguồn nhân lực, thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo<sup>[6]</sup>.

Tinh thần quyết liệt trong chủ trương, đường lối của Đảng đã và đang đi vào đời sống, ngay trong những hoàn cảnh cam go như đại dịch Covid 19, đất nước và nhân dân Việt Nam vẫn làm thế giới phải khâm phục trước sự chủ động, sự quyết tâm chống dịch theo phương châm "không một ai bị bỏ lại phía sau", trước sự bèn bĩ và sáng tạo, trước sự tương trợ, đồng cam cộng khổ của toàn dân tộc. Có thể nhìn thấy ở đây một điều không thể phủ nhận: đường lối chủ trương của Đảng luôn xuất phát từ cuộc sống, phản ánh thực tế cuộc sống, vì vậy những chủ trương đó dễ dàng đi vào cuộc sống và được sự ủng hộ, tự giác thực hiện của tuyệt đại đa số quần chúng nhân dân.

Trên quan điểm duy vật lịch sử, còn có thể đề cập đến nhiều nội dung khác trong Văn kiện XIII, đó là vấn đề xác định vai trò, vị trí của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội Việt Nam hiện nay; nhận diện kỹ hơn bốn nguy cơ của cách mạng Việt Nam; vấn đề vai trò người đứng đầu; vấn đề phát triển xã hội trong điều kiện cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.v.v., những vấn đề này đều được Đảng phân tích, nhận định, dự báo một cách khách quan và toàn diện.

---

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.89.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.93.

3 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.110.

4 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.115-116.

5 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.116.

6 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tr.110.

## **Kết luận**

Chủ nghĩa duy vật lịch sử trong quá trình vận động xã hội phải không ngừng được bổ sung, phát triển. Bởi như các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác đã xác định: lý luận của chủ nghĩa Mác không phải là những t n điều. Ngày nay, chúng ta đang vận dụng chủ nghĩa Mác trong điều kiện của những biến động xã hội chưa từng có và sự xuất hiện nối tiếp nhau của các thành tựu khoa học - công nghệ làm đảo lộn những nếp tư duy quen thuộc. Việc tiếp tục phát triển chủ nghĩa Mác, triết học Mác, trong đó có chủ nghĩa duy vật lịch sử vừa là nhu cầu nội tại của triết học Mác, vừa là một nhu cầu thiết yếu của sự phát triển xã hội.

Những nội dung như vừa phân tích cho thấy tinh thần vận dụng và phát triển, kế thừa và sáng tạo, kiên định và đổi mới trong Văn kiện XIII của Đảng. Mỗi cán bộ, Đảng viên, trên cương vị cụ thể của mình, đều có quyền và có trách nhiệm tham gia tự giác, nhiệt thành vào quá trình hiện thực hóa Nghị quyết, góp phần xây dựng xã hội Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XIII*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Hội đồng lý luận Trung ương (2021), *Giáo trình triết học (giành cho hệ chuyên và không chuyên)*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

# TRIẾT LÝ TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

PGS.TS. GVCC. Nguyễn Lương Bằng<sup>[1]</sup>

**Tóm tắt:** *Triết lý là những nguyên tắc hướng dẫn con người hành động, có nhiều triết lý khác nhau, con người cần có triết lý sống thì mới định hướng được cuộc đời. Đa số trường đại học trên thế giới thường trang bị cho sinh viên triết lý vì triết lý rất gần gũi với con người nhưng nhiều khi con người không nhận ra mình đôi khi cũng triết lý. Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong giai đoạn tới là “Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Nội dung triết lý trong văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoàn cảnh cụ thể ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.*

**Từ khóa:** *Đại hội XIII của Đảng, triết lý, triết lý Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, chống tham nhũng, lãng phí, chống diễn biến hòa bình*

## 1. Đặt vấn đề

Triết lý trong văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII là sự vận dụng sáng tạo triết lý trong chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoàn cảnh cụ thể ở Việt Nam, chứa đựng những tư tưởng triết lý sâu sắc, những nguyên tắc hướng dẫn con người hành động. Nhưng rất nhiều người không nhận thức ra bản chất của những tư tưởng triết lý đó. Vì vậy, việc nhiên cứu tính triết lý được khẳng định bổ sung, phát triển qua các kỳ Đại hội và là sợi chỉ đỏ xuyên suốt, nhất quán trong hành trình đi tới mục tiêu vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh là vấn đề cấp bách.

---

<sup>1</sup> Hội Triết học Việt Nam

## 2. Nội dung

### 2.1. Khái niệm triết lý

Triết lý được định nghĩa là “Những nguyên tắc hướng dẫn con người hành động”, trong đời sống hàng ngày con người thường xuyên phải vận dụng khả năng triết lý để chọn một giải pháp, một quyết định, triết lý có chức năng hướng dẫn con người ta hành động. Trong mọi lĩnh vực của cuộc sống người ta thường đi tìm triết lý trong lĩnh vực đó, ví dụ: triết lý trong Truyện Kiều, triết lý trong Đạo Phật ngày nay, triết lý trong truyện ngắn của Nam Cao, triết lý trong Văn hoá ẩm thực, triết lý về tình yêu, triết lý trong truyện ngụ ngôn, triết lý trong kinh doanh, triết lý trong tục ngữ, ca dao, dân ca v.v.. Một người có những nguyên tắc hướng dẫn hành động trong cuộc sống được gọi là một người có “triết lý sống”. Trong đời sống, con người cần có triết lý sống thì mới định hướng được cuộc đời, mới không phí phạm thời gian hoạch định cuộc sống. Những người không có một triết lý sống rõ ràng dễ bị lạc hướng, không biết mình phải sống ra sao, phải chọn nghề gì. Triết lý sống giúp người ta trả lời câu hỏi cơ bản “Mình sống để làm gì? Sống ra sao? Mình muốn làm gì trong tương lai?” Triết lý là những điều được rút tĩa bởi trải nghiệm, như một quan niệm nền tảng, cốt lõi được phát biểu ngắn gọn, súc tích - Như một tín điều, làm kim chỉ nam cho cách xử thế, hành động hay lối sống của một cá nhân hay một cộng đồng [1].” Nhiều kỹ thuật đã được tạo ra để phân biệt một câu tranh luận là hợp lý hay ngụy biện, tạo thành môn học logic trong bộ môn triết học. Triết lý là tiến trình suy luận từ tiền đề tới kết luận, hoặc là rút ra một nguyên tắc tổng quát từ những kinh nghiệm cụ thể gọi là phương pháp qui nạp hay từ một nguyên tắc tổng quát rút ra kết luận gọi là pháp diễn dịch. Đa số trường đại học trên thế giới thường đưa phần “Lý luận nhập môn, với 3 tín chỉ vào giảng dạy nhập môn về các vấn đề và kỹ thuật lý luận truyền thống và hiện đại bao gồm phương pháp diễn dịch và phương pháp qui nạp. Sinh viên sẽ được học cách phân biệt lý luận và phi lý luận xác định đâu là chân lý, ngụy biện. Mỗi liên hệ cơ bản giữa hai ý niệm tiền đề và kết luận trong một phát biểu hợp lý là liên hệ nhân quả. Một câu phát biểu dựa trên liên hệ nhân quả được cho là một câu hợp lý.

Aristotle nói rằng triết lý khởi đầu bằng sự thắc mắc. Trong đời sống hàng ngày con người thường vận dụng khả năng triết lý, cho nên triết lý rất gần gũi với con người chứ không phải là một cái gì xa lạ. Nhưng nhiều khi con người không nhận ra mình đôi khi cũng triết lý. Một điều rõ nhất là ai cũng có niềm tin triết lý nhưng chúng ta có thể không nhận ra điều đó, ví dụ, chắc nhiều người tin rằng quá khứ là một hướng dẫn tương đối đáng tin cậy cho tương lai, đó là một niềm tin triết lý. Có người tin rằng có thượng đế, có người không, đó là một niềm tin triết lý. Người thì tin rằng con người có linh hồn bất tử, có người chỉ tin rằng con người là thuần túy

vật chất, đó là một niềm tin triết lý. Như vậy có con người là có triết lý. Triết lý hiện diện hàng ngày trong đời sống con người.

Thêm nữa, trong cuộc sống, hàng ngày, hàng giờ, nếu không muốn nói hàng phút, con người luôn đối diện với những giải pháp phải chọn lựa, với những vấn đề cần giải đáp. Khả năng triết lý giúp người ta tìm ra sự chọn lựa hợp lý, hay câu trả lời cần thiết. Nói cách khác, trong đời sống hàng ngày con người phải luôn luôn vận dụng khả năng triết lý dù rằng đôi khi họ không nhận thức được rằng họ đã qua quá trình lý luận.

Khả năng lý luận là điều cần thiết, là kỹ thuật sống người ta dạy kỹ năng lý luận cho học sinh ở mọi cấp. Thêm nữa, trong chương trình đại học, ở năm thứ nhất sinh viên bắt buộc phải học một lớp triết học cơ bản. Trong đó người ta dạy sinh viên lý luận và những trường hợp nguy biến.

Triết lý là những nguyên tắc hướng dẫn con người hành động. Không ít sinh viên năm đầu không biết chọn ngành nghề gì cho nên cần gặp cố vấn giáo dục tại trường mình đang theo học. Người cố vấn giáo dục sẽ không khuyên người hỏi nên học ngành nào mà họ chỉ đặt ra những câu hỏi cơ bản như: bạn muốn sau này sẽ làm gì? Trong các môn học bạn khá nhất môn nào? v.v.. Bằng cách đặt ra những câu hỏi cơ bản như vậy người cố vấn giáo dục giúp sinh viên tự quyết định đường hướng cho cuộc đời mình, tức là tự tìm cho mình một triết lý sống. Triết lý hành động giúp người ta làm việc có mục tiêu, có kế hoạch và tránh được những thất bại không đáng có.

Nhận định của thời ông Trần Đức Thảo, hay ở mấy nước chậm tiến cho rằng:

Người học triết khó kiếm sống, khó mang lại địa vị, danh vọng, tiền tài như các ngành học khác. Trên đời người ta thường nghĩ chỉ có hai nghề dành cho người theo học triết là nghiên cứu triết và dạy triết. Nghiên cứu triết để nổi tiếng như một nhà tư tưởng được người đời ngưỡng mộ và học tập theo thì rất khó. Bao nhiêu người học triết nhưng có mấy người được đời công nhận là triết gia? Có chăng người theo học triết chỉ có thể kiếm sống bằng cách dạy triết. Nghề này rõ ràng không nhiều. Tuy nhiên, thực tế hiện nay không phải như vậy.

Trong đời sống hàng ngày con người thường vận dụng khả năng triết lý. Tôn giáo và triết lý cùng giải quyết nhiều câu hỏi giống nhau. Nhưng, khác với triết lý, tôn giáo nhấn mạnh tới tầm quan trọng của niềm tin hơn là áp dụng lý trí. Nói một cách đơn giản, tôn giáo và triết lý trùng lặp nhau về những câu hỏi cơ bản nhưng khác nhau về phương pháp tìm câu trả lời. Tôn giáo tìm câu trả lời trong niềm tin còn triết lý tìm câu trả lời bằng lý trí. Trong đời sống hàng ngày, triết lý rất gần gũi với con người chứ không phải là một cái gì xa lạ. Nhưng rất nhiều người không nhận ra mình đôi khi cũng triết lý.



## *2.2. Bằng phương pháp quy nạp và diễn dịch, Đảng ta kiên định triết lý Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh*

Trước khi có Đảng lãnh đạo, rất nhiều cuộc khởi nghĩa, phong trào của các chí sĩ yêu nước tập hợp nhân dân chống thực dân Pháp đều bị đàn áp, con đường giải phóng dân tộc gần như không thấy đường ra. Vì không có một triết lý khoa học, phải tới khi lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc sau nhiều năm bôn ba tiếp cận được chủ nghĩa Mác-Lênin thì con đường cứu nước của dân tộc ta mới tạo được bước chuyển căn bản. Từ thời điểm mùa Xuân năm 1930, dưới sự lãnh đạo của Đảng và ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin, đất nước đã được độc lập, tự do, hoà bình, ổn định và phát triển, đời sống nhân dân ngày càng được ấm no, đủ đầy. 35 năm qua, nhờ kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, trong bối cảnh phức tạp của tình hình quốc tế, công cuộc đổi mới của đất nước ta vẫn giành được những thành tựu to lớn trên tất cả các lĩnh vực.

Triết lý Mác-Lênin chỉ dạy chúng ta về những quan điểm cơ bản, những phương pháp duy vật biện chứng để nghiên cứu, đánh giá quy luật tồn tại phát triển của xã hội. Triết lý Mác - Lênin không thể chỉ cho chúng ta từng công việc cụ thể. Cho nên chúng ta cần hiểu bản chất khoa học của chủ nghĩa Mác- Lênin. Khủng hoảng kinh tế Châu Á năm 1997, nhiều nhà kinh tế, chính trị gia, tư sản đã tìm đọc lại và đánh giá cao giá trị triết lý trong bộ tư bản của Mác.

Bằng phương pháp quy nạp và diễn dịch văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong giai đoạn tới là “Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”. Đây là vấn đề có tính triết lý, được khẳng định bổ sung, phát triển qua các kỳ Đại hội và là sợi chỉ đỏ xuyên suốt, nhất quán trong hành trình đi tới mục tiêu vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Trong hai tập văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII không xuất hiện khái niệm triết lý, nhưng những tư tưởng triết lý của Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh được nhắc lại nhiều lần ( 13 lần) trong hai tập văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII: 13 lần, trong đó tập I: 7 lần ở các trang 165, 169, 225, 228, 231, 233, 324,348. Tập II: 6 lần ở các trang 10,33, 95, 109, 180, 181, [2].

Triết lý học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được nhắc lại trong hai tập văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII: (10 lần), trong đó tập I: 6 lần ở các trang: 176, 219, 236,256, 294, 350. Trong tập II: 4 lần ở các trang: 55, 56, 74, 183, [3].

*2.3. Nội dung triết lý trong văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoàn cảnh cụ thể ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, bao gồm những tư tưởng triết lý sau:*

2.3.1. Chủ nghĩa Mác-Lênin vẫn là đường lối tiên bộ, cách mạng trên thế giới ở thời điểm hiện nay bởi tính khoa học và biện chứng. Tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong giai đoạn tới là “Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”. Đây là vấn đề có tính triết lý, được khẳng định bổ sung, phát triển qua các kỳ Đại hội và là sợi chỉ đỏ xuyên suốt, nhất quán trong hành trình đi tới mục tiêu vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

2.3.2. Hiện nay chưa có 1 chủ nghĩa nào tiến bộ hơn, vì vậy, không nên dựa vào 1 số điểm “không còn phù hợp với Chủ nghĩa Mác-Lênin” để phủ định sạch trơn, đó là điều không đúng. Trước Đại hội VII của Đảng, văn kiện các kỳ Đại hội và Điều lệ Đảng đều khẳng định: “Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam hành động”. Song, từ quá trình nghiên cứu lý luận và quy nạp, tổng kết thực tiễn, Đảng Cộng sản Việt Nam đã ngày càng nhận thức sâu sắc hơn về vị trí, vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển của tiến trình cách mạng Việt Nam và đã bổ sung vào nền tảng tư tưởng của mình. Nét đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh là phát triển trên cơ sở kế thừa triết lý, chọn lọc những tư tưởng, giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam, phù hợp với thực tiễn hoàn cảnh lịch sử của Việt Nam; tiếp thu và vận dụng sáng tạo tinh hoa văn hóa nhân loại: văn hóa phương Đông, phương Tây mà đỉnh cao là chủ nghĩa Mác-Lênin.

2.3.3. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng theo triết lý chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đã đưa lại sự kết hợp hài hòa giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại cho đất nước. Vì thế, hiện nay chúng ta có quan hệ kinh tế ngoại giao với 190 quốc gia và vùng lãnh thổ, 11 đối tác chiến lược, 13 đối tác toàn diện. Chính chúng ta hội nhập sâu và trở thành thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Điều này cho phép chúng ta kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã tạo được niềm tin vững chắc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân vào con đường mà Đảng ta đã chọn: đi theo chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp thực tiễn Việt Nam. Tới giờ, những người lao động, các phong trào xã hội, các nhà hoạt động xã hội và nhân loại tiến bộ trên thế giới vẫn chưa tìm thấy một triết lý nào khác có thể thay thế được triết lý Mác-Lênin trong việc đấu tranh giải quyết các vấn đề xã hội,

phần đấu cho lý tưởng cao đẹp về tiến bộ xã hội và giải phóng con người. Vì vậy trong cuộc khủng hoảng kinh tế Châu Á năm 1997, nhiều nhà kinh tế, chính trị gia, tư sản đã tìm đọc lại và đánh giá cao giá trị bộ tư bản của Mác.

2.3.4. Thực tế cách mạng Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung, đặc biệt là Cách mạng Tháng 10 Nga năm 1917 và Cách mạng Tháng 8 năm 1945 ở Việt Nam, cùng với thành tựu của công cuộc đổi mới hơn 30 năm qua là minh chứng hùng hồn cho lựa chọn của Đảng, của Bác Hồ: Đảng ta đã lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ chí Minh làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động của mình. Việt Nam đang đẩy mạnh toàn diện sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực và trong nước diễn biến khó lường. Các thế lực thù địch tìm mọi cách chống phá sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Trong sóng cả càng phải vững tay chèo để thực hiện cho được khát vọng xây dựng đất nước hùng cường, phồn vinh.

2.3.5. Để thực hiện được những tư tưởng triết lý trên, Đảng cộng sản Việt Nam phải xây dựng được đội ngũ cán bộ ưu tú, nhất là đội ngũ cán bộ chiến lược, những người trọn đời vì nước, vì dân, cống hiến, hy sinh vì sự nghiệp cách mạng của Đảng. Đó là điều mà nhân dân thẩm định, đánh giá công lao, cống hiến của mỗi cán bộ, đảng viên đối với Đảng thực sự là đại diện cho lợi ích trung thành nhất của nhân dân. Nhân dân đặt niềm tin, kỳ vọng vào Đảng và mỗi cán bộ đảng viên. Đảng phải thắt chặt mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân, phải thực hiện tốt cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ, làm cho mối quan hệ máu thịt Đảng, Nhà nước và Nhân dân được vận hành thông suốt, làm cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc thành một khối cộng đồng vững chắc, không thể lực nào có thể chia rẽ, tấn công được.

### **3. Kết luận**

Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam hành động, để thực hiện được triết lý ấy Đảng phải ra sức đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, chống tham nhũng, lãng phí, chống diễn biến hòa bình và mọi biểu hiện tự diễn biến tự chuyển hóa trong nội bộ Đảng, làm cho “cơ thể” Đảng thật khỏe mạnh, xứng đáng là niềm tin yêu của nhân dân, đáp ứng được kỳ vọng của nhân dân. Phải tăng cường bản chất giai cấp công nhân, làm cho Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; phải đấu tranh khắc phục bằng được tình trạng suy thoái, tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Điều ấy đem lại uy tín, danh dự, vị thế của Đảng trước toàn thể dân tộc, nhân dân và trước cán bộ chiến sĩ, đồng bào.

Làm tốt những tư tưởng triết lý trên chắc chắn Đảng ta luôn luôn xứng đáng với tư cách là người lãnh đạo, người đầy tớ trung thành của nhân dân, đem lại lợi ích, quyền lợi chính đáng cho nhân dân, cho dân tộc Việt Nam.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Marcus Weeks (2018), *Philosophy in Minutes*.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 2, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

# CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TS. Phan Văn Tuấn<sup>[1]</sup>

**Tóm tắt:** Sự tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đã và đang ảnh hưởng sâu rộng đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Trước những thời cơ và thách thức đặt ra, đổi mới công tác giảng dạy nói chung, giảng dạy lý luận chính trị nói riêng ở các trường đại học, cao đẳng hiện nay là rất cần thiết để tiếp cận được những tri thức khoa học do cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 mang lại. Ngoài việc học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lựa chọn phương pháp giảng dạy tiên tiến, giảng viên lý luận chính trị cần chú trọng bồi dưỡng năng lực sử dụng thành thạo công nghệ thông tin nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giảng dạy trong điều kiện kết nối toàn cầu hiện nay.

**Từ khoá:** Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, giảng dạy lý luận chính trị.

## 1. Đặt vấn đề

Thời gian gần đây, trong những chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ về cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và tác động của nó đối với Việt Nam đã xác định: “Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 là xu hướng phát triển dựa trên nền tảng số hóa và kết nối, có quy mô tác động mạnh mẽ tới mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, làm thay đổi phương thức và lực lượng sản xuất trong tương lai, có thể mang lại cho Việt Nam nhiều cơ hội để đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đồng thời cũng đưa đến thách thức đối với quá trình phát triển” (Nghị quyết phiên

---

1 Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Vinh

họp Chính phủ thường kỳ tháng 3 ngày 3/4/2017). Sự ảnh hưởng sâu sắc của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (cách mạng công nghiệp 4.0) đã cho thấy vai trò to lớn và những tác dụng “kỳ diệu” của công nghệ thông tin với tốc độ đột phá bởi sự tương tác, siêu kết nối, tích hợp của nhiều loại công nghệ tiên tiến. Điều này đã, đang đem lại nhiều điều kiện thuận lợi và đặt ra nhiều vấn đề bất cập đối với cho công tác đổi mới giảng dạy nói chung, đổi mới giảng dạy lý luận chính trị nói riêng theo hướng hiện đại, đòi hỏi phải có hướng giải quyết kịp thời.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### ***2.1. Tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến giảng dạy lý luận chính trị ở Việt Nam hiện nay***

Đảng và Nhà nước ta đang thực hiện công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục, nhất là giáo dục đại học. Với sự tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến giáo dục, đòi hỏi các trường đại học, cao đẳng cần thay đổi mục tiêu, nội dung giáo dục, phương pháp dạy học phù hợp với thực tiễn. Triển khai Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư về “Tiếp tục đổi mới học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”, năm 2019, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã hoàn thành xây dựng bộ chương trình, giáo trình 5 môn lý luận chính trị giảng dạy trong các trường đại học, cao đẳng, và đưa vào giảng dạy từ năm học 2019 -2020. Đây là một bước quan trọng nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả giảng dạy lý luận chính trị ở trường đại học, cao đẳng hiện nay.

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã tạo cơ hội cho giảng viên lý luận chính trị có thể tham gia đóng góp ý kiến, phản biện các dự thảo về chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy bằng nhiều hình thức khác nhau, đặc biệt thông qua mạng xã hội internet. Là một trong những quốc gia có sự phát triển mạnh nguồn lực thông tin về mạng xã hội internet, việc truy cập internet hiện nay trở nên rất thông dụng, phổ biến đối với mọi người dân Việt Nam nói chung và những người làm công tác giáo dục nói riêng. Mạng xã hội Internet trở thành một nguồn lực quan trọng trong tìm kiếm, khai thác kho dữ liệu thông tin khổng lồ trên thế giới và ở Việt Nam, là điều kiện rất thuận lợi cho giảng dạy lý luận chính trị ở các trường đại học, cao đẳng hiện nay. Đây chính là “đòn bẩy” quan trọng để đội ngũ biên soạn chương trình, nội dung các môn lý luận chính trị kế thừa và chọn lọc các yếu tố mới, hiện đại đưa vào bài giảng, tăng tính thực tiễn trong truyền thụ tri thức khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, khoa học xã hội và nhân văn cho người dạy, làm cho người dạy và người học không bị lạc hậu với thời cuộc.

Một trong những ưu điểm nổi bật trong giảng dạy lý luận chính trị ở các trường đại học, cao đẳng hiện nay là hầu hết các giảng viên đều có thể sử dụng laptop, máy

vi tính, mạng xã hội để khai thác các nguồn tư liệu phục vụ cho công tác nghiên cứu, biên soạn các chương trình, chuyên đề bài giảng. Nhiều giảng viên có khả năng sử dụng khá thành thạo các công cụ phần mềm cơ bản để tra cứu, nâng cao kiến thức chuyên môn, hỗ trợ soạn giảng và đánh giá kết quả học tập của người học một cách tự giác và hiệu quả. Từ đó, người học có thể dễ dàng tìm kiếm những tri thức cần có thông qua mạng xã hội, các thiết bị bắt wifi, di động thông minh, laptop, máy tính bảng... để tự tìm hiểu kiến thức dưới sự hướng dẫn của giảng viên và hoàn thành được mục tiêu giáo dục của mình.

Với sự phát triển của khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin đem lại cho đội ngũ giảng dạy lý luận chính trị thông tin nhiều chiều, từ mạng internet, các trang báo điện tử, mạng xã hội: blog, facebook cá nhân, zalo, viber.... Tuy nhiên, các thông tin này cần được kiểm chứng, phản biện theo một quy trình và những nguyên tắc nhất định. Tính ưu việt của khoa học và công nghệ hiện đại đối với giảng dạy lý luận chính trị biểu hiện ở chỗ, giúp người dạy bổ sung, củng cố, phát triển tri thức, niềm tin khoa học, ý chí, bản lĩnh, chủ động, sáng tạo áp dụng nhiều phương pháp giảng dạy tiên tiến, hiện đại như: powerpoint, violet, soạn giáo án điện tử,... Hiệu quả rõ rệt từ nó là chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học các môn lý luận chính trị tăng lên cả về mặt lý thuyết và thực hành, nhất là tính hấp dẫn và thuyết phục về cách dạy và học đối với giảng viên và sinh viên.

Ngày nay, toàn cầu hóa thông tin và truyền thông đã và đang tác động tích cực đến niềm tin khoa học, ý chí, bản lĩnh và phương pháp tư duy của giảng viên lý luận chính trị, làm cho nó không ngừng phát triển và ngày càng được nâng cao. Giảng viên lý luận chính trị dễ dàng phân biệt đúng sai, tốt xấu, kiểm soát, làm chủ tri thức, đặc biệt là tri thức khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tri thức khoa học xã hội và nhân văn, khoa học và công nghệ và đưa ra quan điểm, chính kiến chuẩn xác về các vấn đề có liên quan đến bài học.

Hệ thống thông tin toàn cầu tác động đến chất lượng giảng dạy lý luận chính trị tất yếu làm thay đổi nhận thức, tư duy của mọi người, trong đó có sự thay đổi lớn tư duy của giảng viên lý luận chính trị và sinh viên các trường đại học, cao đẳng. Bởi lẽ, việc dựa dẫm, khai thác tối đa tính năng, tác dụng của máy móc, công nghệ đã "tước bỏ" thói quen tư duy, đào sâu suy nghĩ của người học trước một vấn đề đặt ra, cùng với việc sẽ bị bối rối, lúng túng trong "biển thông tin" mà công nghệ thông tin mang lại, người học không xác định được thông tin mình cần, hoặc không biết các thông tin có độ tin cậy đến mức nào. Điều đó, buộc giảng viên lý luận chính trị phải nâng cao trình độ, bổ sung tri thức, kỹ năng và kiến thức trong sử dụng mạng xã hội internet như một nguồn lực thông tin nhằm củng cố niềm tin khoa học để nhìn nhận khách quan, xem xét lại nhiều vấn đề, nhất là phân tích, đánh giá, phản

biện chính xác nội dung lý luận khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng trên cơ sở nắm vững chắc lịch sử vấn đề, tra cứu bản gốc các luận điểm từ các tác phẩm kinh điển của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin, Hồ Chí Minh, Văn kiện của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước. Đưa ra những kết luận, nhận định, đánh giá, dự báo hợp lý về chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy sao cho phù hợp chương trình mới và yêu cầu đào tạo ở các cơ sở giáo dục đại học.

Tác động tiêu cực từ mặt trái của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện nay là không nhỏ, nhiều giảng viên lý luận chính trị lạm dụng công nghệ, áp dụng phương pháp giảng dạy tiên tiến như: các hiệu ứng trong phần mềm powerpoint, violet, soạn giáo án điện tử... làm người học bị phân tán sự chú ý bởi hình ảnh, âm thanh và màu sắc, tính hấp dẫn và chất lượng bài giảng lý luận chính trị không cao. Trong khi đó, hệ thống thông tin toàn cầu diễn ra trong điều kiện không công bằng về nhiều mặt, nhất là sự phát tán những thông tin xấu độc, lệch lạc, tiêu cực đối với việc xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, bôi nhọ, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh...

Như vậy, những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang tác động sâu sắc đến chất lượng giảng dạy lý luận chính trị trên hai mặt: Một mặt, đội ngũ giảng dạy lý luận chính trị có điều kiện bổ sung, cập nhật những thông tin, kiến thức, phương pháp dạy và học mới, giúp họ không ngừng nâng cao trình độ, nhận thức, niềm tin khoa học, ý chí, bản lĩnh, phương pháp tư duy trong giảng dạy, nghiên cứu lý luận, mở rộng thông tin, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học, công nghệ; khả năng phân tích, đánh giá, lập luận, phản bác có căn cứ các quan điểm sai trái trước sự "bùng nổ thông tin" hiện nay. Mặt khác, xuất hiện khuynh hướng hoài nghi, bi quan, dao động về bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nếu không có cách tiếp cận, nhìn nhận mới, không có năng lực khoa học, chuyên môn, năng lực phản biện khoa học để phân tích, đánh giá về sự biến đổi, vận động của thế giới, một bộ phận giảng viên lý luận chính trị dễ dao động, lung lay niềm tin, không thể giữ vững bản lĩnh chính trị, lập trường, quan điểm, lòng yêu nghề và nhiệt huyết giảng dạy các môn khoa học mà cả đời mình theo đuổi học tập, nghiên cứu.

## ***2.2. Những vấn đề đặt ra từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư với giảng dạy lý luận chính trị hiện nay***

Tác động từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang đặt ra nhiều vấn đề đối với công tác giảng dạy lý luận chính trị theo chương trình mới hiện nay. Có thể nêu một số vấn đề bất cập đặt ra trong công tác giảng dạy lý luận chính trị hiện nay.



*Một là*, trình độ, kiến thức về công nghệ đặc biệt là công nghệ thông tin, kỹ năng sử dụng máy tính và các công cụ phần mềm hỗ trợ của một số giảng viên lý luận chính trị chưa đáp ứng được yêu cầu, dẫn đến sự né tránh, ngại áp dụng vào giảng dạy.

Phương pháp giảng dạy lý luận chính trị “truyền thống” vẫn tồn tại như một thói quen, lối mòn khó thay đổi, sự tương tác, kết hợp giữa người và máy móc trong hỗ trợ dạy học còn lúng túng, chưa khai thác và phát huy đầy đủ vai trò, tính ưu việt của công nghệ thông tin trong dạy học lý luận chính trị. Đây là một trở ngại lớn trong triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy lý luận chính trị hiện nay. Mặt khác, trình độ, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin của một bộ phận đội ngũ giảng viên lý luận chính trị còn rất giản đơn, một số mới dừng lại ở mức độ “xoá mù” tin học. Ứng dụng công nghệ thông tin còn đơn điệu, thiết kế biên soạn chương trình, bài giảng các slide còn rối, chưa hợp lý (quá nhiều chữ, hình ảnh phản ánh chưa sát với nội dung bài giảng, lựa chọn kiểu phông chữ, màu sắc, độ tương phản chưa phù hợp và tình trạng lạm dụng hiệu ứng phần mềm còn khá phổ biến), chưa tập trung đi sâu khai thác đầy đủ những tiện ích của công nghệ thông tin với tư cách là nhân tố “đột phá” mạnh mẽ trong phương pháp dạy học tích cực.

Trong khi đó, việc ứng dụng, kết nối các kênh thông tin điện tử, thư viện điện tử và Internet vào thiết kế bài giảng lý luận chính trị còn nhiều bất cập, ít gây hứng thú cho người học. Việc khai thác một số các công cụ phần mềm hiện đại như màn hình tương tác có độ phân giải cao, phần mềm trình chiếu slide, phần mềm soạn bài giảng, phần mềm GoodReader (xem tài liệu ở các định dạng khác nhau)... hỗ trợ đội ngũ giảng dạy lý luận chính trị trong tìm kiếm, thu thập, xử lý, tiếp thu thông tin một cách nhanh chóng và hiệu quả còn thấp. Để biến nó trở thành công cụ giúp việc đắc lực cho hoạt động giảng dạy lý luận chính trị, đòi hỏi người sử dụng phải được trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết như máy vi tính, phần mềm chuyên dùng, mạng internet, website... để cho việc giảng dạy trở nên thuận tiện, dễ dàng và tiết kiệm thời gian hơn.

*Hai là*, sự quá tải về nội dung, hình thức, phương pháp giảng dạy lý luận chính trị theo chương trình mới với quỹ thời gian có hạn, dẫn đến những hạn chế, bất cập trong ứng dụng công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin vào giảng dạy.

Hiện nay, có rất nhiều phần mềm công nghệ hỗ trợ giảng viên lý luận chính trị dạy học từ nguồn lực internet, như: học qua zoom, google meet, team.... Thay vì người học phải lên lớp thì các em hoàn toàn có thể tự học tập ở nhà từ các website của giáo viên, từ những video, clip giảng và tư liệu; nhờ những công cụ hỗ trợ đó, người học hoàn thành việc học tập của bản thân tốt hơn. Tuy nhiên, những công cụ này không phải ai cũng hiểu, biết và có thể sử dụng thành thạo; khoa học công

nghệ ngày càng phát triển, nhiều giảng viên đã không cập nhật, theo kịp và khó ứng dụng vào giảng dạy lý luận chính trị làm cho hiệu quả giảng dạy bị giảm sút.

Thực tế chương trình, nội dung giảng dạy lý luận chính trị theo chương trình mới (ban hành theo Quyết định 4890/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2019) mặc dù đã có sự cải tiến nhưng vẫn thiên về lý luận, nhẹ về những vấn đề thực tiễn, đặc biệt là chưa có sự lồng ghép, ứng dụng công nghệ vào giảng dạy lý luận chính trị cho người học. Thực hiện chủ trương đổi mới giáo dục đại học theo học chế tín chỉ, số tiết học trên lớp các môn lý luận chính trị áp dụng cho tất cả các ngành học không chuyên chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm đường lối của Đảng hiện nay thực tế rất ít, bị cắt giảm số tiết lên lớp, các lớp học môn lý luận chính trị thường thực hiện ghép nhiều lớp. Sĩ số lớp đông, sinh viên đa dạng các chuyên ngành. Các phương pháp dạy học tích cực trở nên không phù hợp. Sự tương tác người dạy - người học, người học - người học cũng không thực hiện được. Vì vậy, giảng viên lý luận chính trị ít có cơ hội cập nhật các phương pháp giảng dạy tiên tiến vào xây dựng chương trình, nội dung giảng dạy.

Việc lạm dụng sơ đồ, biểu bảng, màn hình trình chiếu, cả việc biến tướng của xêmina, thảo luận nhóm, làm mất đi khả năng sáng tạo của giảng viên trọng dạy học. Tuy có nhiều phần mềm giảng dạy mang lại thuận lợi cho việc dạy học lý luận chính trị, nhưng ở một mức độ nào đó, thì công cụ hiện đại này cũng không thể hỗ trợ giảng viên hoàn toàn trong các bài giảng của họ. Nó chỉ thực sự hiệu quả đối với một số bài giảng, chứ không phải toàn bộ chương trình do nhiều nguyên nhân, mà cụ thể là, với những bài học có chương trình, nội dung ngắn, không nhiều kiến thức mới, thì việc dạy theo phương pháp truyền thống sẽ thuận lợi hơn cho người học, mà không cần phải lật lại từng "slide" như khi dạy trên máy tính điện tử.

Ba là, người học có thể gặp khó khăn trong lựa chọn và sử dụng nguồn tài liệu các môn lý luận chính trị do sự "bùng nổ" về thông tin hiện nay.

Do nguồn tài liệu "mở", đa chiều, phong phú, vừa có khả năng giúp người học có thể sử dụng tốt các tài liệu lý luận chính trị, nhưng cũng đem lại sự khó khăn cho họ trong việc lựa chọn, tìm kiếm tài liệu khi học tập. Có nhiều nguồn tài liệu không chính thống, chưa được kiểm duyệt trên mạng internet, người học sẽ khó xác định những tài liệu khoa học, đúng đắn đã được kiểm duyệt khi sử dụng. Bởi vậy, họ cần được hướng dẫn, điều chỉnh và định hướng rõ ràng, hỗ trợ hiệu quả từ giảng viên giảng dạy.

Việc tiếp cận mạng xã hội để tìm kiếm hệ thống tài liệu mới nhằm xây dựng, bổ sung, hoàn thiện chương trình, nội dung, hình thức, phương pháp giảng dạy lý luận chính trị cho phù hợp với quan điểm Đại hội XIII của Đảng còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo thời kỳ đẩy mạnh công

nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Giảng viên lý luận chính trị có khả năng xây dựng chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy lý luận chính trị phù hợp với yêu cầu bồi dưỡng mục tiêu, lý tưởng cách mạng cho người học. Tuy nhiên, việc tiếp cận hệ thống tài liệu mới là rất khó, người học hầu như vẫn sử dụng tài liệu học tập do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Đây là một trong những bất cập đang đặt ra rất cần có giải pháp khắc phục nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận chính trị hiện nay.

### ***2.3. Một số định hướng đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư***

Để tận dụng cơ hội và đối phó với những thách thức từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, Đảng và Nhà nước cần phải có những định hướng, giải pháp đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển. Trong đó, cần chú trọng thực hiện một số giải pháp sau:

*Thứ nhất là*, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của công nghệ thông tin trong giảng dạy lý luận chính trị.

Một trong những yêu cầu cấp thiết hiện nay đối với giảng dạy lý luận chính trị là phải sử dụng các công cụ, phương tiện kỹ thuật trong nghiên cứu và giảng dạy. Các công cụ, phương tiện đó bao gồm: máy vi tính, laptop, máy ghi âm, projector, video, radio, băng đĩa hình... Đây là những công cụ, phương tiện nhằm bổ sung và làm phong phú thêm cho những nội dung của bài giảng lý luận chính trị, giúp người dạy tìm kiếm, xử lý, tiếp thu thông tin một cách nhanh chóng và hiệu quả. Cách dạy “truyền thống” đang có sự thay đổi, từ truyền thụ kiến thức “chay”, đến nay, giảng viên là người tổ chức, hướng dẫn người học tiếp nhận tri thức, tạo sự hứng thú, kích thích tìm tòi, tiếp cận được công nghệ thông tin, học gắn với hành.

Cần nhận thức rằng, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động giảng dạy lý luận chính trị là động lực giúp người dạy đón nhận cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 một cách hiệu quả. Sử dụng thành thạo máy vi tính, phần mềm chuyên dùng, mạng internet, website... là một trong những công cụ, phương tiện kết nối có hiệu quả cho giảng dạy lý luận chính trị, giúp giảng viên soạn bài giảng Powerpoint, giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo, hình ảnh hay thước phim minh họa... Tuy nhiên, cần phải xác định rõ công nghệ thông tin chỉ là công cụ hỗ trợ cho quá trình dạy học để nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy lý luận chính trị, bản thân nó không phải là phương pháp, nếu quá lạm dụng công nghệ thông tin, thì công tác giảng dạy lý luận chính trị sẽ phản tác dụng. Vì vậy, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của công nghệ thông tin trong giảng dạy lý luận chính trị là một yêu cầu không nhỏ đối với giảng dạy lý luận chính trị hiện nay.

*Thứ hai là, đổi mới chương trình, nội dung, hình thức và phương pháp giảng dạy lý luận chính trị*

Với nguyên tắc “Nội dung nào, phương pháp đó”, tức là muốn đổi mới phương pháp giảng dạy trước hết phải đổi mới từ chương trình, nội dung, hình thức giảng dạy cho phù hợp. Đổi mới chương trình, nội dung, hình thức và phương pháp giảng dạy lý luận chính trị cần phải được thực hiện đồng bộ. Việc sử dụng phương tiện dạy học hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin là một trong những công cụ quan trọng góp phần đổi mới phương pháp giảng dạy, bằng việc cung cấp cho người dạy những công cụ phần mềm tương thích trong giảng dạy lý luận chính trị.

Có nhiều phương pháp dạy học lý luận chính trị mới như thảo luận nhóm; sử dụng các tình huống có vấn đề, dạy theo góc... cùng với các công cụ hỗ trợ kĩ thuật dạy học như edmodo; kahoot; youtube, các hình thức dạy học trực tuyến đã rất hiệu quả trong việc giảng dạy hiện nay. Mỗi một môn học lý luận chính trị có những đặc thù riêng, giảng viên có thể vận dụng, lựa chọn những phương pháp dạy học và phương tiện kĩ thuật dạy học phù hợp nhằm mang lại hiệu quả cao nhất, tạo được sự hứng thú, tích cực học tập của sinh viên. Cùng với đó, cần tiếp tục đổi mới nội dung và hình thức giảng dạy, gắn lý luận với các vấn đề thực tiễn đời sống xã hội để sinh viên thảo luận; tạo sự hứng thú, hăng say học tập cho sinh viên. Đội ngũ giảng viên lý luận chính trị có vai trò đặc biệt trong việc đào tạo ra thế hệ sinh viên vừa “hồng” vừa “chuyên”, tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao để thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa thành công.

Một trong những yêu cầu đổi mới chương trình, nội dung, hình thức và phương pháp giảng dạy lý luận chính trị là các nhà trường cần đầu tư trang thiết bị, phương tiện dạy học hiện đại, cột thu sóng wifi mạnh đủ cho giảng viên và sinh viên tham gia kết nối và học tập trên internet một cách dễ dàng hơn. Cụ thể như: hệ thống giảng đường, phòng học chuyên dụng với PC, projector, mạng nội bộ... (phục vụ việc giảng dạy và thảo luận, làm việc nhóm, làm việc góc của sinh viên); hệ thống phòng đọc thư viện, phòng truy cập mạng (phục vụ việc tự học, tìm kiếm và khai thác thông tin liên quan); website và hệ thống quản trị cơ sở dữ liệu công nghệ thông tin của nhà trường (cung cấp thông tin chính thống liên quan đến các hoạt động của nhà trường, của các khoa về thời khóa biểu, kế hoạch dạy học, các tài liệu trong thư viện điện tử)... Tất cả đều phải được xây dựng, quản lý và khai thác một cách đồng bộ và hiệu quả. Chỉ khi nào có sự phối hợp nhịp nhàng thì nội dung, hình thức, phương pháp dạy học tích cực mới phát huy được tính ưu việt của nó trong quá trình dạy học lý luận chính trị hiện nay.

*Thứ ba là, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên lý luận chính trị trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay*

Quan tâm xây dựng đội ngũ giảng viên là yêu cầu quan trọng hàng đầu trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giảng dạy nói chung, giảng dạy lý luận chính trị nói riêng. Việc bồi dưỡng kỹ năng sử dụng máy tính và các phần mềm hỗ trợ soạn giảng thực sự cần thiết cho giảng viên lý luận chính trị, trong đó, tập trung chủ yếu vào những công cụ, kỹ năng, như tra cứu, tìm kiếm thông tin, soạn giảng, cách sử dụng một số phương tiện như máy ghi âm, ghi hình, máy chiếu, máy quay phim, chụp ảnh, cách thiết kế các phần mềm cơ bản, thông dụng để soạn giảng. Điều quan trọng hơn là giảng viên lý luận chính trị phải hướng dẫn và trang bị cho người học có được những kỹ năng về công nghệ thông tin phù hợp để họ có thể phát huy được tính tích cực, chủ động, tự giác trong học tập, tìm kiếm, khai thác, tiếp thu và xử lý các thông tin liên quan từ kho tàng tri thức khổng lồ của nhân loại để biến chúng thành kiến thức của mình.

Lãnh đạo các nhà trường cần có những chính sách, khuyến khích động viên, tạo động lực cho giảng viên lý luận chính trị tích cực, sáng tạo và ứng dụng những phương pháp dạy học hiện đại. Có thể sử dụng những chính sách như tăng lương, khen thưởng, nhân rộng mô hình cá nhân tiên tiến trong toàn trường, tạo động lực cho giảng viên lý luận chính trị nâng cao trình độ chuyên môn. Cần đặt ra những tiêu chí yêu cầu cụ thể về kiến thức, kỹ năng công nghệ thông tin trong quá trình tuyển chọn, tuyển dụng, thi nâng ngạch giảng viên, giảng viên chính, giảng viên cao cấp... để mỗi giảng viên lý luận chính trị phải tự học tập, trau dồi những kiến thức liên quan phục vụ cho công việc nghiên cứu và giảng dạy. Có cơ chế phù hợp khuyến khích đội ngũ giảng viên lý luận chính trị phát huy tinh thần tự học, tự nghiên cứu sáng tạo, tham gia viết phần mềm, thiết kế giáo án điện tử, bài giảng điện tử, tập hợp sưu tầm các kho tư liệu để chia sẻ, trao đổi thông tin, thống nhất các phần mềm để khai thác, ứng dụng soạn giảng hiệu quả.

Thường xuyên thông tin cho đội ngũ giảng viên lý luận chính trị những thành quả nghiên cứu, những phát hiện mới, bổ sung, những phương pháp giảng dạy tiên tiến có ảnh hưởng tích cực đến công tác giảng dạy lý luận chính trị hiện nay. Để làm được điều đó, cần đổi mới phương pháp đào tạo, bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị (ở tất cả các loại hình) theo hướng bám sát đối tượng đào tạo. Đó là biện pháp gắn lý luận với thực tiễn, đặc biệt là thực tiễn ứng dụng khoa học và công nghệ vào bài giảng lý luận chính trị. Nếu lý luận mà không được ứng dụng khoa học và công nghệ thì sẽ là lý luận suông, khô khan, khó hiểu, khó tiếp thu. Vì vậy, cần bồi dưỡng và tạo điều kiện giúp giảng viên có được kiến thức, kỹ năng vận dụng khoa học, công nghệ thực tế và kinh nghiệm để nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận chính trị hiện nay.

Đây chính là những biện pháp cụ thể, giúp giảng viên lý luận chính trị đưa ra những luận chứng, luận cứ, thuyết phục các cơ quan quản lý, lãnh đạo các trường

đại học, cao đẳng xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp với mỗi nhóm giảng viên nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận chính trị trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay. Để thích ứng với cuộc cách mạng trên, công tác giảng dạy lý luận chính trị cần đổi mới từ chương trình, nội dung tới phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho toàn xã hội.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Công văn số 3056/BGDĐT-GDĐH ngày 19/7/2019 về việc hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị.

2. Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, II, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

3. Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Thị Thu Hiền (2019), *Vai trò của đội ngũ giảng viên lý luận chính trị trong cách mạng công nghiệp 4.0 ở Việt Nam*, Tạp chí “Đại học Khoa học và Công nghệ” (Chuyên san Khoa học Xã hội, Nhân văn và Kinh tế), Đại học Thái Nguyên, Số 12 - Tập 205 (9/2019).

4. Trần Văn Hiếu (2018), *Giảng dạy lý luận chính trị trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0*. Hội thảo khoa học “Cách mạng công nghiệp 4.0 với việc giảng dạy lý luận chính trị ở các trường đại học, cao đẳng” (11/2018).

5. Phùng Xuân Nhạ (2018), *Giáo dục Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư*. Tập tin Văn bản của Đại học Vinh, ngày 15/08/2018.

6. Thủ tướng Chính phủ (2017), Chỉ thị số 16/ CT-TTg ngày 4 tháng 5 năm 2017 về Tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Hà Nội.

# VẬN DỤNG SÁNG TẠO CÁC PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÍCH CỰC TRONG GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ NGHỆ AN HIỆN NAY

ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh<sup>[1]</sup>

**Tóm tắt:** *Nếu quan niệm dạy học là một nghệ thuật, thì đó là nghệ thuật thức tỉnh trong tâm hồn người học tính ham hiểu biết, giúp họ suy nghĩ và hành động tích cực mà tính ham hiểu biết đúng đắn và sinh động chỉ có được trong đầu óc khi thoải mái. Nếu nhồi nhét kiến thức một cách miễn cưỡng thì hiệu quả giáo dục khó đạt được như mong muốn mà cần phải “biết thưởng thức” nó một cách ngon lành. Vì vậy, cần coi trọng kỹ năng sư phạm của người thầy vì sự thành công hay thất bại phụ thuộc rất lớn vào giảng viên, nếu người giảng viên, khéo léo, biết phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học viên thì chất lượng học tập sẽ được nâng cao.*

**Từ khóa:** *Dạy học; tích cực; phương pháp; giáo dục*

## 1. Đặt vấn đề

Đổi mới dạy học lý luận chính trị là một quá trình gắn liền với sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước, của Đảng và nhân dân ta. Trường Chính trị Nghệ An là đơn vị chịu trách nhiệm đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Suốt chặng đường hoạt động, dù trong hoàn cảnh nào, trường Chính trị Nghệ An đều cố gắng khắc phục mọi khó khăn, tích cực đổi mới dạy học lý luận chính trị hoàn thành nhiệm vụ của mình và đã đào tạo được một đội ngũ cán bộ rất lớn cho tỉnh nhà. Tuy vậy, để bài giảng lý luận chính trị đạt chất lượng, có tính thuyết phục cả về lý luận và thực tiễn là điều không dễ.

---

1 Khoa Lý luận cơ sở - Trường Chính trị tỉnh Nghệ An

Việc nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc áp dụng phương pháp dạy học tích cực là vấn đề cấp thiết trong hoạt động dạy học. Vì vậy, việc tiếp tục tập trung đẩy mạnh việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực sáng tạo là nhiệm vụ được nhà trường hết sức quan tâm. Bên cạnh việc thực hiện các nhiệm vụ như: nâng cao nhận thức tư tưởng, trách nhiệm của giảng viên đối với việc áp dụng phương pháp dạy học tích cực; tăng cường công tác lãnh đạo quản lý trong việc chỉ đạo việc áp dụng phương pháp dạy học tích cực và rèn luyện kỹ năng dạy học tích cực cho đội ngũ giảng viên; nâng cao trình độ nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng phương pháp dạy học tích cực, và bổ sung kiến thức thực tế cho giảng viên... thì việc đưa ra một số cách vận dụng sáng tạo phương pháp dạy học tích cực phù hợp với đối tượng học viên là việc làm hết sức thiết thực.

## 2. Nội dung

Dưới đây xin nêu một số cách áp dụng những phương pháp dạy học tích cực với mong muốn tiếp tục chia sẻ kinh nghiệm, thống nhất nhận thức nhằm góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy như sau:

*Trong phương pháp nêu ý kiến ghi lên bảng:* Cách tiến hành thông thường là cử 2 học viên lên bảng để luân phiên nhau ghi lại các ý kiến.

Nhưng chúng ta có thể vận dụng sáng tạo bằng những cách khác nhau tùy từng điều kiện cụ thể mà hiệu quả sẽ tốt hơn như:

*Cách 1:* Giáo viên có thể ghi hộ các ý kiến của học viên để tiết kiệm thời gian đối với những bài giảng dài, nhiều kiến thức.

*Cách 2:* Mỗi học viên (hoặc nhóm học viên trong mỗi bàn) tự ghi ý kiến của mình lên giấy và găm lên bảng). Cách này sẽ có vẻ gây xáo trộn trật tự một chút nhưng ưu thế của nó là tạo được sự sôi nổi, phá tan sự cứng nhắc trong việc học tập lý luận chính trị.

*Cách 3:* Thực hiện lấy ý kiến bằng việc chơi trò chơi. Cả lớp chia ra 2 hoặc 3 đội để lấy ý kiến, mỗi nhóm là một nửa hoặc 1/3 lớp (Dọc 1 dãy bàn) và tiến hành theo cách: số học viên của đội nào thì cho ý kiến của chủ đề ấy. Từng đội liên tục cho ý kiến theo trật tự đội 1- đội 2- đội 3 (theo kiểu đấu trực tiếp), đội nào không đưa ra được ý kiến tiếp theo thì trò chơi dừng lại, tuyên bố phần thắng thua của các đội, nếu hết thời gian quy định mà các đội vẫn chưa dừng thì tuyên bố hòa.

*Trong phương pháp tình huống* có thể có nhiều dạng tình huống: Tình huống mang tính thời sự và sát thực tế. Tình huống có nhiều giải pháp để giải quyết. Tình huống trong thực tế gắn với ý nghĩa phương pháp luận để neo chốt kiến thức lý luận (cách này phù hợp với các môn lý luận cơ bản) và chúng ta có thể vận dụng một cách sáng tạo như:



*Cách 1:* Kết hợp phương pháp tình huống với phương pháp đóng vai. Ví dụ: Đưa ra một tình huống cụ thể rồi yêu cầu học viên: là chủ tịch UBND phường, xã (hoặc.....) đồng chí sẽ giải quyết như thế nào?

*Cách 2:* Chúng ta có thể kết hợp phương pháp tình huống với phương pháp nhóm: Tổ này đưa tình huống để tổ khác giải quyết tình huống

*Cách 3:* Tổ chức phương pháp theo phương pháp trò chơi dưới dạng: học viên nào đưa ra tình huống có thể được chọn người giải quyết tình huống....nếu không giải được thì có thể bị một hình phạt vui nào đó như: ai giải được tình huống này được phép đưa ra yêu cầu phạt người không giải được tình huống (trả lời tiếp một câu hỏi...)

*Trong phương pháp hỏi - đáp cũng có thể triển khai nhiều hình thức ngoài cách thực hiện thông thường:* Giảng viên hỏi, học viên trả lời mà có thể học viên hỏi, giảng viên trả lời. Theo hình thức này, giảng viên tạo cho học viên một môi trường học tập hoàn toàn chủ động và mang tính sáng tạo. Sau mỗi phần của bài giảng hoặc sau khi kết thúc một chuyên đề, thậm chí có thể để mở đầu một chuyên đề hay bài giảng mới, giảng viên đề nghị học viên đưa ra những câu hỏi còn thắc mắc hay chưa rõ liên quan đến nội dung bài giảng, những vấn đề mà học viên quan tâm đến theo chuyên đề đó. Sau khi thu thập toàn bộ số câu hỏi của học viên, các câu hỏi này nên được viết lên bảng hoặc viết ra giấy định trên bảng ghim trong suốt thời gian giảng viên trả lời. Giảng viên nên phân loại các câu hỏi đó theo câu hỏi chung hay phân loại câu hỏi theo nội dung, phần của bài giảng. Trên cơ sở đó giảng viên sẽ trả lời những vấn đề mà học viên đưa ra, đồng thời những câu trả lời phải có tính định hướng theo mục tiêu bài giảng mà giảng viên đã đặt ra.

*Cách 3:* Giảng viên và học viên cùng trao đổi. Đây được xem là hình thức đặc biệt trong phương pháp hỏi đáp, thường được áp dụng đối với loại câu hỏi mang tính phức tạp hơn, với những vấn đề cần thảo luận sâu. Với hình thức này sẽ tạo được vòng thảo luận đa chiều: không chỉ là trao đổi giữa giảng viên với các học viên, mà còn giữa học viên với học viên. Cần lưu ý rằng, vai trò của người giảng viên khi áp dụng hình thức này phải vô cùng khéo léo và linh hoạt, người giảng viên phải điều khiển cuộc thảo luận đa chiều này sao cho không được quá sôi nổi đến mức tranh cãi căng thẳng, cũng không được để cuộc thảo luận rơi vào tình trạng tẻ nhạt và mau chóng kết thúc. Chính vì lý do này mà việc chọn lựa câu hỏi hay chủ đề đưa ra thảo luận phải được cân nhắc kỹ lưỡng. Câu hỏi phải phù hợp với trình độ của học viên với loại câu hỏi hay chủ đề đưa ra phải thuộc loại câu hỏi có nhiều phương án trả lời.

*Cách 4:* Học viên hỏi - học viên trả lời chính là cách đưa học viên làm chủ phương pháp hỏi - đáp (có thể thực hiện kết hợp với phương pháp nhóm). Cụ thể,

phương pháp này được thực hiện như sau: Chia lớp ra 2 nhóm, có thể giữ nguyên chỗ ngồi. Giảng viên đưa ra yêu cầu về nội dung (chủ đề). Sau đó phân công nhóm 1 đặt câu hỏi, nhóm 2 có nhiệm vụ trả lời và có thể 1 hay một cụm câu hỏi. Các nhóm có thời gian suy nghĩ 3- 5 phút, yêu cầu trả lời ngắn gọn, đi vào nội dung chính. Phương pháp này có thể thực hiện đầu hoặc cuối bài hoặc buổi thảo luận đều được. Tuy nhiên, để thực hiện phương pháp này yêu cầu đối với giảng viên hơi cao, nó đòi hỏi giảng viên phải có vốn kiến thức sâu, rộng, khả năng phản xạ tốt.

*Trong phương pháp thảo luận nhóm cũng có thể* chú trọng đến hoạt động độc lập, hướng vào học viên, phát huy cao độ tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học viên. Vì các lớp học của Trung cấp LLCT thường có khoảng 80 học viên, phòng học thường không rộng lắm cho nên việc chia nhóm có một số khó khăn nhất định. Giảng viên có thể chia lớp học thành các nhóm nhỏ (3 đến 5 người trong một bàn học và giữ nguyên vị trí) để thảo luận một vấn đề cụ thể nào đó và nhanh chóng đưa ra kết luận tập thể về các vấn đề đó. Nội dung thảo luận của nhóm thông thường là các vấn đề ngắn, thời lượng ít (5 đến 10 phút).

Hoặc có thể làm việc theo nhóm lớn: Giảng viên chia lớp thành 2 nhóm: 1 nhóm thảo luận và 1 nhóm quan sát (sau đó hoán vị cho nhau). Nhóm thứ nhất có nhiệm vụ thảo luận và trình bày vấn đề được giao. Các thành viên khác trong nhóm khác đóng vai người quan sát và phản biện. Hình thức nhóm này rất có hiệu quả đối với việc làm tăng ý thức trách nhiệm cá nhân trước tập thể và tạo động cơ cho những người trình bày ý tưởng của mình trước tập thể.

### **3. Kết luận**

Tựu trung lại, đổi mới phương pháp dạy học hiện nay đã trở thành một yêu cầu cấp bách và cần được đẩy mạnh hơn nữa để tạo được sự biến đổi về chất trong quá trình dạy học. Tuy nhiên, chuyển từ phương pháp dạy học cũ sang phương pháp dạy học mới là không dễ dàng. Song nếu mỗi giảng viên có sự nỗ lực và trăn trở đối với mỗi bài giảng thì chắc chắn rằng nó sẽ tạo nên một sức sống mới cho những bài giảng lý luận chính trị vốn bị xem là khô khan bằng phương pháp dạy học tích cực và sáng tạo.

# NHỮNG ĐIỂM MỚI TRONG VĂN KIỆN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG CẦN QUÁN TRIỆT, VẬN DỤNG VÀO CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU, GIẢNG DẠY BỘ MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

ThS. Nguyễn Thị Kim Thi<sup>[1]</sup>

**Tóm tắt:** *Thực hiện Chỉ thị số 01- CT/TW, ngày 9/3/2021 của Bộ Chính trị “Về việc nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng”; đồng thời xuất phát từ yêu cầu của việc đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác nghiên cứu giảng dạy lý luận chính trị hiện nay. Việc quán triệt, vận dụng những điểm mới trong nội dung văn kiện Đại hội vào việc nghiên cứu, giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là một yêu cầu cần thiết. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ ra những điểm mới trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng cần quán triệt, vận dụng vào công tác nghiên cứu, giảng dạy bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh trên các nội dung như: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; xây dựng Đảng và củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng; xây dựng nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; xây dựng khối Đại đoàn kết dân tộc; về văn hóa và xây dựng con người mới.*

**Từ khóa:** *Đại hội Đảng lần thứ XIII; Quán triệt; Nghiên cứu; Tư tưởng Hồ Chí Minh*

## 1. Đặt vấn đề

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã diễn ra thành công tốt đẹp, đây là một sự kiện chính trị trọng đại, một dấu mốc rất quan trọng, có ý nghĩa định

---

1 Khoa Giáo dục Chính trị - Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh

hướng, cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững. Đại hội lần này được chuẩn bị công phu với nhiều điểm mới, điểm nhấn trong các văn kiện hướng tới khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Đối với việc giảng dạy các môn lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân, việc quán triệt, vận dụng những quan điểm mới trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII có tầm quan trọng chiến lược nhằm tạo bước tiến mới, có kết quả, chất lượng cao hơn, góp phần làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, quan điểm của Đảng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống xã hội; đảm bảo thế hệ trẻ Việt Nam luôn trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa.

## 2. Nội dung

Gắn chương trình môn Tư tưởng Hồ Chí Minh giảng dạy tại các trường Đại học, Cao đẳng trên cả nước với nội dung văn kiện Đại hội XIII, theo chúng tôi, trong quá trình giảng dạy cần chú ý một số vấn đề sau đây:

*Thứ nhất*, nhận thức đầy đủ hơn về độc lập dân tộc và đặc trưng, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn mới.

Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh một đánh giá mới, rất quan trọng về vị thế của đất nước sau 35 năm đổi mới: “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”<sup>[1]</sup>. Năm 2020, Việt Nam là một trong những quốc gia tăng trưởng cao nhất thế giới (2,91%), quy mô GDP xấp xỉ 345 tỷ USD (gấp 12 lần năm 1985), thu nhập bình quân đầu người đạt trên 3.520 USD (so với 230 USD năm 1985), xuất siêu đạt kỷ lục gần 20 tỷ USD<sup>[2]</sup>. Tỷ lệ nghèo tiếp cận đa chiều năm 2020 khoảng 4,7%<sup>[3]</sup>. Việt Nam xếp thứ 42/131 quốc gia nền kinh tế về chỉ số đổi mới sáng tạo, tăng 17 bậc so với năm 2016, dẫn đầu nhóm 29 quốc gia có cùng mức thu nhập và đứng thứ 3 khu vực Đông Nam Á.

Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của 35 năm đổi mới chính là thành quả từ việc hiện thực hóa lý luận về độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội, với những nhận thức và tư duy mới đúng đắn, phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Đất nước ta đã vươn mình thoát khỏi vị trí một nước nghèo nàn, lạc hậu, trình độ phát triển thấp trở thành một nước phát triển trung bình; tiềm lực kinh tế liên tục tăng cao; đời sống nhân dân được cải thiện và nâng cao rõ rệt; chính trị xã hội ổn định;

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr.25.

2 Xem Nguyễn Việt Thảo: “Đại hội XIII của Đảng mở đường cho đất nước bước vào thời kỳ phát triển mới”, Tạp chí “Lý luận chính trị”, số 1 - 2021, tr.5.

3 Tổng cục Thống kê, Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2020.

dân chủ ngày càng được mở rộng; chủ quyền quốc gia được bảo vệ vững chắc; vị thế, uy tín quốc tế không ngừng được nâng cao...

Trong tiến trình đổi mới, Đảng nhận diện ngày càng rõ hơn về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trước bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng. Tiến trình đổi mới là sự tiếp tục vận động của những quan niệm mới về chủ nghĩa xã hội và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng, được hình thành dựa trên những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa những nhận thức đúng đắn mà Đảng đã tích lũy được trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.<sup>[1]</sup>

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, là nội dung nổi bật, xuyên suốt và chủ đạo trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Đường lối độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là một trong những nguyên nhân của mọi thắng lợi vẻ vang trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc và mãi là ánh sáng soi đường cho sự nghiệp đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng trong thế kỷ XXI của Đảng và nhân dân Việt Nam.

*Thứ hai, về xây dựng Đảng và củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng*

Trên cơ sở đánh giá đúng tình hình trong nước, khu vực, thế giới và dự báo xu thế phát triển của thời đại, Đại hội XIII của Đảng đã xác định phương hướng công tác xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ là: *“Tiếp tục kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và đường lối đổi mới của Đảng, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng và hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng. Phát huy sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, trước hết là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng, tạo sự thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong xã hội; coi trọng hơn nữa công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên; phát huy tính tiên phong, gương mẫu, trọng dân, gần dân, tin dân, hiểu dân, học dân của cán bộ, đảng viên. Tăng cường hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, củng cố và không*

---

1 Nguyễn Phú Trọng (chủ biên): *Về định hướng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.303.

*ngừng nâng cao niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Xây dựng, hoàn thiện chính sách phát hiện, thu hút, sử dụng nhân tài; có cơ chế bảo vệ những cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, quyết liệt trong hành động vì lợi ích chung, đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng và kiểm soát chặt chẽ quyền lực. Đẩy mạnh đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí”<sup>[1]</sup>.*

Trên cơ sở kế thừa và đánh giá kết quả việc thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ Đại hội XII, Đại hội XIII của Đảng đề ra 10 nhiệm vụ, giải pháp đồng bộ về công tác xây dựng Đảng để thực hiện, trong đó có nhiều nội dung được bổ sung, phát triển cho phù hợp với thực tiễn và đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới. Cụ thể như sau: *Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị; Coi trọng xây dựng Đảng về tư tưởng; Tập trung xây dựng Đảng về đạo đức; Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động; Nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên; Tăng cường xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu; Đổi mới mạnh mẽ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; Thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới.*

*Thứ ba, về xây dựng Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân*

*Một là, về chủ trương, các văn kiện của Đảng lần này nhấn mạnh, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước. Trong điều kiện mới, xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở các nguyên tắc pháp quyền, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước. Tiếp tục xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động; xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan nhà nước. “Lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm*

---

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tập 2, tr. 228 - 230.

*yêu cầu phát triển nhanh, bền vững*<sup>[1]</sup>. Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định. Đẩy nhanh tiến độ ban hành các luật trực tiếp triển khai thi hành Hiến pháp 2013.

*Hai là, về Tư pháp, nhấn mạnh, yêu cầu tiếp tục xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Hoạt động tư pháp phải có trọng trách bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân. Bổ sung nội dung: “Nghiên cứu, ban hành Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045, trong đó có Chiến lược cải cách tư pháp”<sup>[2]</sup>. Tiếp tục đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động và uy tín của tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án và các cơ quan, tổ chức tham gia vào quá trình tố tụng tư pháp; phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả với hoạt động của tội phạm và vi phạm pháp luật; giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các loại tranh chấp, khiếu kiện theo luật định. Tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật của người dân và doanh nghiệp.*

*Ba là, về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, so với Đại hội XII của Đảng, lần này bổ sung: Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, năng lực phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước, có cơ chế lựa chọn, đào tạo, thu hút, trọng dụng nhân tài, khuyến khích, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương đi đôi với cải cách tiền lương, chế độ, chính sách, đãi ngộ, tạo môi trường, điều kiện làm việc để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phục vụ phát triển. Đưa ra yêu cầu, có cơ chế sàng lọc, thay thế kịp thời những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm pháp luật, kỷ luật, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, không còn uy tín đối với nhân dân.*

*Thứ tư, Quan điểm về đại đoàn kết toàn dân tộc trong văn kiện Đại hội XIII*

Về đường lối chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc, Đảng tiếp tục khẳng định và nhấn mạnh, coi đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đặc biệt, nội dung chủ yếu của đường lối này đã được nêu trong Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa IX. Đại hội XIII một lần nữa thống nhất với những tinh thần nói trên về đường lối chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc trong nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

*Một là, tiếp tục khẳng định tầm quan trọng chiến lược của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.*

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tập 1, tr.175.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tập 1, tr.177.

Quan điểm chỉ đạo của Đại hội XIII xác định: Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

*Hai là, xác định rõ mục tiêu của chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc.*

Tại Đại hội XIII, Đảng ta đã xác định mục tiêu của cách mạng nước ta là: Phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu để đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

*Ba là, xác lập rõ các thành tố của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.*

Quan điểm của Đại hội XIII thể hiện rõ, khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở Việt Nam hiện nay được cấu thành bởi mọi người dân Việt Nam trong tất cả các dân tộc, tôn giáo, các giai cấp, tầng lớp, bộ phận xã hội khác nhau. Mỗi giai cấp, tầng lớp, mỗi bộ phận xã hội đều đóng góp một vai trò nhất định trong việc tạo nên sức mạnh chung của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đều được Đảng ta trân trọng và phát huy trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tiếp tục phát triển quan điểm của Đại hội XII, *Đại hội XIII khẳng định tầm quan trọng không thể thay thế của tất cả các giai cấp, tầng lớp xã hội nhưng không xác định vai trò “nền tảng” của khối đại đoàn kết toàn dân tộc đối với bất kỳ giai cấp, tầng lớp nào.* Điều đó không làm giảm đi sự vững chắc, sức mạnh vô địch của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, không ảnh hưởng đến định hướng, mục tiêu của việc xây dựng khối đại đoàn kết, mà ngược lại còn làm cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc càng thêm bền chắc, không ngừng mở rộng và phát huy được tối đa sức mạnh.

*Thứ năm, về văn hóa và xây dựng con người mới*

Một trong những điểm nhấn rất quan trọng của Đại hội XIII của Đảng là xác định các quan điểm, chủ trương mới, toàn diện và sâu sắc về phát triển văn hóa, con người Việt Nam nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng đất nước ta cường thịnh, phồn vinh, hạnh phúc.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, bên cạnh việc phát huy sức mạnh tổng hợp quốc gia (về chính trị, kinh tế, tài nguyên thiên nhiên, con người, nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, an ninh, quốc phòng, đối ngoại...) thì nguồn lực văn hóa đang được nhiều quốc gia coi là một “sức mạnh mềm” quan trọng để phát triển nhanh, bền vững và nâng cao vị trí, vai trò trên trường quốc tế. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã yêu cầu “Khẩn trương triển khai phát triển có trọng tâm, trọng điểm ngành công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa trên cơ sở xác định và phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam, vận dụng có hiệu quả



các giá trị, tinh hoa và thành tựu mới của văn hóa, khoa học, kỹ thuật, công nghệ của thế giới”<sup>[1]</sup>.

Thuật ngữ “sức mạnh mềm”, “phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam” lần đầu tiên xuất hiện trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã khẳng định, các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, bản sắc văn hóa Việt Nam và sức mạnh con người Việt Nam đã trở thành cội rễ của sức mạnh mềm văn hóa dân tộc, là sức mạnh nội sinh, là nguồn lực và động lực to lớn của đất nước trong phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

Đại hội XIII với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, lần đầu tiên đã nêu yêu cầu: “Từng bước vươn lên khắc phục các hạn chế của con người Việt Nam”<sup>[2]</sup>. Phải chăng đó là tâm lý tiểu nông, là tính ỷ lại, dựa dẫm, tính đố kỵ, thiếu kỹ năng hợp tác, thiếu ý thức tôn trọng pháp luật... Các mặt hạn chế của con người Việt Nam cần phải được nhận biết, được phê bình, tự phê bình nghiêm khắc, cần phải được sửa chữa, khắc phục để cho dân giàu, nước mạnh.

Đại hội XIII của Đảng xác định: “Lấy con người là trung tâm của phát triển và được chia sẻ những thành quả của quá trình phát triển”<sup>[3]</sup>. Cần thực hiện tốt hơn các chính sách xã hội, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, phúc lợi văn hóa, an ninh văn hóa, an ninh con người, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của nhân dân. Tổng đầu tư của nhà nước và xã hội cho phát triển sự nghiệp văn hóa; đổi mới cơ chế, chính sách nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư. Hoàn thiện và bổ sung các cơ chế chính sách để đẩy mạnh xã hội hóa văn hóa đúng định hướng XHCN trong nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế.

### 3. Kết luận

Việc quán triệt và vận dụng đúng đắn quan điểm của Đảng được thể hiện rõ trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII vào quá trình nghiên cứu, giảng dạy lý luận chính trị nói chung và môn Tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng là yêu cầu cần thiết và quan trọng. Từ những quan điểm đó, làm phong phú và sáng tạo hơn công tác tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận của chúng ta hiện nay. Góp phần đưa chủ trương, quan điểm của Đảng đến gần hơn với quần chúng nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, thanh niên, sinh viên, nhằm hiện thực hóa những quan điểm chỉ đạo đó vào thực tiễn công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

---

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tập 1, tr.145.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tập 1, tr.143.

3 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sđd*, tập 2, , tr.81.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 1*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 2*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Nguyễn Việt Thảo (2021), “*Đại hội XIII của Đảng mở đường cho đất nước bước vào thời kỳ phát triển mới*”, Tạp chí “*Lý luận chính trị*”, số 1.
4. Nguyễn Phú Trọng (chủ biên) (2001), *Về định hướng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Tổng cục Thống kê, *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2020*.

# CHỦ NGHĨA NHÂN VĂN MÁC XÍT MỐI LIÊN HỆ MẬT THIẾT GIỮA NGUYÊN TẮC KIÊN ĐỊNH CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀ NHỮNG GIÁ TRỊ CHUNG CỦA NHÂN LOẠI ĐƯỢC TIẾP THU TRONG VĂN KIỆN ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XIII

Phan Huy Chính<sup>[1]</sup>

**Tóm tắt:** Văn kiện Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định và bổ sung những quan điểm có tính nguyên tắc trong sự nghiệp đổi mới đã được nêu ra ở các kỳ Đại hội Đảng trước đó, mà nguyên tắc hàng đầu, bất di bất dịch, là kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời Đại hội XIII cũng tiếp tục nhấn mạnh và làm rõ hơn những giá trị chung của nhân loại mà Đảng ta đã tiếp thu có chọn lọc như kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền, dân chủ và hạnh phúc. Nguyên tắc kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin nói trên giữ vai trò đảm bảo cho đường lối của Đảng luôn được soi sáng bởi một lý luận cách mạng triệt để nhất, khoa học nhất. Còn việc tiếp thu những giá trị mang tính nhân loại trong văn kiện kỳ Đại hội vừa qua cho thấy một tính chất ngày càng rõ nét của sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta: phát triển vì con người để hòa nhập, cộng hưởng với những giá trị chung của nhân loại, cũng như tiếp thu những giá trị nhân loại để phát triển vì con người. Có mối liên hệ lý luận mật thiết nào giữa nguyên tắc kiên định nói trên và những giá trị mang tính nhân loại được nêu trong văn kiện Đại hội XIII? Theo chúng tôi, đây là một vấn đề mà những người làm công tác nghiên cứu, giảng dạy lý luận chính trị ở Việt Nam cần làm rõ để hiểu sâu sắc hơn tinh thần của văn kiện các kỳ Đại hội Đảng gần đây, đặc biệt là văn kiện Đại hội XIII.

**Từ khóa:** Triết học Mác - Lênin những giá trị chung

---

1 Khoa Giáo dục chính trị - Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Vinh

## Nội dung nghiên cứu

Nói đến chủ nghĩa Mác, người ta thường nhấn mạnh đến tính chất khoa học và cách mạng của nó nhiều hơn là tính nhân văn. Và để lý giải mối liên hệ giữa nguyên tắc kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với những giá trị chung của nhân loại được khẳng định trong văn kiện Đại hội XIII, chúng ta hoàn toàn có thể tiếp tục nói về bản chất khoa học và cách mạng của học thuyết. Nhưng theo chúng tôi, vấn đề sẽ được làm rõ hơn nếu ta chú ý tới bản chất nhân văn của chủ nghĩa Mác.

Trên thực tế, chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung, triết học Mác - Lênin nói riêng, từ xuất phát điểm đã là một học thuyết nhân văn. Chủ nghĩa nhân văn mácxít tiếp nối truyền thống nhân văn thời Cận đại, khởi đầu từ thời Phục hưng, trong đó có cả chủ nghĩa nhân văn xã hội chủ nghĩa không tưởng. Cuộc cách mạng trong triết học do Mác và Ăngghen thực hiện, với thành tựu vĩ đại là chủ nghĩa duy vật lịch sử, đồng thời cũng tạo ra một bước ngoặt trong sự phát triển của chủ nghĩa nhân văn phương Tây. Vị trí trung tâm của con người cá nhân trừu tượng trong chủ nghĩa nhân văn truyền thống giờ đây được thay bằng những cá nhân hiện thực, mang bản chất xã hội trong chủ nghĩa nhân văn mácxít. Điểm lại một số phát biểu của Mác về con người để làm rõ: "...Nhưng bản chất con người không phải là một cái trừu tượng cố hữu của cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội"<sup>[1]</sup>. "Những tiền đề xuất phát của chúng tôi không phải là những tiền đề tùy tiện, không phải là giáo điều; đó là những tiền đề hiện thực mà người ta chỉ có thể bỏ qua trong trí tưởng tượng mà thôi. Đó là những cá nhân hiện thực, là hoạt động của họ và những điều kiện sinh hoạt vật chất của họ... Những tiền đề ấy là có thể kiểm nghiệm được bằng con đường kinh nghiệm thuần túy"<sup>[2]</sup>. Các nhà nhân văn trước Mác quan tâm những đau khổ, bi kịch của con người cá thể, cô lập. Mác quan tâm đến bi kịch của con người xã hội: *sự tha hóa của con người khỏi con người*. Vượt lên các quan niệm nhân văn trước đó của L.Phoiobắc và của các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng S.Phuriê, R.Ôoen, Mác chỉ ra nguồn gốc hiện thực của sự tha hóa bản thân con người là *lao động bị tha hóa* và *sở hữu tư nhân*, cũng như con đường để khắc phục tình trạng tha hóa là xóa bỏ chế độ tư hữu bằng một cuộc cách mạng triệt để do giai cấp vô sản tiến hành. Đó cũng là xuất phát điểm nhân văn chủ nghĩa của Mác khi phân tích thực trạng người công nhân làm thuê trong xã hội tư bản.

Mục đích cao nhất mà chủ nghĩa Mác hướng đến không giới hạn ở giải phóng giai cấp công nhân, mà là giải phóng con người. Chính các nhà sáng lập chủ nghĩa

1 C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, tr.11.

2 C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Sđd*, tập 3, tr.28-29.

xã hội khoa học đã khẳng định điều này trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*: “Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”<sup>[1]</sup>. Đó là công thức nổi tiếng của chủ nghĩa nhân văn hiện thực mácxít, thể hiện mục tiêu của công cuộc cải tạo xã hội vĩ đại do giai cấp công nhân lãnh đạo, giai cấp mà “sự giải phóng của họ bao hàm sự giải phóng toàn thể loài người”<sup>[2]</sup>.

Như thế có thể thấy chủ nghĩa Mác hoàn toàn không phải là một học thuyết bên lề của dòng chảy tư tưởng nhân văn của nhân loại. Ngược lại, nó kế thừa chủ nghĩa nhân văn truyền thống và phát triển lên một tầm cao mới.

Đến Lênin, tư tưởng giải phóng giai cấp, giải phóng nhân loại của Mác, Ăngghen được ông áp dụng vào các vấn đề dân tộc và thuộc địa với bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* (1920) nổi tiếng. Trong đó ông trình bày tư tưởng nhân văn cách mạng của mình về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, về giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Chúng ta đều biết Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy ở *Luận cương* này con đường để giành độc lập, tự do cho dân tộc, và bước ngoặt của cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX đã diễn ra như thế nào.

Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là tấm gương trong việc kế thừa, phát huy cả tư tưởng nhân văn truyền thống phương Tây, chủ nghĩa nhân văn mácxít và chủ nghĩa yêu nước trong điều kiện cách mạng cụ thể ở nước ta. Điều đó thể hiện rất sáng rõ trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* ngày 2.9.1945: “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”... Lời bất hủ ấy ở trong bản *Tuyên ngôn độc lập* năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”<sup>[3]</sup>.

Có thể nói, chủ nghĩa Mác - Lênin có bản chất nhân văn hiện thực hết sức sâu sắc, từ điểm xuất phát cho đến mục tiêu cuối cùng. Theo chúng tôi, đó là chất keo tự nhiên gắn kết đường lối đối mới hiện nay của Đảng ta với những giá trị nhân văn chung của nhân loại.

Văn kiện Đại hội XIII đã tiếp thu có chọn lọc những giá trị có tính nhân loại như *kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền, dân chủ, hạnh phúc*. Những giá trị đó đều hướng đến sự phát triển toàn diện của con người. Giá trị *dân chủ* đề cao bản chất chính trị vì nhân dân của chế độ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng. Giá trị *nhà nước pháp quyền* bảo vệ cho nguyên tắc thượng tôn pháp luật của bộ máy nhà nước, đòi hỏi pháp luật được xây dựng và thực thi nhằm bảo vệ các quyền của công

1 C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Sđd*, tập 4, tr.628.

2 C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Sđd*, tập 4, tr.143.

3 Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

dân, dựa trên cơ sở các quyền con người được nêu trong các Công ước của Liên Hiệp Quốc mà Việt Nam đã tham gia. Giá trị *kinh tế thị trường* thừa nhận quyền tự do kinh doanh của người dân, tôn trọng sự cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, cũng như tôn trọng quyền tự do lựa chọn của người tiêu dùng trên thị trường; khách hàng luôn đúng. Giá trị *hạnh phúc* là một thước đo hết sức cụ thể đối với chất lượng cuộc sống mỗi người mà không một xã hội nhân đạo nào có thể bỏ qua. Đây là giá trị đã xuất hiện trong Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ từ thế kỷ XVIII và trong Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 của Việt Nam mà ta đã đề cập ở trên.

Như đã trình bày, những giá trị chung của nhân loại mà Văn kiện Đại hội XIII của Đảng tiếp thu có chọn lọc đều có tính chất nhân văn. Sự tiếp biến đó, xét về bản chất, là tự nhiên bởi chủ nghĩa Mác - Lênin mà Đảng ta kiên định có bản chất nhân văn từ trong cội nguồn. Trên thực tế, chúng ta đều biết quá trình tiếp nhận, chọn lọc những giá trị nhân loại này đã gặp không ít khó khăn, do những hoàn cảnh lịch sử nhất định của đất nước, cũng như bản thân sự nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội không phải là một việc dễ dàng. Những khó khăn sẽ còn nảy sinh. Con đường vẫn còn nhiều chông gai. Nhưng chúng ta đã ý thức được xu thế đó. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã khẳng định thực tiễn tiếp biến các giá trị nhân văn của nhân loại, khẳng định mục đích phát triển vì con người của công cuộc đổi mới. Tất cả đã bắt nguồn từ bản chất nhân văn sâu sắc của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

# TĂNG CƯỜNG TÍNH THỰC TIỄN TRONG GIẢNG DẠY MÔN TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN THEO CÔNG VĂN SỐ 3056/BGDĐT-GDĐH CỦA BỘ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO

ThS. Nguyễn Khánh Ly<sup>[1]</sup> - TS. Nguyễn Thị Kim Dung<sup>[2]</sup>

**Tóm tắt:** *Đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp giảng dạy các môn Lý luận chính trị, trong đó có môn Triết học Mác - Lênin như tinh thần của Công văn số 3056/BGDĐT-GDĐH của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo hướng gắn lý luận với thực tiễn là một yêu cầu thực tế khách quan, nhằm khắc phục tình trạng giảng dạy kinh viện, thuần túy lý luận, “lý luận suông” không gắn với thực tế cuộc sống. Từ thực tiễn giảng dạy, bài viết làm rõ sự cần thiết và gợi mở một số giải pháp nhằm tăng cường hơn nữa tính thực tiễn trong giảng dạy môn Triết học Mác - Lênin, góp phần nâng cao hiệu quả, đáp ứng những đòi hỏi mới của giáo dục đại học hiện nay.*

**Từ khóa:** *Tăng cường tính thực tiễn, Thực tiễn trong giảng dạy, Triết học Mác - Lênin*

## 1. Đặt vấn đề

Xu thế hội nhập quốc tế sâu rộng, kinh tế - xã hội phát triển mở ra nhiều cơ hội học tập và việc làm tốt hơn cho mọi người nhưng xã hội cũng đặt ra cho giáo dục - đào tạo nói chung, giáo dục lý luận chính trị nói riêng những yêu cầu mới, ngày càng cao và toàn diện hơn. Vì vậy, việc “tiếp tục đổi mới đồng bộ mục tiêu, nội dung, chương trình, phương thức, phương pháp giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế” [Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập I, tr.136] là yêu cầu tất yếu khách quan.

---

1,2 Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

Giáo dục Lý luận chính trị hiện nay, không chỉ dừng ở cung cấp kiến thức lý luận khoa học, nhằm định hướng tư tưởng chính trị, đạo đức, lý tưởng, lối sống... mà phải trang bị những kỹ năng thực tế cho sinh viên - Tức là gắn quá trình tiếp thu, hiểu tri thức khoa học với thực tế việc hình thành, củng cố, phát triển những kỹ năng sống, kỹ năng hành động cho người học.

Giảng dạy môn Triết học Mác - Lênin nhằm mục đích trang bị thế giới quan, phương pháp luận, là nền tảng để sinh viên tiếp cận, nắm bắt tri thức khoa học và lý giải những vấn đề thực tế đặt ra. Nhưng nội dung lý luận Mác - Lênin luôn trừu tượng, có tính khái quát cao, gây khó khăn cho quá trình truyền đạt và tiếp thu kiến thức. Vì vậy, tăng cường tính thực tiễn, đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy là đòi hỏi tất yếu - Đây là nhiệm vụ quan trọng nhưng nhiều khó khăn và thách thức với đội ngũ giảng viên hiện nay. Hoàn thành sứ mệnh này, giảng viên phải cần sự đầu tư công phu, toàn diện hơn về nội dung và phương pháp để đưa những nội dung lý luận và giá trị khoa học, cách mạng của Triết học Mác - Lênin thấm thâu, “ăn sâu, bám rễ” trong nhận thức của sinh viên.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### ***2.1. Tất yếu phải tăng cường tính thực tiễn trong giảng dạy Triết học Mác- Lênin***

Thực tiễn giảng dạy môn Triết học Mác - Lênin thời gian qua, chúng ta đã đạt những thành tựu quan trọng, đáp ứng được một số yêu cầu đặt ra như tinh thần của Công văn số 3056/BGDĐT-GDDH ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thay đổi lại nội dung, kết cấu chương trình và phương pháp giảng dạy theo hướng gắn lý luận với thực tiễn, với thực tế đời sống chính trị - xã hội, thực chất là tăng cường hơn nữa tính thực tiễn trong giảng dạy, nhằm đưa những tư tưởng lý luận trừu tượng của Triết học Mác - Lênin gần hơn nữa với thực tế cuộc sống, khắc phục độ sai lệch giữa lý luận kinh điển, hàn lâm, đơn điệu và thực tiễn phong phú, sinh động.

Giảng dạy Triết học Mác - Lênin trong các trường đại học là hoạt động sư phạm, nhằm truyền thụ hệ thống tri thức lý luận khoa học và cách mạng cho sinh viên. Hệ thống những phạm trù, nguyên lý và quy luật là kết quả khái quát sự vận động, phát triển khách quan của tự nhiên, xã hội và tư duy con người. Đây là cơ sở lý luận để trang bị thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng khoa học; để xây dựng niềm tin, lý tưởng, phát triển kỹ năng nhận thức và hoạt động thực tiễn cho sinh viên. Giảng dạy Triết học Mác - Lênin hiệu quả, sẽ góp phần “phát triển con người toàn diện, đáp ứng những yêu cầu mới của phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư”. [Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập I, tr.136]. Như vậy, tăng cường tính thực tiễn



trong giảng dạy Triết học Mác- Lênin để gắn lý luận với thực tiễn là yêu cầu tất yếu khách quan vì:

*- Thứ nhất, thực tiễn là “kho dữ liệu” phong phú, sống động dùng làm giải thích lý luận khô khan, trừu tượng để sáng lên tính khoa học, cách mạng của Triết học Mác - Lênin.*

Triết học Mác - Lênin là hệ thống quan điểm duy vật biện chứng về tự nhiên, xã hội và tư duy - thể giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các lực lượng xã hội tiên bộ trong nhận thức và cải tạo thế giới. Chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung và Triết học Mác - Lênin nói riêng ra đời từ thực tiễn thất bại của phong trào công nhân phương Tây nửa đầu thế kỷ XIX, là kết quả sự tổng kết, kế thừa biện chứng tư tưởng lý luận từ những trào lưu Triết học, Kinh tế chính trị học và Chủ nghĩa xã hội không tưởng... trong lịch sử. Ở thế kỷ XIX, tính khoa học, tính Đảng của chủ nghĩa Mác - Lênin được Mác và Ăngghen luận giải bằng thực tiễn phát triển với những phát minh vạch thời đại của khoa học tự nhiên. Sang thế kỷ XX của Lênin và Hồ Chí Minh, tính khoa học, cách mạng được minh chứng bởi thực tiễn đấu tranh của công nhân quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc, với khởi đầu thắng lợi tại nước Nga 1917, Việt Nam 1945, Trung Quốc 1949... để khai sinh cho một xã hội mới - Cộng sản chủ nghĩa. Hiện nay, thực tiễn vận động và phát triển mạnh mẽ, sinh động, đa chiều tạo ra độ “lệch” nhất định so với lý luận gốc do Mác - Ăngghen sáng lập cách đây hơn thế kỷ. Và có cả những vấn đề thực tiễn mới đòi hỏi lý luận phải nghiên cứu để tổng kết. Vì vậy, sức sống, sự lan tỏa của những nguyên lý Triết học Mác - Lênin cần được khẳng định trong nội dung từng vấn đề đặt ra khi lên lớp của giảng viên. Bằng năng lực, sự sáng tạo, linh hoạt của mình, mỗi giảng viên cố gắng “kết nối”, vận dụng lý luận của Triết học Mác - Lênin hòa vào “thế giới dữ liệu” thực tiễn để chứng minh, cắt nghĩa cho sinh viên hiểu giá trị khoa học, cách mạng của nó. Như Hồ Chủ tịch từng nói: “lý luận rất cần thiết nhưng nếu cách học tập không đúng thì sẽ không có kết quả. Do đó, trong lúc học tập lý luận chúng ta cần nhấn mạnh: lý luận phải liên hệ với thực tiễn” [Hồ Chí Minh, 1995, tập 9, tr. 292].

*- Thứ hai, xuất phát từ thực tiễn giảng dạy môn triết học Mác - Lênin cần quán triệt nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa Mác - Lênin.*

Thực tiễn là toàn bộ hoạt động vật chất có mục đích mang tính lịch sử - xã hội của con người nhằm cải tạo tự nhiên, xã hội và chính con người. Lý luận là sự tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, sự khái quát trí thức về tự nhiên, xã hội và con người đã được tích lũy trong quá trình phát triển của lịch sử. Thực tiễn có vai trò to lớn, là cơ sở, nguồn gốc, mục đích và động lực cho sự hình thành, phát triển của lý luận. Thực tiễn còn là tiêu chuẩn duy nhất để đánh giá, kiểm tra tính đúng đắn, khoa học của lý luận. Hồ Chủ tịch từng chỉ rõ: “thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là một

nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không có liên hệ với thực tiễn là lý luận suông” [Hồ Chí Minh, 1995, tập 8, tr. 496].

Trong Triết học Mác - Lênin sự thống nhất chặt chẽ giữa lý luận cách mạng và thực tiễn cuộc sống là một vấn đề mang nguyên tắc phải được quán triệt và tuân thủ trong hoạt động thực tiễn. Việc vận dụng sáng tạo nguyên tắc này trong hoạt động giảng dạy là yếu tố quan trọng quyết định chất lượng, hiệu quả khi giảng dạy môn Triết học Mác - Lênin. Khi truyền đạt những nội dung, quan điểm lý luận hay phân tích, làm rõ những nguyên lý, quy luật...giảng viên cần cập nhật, liên hệ với tình hình kinh tế, chính trị, xã hội đang diễn ra trong nước và quốc tế. Tuân thủ nguyên tắc này trong giảng dạy, một mặt lý luận của Triết học Mác - Lênin trang bị thế giới quan, phương pháp luận làm sáng tỏ bản chất, quy luật vận động của thực tiễn, thấy hết vận dụng sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin trong hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước trong thực tế cách mạng, đặc biệt là thắng lợi của sự nghiệp đổi mới. Mặt khác, thực tiễn lịch sử, tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế là chất liệu phong phú, sinh động minh chứng rõ ràng cho tính khoa học, cách mạng trong những nguyên lý của Triết học Mác - Lênin. Ví dụ thực tiễn góp phần cắt nghĩa những khái niệm, phạm trù, quy luật vốn trừu tượng, để thấy hết giá trị vĩnh hằng của nghĩa duy vật lịch sử mà cốt lõi là học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, vấn đề giai cấp, cách mạng xã hội, nhà nước, bản chất của con người; thấy cả sự hoàn bị của chủ nghĩa duy vật biện chứng khi giải quyết khoa học vấn đề cơ bản của triết học, vật chất - ý thức và giá trị của phạm trù thực tiễn...

*- Thứ ba, xuất phát từ yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy môn Triết học Mác - Lênin, gắn lý luận với thực tiễn ở Công văn số 3056/BGDĐT- GDĐH của Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

Theo kết cấu chương trình đổi mới như Công văn số 3056/BGDĐT-GDĐH của Bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo, nội dung giáo trình môn Triết học Mác - Lênin có logic chặt chẽ ngắn gọn hơn, được cập nhật nhiều nội dung kiến thức, thực tiễn mới, mang hơi thở của thời đại. Cụ thể, giáo trình triết học Mác - Lênin chia làm 3 chương (không chuyên lý luận chính trị) và 4 chương (chuyên lý luận chính trị). Trong mỗi chương đều thể hiện sự gắn kết chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn, ngoài trình bày nội dung lý luận cơ bản của triết học Mác - Lênin còn được cập nhật, bổ sung nhiều vấn đề thực tiễn mới. Những vấn đề thực tiễn, giáo trình đề cập như: Trí tuệ nhân tạo (phần ý thức), diễn biến đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội trong thời đại hiện nay (phần đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội), vấn đề tha hóa con người và phát triển con người Việt Nam (phần triết học về con người)...Những nội dung vận dụng thực tiễn ngoài tính định hướng về chính trị còn có giá trị thực

tiến to lớn giúp người học tiếp cận, hiểu sâu, thực chất nhưng vấn đề lý luận, đồng thời hiểu được tính khoa học và cách mạng của Triết học Mác - Lênin không lỗi thời, lạc hậu mà sức sống của nó vẫn được khẳng định trong thời đại ngày nay. Vì vậy, nhiệm vụ của giảng viên phải vận dụng sáng tạo những vấn đề thực mới làm sáng tỏ nội dung lý luận của Triết học Mác - Lênin, giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng gắn kết lý luận với thực tiễn trong học tập môn này.

*- Thứ tư, xuất phát từ thực tiễn năng lực, trình độ của sinh viên còn thiếu hụt nền tảng kiến thức lịch sử, văn hóa, xã hội và ít trải nghiệm thực tiễn.*

Nội dung kiến thức giảng dạy của môn Triết học Mác - Lênin chứa đựng khối lượng kiến thức rộng với nhiều khái niệm, phạm trù, quy luật có tính trừu tượng cao, nhiều vấn đề, nguyên tắc được cho là khô khan, cứng nhắc, thiếu bổ ích, thực tế với sinh viên. Đối tượng học môn Triết học Mác - Lênin thường là sinh viên năm thứ nhất trẻ trung năng động, nhiệt tình, cầu tiến nhưng vốn kiến thức lý luận còn ít và việc hạn chế, lúng túng trong tìm tòi phương pháp học tập, nghiên cứu. Bên cạnh đó, một bộ phận sinh viên thiếu tính tự giác, tích cực trong học tập, mất căn bản, thiếu hụt nền tảng kiến thức lịch sử, văn hóa, xã hội và ít trải nghiệm thực tiễn nên rất ngại học lý luận, từ đó hình thành thái độ tiêu cực, không hứng thú khi học, việc học chỉ nặng tâm lý đối phó. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay tác động tiêu cực từ thực tế cuộc sống, từ internet và các trang mạng xã hội,... thu hút, kích thích sự quan tâm nhiều hơn là hiểu biết về tình hình kinh tế, chính trị - xã hội cũng là thách thức để sinh viên có thể tiếp thu tốt kiến thức môn Triết học Mác - Lênin. Vì vậy, tăng thực tiễn trong giảng dạy môn Triết học Mác - Lênin, nâng cao hiệu quả chất lượng giáo dục đào tạo đáp ứng yêu cầu mới của xã hội và góp phần “giáo dục thế hệ trẻ lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa, nâng cao lòng yêu nước, tự hào dân tộc, nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão, khát vọng vươn lên; nêu cao tinh thần trách nhiệm đối với đất nước, với xã hội” [Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập I, tr.168].

## ***2.2. Giải pháp tăng cường tính thực tiễn trong giảng dạy môn Triết học Mác - Lênin***

Theo chương trình mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2019, việc giảng dạy môn Triết học Mác - Lênin đã có những thay đổi đáng kể về kết cấu, nội dung và thời gian giảng dạy, khắc phục được những hạn chế cơ bản của chương trình cũ, giai đoạn 2009-2018. Vì vậy, theo tinh thần Công văn số 3056/BGDĐT- GDĐH vấn đề đổi mới phương pháp, gắn lý luận với thực tiễn, nâng cao chất lượng dạy học những vấn đề đảm bảo tính khoa học, tính Đảng và cả định hướng chính trị cho người học.

Thực tiễn và lý luận đều khẳng định, việc đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy trong giáo dục - đào tạo cần có quá trình với sự nỗ lực từ người quản lý, người dạy và cả người học. Giảng dạy môn Triết học Mác - Lênin cũng vậy, việc đổi

mới nội dung, phương pháp nhằm gắn lý luận nhiều hơn với thực tiễn, đã từng được đặt ra, đề cập nhiều nhưng hiệu quả đạt được còn khiêm tốn. Quá trình thực hiện chương trình mới như hiện nay cũng vậy, bên cạnh ưu điểm là tính khoa học, tính logic, hệ thống của nội dung, tính chuyên sâu và tính thực tế, thời đại... thì trong thực tế triển khai còn đặt ra một số vấn đề cần được nghiên cứu tháo gỡ như: Lượng kiến thức cần truyền thụ vừa nhiều, vừa rộng nhưng lượng thời gian thực hiện còn hạn chế; khả năng chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy, đổi mới phương pháp, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy của một phần giảng viên còn hạn chế, bị động, còn chậm; cơ sở vật chất, kỹ thuật đảm bảo phục vụ giảng dạy thiếu đồng bộ...dẫn đến việc tăng cường tính thực tiễn, gắn kết lý luận và thực tiễn trong giảng dạy chưa đạt được hiệu quả như mong đợi của giảng viên và sinh viên. Để khắc phục những vấn đề tồn tại nêu ra, tác giả xin gợi mở một số giải pháp:

- *Một là, tiếp tục hoàn thiện kết cấu chương trình, nội dung môn học theo mục tiêu bám sát yêu cầu đào tạo và sự vận động, phát triển của thực tiễn.* Đây là giải pháp đặc biệt quan trọng, đảm bảo tính khoa học và thiết thực môn học; là yếu tố căn bản, trực tiếp quyết định đến chất lượng, mức độ thành công của mục tiêu đổi mới giảng dạy. Kết cấu, nội dung, chương trình mới 2019 đã đáp ứng được yêu cầu mới của thực tiễn giảng dạy môn Triết học Mác - Lênin. Với kết cấu 3 chương (hệ không chuyên lý luận chính trị) và 4 chương (hệ chuyên lý luận chính trị). Trong mỗi chương, trình bày nội dung lý luận cơ bản của triết học Mác - Lênin gắn với cập nhật, bổ sung nhiều thông tin thời sự về khoa học, kinh tế, chính trị, xã hội mới; cho thấy sự gắn kết chặt chẽ giữa lý luận triết học và thực tiễn cuộc sống là mục tiêu trọng tâm của việc đổi mới công tác giảng dạy Triết học Mác - Lênin hiện nay.

Việc nghiên cứu hoàn thiện hệ thống nội dung, chương trình, giáo trình môn Triết học Mác - Lênin phải bám vào quan điểm chỉ đạo của Ban Bí thư trong Kết luận 94.KL/Tw về việc tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân, đã chỉ rõ: “Nội dung, chương trình học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân phải tập trung xây dựng cho tốt, phù hợp với từng đối tượng học, cấp học, bậc học từ thấp đến cao” [Ban Bí thư, 28/3/2014, Kết luận 94.KL/TW]

Tác giả nhận thấy rằng, ở từng cơ sở đào tạo đổi mới nội dung, chương trình môn Triết học Mác - Lênin phải bám sát mục tiêu, yêu cầu đào tạo gắn với thực tiễn của người học, ngành học, bậc học cụ thể. Để nội dung, chương trình, giáo trình môn học này có sự ổn định và sức sống lâu dài nên nghiên cứu hoàn thiện nội dung, chương trình môn Triết học Mác - Lênin theo hướng: Xây dựng chương trình khung với kiến thức cơ bản, cốt lõi nhất, cập nhật hơn nữa vấn đề thực tiễn mới của đất nước và thời đại. Từ đây, các trường đại học có thể xây dựng nội dung, chương trình môn học theo chương trình khung nhưng bám sát thực tiễn mục tiêu, yêu

cầu đào tạo từng trường, lĩnh vực, khối ngành cụ thể để bổ sung, thêm nội dung cho phù hợp khối ngành như: khối khoa học xã hội và nhân văn, khối khoa học tự nhiên, khối kỹ thuật, khối kinh tế - tài chính.... Từ đó, các trường xác định khối kiến thức cần, đủ, phù hợp để trang bị cho sinh viên nhưng phải bám sát người học, sát thực tiễn, đảm bảo tinh gọn, cô đọng, dễ tiếp thu, dễ nhớ, dễ vận dụng.

Thành tựu hơn 35 năm đổi mới đánh dấu sự phát triển đất nước trên mọi lĩnh vực. Tuy nhiên, do xuất phát điểm thấp, hậu quả nặng nề từ chiến tranh nên thành quả mà chúng ta đạt được chưa bắt kịp xu thế phát triển như vũ bão của thời đại về kinh tế - xã hội toàn cầu. Nhiều mặt trái của cơ chế thị trường, của quá trình công nghiệp hóa thời kỳ đầu, của cuộc cách mạng 4.0 và hội nhập quốc tế đã nảy sinh, thâm nhập sâu vào đời sống xã hội... Thực tiễn đó, làm cho niềm tin, lý tưởng, tinh thần học tập lý luận Mác - Lênin của sinh viên bị ảnh hưởng, tác động, chi phối ít nhiều. Trước những yêu cầu mới của thời đại, để đảm bảo gắn kết lý luận với thực tiễn trong giảng dạy môn Triết học Mác - Lênin, phải tăng cường hơn công tác nghiên cứu, hoàn thiện kết cấu nội dung, chương trình môn học theo hướng đảm bảo sự thống nhất giữa tính khoa học, tính Đảng và định hướng chính trị; đảm bảo tính hệ thống, toàn diện, chuyên sâu gắn với tính thực tiễn thời đại; đảm bảo trang bị kiến thức, thể giới quan, phương pháp luận với rèn luyện, hoàn thiện kỹ năng thực tế; hình thành thái độ nghề nghiệp gắn với phát triển năng lực hoạt động thực tiễn cho sinh viên.

Triết học Mác - Lênin làm một hệ thống lý luận mở, nên trong đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy theo hướng gắn lý luận với thực tiễn không đơn thuần chỉ cập nhật, bổ sung những vấn đề thực tiễn mang tính thời sự của đất nước và thời đại vào nội dung môn học, mà phải xuất phát từ thực tiễn đó nghiên cứu, tổng kết, đúc kết thành lý luận, bổ sung, hoàn thiện lý luận của triết học Mác - Lênin. Tính thực tiễn đã hiện hữu, nằm ngay trong bản thân lý luận - Đó thực sự chính là tăng tính thực tiễn, chính là quán triệt và vận dụng sáng tạo, thành công nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, nguyên tắc khách quan và quan điểm toàn diện, lịch sử - cụ thể và phát triển của triết học Mác - Lênin.

*- Hai là, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn; kỹ năng nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy và kiến thức thực tế cho đội ngũ giảng viên.* Những người trực tiếp thực hiện các hình thức, phương pháp để truyền tải kiến thức cho sinh viên. Giảng viên phải thực sự phải có tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt; có năng lực về kiến thức chuyên môn sâu, kiến thức thực tiễn rộng; có phương pháp sáng tạo, phù hợp với từng đối tượng, từng nội dung giảng dạy.

Giảng viên giảng dạy các môn Lý luận chính trị nói chung, Triết học Mác - Lênin nói riêng phải thấm nhuần những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; phải

có bản lĩnh chính trị kiên định, vững vàng; có đạo đức, lối sống chuẩn mực; nhân cách tốt, lời nói và hành động phải gương mẫu. Đây là điều kiện quan trọng, là nhân tố thực tiễn tiên quyết của giảng viên góp phần không nhỏ gia tăng hiệu ứng và kết quả tích cực trong quá trình giảng dạy.

Giảng viên Triết học Mác - Lênin phải có năng lực chuyên môn sâu, kiến thức cơ bản phải “chắc”, “cứng”; phải hiểu được tinh thần, bản chất của những nội dung, vấn đề, nguyên lý, quy luật, phạm trù cơ bản của Triết học Mác - Lênin. Có như vậy, người dạy mới chủ động, linh hoạt, tự tin để cắt nghĩa ngắn, gọn, dễ hiểu nội dung lý luận triết học bằng sự liên hệ với những ví dụ thực tiễn trúng, sát, phù hợp với trình độ và tâm lý của sinh viên. Đây là kết quả của quá trình giảng viên được đào tạo bài bản, khoa học, có hệ thống và nỗ lực tự đào tạo, tự học, tự tích lũy để nâng cao trình độ chuyên môn của mình.

Hiện nay, do tác động mạnh mẽ từ cách mạng khoa học công nghệ 4.0 làm thực tiễn vận động, phát triển nhanh và phức tạp, tạo ra lượng thông tin khổng lồ, đa dạng, nhiều chiều, được cập nhật nhanh và liên tục. Giảng viên giảng dạy Triết học Mác - Lênin có kiến thức chuyên môn tốt chưa đủ, phải có nền tảng dữ liệu, “phông” kiến thức rộng về các môn khoa học, đặc biệt văn học, lịch sử, địa lý...và hiểu biết về thông tin, tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trong và quốc tế đương đại... Giảng viên phải tích cực tiếp cận, nắm bắt, tích lũy, hình thành “kho cơ sở dữ liệu” cá nhân về thực tiễn. Đây chính là chất liệu thực tiễn sinh động trong giảng dạy, giảng viên có thể tự tin, linh hoạt để liên hệ, viện dẫn, lấy ví dụ chứng minh, luận giải có cơ sở, có sức thuyết phục với vấn đề lý luận triết học khô khan, trừu tượng. Những vấn đề về vật chất, ý thức, hai nguyên lý, ba quy luật, sáu cặp phạm trù... trong phần Chủ nghĩa Duy vật biện chứng hay Lực lượng sản xuất, Quan hệ sản xuất, Kiến trúc thượng tầng, Ý thức xã hội, Nhà nước, Giai cấp, Con người... trong phần Chủ nghĩa Duy vật lịch sử sẽ không thể cắt nghĩa rõ ràng nếu không có ví dụ thực tiễn. Những chất liệu thực tiễn sinh động làm lý luận vốn mông lung, trừu tượng sẽ sáng tỏ, cụ thể và sâu sắc hơn. Ngược lại, lý luận Triết học Mác - Lênin cũng giải thích, chỉ ra, khái quát thành quy luật vận động phát triển phong phú, đa dạng của thực tiễn.

Muốn tăng cường cập nhật thông tin thời sự thực tiễn, giảng viên có nhiều kênh để khai thác, từ báo chí, internet, truyền hình, sách, thực tế cuộc sống... Nhưng vấn đề khai thác, xử lý, lưu trữ cung cấp và vận dụng vào giảng dạy Triết học Mác - Lênin phải đảm bảo tính chính xác, tính điển hình, tính thời sự và phù hợp với nội dung lý luận cần truyền đạt cho sinh viên. Bên cạnh đó, giảng viên phải tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, tham gia đề tài các cấp, viết báo, tạp chí, bài hội thảo khoa học... đây là cơ sở làm giàu thêm, mở rộng và chuyên sâu vốn tri thức lý luận, tăng thêm kiến thức thực tiễn cho giảng viên. Giúp giảng viên có thêm động

lực, tự tin làm chủ tri thức, độc lập trong suy nghĩ, sáng tạo, linh hoạt vận dụng tri thức để tăng hiệu quả của bài giảng.

Bên cạnh kiến thức chuyên môn và thông tin thực tiễn, giảng viên dạy Triết học Mác - Lênin phải tích cực, chủ động học hỏi, trau dồi, vận dụng phương pháp trong giảng dạy linh hoạt, phù hợp với nội dung lý luận và sinh viên. Giảng viên cần đặt người học vào vị trí trung tâm, phát huy tính năng động sáng tạo của người học, khuyến khích sinh viên tự học, tham gia nghiên cứu khoa học; tham gia làm việc nhóm, thảo luận, tranh luận để giải quyết một nội dung lý luận hay một vấn đề mà thực tiễn xã hội đặt ra. Điều này phù hợp với xu thế, đổi mới giáo dục hiện nay và góp phần ra tăng tính thực tiễn trong giảng dạy và khả năng thực tiễn cho sinh viên.

Tăng cường tính thực tiễn trong giảng dạy Triết học Mác - Lênin, giảng viên chủ động cập nhật phương pháp, phần mềm dạy học hiện đại để đa dạng hóa các hình thức và phương pháp giảng dạy phù hợp với từng nội dung và từng đối tượng người học; sử dụng tối hiệu quả công nghệ thông tin, phương tiện khoa học kỹ thuật để truyền tải hiệu quả thông tin thực tiễn phục vụ việc minh họa, giải thích nội dung lý luận, gắn lý luận chặt hơn với thực tiễn. Theo đúng phương châm: “Phương pháp giảng dạy và học tập phải sinh động, mềm dẻo, có tính thực tiễn và phù hợp với từng cấp; tạo được sự hứng thú và có trách nhiệm cho người dạy và người học; người học thích đọc hơn, có trách nhiệm phải học; người dạy hứng thú hơn, có trách nhiệm cao hơn” [Ban Bí thư, 28/3/2014, Kết luận 94.KL/Tw].

***- Ba là, tăng cường tính đồng bộ, hiệu quả của cơ sở vật chất đảm bảo và phương tiện phục vụ giảng dạy.***

Cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ, phương tiện kỹ thuật phục vụ quá trình dạy học cũng được cải tiến đồng bộ, hiện đại và thông minh hơn. Do yêu cầu từ thực tiễn, những yếu tố vật chất này đang là tiêu chí quan trọng để đánh giá tiềm lực, thể mạnh, đẳng cấp và sự phát triển của cơ sở đào tạo.

Sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế tri thức hiện nay, để thu hút người học, các trường phải trú trọng hơn nữa việc đầu tư, xây dựng đồng bộ, hoàn thiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, phương tiện, trang thiết bị phục vụ dạy và học; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong xây dựng phòng học, thư viện, phòng phương pháp, phòng học chuyên dùng, phòng thí nghiệm... để xây dựng nhà trường thông minh. Với trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, giảng viên có nhiều cơ hội, điều kiện và công cụ phục vụ quá trình chuyển tải tri thức tới người học. Có thể cung cấp tài liệu, thảo luận, trao đổi nội dung học tập tiến hành dạy và học mọi lúc, mọi nơi với công cụ như: Google classroom, LMS, Zoom, Meet, MS Team, Zavi, Zalo, Email và cả Facebook..., nên chất lượng, hiệu quả giáo dục - đào tạo sẽ tốt hơn và giảng dạy môn Triết học Mác - Lênin cũng sẽ hiệu quả hơn nhiều. Do giảng viên

và sinh viên có nhiều công cụ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật để chuyển tải, nhận một cách thuận lợi, đầy đủ, sinh động từ nội dung lý luận Triết học Mác - Lênin đến thông tin thực tiễn thời sự cập nhật về kinh tế, chính trị, xã hội... Từ đây có thể thay đổi cách học, phương pháp học, tạo sự hứng thú, mới mẻ, kích thích sự tìm tòi nghiên cứu, phát huy tính chủ động, sáng tạo trong học tập của sinh viên. Đây cũng là giải pháp góp phần tăng cường tính thực tiễn trong giảng dạy, gắn môn Triết học Mác - Lênin này gần, sát với thực tiễn của người học và cuộc sống hơn.

*- Bốn là, tăng cường những hoạt động thăm quan, thực tế, tình nguyện, hoạt động đoàn thể... để hỗ trợ cho thực tiễn dạy của giảng viên và phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của sinh viên trong thực tiễn học tập.*

Nhà trường tạo điều kiện, khuyến khích cho giảng viên và sinh viên tham gia hoạt động thực tế như: tham quan bảo tàng, di tích lịch sử, nhà máy, khu công nghiệp, xem phim tài liệu, phim khoa học, giao lưu, thảo luận, tranh luận, làm việc nhóm, ngoại khóa, tình nguyện, thực tế, hoạt động đoàn thể và các hoạt động xã hội khác. Đây là cơ hội giảng viên và sinh viên tiếp thu thêm nhiều kiến thức từ thực tế. Những hiểu biết, kinh nghiệm tích lũy được từ trải nghiệm thực tế đó là tiêu chuẩn, là thực tiễn sinh động để minh chứng, làm sáng tỏ cho những vấn đề lý luận trừu tượng; tăng tích thuyết phục và ứng dụng thực tế của lý luận Triết học Mác - Lênin.

Tham gia những hoạt động này, người học được giảng viên hướng dẫn hoặc phải tự mình giả quyết những tình huống, vấn đề thật hoặc giả định xảy ra trong cuộc sống và công việc. Nên họ có nhiều cơ hội áp dụng, đưa những kiến thức, phương pháp luận của Triết học Mác - Lênin đã học vào thực tiễn cuộc sống để khám phá và phát triển những kỹ năng của bản thân. Chuyển từ học lý thuyết trên giảng đường sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, thực tế gắn với các hoạt động sống của xã hội, người học sẽ hứng thú, có cơ hội, chủ động và độc lập hơn trong quá trình áp dụng, đưa nội dung lý luận đã học được vào thực tiễn và ngược lại lấy thực tiễn để giải thích, hiểu lý luận của Triết học Mác - Lênin. Thông qua quan sát, xem, nghiên cứu và viết bài thu hoạch, người học tự giác khám phá ra, rèn luyện và phát triển các kỹ năng của bản thân để giải quyết yêu cầu từ thực tế. Như vậy, mục tiêu đổi mới nhằm gắn lý luận với thực tiễn trong giảng dạy môn Triết học Mác - Lênin cho sinh viên trong các nhà trường đã được hiện thực hóa.

### **3. KẾT LUẬN**

Xây dựng, “phát triển con người toàn diện”, có tri thức khoa học, kỹ năng làm việc hiệu quả; có đạo đức, lý tưởng, lối sống cao đẹp như Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã xác định, là nhiệm vụ không chỉ của riêng ngành giáo dục mà đòi hỏi sự tham gia và quyết tâm của toàn xã hội. Dù vậy, giáo dục và đào tạo vẫn đóng vai trò trực tiếp và quyết định trong quá trình xây dựng và “tạo ra” con người toàn diện.



Giáo dục lý luận chính trị - một bộ phận của giáo dục cũng cần và luôn phải đổi mới không ngừng đáp ứng những yêu cầu mới của ngành giáo dục và bức thiết thực tiễn xã hội. Nhưng làm thế nào, để trang bị thể giới quan và phương pháp luận trong giảng dạy Triết học Mác - Lênin, góp phần đẩy nhanh quá trình nắm bắt tri thức, hình thành các kỹ năng và thao tác tư duy biện chứng cho sinh viên vẫn là vấn đề cần tháo gỡ.

Những giải pháp nhằm tăng cường hơn nữa tính thực tiễn trong việc giảng dạy, cùng nỗ lực đẩy mạnh đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy môn Triết học Mác - Lênin gắn với mục tiêu đào tạo, sự phát triển của thực tiễn và yêu cầu từ xã hội là một hướng đi phù hợp và thực tế. Tuy vậy, quyết tâm đổi mới, hoàn thiện hệ thống nội dung, chương trình phải gắn kết chặt chẽ, hữu cơ với kiện toàn đội ngũ giảng viên, hiện đại hóa, đồng bộ cơ sở vật chất, kỹ thuật đảm bảo chính là khâu đột phá để thực hiện thành công mục tiêu, gắn lý luận với thực tiễn trong giảng dạy các môn lý luận chính trị như tinh thần chỉ đạo của Công văn 3056/BGDĐT-GDĐH của Bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Ban Bí thư Trung ương Đảng (28/3/2014), *Kết luận 94.KL/Tw về việc tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân*, nguồn [Http://thukyluat.vn/vb/ket-luan-94-kl-tw-nam-2014-tiep-tuc-doi-moi-viec-hoc-tap-ly-luan-chinh-tri-trong-he-thong-giao-duc-quoc-dan-3d7a5.html](http://thukyluat.vn/vb/ket-luan-94-kl-tw-nam-2014-tiep-tuc-doi-moi-viec-hoc-tap-ly-luan-chinh-tri-trong-he-thong-giao-duc-quoc-dan-3d7a5.html), truy cập ngày 28/5/2021.

[2] Bộ Giáo dục - Đào tạo (19/7/2019), *Công văn số 3056/BGDĐT-GDĐH, V/v Hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn lý luận chính trị*.

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[4] Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 8, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[5] Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 9, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[6] Nguyễn Trọng Tú (22/7/2016), *Thực hiện nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong giảng dạy lý luận chính trị*, nguồn

[7] <http://www.lyluanchinhtri.vn/home/index.php/dao-tao-boi-duong/item/1552-thuc-hien-nguyen-tac-thong-nhat-giua-ly-luan-va-thuc-tien-trong-giang-day-ly-luan-chinh-tri.html>, truy cập ngày 29/5/2021.

# HỢP TÁC VIỆT - NGA TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

ThS. Phan Thị Nhuận<sup>[1]</sup>

**Tóm tắt:** Trong hơn 70 năm (1950 - 2021), có thể thấy mối quan hệ giữa hai nước Việt Nam - Liên bang Nga vốn rất gắn bó, thủy chung, bền chặt theo thời gian. Hơn nữa, mối quan hệ Việt - Nga ngày càng phát triển sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực. Nội dung bài viết chủ yếu đề cập đến nội dung hợp tác Việt - Nga trên lĩnh vực giáo dục đào tạo. Trước sự phát triển vượt bậc của tiến bộ khoa học và công nghệ và sự xuất hiện của các công nghệ mới, giáo dục trở nên quan trọng về mặt chiến lược. Trước sự phát triển vượt bậc của tiến bộ khoa học và công nghệ và sự xuất hiện của các công nghệ mới, giáo dục đào tạo trở nên quan trọng về mặt chiến lược. Vì vậy, các hình thức chính, xu hướng và triển vọng phát triển của hợp tác song phương trong lĩnh vực này được xác định.

**Từ khoá:** Hợp tác, giáo dục đào tạo, Việt - Nga

## Nội dung nghiên cứu

### 1. Vài nét về lịch sử hợp tác Việt - Nga trong lĩnh vực giáo dục đào tạo

Kinh nghiệm hợp tác đầu tiên trong lĩnh vực giáo dục là việc đào tạo cán bộ cách mạng Việt Nam trong các cơ sở giáo dục chính trị ở Mátxcova trong những năm 1920 - 1930, chủ yếu là tại trường Đại học Phương Đông. Việc học tập tại Liên Xô đã trở thành một giai đoạn quan trọng trong việc chuẩn bị hình thành các chiến sĩ cách mạng mới ở Việt Nam, cũng như phổ biến toàn bộ kinh nghiệm của Liên Xô về xây dựng kinh tế và chính trị xã hội sau khi thuộc địa cũ giành được độc lập. Các

---

1 Khoa Giáo dục Chính trị - Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Vinh (NCS Trường Đại học Tổng hợp Hữu nghị các dân tộc Nga, Liên bang Nga)

trường đại học này đã đào tạo ra những chiến sĩ thực sự xuất sắc cho sự nghiệp giải phóng dân tộc - Tổng bí thư đầu tiên của Đảng Cộng sản Đông Dương Trần Phú, các nhà lãnh đạo lỗi lạc của Đảng như: Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Khánh Toàn - người có nhiều đóng góp cho nền giáo dục nước nhà, nhà nhiên cứu khoa học lịch sử Việt Nam Trần Văn Giàu. Và không thể không kể đến Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chủ tịch đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà, tên tuổi gắn liền với nhiều trang lịch sử thế giới thế kỷ XX.

Sau khi Liên Xô và Việt Nam Dân chủ cộng hoà thiết lập quan hệ ngoại giao vào ngày 30/01/1950, đại diện thanh niên Việt Nam bắt đầu sang Matxcova để học tập. Nhóm đầu tiên đến vào mùa thu năm 1951 và bao gồm 21 người. Như Phạm Đồng Điện, một thành viên của nhóm này, nhớ lại: Người ta kể rằng trong cuộc gặp giữa Stalin và Hồ Chí Minh, tổ chức tại Matxcova vào tháng 2/1950, vấn đề cử thanh niên Việt Nam đi học ở Liên Xô đã được nâng lên. Sau đó, Hồ Chí Minh đã gửi một bức thư với yêu cầu cụ thể như vậy cho M. Suslov, và một quyết định tích cực đã được thực hiện. 5 người đi học cao hơn, 7 người đi thực tập (vì đã có bằng cấp cao hơn), 9 người đã có trình độ trung cấp và phải nâng cao trình độ chuyên môn. Chuyến đi của sinh viên, thực tập sinh Việt Nam sang Liên Xô diễn ra bí mật, không ai biết. Điều này là do hoàn cảnh thời chiến. Họ được học cao hơn ở Liên Xô về các chuyên ngành như hóa học, cơ khí, luyện kim, nông nghiệp, khoa học pháp lý, kiến trúc... (Phạm Đồng Điện (1920-2007) - Nhà khoa học, Giáo sư, Nhà giáo nhân dân nguyên Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa Hà Nội).

Ngày 30/10/1952, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà Hồ Chí Minh đã gửi thư cho Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô. Đặc biệt, trong một bức thư gửi Stalin, Người viết: "Chúng tôi muốn gửi tới Liên Xô nghiên cứu 50-100 sinh viên đã được giáo dục 9 năm ở Việt Nam, trong số đó có đảng viên và không đảng viên, tuổi đời của họ từ 17 đến 22 tuổi".

Và vào tháng 9/1953, một nhóm sinh viên Việt Nam mới (49 người) đã đến Liên Xô. Tại đây họ được giáo dục về các chuyên ngành như kỹ thuật điện, y học, khai thác thủy điện, luyện kim, nông nghiệp. Trong số đó có Nguyễn Trọng Nhân, tốt nghiệp Học viện Y khoa 1 Matxcova. Sau đó, ông trở thành một nhà khoa học nổi tiếng, có nhiều đóng góp cho nền y học nước nhà và ông cũng là Bộ trưởng Bộ Y tế Việt Nam trong nhiều năm, là đại biểu Quốc hội khoá X, chủ tịch Hội chữ thập đỏ Việt Nam.

Sau khi Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất kết thúc và Hiệp định Giơnevơ 1954 được ký kết, thanh niên - sinh viên Việt Nam bắt đầu sang Liên Xô học tập khá thường xuyên. Tổng cộng trong những năm 1950, khoảng 80 sinh viên Việt Nam, sinh viên sau đại học và thực tập sinh được đào tạo ở Liên Xô.

Kể từ năm 1967, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đang diễn ra, số lượng người Việt Nam sang học tập tại Liên Xô ngày càng đông. Họ là: 1) sinh viên,

ngiên cứu sinh, thực tập sinh của các cơ sở giáo dục khác nhau; 2) học viên các trường quân sự; 3) cán bộ của các cơ quan Đảng và Nhà nước.

Từ năm 1951 đến khoảng năm 1991, Liên Xô đã đào tạo khoảng 30 nghìn chuyên gia trong các lĩnh vực cho Việt Nam, những người được đào tạo ở tất cả các nước cộng hòa liên bang Xô Viết. Kể từ năm 1991, hơn 20 nghìn người Việt Nam đã tốt nghiệp ở các trường đại học của Nga. Ngoài ra, hơn 2 nghìn công dân Việt Nam đã bảo vệ luận án Tiến sĩ tại Liên Xô/Nga. Nhiều người trong số họ đã và đang giữ những chức vụ quan trọng trong mọi lĩnh vực ở Việt Nam như: trong tổ chức Đảng, bộ máy Nhà nước, các Bộ, ban, ngành... Ở một mức độ nhất định, có thể nói rằng trong các trường đại học của Liên Xô nhiều thế hệ trí thức thuộc nhiều lĩnh vực như: kỹ thuật, khoa học và văn hóa Việt Nam được hình thành, mang lại tình yêu và sự tôn trọng đối với văn hóa và ngôn ngữ Nga. Ngày nay Việt Nam là nước nói tiếng Nga nhiều nhất ở Đông Nam Á.

Một giai đoạn quan trọng trong quá trình phát triển trong quan hệ song phương là việc ký kết một hiệp định liên chính phủ vào năm 1978 về sự tương đương của các tài liệu giáo dục, bằng cấp học thuật và danh hiệu được cấp và trao tặng giữa Liên Xô và Việt Nam.

Sau những sự kiện lịch sử xảy ra ở Liên Xô năm 1991, quan hệ Nga-Việt đã có những chuyển biến nhất định: lĩnh vực chính là kinh tế. Đến giữa những năm 1990, Nga không còn là nguồn cung cấp giáo dục đại học chính cho công dân Việt Nam. Các hướng di chuyển học tập chính của sinh viên Việt Nam là Mỹ, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và Tây Âu. Hiện có hơn 130 nghìn công dân Việt Nam đang học tập ở nước ngoài, trong đó hơn 6 nghìn đang học tại Nga (tính đến năm 2019). Tình huống này có thể được giải thích như sau: Sau khi Liên Xô sụp đổ, nền kinh tế của nước Nga mới vốn đang gặp khó khăn trong một thời gian dài đã không thể thực hiện những công việc quy mô lớn để thu hút sinh viên nước ngoài. Sau đó, tất cả các nỗ lực chủ yếu hướng vào việc duy trì và khôi phục hệ thống giáo dục của chính họ, chính vì lý do đó mà các mối quan hệ quốc tế trong lĩnh vực giáo dục chỉ là quan hệ cơ bản. Trong những năm này - đặc biệt là sau khi Việt Nam tuyên bố chính sách đối ngoại theo hướng đa phương hoá và đa dạng hóa - để gia nhập thị trường dịch vụ giáo dục ở Việt Nam, một cuộc cạnh tranh đã bắt đầu giữa các nước phương Tây và các nước phát triển của châu Á. Nó bao gồm hoạt động của các quỹ nhân đạo và giáo dục khác nhau, thực hiện chương trình quảng bá tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nhật, tiếng Hàn và các ngôn ngữ khác, tổ chức các cuộc thi dành cho giáo dục, khoa học và các khoản tài trợ khác. Trước tình hình đó, các vị trí trước đây của Nga đã bị mất, thể hiện ở việc giảm lưu lượng sinh viên Việt Nam sang Nga, giảm hứng thú học tiếng Nga ở Việt Nam, giảm kinh phí cho các hoạt động phổ biến văn hóa Nga, và ngừng phân phối sách Nga, trình chiếu phim Nga trong rạp chiếu phim và truyền hình ở Việt Nam...

## 2. Du học Nga - Cơ hội và thách thức

Có một số yếu tố khác cản trở việc người Việt Nam đến học tập tại Nga như: Đây là điều không thể tiếp cận được của việc học đại học bằng tiếng Anh. Phần lớn các chương trình dạy tiếng Anh được thực hiện tại các trường đại học hàng đầu ở Moscow và St. Petersburg. Tuy nhiên, bạn có thể tìm thấy chúng ở một số trường ở các thành phố khác như: Đại học Nghiên cứu Quốc gia Tomsk State, Đại học Liên bang Siberi, Đại học Liên bang Viễn Đông.... Giáo dục bằng tiếng Anh mang lại nhiều lợi ích cho sinh viên tốt nghiệp ở các trường đại học, chủ yếu về tìm kiếm việc làm trên khắp thế giới. Nhưng các chương trình này được giảng dạy trên cơ sở trả phí và yêu cầu chi phí tài chính lớn từ sinh viên nước ngoài.

Theo các cuộc thăm dò dư luận, nhiều sinh viên Việt Nam sang nước ngoài, có ý định ở lại làm việc sau khi tốt nghiệp. Ngoài ra, trong quá trình học, họ cố gắng kiếm thêm tiền để trang trải cho bản thân và có thể giúp đỡ gia đình họ ở nhà. Cả hai lựa chọn này vẫn khó thực hiện ở Nga. Trong những năm gần đây, quan hệ hợp tác Việt-Nga trong lĩnh vực giáo dục đang được phục hồi và số lượng sinh viên Việt Nam sang Nga học tập đã tăng lên đáng kể. Qua nhiều năm, các lựa chọn để được giáo dục ở Liên bang Nga đã được thực hiện: trong khuôn khổ các hiệp định giữa các tiểu bang - theo hạn ngạch hàng năm được cung cấp bởi chính phủ Liên bang Nga như:

- theo chương trình “hỗ trợ nợ” (dựa trên việc trả nợ của Việt Nam cho Nga - Năm 2013, một hiệp định liên chính phủ mới đã được ký kết đối với công dân Việt Nam trong khuôn khổ chương trình “hỗ trợ nợ”, chương trình sẽ hoạt động kéo dài đến năm 2022);

- trong khuôn khổ các thỏa thuận trực tiếp giữa các trường đại học của hai nước;
- bằng chi phí ngân sách của Việt Nam (chương trình đào tạo nhân sự có trình độ cao ở nước ngoài);
- thông qua việc phân bổ vốn của các doanh nghiệp và công ty Việt Nam;
- đào tạo trên cơ sở thương mại với chi phí riêng.

Theo công bố của báo chí Nga và Việt Nam, năm học 2003 có hơn 2 nghìn sinh viên Việt Nam học tập tại Liên bang Nga, năm học 2004 - 8 nghìn sinh viên, năm học 2005, Việt Nam được xếp hạng thứ ba trong số các quốc gia gửi sinh viên đến Nga: bằng tiếng Nga khoảng 5 nghìn sinh viên Việt Nam theo học tại các trường đại học, trong đó có khoảng 3 nghìn sinh viên hợp đồng. Trong năm học 2009, có khoảng 4 nghìn sinh viên Việt Nam học tập tại Liên bang Nga, một nửa trong số đó sử dụng ngân sách của Việt Nam và Liên bang Nga. Năm 2014, có 6 nghìn sinh viên Việt Nam sang học tập tại Nga, trong đó có 2 nghìn người theo hiệp định liên chính phủ. Vào thời điểm đó, chỉ tiêu dành cho Việt Nam là 500 suất học bổng. Trong năm học 2016-2017, Chính phủ Nga đã phân bổ 855 suất học bổng cho sinh viên Việt

Nam theo diện hiệp định, trong đó 70 suất học bổng được phân bổ cho các ngành học liên quan đến năng lượng hạt nhân.

Năm 2017, Chính phủ Nga đã phân bổ 953 suất học bổng cho sinh viên Việt Nam: sinh viên đại học - 30%, nghiên cứu sinh - 65%, thực tập sinh - 5%. Đến năm 2021, Chính phủ Liên bang Nga cấp 1000 học bổng cho công dân Việt Nam đi đào tạo tại Liên bang Nga theo các trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, thực tập.

Theo nhiều nguồn thông tin, 6 nghìn sinh viên Việt Nam hiện đang học tập tại Nga. Họ học tại hơn 150 trường đại học khác nhau, chủ yếu là các trường đại học của Bộ Giáo dục và Khoa học (hơn 70%), cũng như các trường đại học thuộc các cơ quan cấu thành của Liên bang Nga, thành phố trực thuộc trung ương và các bộ phận khác, trong các trường đại học tư thục. Trước hết - ở Moscow (ít nhất 50%), Saint Petersburg (hơn 10%), Astrakhan, Voronezh, Tula, Irkutsk, Novosibirsk, Rostov... và các thành phố khác của Liên bang Nga. Thông tin về du học sinh Việt Nam ở Nga năm học 2005-2006 nêu khái quát về sở thích của họ khi chọn một chuyên ngành: kỹ thuật - 32,2%; kinh tế, tài chính, quản lý - 18,2 %; tiếng Nga - 16,1%; khoa học tự nhiên và chính xác - 10,5%; y học - 4,5%; xã hội và nhân văn - 3,1%; luật - 1%; văn hóa và nghệ thuật - 1,4%; sư phạm - 0,3%; nông nghiệp - 0,7%;... Năm học 2005-2006, du học sinh Việt Nam học tập tại Liên bang Nga theo các chương trình đào tạo sau: sinh viên tốt nghiệp (40%), cử nhân (23,3%), dự bị (13,6%), thực tập sinh (11,9%), thạc sĩ (2,7%), nghiên cứu sinh (0,9%), sau tiến sĩ (0,1%). Các trường đại học phổ biến nhất trong số du học sinh Việt Nam là: Đại học Tổng hợp Quốc gia Matxcova. M.V. Lomonosov, RUDN, MSTU, Bauman, Đại học Dầu khí Nhà nước Nga được đặt tên theo I.M Gubkin, Học viện Y khoa Moscow I.M Sechenov, Đại học Ô tô và Đường cao tốc Matxcova, Đại học Xây dựng Bang Matxcova, Đại học Kỹ thuật Điện Matxcova, Đại học Công nghệ Hóa học Nga mang tên V.I. DI. Mendeleev, Viện Hàng không Matxcova, Đại học Kỹ thuật Truyền thông và thông tin Matxcova, Đại học Hàng không Dân dụng St. Petersburg, Đại học Bách khoa St. Petersburg...

Theo đánh giá của một số nhà nghiên cứu của Nga, số lượng ít du học sinh Việt Nam ở một mức độ nhất định là do hoạt động của các ban ngành và cơ sở giáo dục của Nga chưa đầy đủ, mà phần lớn vẫn dựa vào các phương pháp và hình thức làm việc truyền thống. Các bé trai và bé gái Việt Nam tìm hiểu về cơ hội giáo dục ở Nga chủ yếu từ những người quen của họ hoặc từ những người thân đã học trước đây Liên Xô.

### **3. Kết luận**

Trong điều kiện hiện đại, khi sự cạnh tranh trên thị trường thế giới về thu nhập từ xuất khẩu giáo dục ngày càng lớn, các trường đại học Nga nên tập trung vào các nước châu Á và châu Phi. Theo đó, Việt Nam, với nguồn lực trẻ dồi dào, nên có kế hoạch và chương trình tổ chức các sự kiện cụ thể cho giáo dục đại học Nga, và đây là sự đầu tư tốt nhất cho tương lai quan hệ giữa hai nước. Quan hệ đối tác giữa Liên

bang Nga và Việt Nam trong lĩnh vực giáo dục có tiềm năng to lớn, là nhân tố quan trọng trong việc phát triển quan hệ hợp tác nhân đạo song phương và phục vụ lợi ích quốc gia của cả hai nước. Đối với Việt Nam, tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo góp phần xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, có sức khỏe, năng lực, trình độ, có ý thức, trách nhiệm cao đối với bản thân, gia đình, xã hội và Tổ quốc. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Арефьев В.Л. Обучение вьетнамских граждан в российских вузах // Миграция между Россией и Вьетнамом. История, современные тенденции и роль в социально-экономическом развитии стран. Материалы Международной научно-практической конференции (29 ноября 2007 г.). М., 2007

2. Cục Hợp tác quốc tế, Bộ Giáo dục và đào tạo, *Thông báo tuyển sinh đi học tại Liên bang Nga diện Hiệp định năm 2021*: [http://icd.edu.vn/372/thong-bao-tuyen-sinh-di-hoc-tai-lien-bang-nga-dien-hiep-dinh-nam-2021.html/BPF/vi-VN/CMS\\_Cat/Thong-Tin-Tuyen-Sinh/CMS\\_Detail/1922](http://icd.edu.vn/372/thong-bao-tuyen-sinh-di-hoc-tai-lien-bang-nga-dien-hiep-dinh-nam-2021.html/BPF/vi-VN/CMS_Cat/Thong-Tin-Tuyen-Sinh/CMS_Detail/1922)

3. Đại sứ quán Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Liên bang Nga, *Hợp tác về giáo dục đào tạo là điểm sáng trong mối quan hệ tốt đẹp Việt Nam - Liên bang Nga*: <https://vnembassy-moscow.mofa.gov.vn/vi-vn/News/EmbassyNews/Trang/H%E1%BB%A3p-t%C3%A1c-v%E1%BB%81-gi%C3%A1o-d%E1%BB%A5c-%C4%91%C3%A0o-t%E1%BA%A1o-l%C3%A0-%C4%91i%E1%BB%83m-s%C3%A1ng-trong-m%E1%BB%91i-quan-h%E1%BB%87-t%E1%BB%91t-%C4%91%E1%BA%B9p-Vi%E1%BB%87t-Nam-%E2%80%93-Li%C3%AAn-bang-Nga.aspx>

4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

5. Kim Thanh Hằng (2018), *Thuận lợi và khó khăn của du học sinh tại Nga*, Báo Giáo dục & Thời đại: <https://giaoducthoidai.vn/du-hoc/thuan-loi-va-kho-khan-cua-du-hoc-sinh-tai-nga-3736113.html>

6. Минобрнауки планирует удвоить количество иностранных студентов (2020) (Bộ Giáo dục và Khoa học có kế hoạch tăng gấp đôi số lượng sinh viên nước ngoài) URL: <https://yandex.ru/turbotext=https%3A%2F%2Ffedpress.ru%2Fnews%2F77%2Fprojects%2F2428454>

7. Phạm Lý (2021), *Việt Nam và Nga ký kết tăng cường hợp tác về giáo dục và khoa học*: <https://thoidai.com.vn/viet-nam-va-nga-ki-ket-tang-cuong-hop-tac-ve-giao-duc-va-khoa-hoc-150249.html>

# ĐỔI MỚI DẠY VÀ HỌC CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH ĐÁP ỨNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC THEO TINH THẦN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

ThS. Lê Thị Nam An<sup>[1]</sup>

**Tóm tắt:** Trên cơ sở nêu ra các quan điểm của Đại hội XIII về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bài viết chỉ ra thực trạng đổi mới dạy và học các môn lý luận chính trị ở trường Đại học Vinh hiện nay; đồng thời đề xuất một số giải pháp đổi mới dạy và học các môn Lý luận chính trị ở trường đại học Vinh đáp ứng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về nội dung giảng dạy, về hình thức tổ chức dạy học, về phương pháp dạy học.

**Từ khóa:** đổi mới, dạy và học, môn lý luận chính trị, nguồn nhân lực

## 1. Đặt vấn đề

Chất lượng nguồn nhân lực là vấn đề sống còn của bất kỳ một quốc gia nào trên thế giới, dù đó là nước đang phát triển hay các nước phát triển. Ở nước ta hiện nay, để có nguồn nhân lực chất lượng, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, đòi hỏi phải có sự tác động của nhiều yếu tố như chủ trương, chính sách, công tác giáo dục - đào tạo, nhận thức và quyết tâm bút phá của thế hệ trẻ...Đại hội XIII của Đảng chủ trương “Phát triển con người Việt Nam toàn diện”, lấy “tài năng, phẩm chất, trí tuệ của con người là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước”. Quán triệt tinh thần của Đại hội XIII, trên cơ sở những đổi mới

---

1 Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh



của Bộ Giáo dục trong công tác giảng dạy các môn Lý luận chính trị, trường Đại học đã có những chủ trương và thực tiễn đổi mới trong công tác dạy và học các môn Lý luận chính trị, góp phần đem lại hiệu quả trong công tác chính trị - tư tưởng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong công cuộc đổi mới đất nước trong giai đoạn hiện nay.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### **2.1. Quan điểm của Đại hội XIII của Đảng về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

Trong quá trình đổi mới đất nước, vai trò của nhân tố con người được Đảng ta đặc biệt quan tâm và đánh giá rất cao. Tại Đại hội XIII, Đảng ta khẳng định: “con người là trung tâm, chủ thể, là nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự phát triển” [1, tr.47]. Để có con người đủ năng lực là trung tâm, chủ thể, nguồn lực của sự phát triển, công tác giáo dục đào tạo đóng vai trò hết sức quan trọng. Công cuộc đổi mới toàn diện giáo dục hiện nay đang hướng tới mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng hội nhập, phát triển đất nước. Đảng ta cho rằng: “Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục và đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học và công nghệ; đổi mới sáng tạo; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [1, tr.203 - 204]. Tuy nhiên, cần phải quán triệt mục tiêu đào tạo con người Việt Nam hiện nay, đó là con người vừa có năng lực, trí tuệ nhưng phải có chuẩn mực đạo đức cách mạng, thấm nhuần nền tảng tư tưởng của Đảng, luôn kiên định với con đường độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội mà Đảng và dân tộc ta đã lựa chọn. Rõ ràng, trong giáo dục và đào tạo, công tác tư tưởng cần phải được thường xuyên cập nhật, đổi mới. Đặc biệt, công tác tư tưởng ở các trường đại học phụ thuộc rất lớn vào công tác giảng dạy các môn lý luận chính trị. Đại hội Đảng lần thứ XIII quán triệt: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng theo hướng chủ động, thiết thực, kịp thời và hiệu quả; nâng cao tính chiến đấu, tính giáo dục, tính thuyết phục trong tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước” [1, tr.181]

Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trong công tác giáo dục đào tạo, Đại hội XIII của Đảng chủ trương: “Đa dạng hóa phương thức đào tạo dựa theo mô hình giáo dục mở, khung trình độ quốc gia, gắn với thị trường và đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển

đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số” [2, tr.128.]. Việc Đảng ta chủ trương chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số là một chủ trương đúng đắn và hợp thời. Điều này giống như chủ trương điện khí hóa ở nước Nga năm 1920. Lúc này ở Nga cũng đặt ra yêu cầu phát triển nguồn nhân lực. Lênin chủ trương một nền học vấn hiện đại để áp dụng điện khí hóa phát triển nông nghiệp và công nghiệp vào năm 1920 ở Nga. Lênin nêu rõ: “Các đồng chí hoàn toàn hiểu rằng việc điện khí hóa không thể do những người mù chữ thực hiện được, mà chỉ biết chữ thôi thì cũng không đủ...Họ phải hiểu rằng điều đó chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở một nền học vấn hiện đại, và nếu họ không có nền học vấn đó, thì chủ nghĩa cộng sản vẫn chỉ là một nguyện vọng mà thôi” [4, tr.155]. Như vậy, vấn đề chất lượng nguồn nhân lực là vấn đề vô cùng quan trọng và có tính chiến lược đối với bất cứ một quốc gia nào. Hiện nay, bên cạnh chủ trương đa dạng hóa phương thức đào tạo, quan điểm của Đảng còn chú trọng: “Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý dạy và học trực tuyến, qua internet, truyền hình, các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học; giáo dục nhà trường kết hợp giáo dục gia đình và xã hội” [1, tr. 232]. Riêng đối với giáo dục bậc đại học, Đảng ta cho rằng: “Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Tăng cường công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục; xếp hạng các trường đại học. Quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học; chú trọng các trường sư phạm, trường y; phát triển cơ sở giáo dục đại học chất lượng cao theo chuẩn khu vực và thế giới, ưu tiên nguồn lực phát triển các trường công nghệ [2, tr.129]. Như vậy, muốn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cần phải tập trung đổi mới chất lượng của người dạy, người học, nội dung chương trình đào tạo, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp dạy học.

## *2.2. Thực trạng đổi mới dạy và học các môn lý luận chính trị ở trường Đại học Vinh hiện nay*

“Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học” [5]. Hiện nay, trường Đại học Vinh có năm trường, bốn Viện, ba Khoa trực thuộc và các phòng ban, Trung tâm, văn phòng đại diện, các hội đồng, ban tư vấn. Như vậy, nhà trường là trung tâm đào tạo quy mô lớn, đa dạng hóa, chuyên môn hóa trong các lĩnh vực đào tạo nhằm cung cấp nguồn nhân lực để xây dựng đất nước. Nội dung giáo dục đào tạo của nhà trường bao gồm tri thức khoa học cơ bản, tri thức khoa học cơ sở, tri thức khoa học chuyên ngành, kỹ năng nghề nghiệp, thái độ đối với nghề nghiệp, cuộc sống.

Về nội dung, từ năm học 2019 - 2020, Bộ Giáo dục và đào tạo đã chủ trương tách môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin thành ba môn học riêng lẻ trong tổng số năm môn lý luận chính trị. và xuất bản giáo trình các môn Lý luận chính trị trong năm 2021, bao gồm giáo trình Triết học Mác - Lê nin, Giáo trình kinh tế chính trị Mác - Lênin, Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, Giáo trình Đường lối của Đảng cộng sản, Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh. Như vậy, trên cơ sở đổi mới giáo trình các môn lý luận chính trị, các môn lý luận chính trị cũng đã đổi mới đề cương học phần, cập nhật nội dung bài giảng, ngân hàng câu hỏi cho phù hợp với nội dung giáo trình.

Đồng thời với việc đổi mới về nội dung giảng dạy, hình thức tổ chức dạy học các môn Lý luận chính trị cũng được đổi mới rõ rệt theo chương trình đào tạo chung của nhà trường. Bắt đầu từ học kỳ 1 năm học 2021- 2022, trường Đại học Vinh đã triển khai kết hợp nhiều hình thức dạy và học: dạy học trên hệ thống E Learning (chiếm 30% thời lượng học phần) kết hợp dạy học trực tiếp (chiếm 70% thời lượng học phần). Sinh viên được nghe, xem bài giảng (cấp độ 1 hoặc 2) và thảo luận nhóm, kết hợp nghiên cứu chuyên sâu một số nội dung của học phần. Quy định việc tự học của sinh viên chiếm thời lượng gấp đôi thời lượng lý thuyết cộng thảo luận. Việc làm bài tập, làm bài trắc nghiệm trong bài giảng E learning cũng là việc đổi mới hình thức tổ chức dạy học theo hướng tăng cường sự tương tác giữa giảng viên và sinh viên, đánh giá chính xác và khách quan trình độ của người học.

Bên cạnh việc đổi mới nội dung, hình thức tổ chức dạy học còn là việc đổi mới phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị ở trường Đại học Vinh. Xuất phát từ việc nhà trường tổ chức kết hợp nhiều hình thức dạy học, phương pháp truyền thụ tri thức lý luận chính trị cũng đã có sự đổi mới hơn trước. Ngoài giáo trình, sinh viên còn được tiếp cận các bài giảng E learning được biên soạn chất lượng, sinh viên được nắm bắt trước kiến thức một cách cô đọng, có hệ thống trước khi học trực tiếp. Như vậy, phương pháp giảng dạy không còn nặng về phương pháp thuyết trình như trước nữa. Giảng viên sẽ sử dụng các phương pháp đàm thoại, nêu vấn đề, giải quyết các vấn đề nghiên cứu chuyên sâu nhiều hơn. Từ đó, giúp cho các bài học lý luận chính trị hấp dẫn và sinh động hơn.

### ***2.3. Một số giải pháp đổi mới dạy và học các môn Lý luận chính trị ở trường đại học Vinh đáp ứng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng***

Về nội dung:

*Thứ nhất*, cập nhật các quan điểm, đường lối, chủ trương Đại hội XIII của Đảng vào việc dạy và học các môn lý luận chính trị. Các chủ trương về phát triển kinh tế, chính trị tư tưởng, văn hóa - đạo đức, pháp luật đều được Đại hội XIII của Đảng đề

cập, do đó các môn lý luận cần liên hệ, cập nhật để sinh viên nắm được. Từ đó, giúp cho sinh viên hiểu được ý nghĩa của việc học tập các môn lý luận chính trị, nâng cao đạo đức, tác phong của con người mới, trí thức mới trong công cuộc xây dựng đất nước.

*Thứ hai*, cập nhật tình hình thực tiễn phát triển đất nước, tăng cường tính định hướng tư tưởng trong quá trình giảng dạy các môn lý luận chính trị. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: “Thầy giáo ngày nay không phải như trước chỉ biết gõ đầu trẻ, miễn là có bài cho học trò học, cuối tháng bỏ lương vào túi. Bây giờ thầy giáo có trách nhiệm với nhân dân, đào tạo cán bộ ra phục vụ nhân dân. Cách dạy, quan niệm dạy cũng phải khác. Dạy sao cho học sinh mau hiểu, mau nhớ, lý luận đi đôi với thực hành” [3, tr.111]. Quá trình xây dựng, phát triển đất nước theo con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là quá trình hết sức khó khăn, lâu dài và đòi hỏi sự đổi mới, sáng tạo cả về lý luận và thực tiễn. Mỗi một thành quả trong công cuộc đổi mới sẽ là động lực cho Đảng, Nhà nước và nhân dân ta tiếp tục xây dựng và phát triển đất nước. Các bài học lý luận chính trị cần phải trang bị cho sinh viên - những thế hệ trẻ tư tưởng cống hiến, xây dựng và phát triển đất nước ngày một giàu mạnh hơn. Xã hội cần những người trẻ dám nghĩ dám làm, song họ cũng cần có một bản lĩnh chính trị để giữ vững và phát huy thành quả cách mạng mà Đảng và dân tộc đã gây dựng.

*Thứ ba*, nhấn mạnh các nội dung đáp ứng chuẩn đầu ra theo chương trình đào tạo tiếp cận CDIO của nhà trường. Việc giảng dạy phải đảm bảo đáp ứng các chuẩn đầu ra của môn học và các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Bên cạnh đó, việc đổi mới nội dung dạy và học các môn lý luận chính trị cần kết hợp với công tác chính trị - tư tưởng của nhà trường như việc tổ chức các buổi nghe báo cáo chính trị cho sinh viên là đảng viên để nâng cao hiểu biết về tình hình xã hội, nâng cao tính tuyên truyền về đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước ta, rèn luyện bản lĩnh chính trị cho sinh viên là đảng viên.

Về hình thức tổ chức dạy học:

*Thứ nhất*, tăng cường kiểm tra hoạt động tự học của sinh viên. Thông qua việc hỏi bài, kiểm tra các vấn đề tự học sẽ giúp cho sinh viên nâng cao chất lượng của các tiết tự học. Từ đó, giúp sinh viên tự giác thực hiện nhiệm vụ của mình trong chương trình đào tạo, đồng thời, hiểu được bài học một cách kỹ càng, thấu đáo hơn.

*Thứ hai*, nâng cao chất lượng bài giảng E learning để sinh viên có thể lĩnh hội được các kiến thức một cách hiệu quả nhất trước khi đi tiến hành học và thảo luận ở các buổi học trực tiếp

*Thứ ba*, nâng cao hiệu quả của các buổi thảo luận. Các buổi thảo luận cần phải được giáo viên tổ chức đầy đủ, các câu hỏi cần được chọn lọc, tránh trường hợp quá dễ hoặc quá khó, từ đó khuyến khích nhiều sinh viên tham gia thảo luận.

Về phương pháp giảng dạy:

Giảng viên tăng cường sử dụng các phương pháp giảng dạy như nêu vấn đề, đàm thoại có chủ đích, liên hệ thực tiễn nhằm làm cho sinh viên chủ động trong quá trình lĩnh hội tri thức. Như vậy, bài giảng trực tiếp sẽ không còn phải nặng nề về thuyết trình nhiều nữa. Sinh viên sẽ tiếp thu bài học theo hướng gợi mở, chủ động đi tìm kiến thức.

Việc đổi mới dạy và học các môn lý luận chính trị ở bậc đại học đóng vai trò không nhỏ trong định hướng tư tưởng, xây dựng đạo đức, tác phong, lối sống lành mạnh cho sinh viên; đồng thời đáp ứng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho xã hội. Quán triệt tinh thần Đại hội XIII của Đảng trong nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, việc dạy và học các môn lý luận chính trị ở trường Đại học Vinh đã có những đổi mới mạnh mẽ. Nguồn nhân lực của xã hội được đào tạo từ đây là những giáo viên, kỹ sư, cử nhân không chỉ có kiến thức, năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp mà còn có phẩm chất đạo đức cách mạng và bản lĩnh chính trị của người trí thức mới. Tuy nhiên, việc đổi mới dạy và học là vấn đề luôn luôn được đặt ra của quá trình giáo dục. Đặc biệt, các môn lý luận chính trị gắn liền với thực tiễn cuộc sống, với công cuộc đổi mới đất nước lại càng cần thiết phải đổi mới dạy và học. Mỗi một trí thức trẻ là một tài nguyên của đất nước; mỗi nội dung, mỗi hoạt động trong quá trình dạy và học các môn lý luận chính trị được đổi mới là cơ sở trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng nguồn tài nguyên ấy ngày càng lớn mạnh.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1*. NXB Chính trị quốc gia Sự thật. Hà Nội.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 2*. NXB Chính trị quốc gia Sự thật. Hà Nội.

3. Đào Thanh Hải, Minh Tiến (2005), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục*, NXB Lao động, Hà Nội.

4. Hà Thế Ngữ - Bùi Đức Thiệp (1984), *Karl Marx, Friederich Engels, Vladimir Ilich Lenin bàn về giáo dục*, NXB Giáo dục, tr. 155.

5. Website Trường Đại học Vinh, Giới thiệu - *Sứ mạng của nhà trường*.

# ĐẢNG BỘ TỈNH HÀ TĨNH VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM MỚI CỦA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII TRONG CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG

Nguyễn Thị Lệ Hà<sup>[1]</sup> - ThS. Đoàn Thị Hồng Lam<sup>[2]</sup>

**Tóm tắt:** Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục xác định: Xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Trong đó công tác tư tưởng được Đảng ta đề ra với những nhiệm vụ, giải pháp mới: nắm chắc, dự báo đúng, định hướng chính xác, xử lý đúng đắn, kịp thời các vấn đề tư tưởng trong Đảng, trong xã hội; đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

**Từ khoá:** Đại hội XIII; Xây dựng Đảng về tư tưởng; Tư tưởng.

## 1. Đặt vấn đề

Suốt tiến trình Cách mạng 90 năm ra đời và lãnh đạo, Đảng đặc biệt coi trọng công tác tư tưởng, luôn xác định là mặt trận quan trọng hàng đầu. Bởi vậy, ngay từ những ngày đầu mới thành lập, Đảng đã thành lập Ban Cổ động và Tuyên truyền - Cơ quan tham mưu, chỉ đạo công tác tư tưởng của Đảng. Công tác tư tưởng có vai trò hết sức quan trọng trong việc tạo ra sự thống nhất về tư tưởng, ý chí và hành động trong toàn Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói “Tư tưởng không đúng đắn thì công tác ắt sai lầm”, “Tư tưởng thống nhất thì hành động mới thống nhất”<sup>[3]</sup>. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng sử dụng thuật ngữ “công tác tư tưởng” thay cho thuật ngữ “công tác tư tưởng, lý luận” của các nhiệm kỳ trước. Đây là một bước tiến mới về mặt lý luận đối với khoa học công tác tư tưởng.

---

1 Tỉnh ủy Hà Tĩnh

2 Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

3 Hồ Chí Minh (2000), *toàn tập*, tập 7, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.319.

Chủ đề Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh”. Mục tiêu xây dựng Đảng là: “Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện”<sup>[1]</sup>. Trong 10 nhóm nhiệm vụ, giải pháp về công tác xây dựng Đảng trong 5 năm 2021-2025, công tác xây dựng Đảng về tư tưởng được xác định như sau: Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng theo hướng chủ động, thiết thực, kịp thời và hiệu quả; nâng cao tính chiến đấu, tính giáo dục, tính thuyết phục trong tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

## 2. Điểm mới của Văn kiện Đại hội XIII về công tác tư tưởng

*Thứ nhất*, về nắm bắt, dự báo tình hình tư tưởng. Đại hội xác định: “Nắm chắc, dự báo đúng, định hướng chính xác, xử lý đúng đắn, kịp thời các vấn đề tư tưởng trong Đảng, trong xã hội. Chú trọng nắm bắt, định hướng dư luận xã hội, bảo đảm thống nhất tư tưởng trong Đảng, đồng thuận cao trong xã hội”<sup>[2]</sup>.

*Thứ hai*, về tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận. Đại hội nhấn mạnh: “Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, hoàn thiện hệ thống lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Gắn tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận với định hướng chính sách”<sup>[3]</sup>.

*Thứ ba*, về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Đại hội xác định: Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết và thường xuyên đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị; đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến, tự chuyển hóa” trong nội bộ”<sup>[4]</sup>.

Từ những điểm mới của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng nêu trên, Hà Tĩnh đã có nhiều vận dụng sáng tạo, phù hợp, đặc biệt về công tác tư tưởng góp phần vào sự ổn định chung và phát triển của tỉnh.

## 3. Thực trạng

Trong những năm qua, các cấp ủy đảng tỉnh Hà Tĩnh luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác tư tưởng. Các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh được triển khai thực hiện nghiêm túc. Việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh ngày càng thiết thực. Đã chú trọng nắm bắt dư luận xã hội để có định

1 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, tr.111.

2 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sổ*, tập 1, tr.181.

3 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sổ*, tập 1, tr.181-182.

4 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Sổ*, tập 1, tr.183.

hướng kịp thời về tư tưởng cho cán bộ đảng viên, quần chúng nhân dân. Công tác đấu tranh phản bác các thông tin, quan điểm sai trái, âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch được tích cực triển khai... Những kết quả đó đã từng bước nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất về tư tưởng, hành động trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân; khơi dậy sức mạnh tổng hợp trong Đảng bộ, Nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, mở rộng hợp tác đối ngoại, tăng cường công tác xây dựng Đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị.

Tuy nhiên, công tác tư tưởng của Hà Tĩnh chưa đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới; việc tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước, các nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị có thời điểm chậm, bị động, hiệu quả chưa cao. Hoạt động văn hóa, văn nghệ chưa phản ánh kịp thời tình hình phát triển của tỉnh. Công tác tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận chưa được quan tâm đúng mức. Việc phát hiện, nắm bắt tình hình diễn biến tư tưởng và xử lý những vấn đề phát sinh về tư tưởng trong cán bộ, đảng viên chưa thực sự chủ động. Công tác chỉ đạo, quản lý, cung cấp thông tin, định hướng dư luận trước những chủ trương, chính sách mới của tỉnh và những vấn đề phức tạp, nhất là về an ninh trật tự, sự cố môi trường biển...chưa nhanh nhạy, có lúc, có lĩnh vực còn bị động, lúng túng. Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, luận điệu chống phá của các thế lực thù địch thiếu kịp thời. Bản lĩnh, trách nhiệm đấu tranh của một số cán bộ, đảng viên khi thấy các hiện tượng sai trái, tiêu cực chưa được thể hiện rõ.

Trong những năm tới, tình hình thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, khó lường; Hà Tĩnh đang đứng trước những thời cơ, thuận lợi, nhưng còn nhiều khó khăn, thách thức: Các thế lực thù địch không ngừng thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ”, lợi dụng internet, mạng xã hội tập trung phá hoại lĩnh vực tư tưởng, văn hóa với nhiều thủ đoạn tinh vi, thâm độc. Chúng tập trung vào các vấn đề chủ yếu như: Xuyên tạc lý luận, con đường đi lên CNXH, Chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chống phá Đại hội XIII của Đảng; phủ nhận giá trị lịch sử dân tộc; Chống phá chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nói xấu, xuyên tạc phát ngôn của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đại biểu quốc hội; Vu cáo, đòi xét lại, xuyên tạc và phủ nhận giá trị lịch sử, văn hóa truyền thống dân tộc; Liên quan đến các vấn đề dân tộc, dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, các vụ việc nhạy cảm, phức tạp; vấn đề đất đai, môi trường... Trong tỉnh, lợi dụng ảnh hưởng của sự cố môi trường biển và một số vụ việc phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kinh tế, xã hội của tỉnh, một số đối tượng cực đoan dưới sự dẫn dắt của các thế lực địch tiếp tục tìm mọi cách để phá hoại những thành quả mà Đảng bộ và Nhân dân Hà Tĩnh đã đạt được.

Những vấn đề đó đặt ra cho công tác tư tưởng của Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh trong thời gian tới nhiều yêu cầu, nhiệm vụ cao hơn, phải thực hiện quyết liệt hơn, đồng bộ cùng các giải pháp của công tác xây dựng Đảng nhằm thực hiện mục tiêu: Tạo sự



thống nhất về tư tưởng chính trị trong toàn Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân; Tạo sự chuyển biến rõ nét việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về xây dựng và chỉnh đốn Đảng; khơi dậy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, quê hương, sức mạnh của hệ thống chính trị và toàn dân để xây dựng tỉnh Hà Tĩnh phát triển.

#### **4. Giải pháp công tác tư tưởng của Đảng bộ Hà Tĩnh**

*Thứ nhất, Gắn kết chặt chẽ công tác tư tưởng với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị. Nâng cao chất lượng tuyên truyền, kết hợp việc phổ biến, cập nhật các tri thức khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội và nhân văn*

Các cấp ủy phải luôn thấm nhuần quan điểm, thực hiện công tác tư tưởng là chức năng, nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, trách nhiệm chính của từng cấp ủy đảng, trong đó, cán bộ, đảng viên là chủ thể trực tiếp thực hiện. Hàng năm, các cấp ủy đảng, các ban cán sự đảng, đảng đoàn phải xây dựng kế hoạch thực hiện công tác tư tưởng sát với thực tiễn của địa phương, đơn vị. Chủ động nắm bắt, đánh giá, dự báo diễn biến tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, đề ra các giải pháp hữu hiệu để xử lý nhanh nhạy, sát đúng, kịp thời các phát sinh trong tư tưởng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Gắn kết chặt chẽ công tác tư tưởng với thực hiện nhiệm vụ chính trị tại các địa phương, đơn vị. Thống nhất quy chế định kỳ các cấp ủy đảng, chính quyền tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với Nhân dân để chỉ đạo các cấp, các ngành xem xét, xử lý các vấn đề Nhân dân phản ánh. Đồng thời, phát huy tốt vai trò của đội ngũ công tác viên dư luận xã hội, lắng nghe những tâm tư, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân, để điều chỉnh phương thức lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm vụ chính trị mang lại quyền, lợi ích thiết thực cho Nhân dân. Hàng năm, giữa cơ quan tuyên giáo với ủy ban nhân dân cùng cấp ký kết quy chế phối hợp hoạt động.

Kết hợp nội dung giáo dục chủ trương, chính sách, pháp luật, thông tin tình hình kinh tế, xã hội của đất nước, của tỉnh nhà với việc phổ biến, bồi dưỡng, cập nhật các tri thức khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội và nhân văn để củng cố lập trường tư tưởng, thế giới quan khoa học cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân trước những biến động khó lường của tình hình thế giới và khu vực.

*Thứ hai, Kết hợp chặt chẽ công tác tư tưởng với công tác tổ chức, công tác kiểm tra, giám sát, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu các cấp.*

Các cấp ủy đảng cần đề ra các giải pháp cụ thể gắn kết giữa công tác tư tưởng với công tác tổ chức, công tác kiểm tra, giám sát để xây dựng tổ chức đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Trên cơ sở định hướng của Trung ương về Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) và chuyên đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh hàng năm, các địa phương, đơn vị cần tập nhật, bổ sung quy chuẩn đạo

đức của cán bộ, đảng viên sát yêu cầu, chức trách, nhiệm vụ. Phát huy vai trò nêu gương của cán bộ đảng viên, trước hết là người đứng đầu các cấp, tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, luôn tiên phong, gương mẫu, sống xả thân vì lợi ích chung, tránh xa những cám dỗ tầm thường, làm gương sáng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng Nhân dân noi theo. Coi trọng kiểm tra, giám sát trong Đảng, giám sát của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, báo chí, quần chúng Nhân dân đối với đảng viên và việc nêu gương của cán bộ đảng viên.

*Thứ ba, Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, cổ vũ mạnh mẽ phong trào hành động cách mạng. Quan tâm hoạt động tín ngưỡng. Tăng cường phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.*

Chú trọng thực hiện hiệu quả quy chế dân chủ ở cơ sở, triển khai tốt phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Quan tâm đúng mức công tác vận động quần chúng tham gia các phong trào thi đua yêu nước, phong trào hành động cách mạng. Chú ý phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng các nhân tố điển hình. Coi trọng hơn nữa tính thực chất các danh hiệu thi đua, tránh bệnh thành tích trong đánh giá ở tất cả các cấp, các ngành.

Các cấp ủy đảng, chính quyền luôn tạo điều kiện thuận lợi cho sinh hoạt tín ngưỡng của Nhân dân theo đúng quy định của pháp luật. Lấy mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” làm điểm tương đồng để vận động tín đồ, chức sắc tôn giáo chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Trong tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện nhiệm vụ chính trị cần làm rõ những thủ đoạn lợi dụng tôn giáo phá hoại chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc của các thế lực thù địch, từ đó vận động đồng bào có đạo, chức sắc tôn giáo suy nghĩ, hành động vì lợi ích và sự bình yên của Nhân dân, không mắc mưu các thế lực thù địch.

Tăng cường hoạt động đấu tranh, phản bác quan điểm, thông tin sai trái, tích cực bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Công an tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan triển khai hiệu quả việc đấu tranh, ngăn chặn, xử lý, gỡ bỏ, triệt phá tin giả, thông tin sai sự thật, xấu độc trên Internet, mạng xã hội. Kịp thời nắm tình hình và các huyện, thành, thị ủy, đảng ủy trực thuộc, các ngành chức năng. Kịp thời cung cấp các thông tin, tình hình hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị trong và ngoài nước cũng trong tỉnh nhằm phục vụ công tác đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; viết và đăng tải tin bài đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thông tin xấu độc xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là các vấn đề tôn giáo và các vấn đề liên quan đến sự phát triển của tỉnh trên Internet, mạng xã hội. Kịp thời nắm tình hình, phát hiện các âm mưu, hoạt động có nội dung kích động Nhân dân biểu tình, chống phá chính quyền trên các lĩnh vực.

Chủ động nắm tình hình an ninh chính trị, dự báo sớm một số vấn đề phức tạp gây bất ổn tại các địa bàn, không để xảy ra “điểm nóng”.

*Thứ tư, Xây dựng con người Hà Tĩnh phát triển toàn diện; góp phần phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.*

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực văn hóa, nâng cao nhận thức trong Đảng, hệ thống chính trị và toàn xã hội về vai trò, vị trí của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam. Xây dựng môi trường văn hóa văn minh, lành mạnh. Tôn vinh hình ảnh con người Hà Tĩnh nêu cao ý thức bảo vệ và thực hiện nghiêm Luật pháp; học tập, lao động sáng tạo; sống có văn hóa, nghĩa tình; có sức khỏe và năng lực cảm thụ thẩm mỹ; biết tiếp thu những tinh hoa văn hóa của nhân loại, biết bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa của quê hương như Dân ca Ví, Giặm, Ca trù...các di sản văn hóa đã được UNESCO vinh danh.

Các cấp ủy chú trọng xử lý hài hòa mối quan hệ giữa kinh tế với văn hóa. Vận động đội ngũ văn nghệ sỹ bằng những giá trị chân thiện mỹ và chất liệu cuộc sống để sáng tạo nên các tác phẩm văn học, nghệ thuật, âm nhạc... phù hợp với thuần phong, mỹ tục của dân tộc. Tránh sáng tác các tác phẩm chạy theo thị hiếu tầm thường, chỉ phục vụ một bộ phận nhỏ công chúng.

Đối với đội ngũ trí thức, các cấp ủy, chính quyền phải luôn quan tâm định hướng tư tưởng, chính trị, cung cấp các thông tin chính thống để đội ngũ có vai trò quan trọng này hiểu đầy đủ thành quả của công cuộc đổi mới đất nước. Thực tế hiện nay, không ít cán bộ nghiên cứu, giảng viên, giáo viên “chông chênh” trong suy nghĩ, thiếu niềm tin vào những thành quả của đất nước dẫn tới phát ngôn, hành động thiếu chuẩn mực, tạo những tác động tiêu cực tới thế hệ trẻ và cán bộ, đảng viên, Nhân dân.

Các cấp ủy, chính quyền phải luôn quan tâm công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, siết chặt kỷ luật, kỷ cương; xử lý kịp thời những sai phạm của cán bộ, đảng viên để cán bộ, đảng viên và Nhân dân thấy rõ quyết tâm của hệ thống chính trị trong xây dựng bộ máy cán bộ các cấp trong sạch, vững mạnh.

*Thứ năm, Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ chuyên trách; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật cho công tác tư tưởng theo hướng hiện đại. Chú trọng tổng kết thực tiễn, kịp thời đề ra các kế hoạch, giải pháp công tác tư tưởng hiệu quả, sắc bén, phù hợp với các nhóm đối tượng*

Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển đội ngũ cán bộ ngành Tuyên giáo các cấp, chú trọng cán bộ đã qua thực tiễn có triển vọng phát triển; yêu cầu đặt ra của cán bộ ngành Tuyên giáo phải có phẩm chất, đạo đức trong sáng để khi lên diễn đàn không để người nghe bàn tán “nói một đằng, làm một nẻo”; luôn tâm huyết, trăn trở với công việc, có kỹ năng nói và viết.

Từng bước nghiên cứu các chế độ chính sách đặc thù khuyến khích, động viên, hỗ trợ cán bộ làm công tác tuyên giáo, nhất là cán bộ cấp cơ sở. Củng cố, tăng cường, nâng cao chất lượng hoạt động đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên giáo trong các đoàn thể chính trị - xã hội và các cơ quan báo chí, xuất bản. Phát triển đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, cộng tác viên dư luận xã hội vừa thực hiện tốt chức năng nắm dư luận xã hội và định hướng dư luận xã hội, thẳng thắn bảo vệ chính nghĩa, lên án cái sai.

Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, giáo dục; tăng cường thông tin trực tuyến, sử dụng phương tiện công nghệ thông tin và truyền thanh, truyền hình; phát huy hơn nữa hiệu quả hệ thống truyền thanh cơ sở để cung cấp kịp thời các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, nhất là đối với vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

Định kỳ hàng năm, các cấp ủy đảng tổ chức tổng kết thực tiễn, nghiên cứu, tiến hành điều tra dư luận xã hội tổng thể; đánh giá, rút kinh nghiệm đối với từng nhiệm vụ về công tác tư tưởng. Từ đó, có định hướng về công tác tư tưởng phù hợp với từng nhóm đối tượng cho năm tiếp theo.

## **5. Đôi lời kết luận**

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng kế thừa những thành quả của Cách mạng Việt Nam qua hơn 90 năm, sáng tạo và bổ sung những vấn đề lý luận để phù hợp với thực tiễn của đất nước trong thời kỳ mới. Với truyền thống địa phương giàu bản sắc văn hóa, hiếu học và nhân văn, Hà Tĩnh đang từng bước vận dụng sáng tạo các quan điểm, nội dung của Nghị quyết Đại hội XIII về công tác xây dựng Đảng nói chung và công tác tư tưởng nói riêng, góp phần ổn định tình hình để thực hiện thành công các mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng, xây dựng Hà Tĩnh phát triển.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

[1] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 7, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2] Hội đồng lý luận Trung ương (2021), *Những điểm mới trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[4] Ban Tuyên giáo (2000), *Đề án đổi mới công tác Tuyên giáo tỉnh Hà Tĩnh*.

# NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

**TS. Trương Thị Phương Thảo<sup>[1]</sup>**

**Tóm tắt:** Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, khẳng định việc đổi mới căn bản và toàn diện Giáo dục và Đào tạo cần gắn chặt với nâng cao, tăng cường ứng dụng Công nghệ thông tin. Trong điều kiện dịch Covid-19 chưa được kiểm soát thì việc chuyển hình thức dạy học sang trực tuyến là giải pháp linh hoạt, đảm bảo tiến độ, kế hoạch đào tạo tại các cơ sở giáo dục. Với tinh thần đó, trường Đại học Vinh đã đẩy mạnh và nhân rộng phương pháp dạy học đảo ngược bằng hình thức dạy học trực tuyến. Trong thực tế, hình thức đào tạo này đã và đang đáp ứng được mục tiêu đào tạo của nhà trường. Dẫu vậy, cần nhận thức và có giải pháp cụ thể hơn nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học bằng hình thức này.

**Từ khóa:** đào tạo trực tuyến, hiệu quả đào tạo trực tuyến, tinh thần Đại hội XIII của Đảng

## 1. Đặt vấn đề

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nêu những đột phá chiến lược mà nước ta cần đồng lòng quyết tâm thực hiện trong bối cảnh hiện nay để đưa đất nước vững bước tiến lên. Liên quan đến vấn đề giáo dục và đào tạo, Nghị quyết nhấn mạnh:

*Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ*

---

1 Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Vinh

*ché tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.*

Có thể nói, nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển nguồn lực con người luôn luôn là nhiệm vụ trọng tâm của Đảng và nhà nước ta. Giáo dục cần phải bắt kịp những dịch chuyển của thời đại mới để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Trong thời đại 4.0, dạy học trực tuyến trở thành một xu thế tất yếu bên cạnh phương thức dạy học truyền thống, là một hướng đi mới của giáo dục Việt Nam nói chung và giáo dục đại học nói riêng. Bài viết sẽ phân tích xu hướng, thực trạng dạy học trực tuyến cho sinh viên hiện nay, từ đó đề xuất những giải pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả dạy học trực tuyến tại Đại học Vinh.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### **1. Một số phần mềm thông dụng trong dạy học trực tuyến**

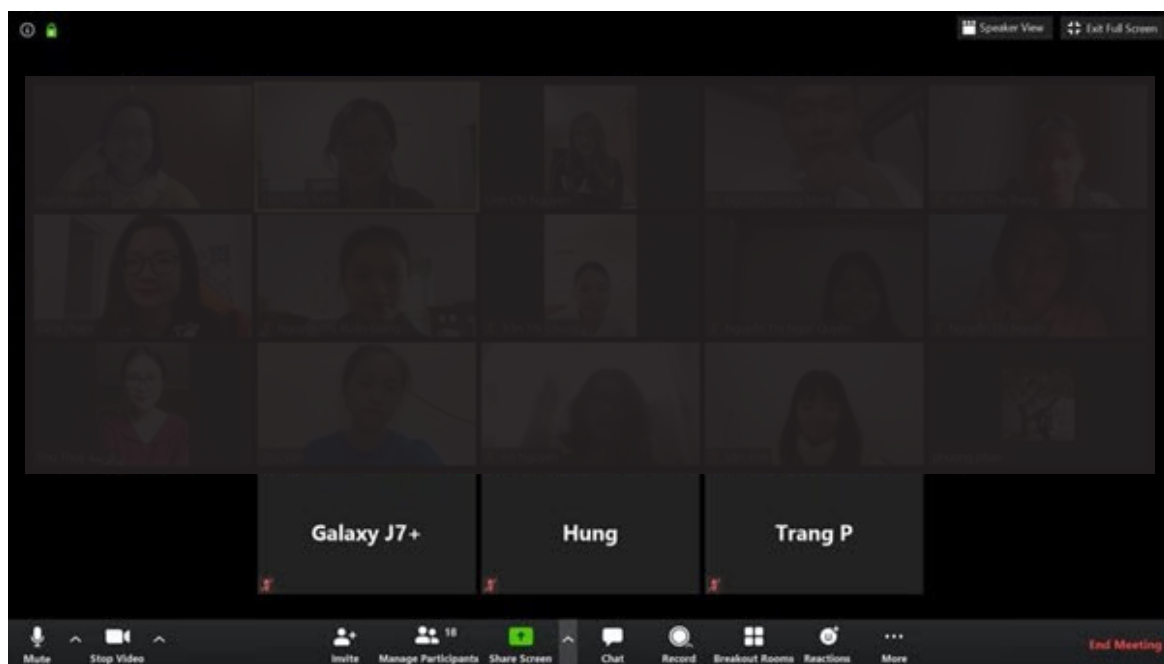
Trên thế giới, phương thức đào tạo từ xa đã được áp dụng tại nhiều nước tiên tiến và được luật pháp thừa nhận. Ưu thế vượt trội của dạy học trực tuyến là tương tác đa chiều, kết nối nhanh gọn, học tập linh hoạt, không giới hạn không gian, thời gian và lãnh thổ, nguồn tài liệu mở phong phú, phù hợp với đối tượng người học là những công dân toàn cầu. Tuy nhiên, tại Việt Nam, những rào cản về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, quan niệm xã hội khiến cho các hình thức dạy học trực tuyến chưa được thừa nhận một cách chính thống. Hầu hết các cơ sở đào tạo còn mang tâm lý e ngại, không dám triển khai, chỉ một số cơ sở đào tạo có điều kiện sử dụng phương thức này cho các môn học đặc thù.

Năm 2020, sự xuất hiện của đại dịch Covid-19 và những đợt giãn cách xã hội dài ngày đã tạo nên bước ngoặt đối với giáo dục Việt Nam. Dạy học trực tuyến trở thành sự lựa chọn tối ưu trong hoàn cảnh dịch bệnh, giúp các nhà quản lý tháo gỡ được bài toán khó của giáo dục. Ngày 23/3/2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành văn bản số 988/BGDĐT-GDDH về việc đảm bảo chất lượng đào tạo từ xa trong thời gian phòng chống dịch Covid-19, tạo động lực cho phong trào dạy và học online được chú trọng đầu tư, triển khai rộng rãi trong cả nước.

Có thể kể ra một số phần mềm thông dụng trong dạy học trực tuyến hiện nay như: Zoom, Google Classroom, Moodle, Teams..., cùng với đó là sự góp mặt của hệ thống mạng xã hội như Facebook, Zalo, Youtube, Skype, Twitter... Những trường/trung tâm có điều kiện cơ sở vật chất tốt và đội ngũ kỹ thuật trình độ cao (như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Hoa Sen TP.HCM, trung tâm Học mãi, Topica...) trực tiếp thiết kế các bài giảng e-learning và đóng gói thành các khoá học, module theo chủ đề... Sản phẩm học tập theo hướng này thể hiện sự đồng bộ, chuyên nghiệp,

nội dung học tập phong phú, tương tác đa chiều, hình thức kiểm tra- đánh giá hiện đại, hợp lý... Nhược điểm của hình thức này là không dễ phổ cập vì người học phải được trang bị kiến thức về công nghệ thông tin, phải có thiết bị thông minh hay phần mềm hỗ trợ để mở được các bài giảng ở dạng số hoá. Vì thế, hình thức dạy học được nhiều cơ sở giáo dục lựa chọn nhất là dạy học online qua các phần mềm chuyên dụng như: Zoom, Google Classroom hoặc Microsoft Teams.

Với ứng dụng Zoom, người dạy có thể kích hoạt và tạo lớp học online, mời người học vào lớp học bằng cách cung cấp tài khoản và mật khẩu lớp học, có thể điểm danh trực tiếp qua camera và tên tài khoản người học, dễ dàng chia sẻ bài giảng qua thanh công cụ, tương tác trực tiếp với người học, thực hiện các thao tác ghi bảng hay chia nhóm dễ dàng.

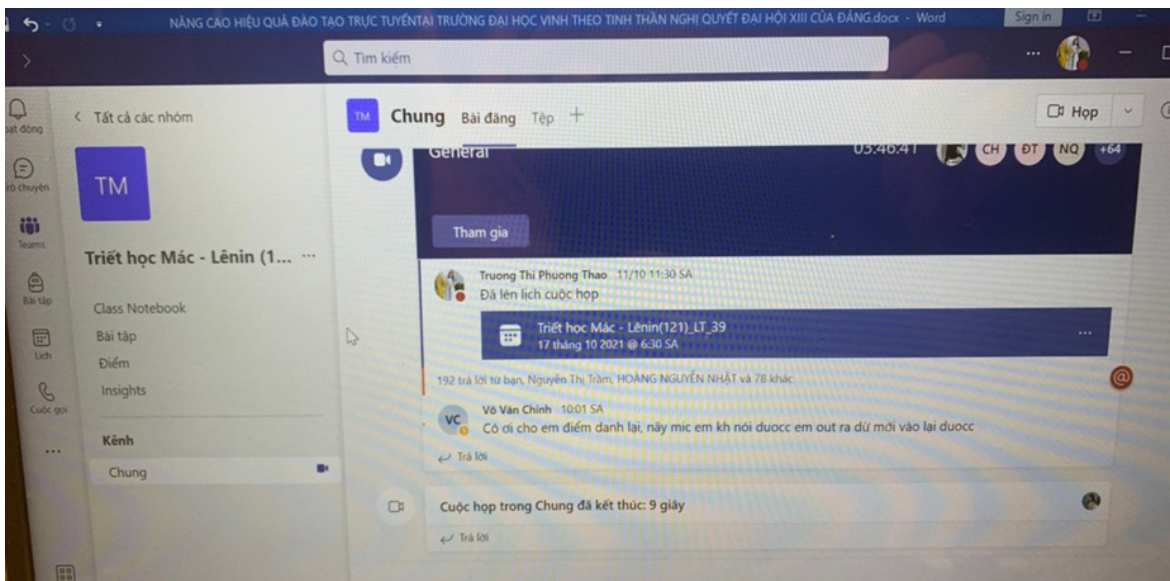


*Một lớp học online theo phần mềm trực tuyến zoom*

Với công cụ Goolge Classroom, giúp tổ chức một lớp học thông qua sự hỗ trợ của 3 tính năng quan trọng: Giao tiếp, Giao bài tập và Lưu trữ. Nó cho phép người dạy tạo lớp học, mời người học tham gia; cung cấp các tài liệu học tập; xây dựng lịch học, tạo thông báo, câu hỏi, bài tập; kiểm tra tiến độ hoàn thành bài tập, chấm bài, phản hồi về bài làm. Đối với người học, lớp học trực tuyến sẽ tạo thông báo nhắc nhở về thời hạn nộp bài, giúp người học tự học mọi lúc mọi nơi. Các tài liệu, bài kiểm tra đã làm đều được lưu lại giúp người học tra cứu khi cần. Với Google Classroom, việc trao đổi bài học giữa người dạy với người học và thảo luận giữa người học với nhau trở nên tiện lợi, nhanh gọn hơn. Ứng dụng này đã mở ra một

phương pháp học tập mới cho người học ngay trên các thiết bị di động; có thể phù hợp với những người gặp khó khăn trong việc trực tiếp đến trường.

Phần mềm Teams là một trong những phần mềm giáo dục đáp ứng tốt nhất các yêu cầu đào tạo từ xa hiện nay. Trên nền tảng Microsoft Office 365, Teams tích hợp nhiều tính năng hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động dạy học như: học trực tuyến, chia sẻ bài giảng, video clip, các nguồn học liệu trực tuyến, điểm danh đầu giờ, giao bài tập với các thang đánh giá cụ thể, thu thập thông tin phản hồi cuối mỗi giờ giảng, tạo các trò chơi hoặc tổ chức các hình thức hoạt động hấp dẫn để khởi động bài giảng...



*Một lớp học online sử dụng phần mềm Teams*

Mặc dù dạy học trực tuyến là một hướng đi mới của dạy học trong thời đại 4.0 với nhiều ưu điểm nhưng không thể phủ nhận những hạn chế và khó khăn của hình thức dạy học này so với dạy học truyền thống như: hệ thống hạ tầng dạy học trực tuyến chưa đồng bộ; người học ở các vùng sâu, vùng khó khăn khó tiếp cận mạng Internet; ý thức của một bộ phận người học chưa cao; sự tương tác giữa giảng viên và người học bị hạn chế...

## **2. Tình hình đào tạo trực tuyến tại Đại học Vinh - thuận lợi và những khó khăn.**

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, từ tháng 7/2021 đến nay, Đại học Vinh đã triển khai hình thức đào tạo trực tuyến ở tất cả các hệ đào tạo. Ban đầu, việc vận dụng các hình thức dạy học khác nhau cho đào tạo trực tuyến để đạt hiệu quả cao là một thách thức với đa số giảng viên của trường. Bởi lẽ, không phải cơ sở nào cũng có trang thiết bị hiện đại để phục vụ cho dạy học trực tuyến. Hơn nữa, muốn có nguồn học liệu số hoá cần phải có thời gian chuẩn bị kỹ càng, nhà trường đã phải



tổ chức các buổi tập huấn sử dụng phần mềm cho giảng viên, người dạy bắt buộc phải trải qua các giờ dạy thực nghiệm có sự tham gia của đồng nghiệp để trao đổi, rút kinh nghiệm trước khi tiến hành dạy chính thức. Như vậy, muốn chuyển đổi hệ thống giáo dục từ đào tạo trực tiếp sang đào tạo từ xa, nhà trường đã phải đối mặt với nhiều khó khăn và rào cản mà trở ngại lớn nhất chính là nguồn nhân lực có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Bên cạnh đó, việc quản lý lớp học và điều phối các hoạt động dạy học trong một giờ học trực tuyến cũng là thách thức không nhỏ với giảng viên. Nếu chỉ quan sát bên ngoài, dạy học online là hình thức dạy học có vẻ đơn giản, chỉ cần ngồi một chỗ, bật các thiết bị và phần mềm kết nối, giảng viên “nhàn” hơn vì không phải di chuyển đến trường, không phải trực tiếp quản lý và điều hành lớp học... Nhưng trên thực tế, việc quản lý và tổ chức các hoạt động cho người học trong các lớp học online thường gặp khó khăn hơn so với các lớp học offline. Ở lớp học thực tế, sinh viên thường ổn định vị trí, đón giảng viên vào lớp. Ngược lại, ở lớp học online, giảng viên phải là người đầu tiên tạo ra lớp học và đợi sinh viên vào lớp. Nếu người học có ý thức thì lớp học online sẽ được thành lập nhanh chóng. Nhưng nếu người học không đăng nhập đúng giờ quy định, giảng viên sẽ tốn nhiều thời gian để chờ đợi cho đủ số người tham gia. Trước thực trạng này, một số giảng viên đã đưa ra những quy định cho lớp học online và có những “thủ thuật” để việc điểm danh đầu giờ trở nên hiệu quả và hấp dẫn hơn.

Ví dụ, với lớp học online trên Zoom, để dễ dàng quản lý lớp từ đầu giờ, giảng viên có thể yêu cầu người học khi đăng nhập lớp học phải dùng tài khoản với họ tên đầy đủ, bật mic và tắt hết camera, chỉ đến khi giảng viên gọi đến tên mới trả lời và bật camera lên để giảng viên quan sát. Với lớp học trên Teams, giảng viên dùng Google Form để thiết lập sẵn Phiếu điểm danh đầu giờ, có lưu ý về giờ điểm danh, yêu cầu người học trước khi vào lớp phải điền phiếu, điền đủ thông tin thì được vào học. Các giảng viên đã áp dụng kỹ thuật “Warm up” trong dạy học tích cực, ghim sẵn một câu hỏi/một trò chơi/một thử thách nào đó trên thanh công cụ của lớp học, yêu cầu người học phải vượt qua thử thách/bài tập này thì sẽ được chấp nhận vào lớp học, từ đó tạo nên sự thu hút và kích thích tư duy cho người học ngay trong phần mở đầu.

Quá trình quản lý và điều khiển lớp học trong dạy học trực tuyến cũng không đơn giản. Người học có thể bị phân tán tư tưởng vì môi trường xung quanh, bật mic phát ngôn bừa bãi làm lớp học bị gián đoạn hoặc vừa ngồi học vừa tranh thủ làm việc riêng, vừa di chuyển ngoài đường vừa bật điện thoại lên học khiến tín hiệu kết nối bài giảng chập chờn, đứt gãy... Rõ ràng, nếu không đặt ra quy tắc nghiêm khắc cho các lớp học online thì sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả của lớp học và không đạt được mục tiêu giáo dục mong muốn. Vì thế, các giảng viên khi tham gia dạy học

trực tuyến đều phải soạn thảo những bảng nội quy cho lớp học trực tuyến một cách rõ ràng, xác đáng và nghiêm khắc.

Có thể nói, để dạy học online hiệu quả, giảng viên phải làm chủ được công nghệ và bài giảng, phải luyện giọng sao cho vừa đủ nghe qua các tần sóng của thiết bị, phải chú ý phần hình ảnh khi dạy sao cho chín chu và dễ nhìn... Đối với người học, học online cũng đòi hỏi sinh viên sự tập trung cao độ và ý thức hơn nhiều lần so với học trực tiếp. Ngoài ra, có thể kể thêm những trở ngại của hình thức dạy học online như: khả năng sử dụng công nghệ của giảng viên còn hạn chế (nhất là những giảng viên lớn tuổi), chất lượng đường truyền Internet kém, thiết bị công nghệ lỗi thời làm cản trở quá trình dạy-học, quy định về bản quyền của các phần mềm dạy học làm giới hạn giờ học hay số người tham gia...

Để khắc phục những khó khăn kể trên, trước khi triển khai dạy học online chính thức trong toàn hệ thống, Trường Đại học Vinh đã thiết lập Ban hỗ trợ đào tạo trực tuyến thông quan sự điều hành của Viện Nghiên cứu đào tạo trực tuyến hướng dẫn các giảng viên trong toàn trường các thao tác, kỹ thuật để tạo lớp học online trên Microsoft Teams và quản lý các hoạt động trên lớp một cách hiệu quả.

### **Một số yêu cầu đối với đào tạo trực tuyến tại trường Đại học Vinh**

*Thứ nhất*, giảng viên cần chuẩn bị tài liệu bổ trợ và thiết kế giáo án dạy online chi tiết, cụ thể, rõ nét đến từng cấp độ của mục tiêu dạy học. Mục tiêu dạy học cần phân bậc rõ ràng theo Kỹ năng, Kiến thức, Thái độ để định hướng toàn diện cho người học. Trên cơ sở các mục tiêu được vạch ra, giảng viên chỉ ra cho người học các nguồn tài liệu cần đọc, các nhiệm vụ cần được chuẩn bị trước khi lên lớp (như nghe kỹ gói bài giảng e-learning, đọc giáo trình, học liệu theo số trang quy định cho mỗi tuần, chuẩn bị câu hỏi thảo luận, hay làm gói câu hỏi trắc nghiệm khách quan,...), từ đó có phương án triển khai các bước lên lớp online cho phù hợp và hiệu quả.

*Thứ hai*, giảng viên cần kết hợp linh hoạt các phương pháp giảng dạy phù hợp với mục tiêu và nội dung dạy học. Quan điểm giáo dục “lấy người học làm trung tâm” và “tiếp cận năng lực người học” đòi hỏi giảng viên phải giảm thiểu phương pháp thuyết trình trong dạy học online, vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học hiện đại. Cần kết hợp hài hoà giữa dạy học offline và dạy học online nhằm tổ chức, hỗ trợ sinh viên tự lực và tích cực chủ động lĩnh hội tri thức, phát triển các năng lực chung và năng lực riêng. Tất cả các học phần trong chương trình cần được xây dựng theo hướng: giảm tối đa giờ lý thuyết, tăng cường giờ bài tập, thảo luận, thực hành.

*Thứ ba*, thay đổi hình thức và chất lượng kiểm tra, đánh giá. Trước đây, sinh viên thường được kiểm tra, đánh giá thông qua hình thức thi viết hoặc làm bài tiểu luận với những vấn đề rất khuôn mẫu và truyền thống. Ngày nay, gắn với yêu cầu

đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá cũng cần phải thay đổi cách thức và nâng cao hiệu quả theo những hướng khác nhau. Tùy vào đối tượng, có thể triển khai linh hoạt các kỹ thuật đánh giá như đánh giá thường xuyên thông qua bài tập thực hành ngắn, đánh giá định kỳ thông qua các dự án học tập, phiếu trắc nghiệm, đánh giá cuối kỳ bằng các câu hỏi mở, câu hỏi gắn với thực tiễn hoặc định hướng nghề nghiệp. Trong đào tạo trực tuyến, với sự hỗ trợ của các phần mềm và trang web chuyên dụng, việc kiểm tra đánh giá các môn học sẽ có thêm nhiều hình thức phong phú, nhiều sự lựa chọn hiệu quả và tạo được hứng thú hơn cho người học.

### **Kết luận**

Như vậy, không có hình thức dạy học nào là tối ưu và có thể sử dụng được trong mọi hoàn cảnh, mọi đối tượng. Giảng viên cần nghiên cứu kỹ lưỡng ưu, nhược điểm và những thao tác khi triển khai các hình thức dạy học để đạt được hiệu quả tối đa cho bài giảng. Thành công của mỗi bài giảng phụ thuộc vào năng lực vận dụng của các giảng viên, vào sự kết hợp và hỗ trợ hai chiều giữa người dạy và người học, vào nghệ thuật gia giảm, vận dụng linh hoạt, xử lý kịp thời các tình huống phát sinh trên lớp (cả online và offline). Trong đào tạo trực tuyến, người dạy không chỉ cần tổ chức, hướng dẫn các nội dung kiến thức mà còn phải linh hoạt, khéo léo trong việc tháo gỡ những vướng mắc về cả tri thức lẫn kỹ năng của người học. Mặt khác, cần sự đầu tư công sức ở khâu chuẩn bị kiến thức, phương tiện dạy học như: soạn Kế hoạch bài giảng, các phần mềm hỗ trợ, máy tính, video, tài liệu học tập... Giảng viên cần khuyến khích, tạo động cơ học tập cho sinh viên thông qua những nhiệm vụ cụ thể, bên cạnh đó giảng viên đưa ra các hướng tiếp cận vấn đề, cần để cho sinh viên có không gian tự do sáng tạo, phát huy những khả năng chuyên biệt.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đặng Quốc Bảo, Đỗ Quốc Anh, Đinh Thị Kim Thoa (2007), *Cẩm nang nâng cao năng lực và phẩm chất đội ngũ giáo viên*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
2. Phạm Tất Dong (2012), *Xây dựng mô hình xã hội học tập ở Việt Nam*, NXB Dân trí, Hà Nội.

# SỬ DỤNG HIỆU QUẢ PHƯƠNG PHÁP NÊU VẤN ĐỀ TRONG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN CHO HỌC SINH CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG HIỆN NAY

Nguyễn Trung<sup>[1]</sup>

**Tóm tắt:** *“Phát triển giáo dục và đào tạo là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học” [2, tr.3] và “Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội; nâng cao chất lượng theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa, và hội nhập quốc tế” [11, tr. 77]. Vì vậy, việc đổi mới phương pháp dạy học là rất quan trọng đối với các môn học nói chung và môn Giáo dục công dân nói riêng là hết sức cần thiết, vì sự thay đổi này không chỉ giúp người dạy tích cực, chủ động hơn trong giờ dạy mà nó còn giúp cho người học cảm thấy hứng thú, thỏa sức năng động, sáng tạo hơn trong giờ học. Nội dung bài báo tập trung phân tích nội dung và đề ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Giáo dục công dân cho học sinh phổ thông hiện nay.*

**Từ khóa:** *Phương pháp nêu vấn đề, Giáo dục công dân, học sinh phổ thông.*

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Môn Giáo dục công dân được giảng dạy trong các trường Trung học phổ thông hiện nay có vai trò quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục của Đảng. Với

---

1 Học viên Cao học K28-LL&PP dạy học bộ môn Giáo dục chính trị

những đặc trưng của mình, môn học này đã trang bị cho học sinh hệ thống những kiến thức phổ thông cơ bản, thiết thực của triết học duy vật biện chứng, của lý luận về chủ nghĩa xã hội và thời đại, về nhà nước pháp luật, về đạo đức và lối sống có đạo đức, những quan điểm về xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp, văn minh, con người ấm no hạnh phúc. Đồng thời, môn học đã bước đầu hoàn thành và bồi dưỡng cho học sinh những tư tưởng khoa học và cách mạng phương pháp tư duy biện chứng trong việc phân tích, đánh giá thế giới hiện thực, nhất là hiện tượng xã hội luôn luôn vận động và biến đổi nhanh chóng, đầy phức tạp, đa dạng, sự định hướng đúng đắn về tư tưởng chính trị, đạo đức trong các hoạt động của cuộc sống hiện tại và tương lai. Đặc biệt *“Môn Giáo dục công dân ở các trường Trung học phổ thông có vị trí hàng đầu trong việc định hướng phát triển nhân cách học sinh”*. Bên cạnh một số kết quả đã đạt được, việc dạy học Giáo dục công dân ở trường phổ thông hiện nay vẫn còn có những hạn chế, bất cập. Vẫn còn có không ít giáo viên coi nhẹ việc đổi mới phương pháp dạy học trong việc dạy học môn Giáo dục công dân, vẫn tiếp tục duy trì lối phương pháp dạy học cũ như: *“thầy đọc, trò chép”*, *“tham”* kiến thức của một số giáo viên... Cách dạy học này là một trong những nguyên nhân dẫn đến hiệu quả thấp trong dạy học. Từ thực trạng đó, việc đổi mới phương pháp dạy học nói chung và môn Giáo dục công dân nói riêng đang trở thành vấn đề quan tâm đặc biệt. Dạy học nêu vấn đề là một trong những nguyên tắc dạy học đã và đang được đưa vào sử dụng trong chương trình dạy học. Như vậy nếu tăng cường áp dụng và nâng cao hiệu quả ưu thế của phương pháp nêu vấn đề sẽ phát huy được tư duy, tính tích cực chủ động, sáng tạo của học sinh.

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Cơ sở lý luận

Hiện nay có nhiều cách giải thích, quan niệm khác nhau về dạy học nêu vấn đề. Trong cuốn *“Dạy học nêu vấn đề”*, I.Ia.Leenes cho rằng dạy học nêu vấn đề là một quá trình học tập mà *“học sinh giải quyết một cách sáng tạo các vấn đề và các bài toán có vấn đề trong một hệ thống nhất định, thì diễn ra sự lĩnh hội sáng tạo các tri thức và kỹ năng, nắm vững những kinh nghiệm và hoạt động sáng tạo mà xã hội tích lũy được, hình thành nhân cách có tính tích cực của công dân”* [17, tr95]. Nhà giáo dục học Ba Lan V.OKon cho rằng *“Dạy học nêu vấn đề là toàn bộ các hoạt động như tính chất tình huống có vấn đề, diễn đạt các vấn đề, chú ý giúp đỡ cho học sinh những vấn đề cần thiết để giải quyết vấn đề, kiểm tra cách giải quyết đó và cuối cùng là quá trình hệ thống hóa và củng cố các kiến thức tiếp thu được”* [27, tr103]. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Bảo: *“Dạy học nêu vấn đề là hình thức dạy học dựa trên những quy luật của sự lĩnh hội tri thức và cách hoạt động một cách sáng tạo, bao gồm sự kết hợp các phương pháp dạy và học có những nét cơ bản của sự tìm*

tôi khoa học. Nhờ vậy, nó bảo đảm cho sự lĩnh hội vững chắc những cơ sở khoa học, phát triển tính tích cực, tính tự lực và năng lực sáng tạo và hình thành cơ sở thế giới quan khoa học cho họ” [2, tr11]. GS. Nguyễn Cảnh Toàn cho rằng: “Trong dạy học nêu vấn đề, người học tự mình tìm ra kiến thức, phát hiện những vấn đề nảy sinh trong cuộc sống. Dưới sự hướng dẫn của giáo viên, học sinh nhận dạng vấn đề, trình bày và bảo vệ cách giải quyết vấn đề của mình, tranh luận đúng sai với bạn bè, và giáo viên là người đưa ra kết luận. Từ đó học sinh tự điều chỉnh, tự đánh giá và rút ra kết luận, bổ sung kho tri thức của mình” [26, tr59]. Còn có nhiều định nghĩa của các nhà giáo dục trong và ngoài nước về phương pháp dạy học nêu vấn đề, trong các định nghĩa tuy có sự tiếp cận khác nhau nhưng hầu hết tác giả đều coi phương pháp dạy học nêu vấn đề là việc tổ chức quá trình dạy học bằng cách tạo ra các tình huống có vấn đề trong dạy học, tạo ra ở học sinh nhu cầu phát hiện và giải quyết các vấn đề nảy sinh, lôi cuốn học sinh tự lực trong hoạt động nhận thức. Từ những quan điểm trên, các tác giả đã đề cập đến những nội dung cơ bản của dạy học nêu vấn đề. Chúng ta có thể hiểu phương pháp dạy học nêu vấn đề là hệ thống phương pháp dạy học, đặt học sinh trước một nhiệm vụ nhận thức, thông qua việc giáo viên tạo ra một chuỗi tình huống có vấn đề, học sinh ý thức được vấn đề đó và kích thích học sinh tự lực giải quyết một cách sáng tạo hoặc dưới sự hướng dẫn và định hướng của giáo viên, học sinh giải quyết vấn đề, kiểm tra, kết luận rút ra nhằm thực hiện tối ưu các nhiệm vụ dạy học. Kiến thức Giáo dục công dân cũng như kiến thức của môn học khác trong nhà trường phổ thông đều là một bộ phận trong ý thức xã hội. Hệ thống tri thức của môn Giáo dục công dân ở Trung học phổ thông được tổng hợp từ nhiều lĩnh vực, nhiều bộ môn khoa học khác nhau như triết học, đạo đức học, kinh tế chính trị học, chủ nghĩa xã hội khoa học, đường lối, quan điểm của Đảng, một số chính sách quan trọng của Nhà nước, pháp luật học. Đặc thù nói trên đòi hỏi người giáo viên Giáo dục công dân bên cạnh việc nắm vững nội dung liên quan ở những lĩnh vực, những bộ môn khoa học khác nhau. Người giáo viên Giáo dục công dân phải không ngừng học hỏi để nâng cao trình độ, phải am hiểu nhiều lĩnh vực, nắm vững và biết vận dụng kiến thức của các lĩnh vực, các bộ môn khoa học khác nhau vào bài học giáo dục công dân. Sự đa dạng của hệ thống tri thức cũng đòi hỏi người giáo viên Giáo dục công dân phải sử dụng một cách đa dạng và linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học sao cho phù hợp với đặc thù tri thức của từng phần, từng bài học Giáo dục công dân. Nội dung của mỗi bài học, tiết học Giáo dục công dân luôn định hướng cho học sinh về trách nhiệm của các em đối với bản thân, gia đình và xã hội, cũng như xác định thái độ, trách nhiệm của các em trước các vấn đề lớn lao của dân tộc và thời đại. Giáo dục, bồi dưỡng vun đắp để giúp các em từng bước định hình được một nhân cách trong sáng, biết lựa chọn cho mình lí tưởng, lẽ sống đúng đắn. Thực tế, dạy học nêu vấn

đề có ý nghĩa quan trọng trong dạy học Giáo dục công dân. Đây là một trong những nguyên tắc cơ bản của lý luận dạy học. Dạy học nêu vấn đề trong dạy học Giáo dục công dân còn giúp học sinh nắm được nội dung chính bài học ngay trên lớp, khắc sâu được kiến thức của bài, làm cho giờ sôi nổi, hào hứng không nhàm chán, phát huy hứng thú của học sinh....

## ***2.2. Cơ sở thực tiễn***

Thực trạng trước khi sử dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học: Nhiều giáo viên Giáo dục công dân quá tham kiến thức khi dạy học, đưa vào bài giảng nhiều nội dung tri thức vượt quá yêu cầu của chương trình nên không thể sử dụng phương pháp nêu vấn đề một cách hiệu quả. Một số giáo viên chưa thực sự quyết tâm thực hiện phương pháp dạy học tích cực vì họ cho rằng học sinh chưa thích ứng với phương pháp dạy học mới. Họ cho rằng học sinh đã quen với phương pháp học tập thụ động, nếu sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề tức là giáo viên đưa ra các câu hỏi sáng tạo thì học sinh lúng túng không giải quyết được. Hiện nay, vẫn còn những quan niệm, nhận thức chưa đúng về vai trò, vị trí của môn Giáo dục công dân, là môn không thi tốt nghiệp, nhiều địa phương không thi học sinh giỏi, vẫn còn giáo viên dạy chéo môn, đại bộ phận học sinh coi đây là môn học phụ, điều này có tác động không nhỏ đến tâm lý của giáo viên môn Giáo dục công dân. Động lực đổi mới phương pháp dạy học bộ môn đặt ra với giáo viên không cao, không có sự tác động trở lại từ phía đối tượng người học, không thôi thúc giáo viên môn Giáo dục công dân nghiên cứu thêm tài liệu nâng cao kiến thức, không khuyến khích được giáo viên nghiên cứu, áp dụng phương pháp nêu vấn đề vào dạy học.

Thực trạng sau khi giáo viên sử dụng phương pháp nêu vấn đề trong học dạy: Nhiều giáo viên môn Giáo dục công dân đã tích cực học hỏi lẫn nhau, nghiên cứu tài liệu, học lên sau đại học... để nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học. Hình thức dạy học thuyết trình, thụ động, một chiều đang dần được thay thế bằng các phương pháp dạy học tích cực - lấy học sinh làm trung tâm. Trong dạy học, giáo viên đã chú ý đến việc đặt câu hỏi để học sinh trả lời, nêu vấn đề nghiên cứu; hiện tượng thầy đọc, trò chép một cách máy móc đã được khắc phục. Qua các giờ thao giảng, hội giảng và xếp loại giờ dạy, giáo viên các trường đã rút ra được nhiều kinh nghiệm để nâng cao tay nghề cho bản thân và đồng nghiệp. Đối với học sinh, cách học môn Giáo dục công dân cũng có những chuyển biến tích cực, nhiều học sinh hăng say phát biểu, tập trung, chăm chú hơn. Ngoài ra, các em cũng chịu khó hơn trong việc học bài, làm bài tập ở nhà. Môn Giáo dục công dân từng bước được chú trọng, hiện tượng dạy chéo môn được khắc phục, các giờ giảng đã khắc phục được không khí buồn tẻ, quan niệm là môn học phụ không còn. Nhiều giờ học tỏ ra sinh động, hấp dẫn, lôi cuốn được sự quan tâm, chú ý của học sinh.

### **2.3. Giải pháp nâng cao chất lượng sử dụng phương pháp nêu vấn đề trong dạy học môn Giáo dục công dân cho học sinh phổ thông**

Chúng ta biết rằng phương pháp là phương pháp của nội dung, liên quan chặt chẽ với nội dung. Vì vậy, người giáo viên không thể vận dụng tốt phương pháp nếu như không nắm vững nội dung chương trình, nội dung bài học một cách sâu sắc. Do đó, giáo viên muốn dạy tốt thì trước hết phải được đào tạo một cách có bài bản về chuyên môn. Dạy học nêu vấn đề là một phương pháp dạy học có nhiều ưu thế nhưng là một phương pháp dạy học khó áp dụng, vì vậy người giáo viên phải nắm chắc nội dung cần trình bày. Nếu hiểu nội dung một cách mơ hồ thì không thể xác định được mâu thuẫn khách quan của bài học để xây dựng bài toán nhận thức một cách đúng đắn, do đó không thể tiến hành dạy học bằng phương pháp dạy học nêu vấn đề. Nếu giáo viên không nắm chắc nội dung, không thường xuyên cập nhật những tri thức, tình huống mới vào dạy học thì sẽ không hiệu quả. Thậm chí nhiều học sinh có thói quen và điều kiện quan tâm đến các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội của đất nước thì có thể nhanh nhạy hơn giáo viên, vì vậy để làm chủ quá trình dạy học thì người giáo viên phải không ngừng học tập, nắm vững kiến thức bộ môn và các tri thức liên quan. Giáo viên không thể dạy tốt, dạy hay khi họ không hiểu được kiến thức mình dạy. Có nắm vững kiến thức về chính trị - xã hội giáo viên mới khai thác, sắp xếp một cách khoa học các thông tin từ sách vở, tài liệu, các phương tiện thông tin liên quan tới nội dung dạy học.

Muốn dạy học tốt thì mỗi giáo viên ngoài việc nắm vững kiến thức chuyên môn còn phải có kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp. Thực tế cho thấy, có những giáo viên kiến thức chuyên môn rất sâu, rất rộng nhưng có thể dạy học không đạt hiệu quả cao do lối truyền thụ quá cứng nhắc, buồn tẻ, tác phong thiếu linh hoạt, không vận dụng được những kỹ thuật cần thiết trong quá trình lên lớp. Đối với phương pháp dạy học nêu vấn đề, giáo viên cần nắm bắt được bản chất, vai trò cũng như các giải pháp và quy trình thực hiện phương pháp này. Sự hiểu biết mơ hồ về phương pháp dạy học nêu vấn đề, thiếu kỹ năng, kỹ xảo trong cách vận dụng nó thì thành công chỉ ở mức độ rất giới hạn.

Trên thực tế có nhiều giáo viên có trình độ chuyên môn vững nhưng phương pháp truyền đạt thì thiếu linh hoạt, hiệu quả không cao. Có thể coi kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp là đòi hỏi năng lực thiết yếu có tính bắt buộc, nếu thiếu một trong hai yếu tố này thì công tác dạy học của họ sẽ không thành công so với mục đích, yêu cầu. Vì vậy, trong quá trình dạy học đòi hỏi người giáo viên không chỉ biết thiết kế các hoạt động dạy học theo hướng tích cực mà còn phải có trình độ chuyên môn cao để thống nhất được ý kiến đa dạng của người học. Trong việc vận dụng các phương pháp dạy học tích cực nói chung và phương pháp dạy học nêu vấn đề nói riêng, vai trò của giáo viên cao hơn bao giờ hết, đòi hỏi người giáo



viên phải có một nghệ thuật sư phạm để tổ chức điều khiển học sinh, tạo niềm tin vào đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước và khả năng phản biện các quan điểm sai trái.

Người giáo viên phải hiểu sâu sắc vấn đề này để không ngừng nâng cao năng lực sư phạm, kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp. Mỗi giáo viên phải có năng lực tự đánh giá chất lượng và hiệu quả dạy học, luôn có ý thức cập nhật và bổ sung những kinh nghiệm để bài giảng ngày càng hoàn thiện hơn, làm thế nào để người học luôn cảm nhận được tính mới mẻ trong nội dung và phương pháp dạy học của thầy giáo. Nếu thiếu tinh thần trách nhiệm hoặc có quan niệm sai lệch về vai trò của thầy giáo trong kiểu dạy học nêu vấn đề, chúng ta sẽ rơi vào tình trạng khoán trắng cho học sinh, như vậy mục đích, hiệu quả của dạy học tích cực sẽ không đạt được.

### 3. KẾT LUẬN

Trong xã hội ngày càng phát triển, con người phải thích ứng với thời đại, làm chủ công nghệ. Giáo dục trong nhà trường hiện nay đang thay đổi mạnh mẽ, đổi mới phương pháp dạy học tất yếu phải tiến hành theo hướng phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của người học, biến quá trình học tập thành quá trình tự học có hướng dẫn và quản lý của giáo viên. Với yêu cầu đó, phương pháp dạy học nêu vấn đề có khả năng tích cực hóa mạnh mẽ tư duy của người học nên được nhiều giáo viên nghiên cứu và áp dụng trong mọi cấp học, ngành học. Sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề vào môn học sẽ khắc phục được tính áp đặt và thụ động của học sinh trong việc tiếp thu kiến thức, tạo cho các em thói quen chủ động phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan trong cuộc sống, từng bước hướng các em đến việc góp sức mình vào thực hiện các đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ta.

Để dạy học tốt bằng phương pháp nêu vấn đề, ngoài việc nắm vững kiến thức thì đòi hỏi giáo viên phải nắm chắc và tuân thủ các điều kiện, quy trình thiết kế bài giảng và thực hiện bài giảng bằng phương pháp dạy học nêu vấn đề. Trong quá trình thực hiện không được cứng nhắc, phải biết kết hợp và khai thác ưu thế của các phương pháp dạy học khác để phương pháp dạy học nêu vấn đề đạt hiệu quả cao nhất. Tùy vào mục đích, yêu cầu và điều kiện dạy học; khả năng, thói quen của giáo viên và học sinh mà xác định phương pháp hiệu quả nhất để phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của học sinh.

Dạy học nêu vấn đề có thể được vận dụng vào hầu hết các bài giảng, tuy nhiên có bài cũng chỉ đóng vai trò là phương pháp phụ, hỗ trợ cho các phương pháp khác. Để dạy học nêu vấn đề đạt hiệu quả cao nhất thì người giáo viên phải tuân thủ quy trình và các điều kiện đã đề xuất, đồng thời giáo viên phải luôn luôn trăn trở, bổ sung và tiếp thu các thành tựu mới của khoa học giáo dục vào mỗi bài giảng.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A.M.Machiuskin (1972), *Tình huống có vấn đề trong tư duy và trong dạy học*, NXB Matxcova, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Nguyễn Ngọc Bảo (1995), *Phát huy tính tích cực, tự lực của học sinh trong quá trình dạy học*.
3. Nguyễn Đăng Bằng (Chủ biên) (1996), *Góp phần dạy tốt, học tốt môn GDCD ở trường THPT*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Hội thảo về đánh giá hiệu quả dạy học môn GDCD- Kết luận của Bộ trưởng Nguyễn Vinh Hiển*.
5. Vương Tất Đạt (2019), *Phương pháp giảng dạy Giáo dục công dân*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
6. I.Ia.Lence (1997), *Dạy học nêu vấn đề*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

# TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG, AN NINH, BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Nguyễn Văn Thiên<sup>[1]</sup>

**Tóm tắt:** Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng là một sự kiện chính trị trọng đại của Đảng ta, đất nước và dân tộc ta, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong quá trình tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển đất nước, trong đó lĩnh vực quốc phòng, an ninh cũng cần có phát triển phù hợp với tình hình, đảm bảo quốc phòng an ninh trong giai đoạn mới để đáp ứng nhiệm vụ bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Quốc phòng, an ninh là lĩnh vực vô cùng quan trọng và là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nên luôn được thể hiện sâu sắc và rõ nét trong văn kiện các Đại hội Đảng. Qua mỗi kỳ Đại hội, những nhận định, đánh giá, định hướng chính sách của lĩnh vực quốc phòng, an ninh, tùy theo tình hình thực tế, đều có sự bổ sung, phát triển mới.

**Từ khóa:** Đại hội XIII; Quốc phòng, an ninh.

## 1. Đặt vấn đề

Về dự báo tình hình thế giới, Văn kiện Đại hội XIII nêu những dự báo mới: Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song đang đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột cục bộ tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức, phức tạp và gay gắt hơn, làm gia tăng rủi ro đối với môi trường kinh tế, chính trị, an ninh quốc tế. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng đang bị thách thức bởi sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn

<sup>1</sup> Phòng Giáo dục Quốc phòng và An ninh - Trường Đại học Văn Lang

và sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan. Luật pháp quốc tế và các thể chế đa phương toàn cầu đứng trước những thách thức lớn.

Về khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Đông Nam Á, Văn kiện Đại hội XIII nêu những dự báo mới: Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo diễn ra căng thẳng, phức tạp, quyết liệt hơn. Hòa bình, ổn định, tự do, an ninh, an toàn hàng hải, hàng không trên Biển Đông đứng trước thách thức lớn, tiềm ẩn nguy cơ xung đột. ASEAN có vai trò quan trọng trong duy trì hòa bình, ổn định, thúc đẩy hợp tác khu vực nhưng cũng đứng trước nhiều khó khăn.

*Về tình hình trong nước*, Văn kiện Đại hội XIII nêu những dự báo mới: Sau 35 năm đổi mới, thể và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế, niềm tin của nhân dân ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Năm năm tới, Việt Nam hội nhập quốc tế sâu, rộng hơn và sẽ phải thực hiện đầy đủ, hiệu quả các cam kết khi tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Nền kinh tế phát triển chưa bền vững, còn nhiều hạn chế, yếu kém, đứng trước nhiều khó khăn, thách thức mới do tác động của đại dịch Covid-19 và khủng hoảng kinh tế toàn cầu gây ra. Xu hướng già hóa dân số nhanh; tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa tăng mạnh; biến đổi khí hậu gay gắt, phức tạp...

Những vấn đề trên đã ngày càng tác động mạnh đến sự phát triển của đất nước, đến an ninh của quốc gia, vậy thì hơn lúc nào hết, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh cần phải được đẩy mạnh, phát triển, đổi mới mạnh mẽ hơn nữa để đáp ứng tình hình, góp phần vào công cuộc phát triển ổn định đất nước.

## **2. Những điểm mới trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng về Quốc phòng và an ninh**

Sau 5 năm thực hiện nghị quyết Đại hội XII, Đại hội XIII của Đảng khẳng định: “Tiếp tục giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng; sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với quốc phòng, an ninh và lực lượng vũ trang... Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, lợi ích quốc gia - dân tộc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước”. Điểm mới của Đại hội XIII là đã đề cập đến một số khía cạnh nổi bật cũng là những yếu tố tạo nên bức tranh tổng thể tươi sáng trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh: (1) Tư duy về quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc có bước phát triển và ngày càng hoàn thiện, sự kết hợp giữa quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa và đối ngoại ngày càng hiệu quả. (2) Đã ban hành và triển khai đồng bộ các chiến lược quan trọng như Chiến lược quốc phòng, Chiến lược quân sự, Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia,

Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia, Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng. (3) Nhận thức và giải quyết các mối quan hệ về đối tác, đối tượng có bước chuyển biến quan trọng. (4) Chủ động đấu tranh kịp thời, hiệu quả, từng bước đẩy lùi các loại tội phạm và ứng phó kịp thời các mối đe dọa an ninh phi truyền thống. (5) Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có mặt tiến nhanh lên hiện đại, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Cụ thể hơn, Để thực hiện mục tiêu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng một lần nữa khẳng định: “Phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị kết hợp với sức mạnh thời đại, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế”. Đây là quan điểm, chủ trương, là định hướng để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ tăng cường QP, AN, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh mục tiêu tăng cường QP, AN, bảo vệ Tổ quốc nhằm: “giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, an ninh con người; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa”. Nội dung mục tiêu tăng cường QP, AN, bảo vệ Tổ quốc thể hiện sâu sắc sự phát triển tư duy chiến lược của Đảng đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Trong Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, xác định mục tiêu tăng cường QP, AN, bảo vệ Tổ quốc xác định: “giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội”, thì trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, trước sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế sâu, rộng, sự phát triển của công nghệ thông tin, các vấn đề an ninh phi truyền thống diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch đẩy mạnh các hoạt động chống phá, do vậy, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng xác định mục tiêu tăng cường QP, AN, bảo vệ Tổ quốc phải toàn diện, trong đó có: “giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, an ninh con người; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh”. Bởi lẽ, con người là trung tâm của mọi hoạt động, là mục tiêu và động lực phát triển đất nước và quan điểm “do con người, vì con người” của Đảng, Nhà nước ta, xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh thể hiện bản chất chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Theo đó, các cấp, các ngành, các lực lượng, nhất là Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cần nhận thức sâu sắc, chủ động xác định giải pháp triển khai thực hiện thắng lợi mục tiêu tăng cường QP, AN, bảo vệ Tổ quốc, phải “xác định chủ động phòng ngừa” là chính. Ứng phó kịp thời, hiệu quả với các đe dọa an ninh phi truyền thống, nhất là nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh. Có kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa. Nỗ lực phấn đấu để ngăn ngừa xung đột, chiến tranh và giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa

bình phù hợp với luật pháp quốc tế. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời, vùng biển”.

Điểm mới nữa là, tại Đại hội XIII của Đảng đã xác định nhiệm vụ kết hợp giữa kinh tế, văn hóa, xã hội, QP, AN, đối ngoại để thực hiện mục tiêu bảo vệ Tổ quốc có bước phát triển. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng xác định: “Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại với quốc phòng, an ninh và giữa quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại”. Nhiệm vụ nêu trên đã được các kỳ đại hội trước đề cập: “kết hợp chặt chẽ kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh và quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội”; “kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh và đối ngoại”, nhưng chưa thật rõ kết hợp giữa kinh tế, văn hóa, xã hội với đối ngoại và đối ngoại với kinh tế, văn hóa, xã hội, tạo thành sức mạnh tổng hợp bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, yêu cầu “Cụ thể hóa và thực hiện có hiệu quả quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược bảo vệ Tổ quốc; trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; trong từng địa phương, vùng, địa bàn chiến lược và trong từng nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch cụ thể”.

Trong xây dựng lực lượng, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng xác định: “Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại”. Văn kiện Đại hội XII, mới chỉ xác định: “ưu tiên hiện đại hóa một số quân chủng, binh chủng, lực lượng”, Văn kiện Đại hội XIII xác định tiến thẳng lên hiện đại”. Đây là sự phát triển về chất trong định hướng xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân. Cùng với đó, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng tiếp tục và khẳng định xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân “vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Xây dựng cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Quân đội và Công an tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân”. Quan điểm của Đảng chú trọng xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân “vững mạnh về chính trị”, “tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân” là yếu tố tiên quyết để Quân đội và Công an là lực lượng tin cậy, công cụ sắc bén của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Đồng thời: “Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu và dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp trên các vùng, miền, trên biển. Quan tâm xây dựng lực lượng bảo đảm trật tự, an toàn xã hội cơ sở đáp ứng đòi hỏi của nhiệm vụ giữ gìn an ninh, trật tự ở cơ sở”; “Chủ động chuẩn bị về mọi mặt, sẵn sàng các phương án bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trong mọi tình huống”.

Đại hội XIII của Đảng đã bổ sung, phát triển quan điểm: tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc của Đại hội XII thành: “Tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh; xây dựng và phát huy mạnh mẽ “thế trận lòng dân” trong nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân; xây dựng và củng cố vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân”, nhằm gắn kết chặt chẽ giữa quốc phòng và an ninh, tạo thành sức mạnh tổng hợp bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Văn kiện Đại hội XII xác định quan điểm, chủ trương: “tăng cường nguồn lực cho quốc phòng, an ninh”, Văn kiện Đại hội XIII bổ sung thêm: “có cơ chế huy động nguồn lực từ địa phương và nguồn lực xã hội cho xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh tại các khu vực phòng thủ”. Vì để huy động nguồn lực cho QP, AN thì ngoài quan điểm, chủ trương đúng còn phải có cơ chế, chính sách huy động phù hợp, hiệu quả trong điều kiện nước ta thực hiện nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng.

Để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: Kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch... Bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về Quốc phòng, an ninh và liên quan đến Quốc phòng, an ninh trong điều kiện mới. Chủ động, tăng cường hợp tác và nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế về Quốc phòng, an ninh.

Bên cạnh đó, Văn kiện Đại hội XIII cũng chỉ rõ những hạn chế. Đó là việc quán triệt, tổ chức, triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc có lúc, có nơi chưa nghiêm, hiệu quả chưa cao. Công tác nắm tình hình, dự báo chiến lược về quốc phòng, an ninh có lúc chưa thật chủ động, kịp thời và tậ nạn xã hội còn diễn biến phức tạp, an ninh trên một số địa bàn, lĩnh vực chưa thật vững chắc, nhất là an ninh mạng, an ninh trong đầu tư nước ngoài; nhiều yếu tố ảnh hưởng đến an ninh, an toàn con người chưa được quan tâm giải quyết triệt để; xử lý khiếu kiện đông người về đất đai và một số tình huống phức tạp nảy sinh ở một số địa bàn, cơ sở có lúc, có nơi còn bị động, lúng túng. Công tác quản lý, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng còn hạn chế. Việc kết hợp kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh ở một số địa phương, đơn vị thiếu hiệu quả, còn biểu hiện chủ quan, mất cảnh giác, nặng về lợi ích kinh tế, đơn thuần, trước mắt.

Trong những năm tới, tình hình thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, khó dự báo; đất nước đứng trước nhiều thuận lợi, thời cơ đan xen với những khó khăn, thách thức; nhiều vấn đề mới đặt ra phải giải quyết. Vì vậy, Đại hội XIII xác định: Tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. So với Đại hội XII, việc xác định phương hướng, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của Đại hội XIII có mặt đậm nét hơn và có những điểm mới:

- Bổ sung nội dung trọng yếu của quốc phòng, an ninh

Khi trình bày mục tiêu trọng yếu của quốc phòng, an ninh, Báo cáo chính trị Đại hội XIII đã thống nhất về cơ bản với nội dung của văn kiện Đại hội XII, nhưng có bổ sung thêm một đoạn mới để nhấn mạnh những nhiệm vụ mới nổi lên cần giải quyết. Đó là: “giữ vững môi trường hòa bình ổn định chính trị, an ninh quốc gia, an ninh con người; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa”. Đồng thời còn nhấn mạnh thêm: “Có kế sách ngăn ngừa nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa. Nỗ lực phấn đấu để ngăn ngừa xung đột, chiến tranh và giải quyết các tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình phù hợp với luật pháp quốc tế. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời, vùng biển; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển”.

- Nội dung xây dựng tiềm lực quốc phòng và an ninh rõ nét hơn, toàn diện hơn

Văn kiện Đại hội XII đã khái quát: Tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Báo cáo chính trị Đại hội XIII thể hiện vấn đề này một cách đầy đủ hơn: “Cụ thể hóa và thực hiện có hiệu quả quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược bảo vệ Tổ quốc; trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; trong từng địa phương, vùng, địa bàn chiến lược và trong từng nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch cụ thể”.

- Xác định rõ hơn nhiệm vụ xây dựng lực lượng: Giống như nội dung trong văn kiện Đại hội XII là xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh: “Đến năm 2025, cơ bản xây dựng Quân đội, Công an tinh, gọn, mạnh, tạo tiền đề vững chắc, phấn đấu năm 2030 xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ.” Văn kiện Đại hội XIII đã bổ sung mới nhiệm vụ “Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu và dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp trên các vùng, miền, trên biển. Quan tâm xây dựng lực lượng bảo đảm trật tự, an toàn xã hội cơ sở đáp ứng đòi hỏi của nhiệm vụ giữ gìn an ninh, trật tự ở cơ sở.” Văn kiện Đại hội XIII còn nhấn mạnh điểm mới: “Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, nâng cao chất lượng thu hút, đào tạo nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.”

- Xác định rõ hơn nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển lý luận về quốc phòng, an ninh: Trước những diễn biến mới nhanh chóng, phức tạp của tình hình thế giới và khu vực cũng như sự phát triển mạnh mẽ các loại vũ khí, trang thiết bị hiện đại do



việc ứng dụng những thành quả khoa học và công nghệ, cần phải có sự nghiên cứu, phát triển lý luận về an ninh, quốc phòng. Báo cáo chính trị Đại hội XIII nhấn mạnh: “Tiếp tục nghiên cứu, phát triển lý luận về quốc phòng, quân sự, an ninh, nghệ thuật quân sự, nghệ thuật bảo vệ an ninh quốc gia, an ninh xã hội trong tình hình mới. Nâng cao năng lực dự báo chiến lược, giữ vững thế chủ động chiến lược, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ, công chức, viên chức và cho toàn dân, bảo đảm phù hợp với từng đối tượng. Chú trọng giáo dục, thống nhất, nâng cao nhận thức về đối tác và đối tượng; nắm vững đường lối, quan điểm, yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”.

- Xác định rõ hơn nhiệm vụ triển khai thực hiện các chiến lược về quốc phòng, an ninh: Văn kiện Đại hội XII nhấn mạnh: Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về quốc phòng, an ninh. Đến nay các chiến lược về quốc phòng, an ninh đã được hoàn thiện nên Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh điểm mới là: “Tiếp tục triển khai thực hiện toàn diện, đồng bộ Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, Chiến lược quốc phòng, Chiến lược quân sự, Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia, Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia, Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng, Chiến lược an ninh mạng quốc gia và các chiến lược quốc phòng, an ninh chuyên ngành khác”.

### **3. Đôi lời kết luận**

Để tăng cường quốc phòng, an ninh bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: Kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch... Bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về QP, AN và liên quan đến QP, AN trong điều kiện mới. Chủ động, tăng cường hợp tác và nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế về QP, AN.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 1*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 2*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Hội đồng lý luận trung ương (2021). *Những điểm mới trong các văn kiện đại hội XIII của Đảng*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

# SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC HỢP TÁC NHẪM PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

ThS. Hoàng Thị Nga<sup>[1]</sup>

**Tóm tắt:** *Phương pháp dạy học hợp tác là cách dạy học mang tính tập thể gồm nhiều cá nhân khác nhau. Trong đó, mọi người hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau để đạt mục tiêu chung. Dạy học hợp tác giúp người học tiếp thu kiến thức qua các hoạt động tương tác đa dạng như giữa người học với người học, giữa người dạy với người học, giữa người học và môi trường. Dạy học hợp tác có rất nhiều ưu thế trong việc hình thành phẩm chất và năng lực môn Giáo dục kinh tế và pháp luật trong chương trình giáo dục phổ thông 2018.*

**Từ khóa:** *Hợp tác; Phẩm chất; năng lực; lựa chọn; đặc thù.*

## 1. Đặt vấn đề

Việc lựa chọn sử dụng các phương pháp dạy học nhằm rèn luyện phương pháp học, hình thành kĩ năng tự học, kĩ năng nghiên cứu khoa học; bồi dưỡng hứng thú và lòng say mê học tập cho học sinh đã trở thành xu hướng trong dạy học hiện đại.

Trong quá trình dạy học, giáo viên lựa chọn các phương pháp dạy học phù hợp với khả năng của học sinh và giáo viên cũng như tính chất của hoạt động cụ thể trong chuỗi hoạt động học, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường nhằm đạt được mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực đã đề ra. Trong hệ thống các phương pháp dạy học hiện đại, phương pháp dạy học hợp tác có ý nghĩa rất lớn trong việc hình thành phẩm chất và năng lực của học sinh trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.

---

1 Khoa Giáo dục chính trị - Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh

## 2. Nội dung

### 2.1. Quan niệm

Dạy học hợp tác là dạy học trong đó giáo viên tổ chức cho học sinh hình thành các nhóm hợp tác, cùng nhau nghiên cứu, trao đổi ý tưởng và giải quyết vấn đề do giáo viên đặt ra. Từ đó giúp học sinh tiếp thu một lượng kiến thức nhất định dựa trên cơ sở hoạt động tích cực của từng cá nhân.

Phương pháp dạy học hợp tác gồm có nhiều hình thức, cách dạy và học khác nhau đang được áp dụng. Cụ thể:

- Phương pháp dạy học hợp tác theo hình thức thảo luận nhóm: Đây là cách thức giải quyết vấn đề hay làm sáng tỏ một nội dung chủ đề cần tranh luận bằng cách trao đổi, thảo luận ý kiến, trao đổi ý tưởng và bàn bạc giữa các thành viên trong nhóm.

- Phương pháp dạy học hợp tác theo hình thức hoạt động nhóm: Đây là cách chia sẻ kinh nghiệm, đóng góp ý tưởng và chung sức giải quyết một vấn đề, một tình huống được giáo viên giao cho nhóm thông qua các hoạt động cụ thể.

- Phương pháp dạy học hợp tác theo dạng hội thảo (Seminar): Đây là hình thức thảo luận nhóm mang tính chất nâng cao hơn. Vấn đề, chủ đề trong hình thức này thường phức tạp, chưa có những ý kiến rõ ràng nên cần có sự đóng góp, tranh luận từ tập thể các thành viên tham gia đóng góp nhằm tìm ra hướng giải quyết vấn đề đặt ra.

- Phương pháp dạy học hợp tác theo hình thức dự án: Học sinh tham gia trong nhóm sẽ phải hoàn thành nhiệm vụ phức tạp hơn gắn với thực tiễn, biết kết hợp với lý thuyết và thực hành, biết tự lập kế hoạch cũng như phải thực hiện và đánh giá kết quả. Hình thức học này chủ yếu hoạt động theo nhóm. Kết quả của dự án sẽ được trình bày và giới thiệu.

Dạy học hợp tác có một số đặc điểm sau đây:

- Hoạt động xây dựng nhóm: nhóm thường giới hạn thành viên do giáo viên phân công, nhóm có thể gắn bó trong nhiều hoạt động và có thể linh hoạt thay đổi theo từng hoạt động.

- Sự tương tác lẫn nhau một cách tích cực: Học sinh hợp tác với nhau trong những nhóm nhỏ, là đòi hỏi tất yếu của dạy học hợp tác. Thành công của cá nhân chỉ mang ý nghĩa góp phần tạo nên sự thành công của nhóm.

- Ràng buộc trách nhiệm cá nhân - trách nhiệm nhóm: Các cá nhân thể hiện trách nhiệm với bản thân và đối với các thành viên của nhóm, cùng hỗ trợ nhau trong việc thực hiện nhiệm vụ đặt ra.

- Hình thành và phát triển kỹ năng hợp tác: Học sinh không chỉ nhằm lĩnh hội nội dung - chương trình môn học, mà quan trọng là được thực hành và thể hiện, củng cố các kỹ năng xã hội. Đây là tiêu chí để đánh giá dạy học hợp tác trong nhóm có đạt được hiệu quả hay không.

## **2.2. Cách tiến hành**

Tiến trình dạy học hợp tác có thể chia ra làm 2 giai đoạn.

Giai đoạn 1: Chuẩn bị

Giáo viên cần thực hiện các công việc sau:

- Xác định hoạt động cần tổ chức dạy học hợp tác dựa trên mục tiêu của bài học.
- Xác định tiêu chí thành lập nhóm.
- Xác định thời gian phù hợp.

Thiết kế các phiếu/ hình thức giao nhiệm vụ.

Giai đoạn 2: Tổ chức dạy học hợp tác

*Bước 1.* Giao nhiệm vụ học tập. Giáo viên tổ chức cho toàn lớp với các hoạt động chính như giới thiệu chủ đề; thành lập các nhóm làm việc; xác định nhiệm vụ của các nhóm; xác định và giải thích nhiệm vụ cụ thể của các nhóm; xác định rõ mục tiêu cụ thể cần đạt được. Nhiệm vụ của các nhóm có thể giống nhau hoặc khác nhau.

*Bước 2.* Thực hiện nhiệm vụ học tập có sự hợp tác. Các nhóm tự lực thực hiện nhiệm vụ được giao, trong đó có hoạt động chính là chuẩn bị chỗ làm việc nhóm; lập kế hoạch làm việc; thỏa thuận về quy tắc làm việc; tiến hành giải quyết nhiệm vụ; chuẩn bị báo cáo kết quả trước lớp; xác định nội dung, cách trình bày kết quả.

*Bước 3.* Trình bày và đánh giá kết quả của hoạt động hợp tác

Đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp. Các học sinh khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Giáo viên hướng dẫn học sinh lắng nghe và phản hồi tích cực. Có thể trình bày có minh họa thông qua biểu diễn hoặc mẫu kết quả làm việc nhóm. Kết quả trình bày của các nhóm được chia sẻ với các nhóm khác, để các nhóm góp ý và là cơ sở để triển khai các nhiệm vụ tiếp theo. Sau khi học sinh nhận xét, phản hồi, giáo viên tổng kết các kiến thức cơ bản.

## **2.3. Điều kiện của dạy học hợp tác**

Để tổ chức hoạt động dạy học hợp tác hiệu quả, cần lưu ý một số điều kiện sau:

- Nhiệm vụ học tập cần đủ khó để thực hiện dạy học theo nhóm vì nếu nhiệm vụ quá dễ sẽ làm cho hoạt động nhóm trở nên nhàm chán và chỉ mang tính chất hình thức.

- Không gian làm việc cần đảm bảo phù hợp để học sinh thuận tiện trong việc trao đổi và thảo luận.

- Thời gian cũng cần đủ cho các thành viên nhóm thảo luận và trình bày kết quả một cách hiệu quả.

#### 2.4. Ưu thế của dạy học hợp tác trong việc hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực học sinh

Dạy học hợp tác có ưu thế hình thành các phẩm chất, năng lực<sup>[1]</sup> như sau:

Phẩm chất	Thành tố	Biểu hiện cụ thể
Nhân ái	Yêu quý mọi người	Quan tâm đến mối quan hệ hài hoà với những người khác.
	Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người	Cảm thông, độ lượng với những hành vi, thái độ có lỗi của người khác.
Trách nhiệm	Có trách nhiệm với bản thân	Sẵn sàng chịu trách nhiệm về những lời nói và hành động của bản thân.

*Bảng 1. Bảng mô tả ý nghĩa của dạy học hợp tác với phẩm chất chủ yếu của học sinh*

Năng lực chung	Thành tố	Biểu hiện cụ thể
Năng lực tự chủ và tự học	Tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của mình	Biết tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của bản thân; luôn bình tĩnh và có cách cư xử đúng.
	Thích ứng với cuộc sống	Thay đổi được cách tư duy, cách biểu hiện thái độ, cảm xúc của bản thân để đáp ứng với yêu cầu mới, hoàn cảnh mới.
Năng lực giao tiếp và hợp tác	Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp	Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá về các vấn đề trong khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp. - Biết chủ động trong giao tiếp; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người

<sup>1</sup> Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư 32/2008,

Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp	Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá về các vấn đề trong khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp. - Biết chủ động trong giao tiếp; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người
Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân	Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; sẵn sàng nhận công việc khó khăn của nhóm.
Xác định mục đích và phương thức hợp tác	Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết một vấn đề do bản thân và những người khác đề xuất; biết lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ.
Tổ chức và thuyết phục người khác	Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của từng thành viên và cả nhóm để điều hoà hoạt động phối hợp; biết khiêm tốn tiếp thu sự góp ý và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các thành viên trong nhóm.
Đánh giá hoạt động hợp tác	Căn cứ vào mục đích hoạt động của các nhóm, đánh giá được mức độ đạt mục đích của cá nhân, của nhóm và nhóm khác; rút kinh nghiệm cho bản thân và góp ý được cho từng người trong nhóm.

*Đối với năng lực đặc thù môn Giáo dục công dân*

Năng lực đặc thù	Thành tố	Biểu hiện cụ thể
Điều chỉnh hành vi	Nhận thức chuẩn mực hành vi	Hợp tác để hiểu trách nhiệm công dân trong việc thực hiện đường lối chủ trương pháp luật của Đảng và Nhà nước.
	Điều chỉnh hành vi	Nhắc nhở, giúp đỡ người khác điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật trong thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước về kinh tế - xã hội.

Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội	Tìm hiểu các hoạt động kinh tế - xã hội	Hợp tác để hiểu được các kiến thức khoa học và một số vấn đề cơ bản về đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước
	Tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội	Hợp tác để cùng nhau giải quyết các nhiệm vụ liên quan đến hoạt động kinh tế - xã hội

## 2.5. Định hướng sử dụng

Dạy học hợp tác trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật đòi hỏi sự phối hợp giữa các học sinh để hoàn thành nhiệm vụ nhanh chóng và hiệu quả. Dạy học hợp tác thường được áp dụng để luyện tập một chủ đề đã học hoặc cũng có thể tìm hiểu khám phá.

Khi sử dụng dạy học hợp tác cũng nên chú ý các câu hỏi kiểm tra dùng cho việc chuẩn bị dạy học hợp tác:

- (1) Chủ đề có hợp với dạy học nhóm không?
- (2) Các nhóm làm việc với nhiệm vụ giống hay khác nhau?
- (3) Học sinh đã có đủ kiến thức điều kiện cho công việc nhóm chưa?
- (4) Trình bày nhiệm vụ làm việc nhóm như thế nào?
- (5) Chia nhóm theo tiêu chí nào?
- (6) Cần tổ chức, sắp xếp phòng học như thế nào?

Trong quá trình tổ chức dạy học hợp tác, giáo viên quy định rõ thời gian thảo luận nhóm và thời gian trình bày sản phẩm của mỗi nhóm. Giáo viên chủ động quan sát, động viên, khích lệ, hướng dẫn tập trung thảo luận vào chủ đề đã được phân công.

Trong giờ học hợp tác, giáo viên dẫn dắt học sinh khám phá, lĩnh hội kiến thức qua từng bước. Các nhóm học sinh thực hiện nhiệm vụ của mình, qua đó có thể rút ra các tri thức, kiến thức cần thiết cho mình.

## 2.6. Ví dụ minh họa

Ở chủ đề: Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng, để hình thành năng lực nhận thức chuẩn mực hành vi: *Liệt kê* một số dịch vụ tín dụng; *chỉ ra* được đặc điểm của từng loại dịch vụ tín dụng, giáo viên tổ chức dạy học hợp tác với việc tổ chức học sinh thảo luận nhóm.

Gợi ý cách thực hiện: Giáo viên tổ chức lớp thành 6 nhóm với các nhiệm vụ cụ thể như sau: Có mấy loại tín dụng và đặc điểm của chúng.

Nhóm 1: Căn cứ vào thời hạn tín dụng.

Nhóm 2: Căn cứ vào đối tượng tín dụng.

Nhóm 3: Căn cứ vào mục đích sử dụng vốn tín dụng.

Nhóm 4: Căn cứ vào chủ thể tín dụng.

Nhóm 5: Căn cứ vào tính chất bảo đảm tiền vay.

Nhóm 6: Căn cứ vào lãnh thổ hoạt động tín dụng.

Hoạt động	Bước tổ chức dạy học hợp tác	Hoạt động cụ thể
Tìm kiếm thông tin, tư liệu	Nhập đề	Xác định nhiệm vụ của 6 nhóm: - Tổ chức nhóm - Phân công công việc cụ thể cho từng thành viên.
Xử lý thông tin, tư liệu	Hợp tác	- Chia sẻ, lựa chọn, sắp xếp thông tin, tư liệu. - Hỗ trợ nhau trong quá trình trên. - Tổ chức nhóm để chuẩn bị trình bày kết quả (người trình bày; người hỗ trợ; người phản biện, nhận xét nhóm bạn;...)
Trình bày kết quả		Các nhóm trình bày kết quả trước lớp để các nhóm khác nhận xét và góp ý.
Đánh giá	Đánh giá và đánh giá đồng đẳng	- Đánh giá theo Rubris

### Tư liệu<sup>[1]</sup>:

**(1) Căn cứ vào thời hạn tín dụng**, tín dụng được chia thành:

+ Tín dụng ngắn hạn

- Là loại tín dụng có thời hạn không quá 12 tháng, thường được dùng để cho vay bổ sung vốn lưu động của các doanh nghiệp và nhu cầu thanh toán cho sinh hoạt cá nhân.

+ Tín dụng trung hạn

- Là loại tín dụng có thời hạn trên 12 tháng đến 60 tháng, dùng để cho vay vốn mua sắm tài sản cố định, cải tiến và đổi mới kĩ thuật, mở rộng và xây dựng các công trình qui mô nhỏ của các doanh nghiệp và cho vay xây dựng nhà ở hoặc mua sắm hàng tiêu dùng có giá trị lớn của cá nhân.

+ Tín dụng dài hạn

1 Phạm Ngọc Dũng, Đinh Xuân Hạng (2011), *Giáo trình Tài chính tiền tệ*, NXB Tài chính, Hà Nội.



- Là loại tín dụng có thời hạn trên 60 tháng, được sử dụng để cho vay dự án đầu tư xây dựng mới, cải tiến và mở rộng sản xuất có qui mô lớn.

## **(2) Căn cứ vào đối tượng tín dụng**

Theo tiêu thức này, tín dụng được chia làm hai loại:

+ Tín dụng vốn lưu động

Là loại tín dụng được cấp nhằm hình thành vốn lưu động cho các doanh nghiệp hoặc các chủ thể kinh tế khác.

+ Tín dụng vốn cố định

Là loại tín dụng được cấp nhằm hình thành vốn cố định của các doanh nghiệp hoặc các chủ thể kinh tế khác. Loại tín dụng này được thực hiện dưới hình thức cho vay trung và dài hạn.

## **(3) Căn cứ vào mục đích sử dụng vốn tín dụng**

Theo tiêu thức này, tín dụng được chia làm hai loại:

+ Tín dụng sản xuất và lưu thông hàng hóa

Là loại tín dụng cấp cho các doanh nghiệp và chủ thể kinh tế khác để tiến hành sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.

+ Tín dụng tiêu dùng

Là loại tín dụng cấp cho các cá nhân để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng

## **(4) Căn cứ vào chủ thể tín dụng**

Dựa vào chủ thể trong quan hệ tín dụng được chia thành hình thức tín dụng sau:

+ Tín dụng thương mại

Là quan hệ tín dụng giữa các doanh nghiệp được thực hiện dưới hình thức mua bán chịu hàng hóa hoặc ứng tiền trước khi nhận hàng hóa.

+ Tín dụng ngân hàng

Là quan hệ tín dụng giữa ngân hàng và các doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức xã hội.

+ Tín dụng nhà nước

Là hình thức tín dụng thể hiện mối quan hệ giữa Nhà nước với các doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức xã hội. Nhà nước vừa là người đi vay, vừa là người cho vay.

## **(5) Căn cứ vào tính chất bảo đảm tiền vay**

+ Tín dụng đảm bảo bằng tài sản

Là loại tín dụng được đảm bảo bằng các loại tài sản của khách hàng, bên bảo lãnh hoặc hình thành từ vốn vay.

+ Tín dụng đảm bảo không bằng tài sản

Là loại tín dụng được đảm bảo dưới hình thức tín chấp, cho vay theo chỉ định của Chính phủ và hộ nông dân vay vốn được bảo lãnh của các tổ chức đoàn thể, chính quyền địa phương.

### **(6) Căn cứ vào lãnh thổ hoạt động tín dụng**

Dựa vào tiêu thức này tín dụng được chia thành hai loại:

+ Tín dụng nội địa

Là quan hệ tín dụng phát sinh trong phạm vi lãnh thổ quốc gia.

+ Tín dụng quốc tế

Là quan hệ tín dụng phát sinh giữa các quốc gia với nhau hoặc giữa một quốc gia với một tổ chức tài chính - tín dụng quốc tế.

### **3. Kết luận**

Việc lựa chọn, sử dụng các phương pháp dạy học nhóm đòi hỏi giáo viên phải là người thiết kế, tổ chức thật hiệu quả dựa trên khả năng dự báo, dự đoán hoạt động của học sinh. Giáo viên phải có năng lực thực tiễn, cũng như năng lực “sư phạm hóa” môi trường thực tiễn để phát huy khả năng, cảm xúc, hứng thú của học sinh thông qua đó nhằm phát triển phẩm chất, năng lực.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT* ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình môn Giáo dục công dân*, Ban hành kèm Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
3. Bộ Giáo dục và đào tạo (2018), *Tài liệu hướng dẫn bồi dưỡng giáo viên phổ thông cốt cán modul số 4*.
4. Phạm Thị Bình, Hoàng Thị Nga (2020), *Chương trình và lý luận dạy học Giáo dục công dân trung học phổ thông*, NXB Đại học Vinh.
5. Phạm Ngọc Dũng, Đinh Xuân Hạng (2011), *Giáo trình Tài chính tiền tệ*, NXB Tài chính.
6. <https://vieclam123.vn/phuong-phap-day-hoc-hop-tac-b459.html>.

# VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM, ĐƯỜNG LỐI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG VÀO CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ĐẢNG VIÊN ĐỐI VỚI SINH VIÊN LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ

TS. Dương Văn Mạnh<sup>[1]</sup> - TS. Trần Thị Thanh Hà<sup>[2]</sup>

**Tóm tắt:** *Việc vận dụng sáng tạo, khoa học quan điểm, đường lối Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng vào công tác phát triển đảng viên đối với sinh viên là vấn đề quan trọng. Đặc biệt đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số có ý nghĩa sâu sắc trong công tác xây dựng đảng, tạo ra những “hạt giống đỏ” để phát triển kinh tế - xã hội khu vực Tây Bắc và góp phần xây dựng vùng Tây Bắc giàu mạnh. Từ việc nghiên cứu thực trạng công tác phát triển đảng viên đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số của Trường Đại học Tây Bắc, nhóm tác giả đề xuất 06 nhiệm vụ và giải pháp vận dụng quan điểm, đường lối Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng vào công tác phát triển đảng viên đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số.*

**Từ khóa:** *Đại học Tây Bắc; Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; phát triển đảng; sinh viên dân tộc thiểu số.*

## 1. Đặt vấn đề

Sinh thời, Bác Hồ luôn đánh giá cao vai trò của việc học tập nghị quyết của Đảng. Người cho rằng: “Cần nghiên cứu sâu để thấm nhuần tinh thần nghị quyết; nghiên cứu càng sâu thì càng thêm phần khởi, hoàn thành nhiệm vụ càng tốt” [2]. Vì vậy, Nghị quyết của Đảng phải thể chế hóa, cụ thể hóa bằng các chương trình hành động cụ thể.

---

1,2 Trường Đại học Tây Bắc

Một trong những nội dung quan trọng trong Nghị quyết của đại hội đảng các cấp là công tác xây dựng Đảng. Trong số 880.155 đảng viên được kết nạp trong nhiệm kỳ (2016 - 2020), 67,67% là đoàn viên, 43,72% là nữ, 5,8% là công nhân, 12,2% là nông dân, 23,5% là học sinh, sinh viên, 15,35% là người dân tộc thiểu số. Tính đến ngày 30/9/2020, có 2.370.206 đảng viên có trình độ đại học và cao đẳng (tăng 34,59% so với cùng kỳ năm 2014); 215.442 đảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên (tăng 81,29% so với cùng kỳ năm 2014). Trong số 880.155 đảng viên mới được kết nạp từ đầu nhiệm kỳ, 41,5% có trình độ từ đại học trở lên [1]. Như vậy, đối tượng đảng viên có trình độ học vấn và là người dân tộc thiểu số ngày càng được quan tâm phát triển.

*Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng* cũng nêu rõ: “Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội dự bị tin cậy của Đảng, là lực lượng nòng cốt trong phong trào thanh niên, đại diện quyền lợi của thanh niên, phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, có vai trò kế tục sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh là phù hợp” [1]. Trong *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng* phần *Định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030* chỉ rõ: “...phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội” [6]. Trong nội dung *Chiến lược đột phá* của Nghị quyết còn nhấn mạnh: “Phát triển nguồn nhân lực... phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [6]. Do đó, phát triển đảng viên là sinh viên, đặc biệt sinh viên là dân tộc thiểu số có vai trò vô cùng quan trọng trong công tác xây dựng Đảng và góp phần củng cố, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc ở vùng Tây Bắc.

Xác định tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng, trong Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Trường Đại học Tây Bắc khóa XXIII đã xác định mục tiêu: Mỗi năm kết nạp từ 50 đảng viên trở lên, do đó cần phải cụ thể hóa nội dung này đối với công tác phát triển đảng viên nói chung, đặc biệt là đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số nói riêng.

Trường Đại học Tây Bắc có hơn 80% sinh viên là người dân tộc thiểu số, nên việc vận dụng sáng tạo và khoa học quan điểm, đường lối Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng vào công tác phát triển đảng viên đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số là hết sức quan trọng để tạo ra những “hạt giống đỏ” để phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Bắc và góp phần xây dựng vùng Tây Bắc giàu mạnh.

Bài viết này sẽ trình bày vấn đề “Vận dụng quan điểm, đường lối Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng vào công tác phát triển đảng viên đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số” với những phân tích cụ thể từ số liệu và kinh nghiệm của Trường Đại học Tây Bắc. Đây là việc làm có tính thực tiễn và ý nghĩa sâu sắc với công tác phát triển đảng hiện nay.

## 2. Nội dung

### 2.1. Khái quát về Đảng bộ Trường Đại học Tây Bắc

Trường Đại học Tây Bắc được thành lập theo Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg ngày 23/3/2001 của Thủ tướng Chính phủ (tiền thân là Trường Sư phạm cấp 2 Khu Tự trị Thái - Mèo, thành lập ngày 30/6/1960); là trường đại học công lập, đa ngành theo định hướng ứng dụng, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo có trụ sở đặt tại thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Đảng bộ Trường Đại học Tây Bắc hiện tại có 13 chi bộ trực thuộc với 356 đảng viên, trong đó có 12 đảng viên sinh viên (tính đến tháng 10 năm 2021). Ban Chấp hành Đảng bộ hiện nay có 09 đồng chí (với 03 đồng chí trong Ban Thường vụ, trong đó 01 đồng chí Bí thư, 01 đồng chí Phó Bí thư, 01 đồng chí Ủy viên Thường vụ; 06 đồng chí Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy).

### 2.2. Thực trạng công tác phát triển đảng viên đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số của trường Đại học Tây Bắc

#### 2.2.1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân

##### \* Những kết quả đạt được

Đảng ủy Trường Đại học Tây Bắc luôn xác định một trong những nhiệm vụ hàng đầu của Nhà trường là tạo nguồn nhân lực phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Bắc<sup>[1]</sup>. Trong những năm vừa qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, thường xuyên, sâu sát của Đảng ủy cùng với sự tích cực, chủ động của các chi bộ, công tác phát triển đảng viên trong sinh viên nói chung và sinh viên là người dân tộc thiểu số nói riêng đã đạt được những thành tựu nhất định. Công tác phát triển đảng viên được tiến hành thường xuyên, theo kế hoạch, đúng quy trình, tuân thủ nguyên tắc, quy định về công tác phát triển đảng viên. Thực hiện công tác phát triển đảng trong Nhà trường, Đảng ủy đã ban hành các văn bản chỉ đạo về công tác phát triển Đảng trong từng năm như: Kế hoạch về công tác phát triển đảng; kế hoạch và tổ chức học tập tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo tinh thần Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị; kế hoạch hướng dẫn thực hiện công tác giáo dục lý luận chính trị, công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho sinh viên... Mặt khác, Đảng ủy đã chỉ đạo các chi bộ xây dựng chương trình, kế hoạch, giải pháp phát triển đảng viên, trong đó, cần chú trọng đến công tác phát triển đảng viên người dân tộc thiểu số.

---

1 Theo tổng hợp từ *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009: kết quả toàn bộ* (tr.155-161): toàn vùng Tây Bắc có 50 dân tộc cư trú, trong đó có 24 dân tộc có dân số đông đảo hơn (ít nhất từ 100 người trở lên), cư trú ổn định, lâu dài và 26 dân tộc có dân số (ít hơn 100 người), cư trú không ổn định, lâu dài trên địa bàn Tây Bắc, trong đó cộng đồng các dân tộc thiểu số chiếm hơn 80 % dân số.

Đoàn trường luôn xác định công tác phát triển đảng viên là nhiệm vụ trọng tâm, vì vậy, Đoàn trường đã xây dựng tiêu chí, quy trình, kế hoạch bồi dưỡng giúp đỡ những đoàn viên ưu tú để giới thiệu cho cấp ủy xem xét kết nạp các đoàn viên ưu tú vào Đảng. Đoàn trường thường xuyên thực hiện công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, đặc biệt là đối với các đoàn viên là người dân tộc thiểu số tích cực phấn đấu trong học tập, rèn luyện, tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao,... trên cơ sở đó phát hiện năng lực, phẩm chất đoàn viên, từ đó, có những định hướng phấn đấu cho các đoàn viên để đề nghị cấp ủy xem xét kết nạp vào Đảng.

Khi giới thiệu đoàn viên ưu tú để xem xét kết nạp Đảng, Đoàn trường đã dựa vào tiêu chuẩn của đoàn viên ưu tú theo quy định, đoàn viên phải đảm bảo điểm trung bình chung tích lũy đạt 2,5 (khá) trở lên; điểm rèn luyện trong các kỳ phải đạt: 65 điểm trở lên... Bên cạnh đó, Đoàn trường hết sức coi trọng tiêu chuẩn giác ngộ lý tưởng Đảng, đạo đức, lối sống, năng lực hoàn thành nhiệm vụ của sinh viên; kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện phương châm, phương hướng, điều kiện và nguyên tắc, thủ tục để không chạy theo thành tích, số lượng, hạ thấp tiêu chuẩn.

Chính vì vậy, công tác phát triển đảng đối với sinh viên nói chung và sinh viên dân tộc thiểu số nói riêng đã đạt được những thành tựu nhất định, biểu hiện thông qua minh chứng về số lượng sinh viên và sinh viên người dân tộc thiểu số tham gia lớp Bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho đối tượng kết nạp Đảng, kết nạp Đảng, tham gia lớp đảng viên mới của Nhà trường, thể hiện qua bảng số liệu sau:

**Bảng 1: Số lượng sinh viên tham gia lớp Bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho đối tượng kết nạp Đảng**

NỘI DUNG	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Tổng số sinh viên học lớp bồi dưỡng đối tượng Đảng	390	100 %	282	100%	250	100%	122	100%
Số lượng sinh viên người dân tộc thiểu số tham gia lớp học	243	60 %	194	68.8%	210	84%	88	72,1%

(Nguồn: Thống kê của Văn phòng Đảng ủy Trường Đại học Tây Bắc)

**Bảng 2: Số lượng sinh viên kết nạp vào Đảng**

NỘI DUNG	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Tổng số sinh viên kết nạp vào Đảng	112	100%	96	100%	85	100%	30	100%
Số lượng sinh viên người dân tộc thiểu số kết nạp vào Đảng	77	68,7%	35	36,5%	40	47,1%	16	53,3%

(Nguồn: Thống kê của Văn phòng Đảng ủy Trường Đại học Tây Bắc)

**Bảng 3: Số lượng sinh viên tham gia lớp đảng viên mới**

NỘI DUNG	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Tổng số sinh viên tham gia lớp Đảng viên mới	102	100%	96	100%	51	100%	39	100%
Số lượng sinh viên là người dân tộc thiểu số tham gia lớp Đảng viên mới	68	70,6%	46	47,1%	20	29,2%	16	41%

(Nguồn: Thống kê của Văn phòng Đảng ủy Trường Đại học Tây Bắc)

Như vậy, trong 04 năm (2018, 2019, 2020, 2021), Đảng ủy đã triển khai thực hiện: Mở được 6 lớp Bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho đối tượng kết nạp Đảng với 1044 đối tượng là đoàn viên ưu tú, trong đó có 735 đoàn viên ưu tú là người dân tộc thiểu số (chiếm tỷ lệ 70,2% tổng số sinh viên tham gia lớp học); kết nạp 323 đảng viên là sinh viên, trong đó có 168 đảng viên là sinh viên người dân tộc thiểu số (chiếm tỷ lệ 52,0% tổng số sinh viên được kết nạp vào Đảng); mở được 4 lớp đảng viên mới với 288 đảng viên dự bị tham gia, trong đó có 150 đảng viên dự bị là sinh viên người dân tộc thiểu số (chiếm tỷ lệ 52,1% tổng số sinh viên tham gia lớp học).

Những số liệu trên là minh chứng cho thấy sự quan tâm của Đảng bộ Trường Trường Đại học Tây Bắc về công tác phát triển đảng viên đối với sinh viên người dân tộc thiểu số. Để có được những thành quả trên là do quá trình triển khai và hiện thực các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết kịp thời đúng đắn và sáng tạo của Đảng bộ Trường Đại học Tây Bắc trong công tác phát triển đảng nói chung và phát triển đảng viên là sinh viên người dân tộc thiểu số nói riêng.

**\* Nguyên nhân của những kết quả đạt được**

Một là, Đảng ủy đã phổ biến, quán triệt tốt, hiện thực hóa các văn bản của cấp ủy cấp trên về công tác phát triển đảng trong toàn Đảng bộ.

Đảng ủy đã quán triệt và chỉ đạo các cấp ủy đảng thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương: Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 30-5-1998 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác chính trị tư tưởng, củng cố tổ chức đảng, đoàn thể quần chúng và công tác phát triển đảng viên trong các trường học; Chỉ thị số 51-CT/TW ngày 19/01/2000 của Bộ Chính trị về kết nạp đảng viên nhân dịp kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập Đảng và Chỉ thị số 44-CT/TW ngày 12-10-2004 của Ban Bí thư về “Kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh” nhân dịp kỷ niệm 115 năm Ngày sinh của Người... Căn cứ các văn bản của Trung ương, Đảng ủy xây dựng hệ thống văn bản hướng dẫn quy trình thực hiện công tác phát triển đảng viên thống nhất trong toàn Đảng bộ. Đây chính là sự nhận thức sâu sắc của Đảng ủy về ý nghĩa, tầm quan trọng của công

tác phát triển đảng viên là sinh viên nói chung và sinh viên là người dân tộc thiểu số nói riêng, đồng thời, coi đây không chỉ là nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết để bổ sung nguồn sinh lực, sức chiến đấu cho Đảng bộ mà còn góp phần xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh và tạo ra “hạt giống đỏ” để xây dựng và bảo vệ vùng Tây Bắc của Tổ quốc.

Trong những năm qua, Đảng ủy Trường Đại học Tây Bắc đã ban hành các kế hoạch về thực hiện công tác phát triển Đảng trong Nhà trường như: Kế hoạch số 32-KH/ĐU ngày 14/3/2017 về công tác phát triển đảng năm 2017, Kế hoạch số 49-KH/ĐU ngày 22/2/2018 về công tác phát triển đảng năm 2018,...; trong từng năm đã ban hành kế hoạch, hướng dẫn thực hiện công tác giáo dục lý luận chính trị, công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho sinh viên... Trong đó, Đảng ủy luôn coi trọng việc tạo nguồn, bồi dưỡng, kết nạp đảng viên gắn với việc xây dựng tổ chức cơ sở Đảng vững mạnh. Từ đó, Đảng bộ đã quán triệt đến các chi bộ trong Đảng bộ Nhà trường thực hiện từng bước nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra là có một nguồn lực đảm bảo cả về chất lượng và số lượng để giới thiệu phát triển Đảng.

*Hai là*, thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng cho sinh viên về truyền thống vẻ vang của Đảng.

Đảng ủy đã huy động sự vào cuộc của các đơn vị, các tổ chức đoàn thể trong Nhà trường trong việc tuyên truyền, bồi dưỡng, giáo dục lý tưởng và truyền thống vẻ vang của Đảng cho sinh viên, từ đó khơi dậy niềm tin, lòng tự hào dân tộc của các sinh viên nói chung và sinh viên là người dân tộc thiểu số nói riêng. Đồng thời, đã chỉ đạo các chi bộ tổ chức được những buổi sinh hoạt chuyên đề về “Công tác tạo nguồn để phát triển Đảng”. Qua chuyên đề, tất cả đảng viên sẽ ý thức và làm tốt hơn công tác giới thiệu quần chúng là sinh viên trong đó đặc biệt quan tâm đến sinh viên là người dân tộc thiểu số để kết nạp Đảng. Đoàn trường đã tổ chức tốt các phong trào thi đua như: “Đoàn viên thanh niên phấn đấu trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam”, hoặc “Sinh viên phấn đấu như thế nào để được đứng vào hàng ngũ của Đảng”... Qua đó, tạo môi trường rèn luyện cho đoàn viên ưu tú là người dân tộc thiểu số phấn đấu vào hàng ngũ của Đảng.

*Ba là*, sự tạo điều kiện thuận lợi của các cấp ủy, các tổ chức đoàn thể trong Nhà trường để các sinh viên, đặc biệt đối với sinh viên người dân tộc thiểu số phấn đấu vào Đảng. Đây là một yếu tố khách quan giúp cho công tác phát triển đảng đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số có được cơ hội thuận lợi trong việc phấn đấu vào Đảng.

- Các cấp ủy, các tổ chức đoàn thể đã có nhiều biện pháp trong việc phát hiện và bồi dưỡng nhân tố tích cực trong sinh viên nói chung và sinh viên là người dân tộc thiểu số nói riêng. Hằng năm, Đảng ủy đã yêu cầu các chi bộ quán triệt tất cả đảng



viên, đặc biệt là các cố vấn học tập các lớp trong quá trình giảng dạy, tổ chức các hoạt động phải luôn quan tâm các sinh viên là người dân tộc thiểu số có thành tích học tập, rèn luyện tốt và tích cực tham gia các hoạt động các phong trào của Nhà trường, khoa, liên chi đoàn, chi đoàn, lớp tổ chức... Trong công tác tổ chức, các cấp ủy cùng với lãnh đạo khoa đã giới thiệu và tiến cử những sinh viên là người dân tộc thiểu số có kết quả học tập khá và rèn luyện tốt tham gia Ban Chấp hành Đoàn trường, Ban Chấp hành Hội Sinh viên, ban chấp hành liên chi đoàn, ban cán sự, ban chấp hành chi đoàn... Đây là môi trường để các sinh viên người dân tộc thiểu số thể hiện năng lực, trình độ của bản thân các sinh viên vừa để rèn luyện bản lĩnh chính trị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. Những việc làm đó đã tạo nguồn cho công tác phát triển đảng viên trong sinh viên, đặc biệt sinh viên là người dân tộc thiểu số.

- Phòng CTCT-QLNH phối hợp với Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên của Nhà trường đã tổ chức các phong trào, các hoạt động như: kỷ niệm những ngày lễ lớn của đất nước, của Ngành như: 3/2, 30/4, 19/5, 19/8, 2/9, 20/11,...; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; các phong trào hoạt động của xã hội như: *Mùa hè xanh, Ngày chủ nhật xanh, Giọt máu nghĩa tình, Về nguồn*,... Các hoạt động đã lôi cuốn được đông đảo các sinh viên, đặc biệt là sinh viên người dân tộc thiểu số của Nhà trường tham gia. Những hoạt động đó không chỉ tạo ra sân chơi bổ ích, lý thú mà còn tạo ra môi trường cho sinh viên phấn đấu, rèn luyện, thể hiện khả năng của bản thân. Chính thông qua các hoạt động, các phong trào đó đã góp phần không nhỏ trong công tác tạo nguồn phát triển Đảng của Nhà trường.

- Các chi bộ thường xuyên quan tâm, giúp đỡ các nhân tố tích cực trong sinh viên, đặc biệt sinh viên là người dân tộc thiểu số có thành tích nổi bật về học tập và rèn luyện, đồng thời, bồi dưỡng, định hướng về lập trường chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong... cho các sinh viên. Từ các nhân tố tích cực đã được bồi dưỡng, các chi bộ đã cử đi học lớp cảm tình Đảng. Sau khi sinh viên học xong lớp nhận thức về đảng, Chi bộ phân công trực tiếp đảng viên chính thức có uy tín và tinh thần trách nhiệm cao để theo dõi, giúp đỡ thực hiện nhiệm vụ, tạo điều kiện để sinh viên phấn đấu hoàn thành công việc được giao. Đảng viên chính thức trong thời gian hướng dẫn nếu thấy sinh viên mình hướng dẫn hội tụ đủ các tiêu chuẩn của người đảng viên thì giới thiệu với Chi bộ xem xét đề nghị kết nạp Đảng.

*Bốn là*, nhận thức của sinh viên người dân tộc thiểu số đối với tầm quan trọng của việc vào Đảng; sự giác ngộ lý tưởng của Đảng; động lực phấn đấu vào Đảng.

- Sự nhận thức rõ của sinh viên người dân tộc thiểu số đối với tầm quan trọng của việc vào Đảng là một yếu tố quan trọng đối với công tác phát triển Đảng, bởi có nhận thức được tầm quan trọng của việc vào Đảng ở thời kỳ đang học tập đại học tại Trường, giác ngộ được lý tưởng của Đảng mới có động lực phấn đấu để hoàn thiện bản thân tốt nhất.

## 2.2.2. Những hạn chế tồn tại và nguyên nhân

### \* Những hạn chế tồn tại

Tuy đã đạt được những thành quả trên nhưng công tác phát triển đảng, đặc biệt là công tác phát triển đảng viên đối với sinh viên người dân tộc thiểu số trong Nhà trường còn có những hạn chế, đó là, trong 04 năm (2018, 2019, 2020, 2021) tổng số lượng sinh viên Nhà trường đang đào tạo là 3.435 sinh viên nhưng chỉ có: 735 sinh viên là người dân tộc thiểu số được học lớp bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho đối tượng kết nạp Đảng (chiếm 21,3% tổng số sinh viên); kết nạp 168 đảng viên là sinh viên người dân tộc thiểu số (chiếm tỷ lệ 4,9% tổng số sinh viên). Từ số liệu trên cho thấy số lượng sinh viên dân tộc thiểu số đi học lớp bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho đối tượng kết nạp Đảng và được kết nạp Đảng trong Nhà trường còn hạn chế.

### \* Nguyên nhân của tồn tại hạn chế

Một là, Đảng ủy đã có sự quan tâm, chỉ đạo về công tác phát triển đảng trong sinh viên và sinh viên dân tộc thiểu số, tuy nhiên vẫn còn một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa nhận thức đầy đủ và sâu sắc ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác tạo nguồn trong phát triển đảng viên là sinh viên người dân tộc thiểu số. Một số cấp ủy chưa thường xuyên quán triệt các chủ trương, quan điểm chỉ đạo của đảng về công tác phát triển đảng; chưa quan tâm đúng mực tới công tác phát triển đảng viên là người dân tộc thiểu số; chưa xác định được công tác phát triển đảng viên là người dân tộc thiểu số là nhiệm vụ quan trọng của Nhà trường...

Hai là, một số liên chi đoàn làm chưa tốt công tác tuyên truyền giáo dục chính trị tư tưởng đoàn viên; hình thức tuyên truyền chưa thật sự linh hoạt, phong phú; các hoạt động phong trào do Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên phát động chưa đa dạng, phong phú nên chưa khai thác hết khả năng của nhiều đoàn viên là người dân tộc thiểu số có năng lực và nhiệt huyết tham gia... Bên cạnh đó, một số đồng chí trong ban chấp hành liên chi đoàn chưa nắm vững quan điểm và quy trình kết nạp đảng, các nội dung mới về tiêu chuẩn kết nạp đảng viên, chưa thực hiện tốt thủ tục, quy trình giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Chi bộ xem xét kết nạp... Đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới hạn chế trong công tác tạo nguồn phát triển đảng viên là sinh viên dân tộc thiểu số.

Ba là, ý thức tham gia các hoạt động chính trị - xã hội của một bộ phận sinh viên người dân tộc thiểu số còn hạn chế. Sự giác ngộ lý tưởng, động cơ phấn đấu, ý thức tu dưỡng, rèn luyện của một số sinh viên người dân tộc thiểu số chưa thường xuyên. Các sinh viên là người dân tộc thiểu số phần lớn có ý thức rõ trách nhiệm của mình đối với đất nước, có ý thức phấn đấu lao động, học tập, rèn luyện về mọi mặt với khát vọng cống hiến vì tương lai của dân tộc thì vẫn còn một bộ phận ít sinh viên người dân tộc thiểu số phai nhạt lý tưởng cách mạng, suy thoái về đạo đức, lối sống, mắc tệ

nạn xã hội, vi phạm nội quy, quy chế của Nhà trường, thậm chí vi phạm pháp luật. Đây là những khó khăn mà tổ chức Đoàn, Hội đang phải đối mặt. Không ít các em bị mất phương hướng, sống không có lý tưởng, không muốn tham gia vào đời sống chính trị, hiểu không đúng về tổ chức Đảng - Đoàn - Hội trong Nhà trường.

### **2.3. Nhiệm vụ và giải pháp vận dụng quan điểm, đường lối Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng vào công tác phát triển đảng viên đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số**

*Một là*, Đảng ủy cần tiếp tục quan tâm, chỉ đạo sát sao các chi bộ thực hiện tốt công tác phát triển đảng viên trong sinh viên nói chung và sinh viên người dân tộc thiểu số nói riêng. Các chi bộ cần làm tốt công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, tạo môi trường học tập, rèn luyện và phấn đấu cho sinh viên nói chung và sinh viên là người dân tộc thiểu số nói riêng để thấy rõ vai trò lãnh đạo tiên phong, gương mẫu của Đảng, tạo động lực phấn đấu để được đứng trong hàng ngũ của Đảng.

*Hai là*, các cấp ủy đảng trong Nhà trường cần phải thường xuyên làm tốt hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục đối với cán bộ, đảng viên, quần chúng về mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác phát triển đảng đối với sinh viên nói chung và sinh viên người dân tộc thiểu số nói riêng để tạo ra những “hạt giống đỏ” phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Bắc.

*Ba là*, gắn công tác phát triển đảng viên đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số với thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, xây dựng tổ chức Đảng bộ Nhà trường trong sạch vững mạnh.

*Bốn là*, chủ động tạo nguồn đi đôi với nâng cao chất lượng nguồn kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số, phải khơi dậy và phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, các lực lượng trong hệ thống chính trị, cần đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt của các tổ chức chính trị - xã hội như Đoàn thanh niên, Hội sinh viên,... nhằm thu hút đoàn viên tham gia. Từ đó, phát hiện, bồi dưỡng các nhân tố tích cực tạo nguồn để kết nạp đảng.

*Năm là*, thực hiện đầy đủ, nghiêm túc quy trình, thủ tục, hướng dẫn về công tác phát triển đảng, cần thường xuyên tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn cụ thể của các cấp ủy, tổ chức đảng trong công tác phát triển đảng. Đồng thời công tác tạo nguồn phát triển đảng viên trong sinh viên dân tộc thiểu số phải đảm bảo các nguyên tắc và phải phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường.

*Sáu là*, Đảng ủy cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công tác phát triển đảng, đồng thời, phải làm tốt việc khen thưởng những cấp ủy, tổ chức đoàn thể, cá nhân làm tốt công tác tạo nguồn phát triển đảng viên là sinh viên người dân tộc thiểu số cũng như công tác phát triển đảng trong Nhà trường.

### 3. Kết luận

Có thể khẳng định việc vận dụng sáng tạo, khoa học quan điểm, đường lối Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng vào công tác phát triển đảng viên đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số có ý nghĩa hết sức quan trọng góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Trường Đại học Tây Bắc khóa XXIII trong thực tiễn.

Từ sự phân tích: Thành tựu của công tác phát triển đảng viên đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số và nguyên nhân đạt được; một số hạn chế trong công tác phát triển đảng viên đối với sinh viên người dân tộc thiểu số và nguyên nhân của sự hạn chế đã thấy được phần nào bức tranh về công tác phát triển Đảng của Nhà trường, từ đó vận dụng Nghị quyết Đại hội Đảng bộ để làm cơ sở đưa ra các giải pháp giúp công tác phát triển đảng viên nói chung và đảng viên sinh viên người dân tộc thiểu số đạt mục tiêu và phù hợp với tình hình của Nhà trường.

Từ nghiên cứu thực trạng, chúng tôi mạnh dạn đưa ra 06 nhiệm vụ và giải pháp vận dụng quan điểm, đường lối Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng vào công tác phát triển đảng viên đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số. Những nhiệm vụ và giải pháp mà chúng tôi đưa ra sẽ góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Trường Đại học Tây Bắc khóa XXIII vào công tác phát triển đảng viên đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng.
2. Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 30-5-1998 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác chính trị tư tưởng, củng cố tổ chức đảng, đoàn thể quần chúng và công tác phát triển đảng viên trong các trường học.
3. Chỉ thị số 51-CT/TW ngày 19/01/2000 của Bộ Chính trị về kết nạp đảng viên nhân dịp kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập Đảng và Chỉ thị số 44-CT/TW ngày 12-10-2004 của Ban Bí thư về “Kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh” nhân dịp kỷ niệm 115 năm Ngày sinh của Người.
4. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 10, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Nghị quyết số 01-NQ/ĐH Đại hội Đại biểu Đảng bộ Trường Đại học Tây Bắc lần thứ XXIII nhiệm kỳ 2020 - 2025.
6. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* tập 1,2, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.